TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL **VIETTEL CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness***
Số/No.: 10 /CBTT-VCC	*Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2025* *Hanoi, April 5, 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM	**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISION'S PORTAL AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange.*

- Tên tổ chức/*Organization name:* TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL/VIETTEL CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION
- Mã chứng khoán/*Securities Symbol*: CTR
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 1 Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội/ *No.1 Giang Van Minh street, Kim Ma ward, Ba Dinh district, Hanoi.*
- Điện thoại/ *Telephone*: 086.208.1111
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Ngọc Ánh

Chức vụ/ *Submitted by*: Người được ủy quyền công bố thông tin/ *Party authorized to disclose information*

Loại thông tin công bố: ☑ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Information disclosure type: ☑Periodic ☐Irregular ☐24 hours ☐On demand

Nội dung thông tin công bố/*Content of Information disclosure:*

- Báo cáo thường niên năm 2024/ *The 2024 Annual Report.*
- Báo cáo phát triển bền vững năm 2024/ *The 2024 Sustainable Development Report.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/04/2025 tại đường dẫn: https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien/.

This information was disclosed on company's website on April 5, 2025 Available at: https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien/.

Signature Not Verified
Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL
Ký ngày: 6/4/2025 14:09:55

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation./.

Nơi nhận/Recipient:
- Như trên/ As above;
- Lưu/Archived by: TKHĐQT. Anh03.

Tài liệu đính kèm/Attachment:
- Báo cáo thường niên 2024/ *2024 Annual Report;*
- Báo cáo phát triển bền vững năm 2024/ *The 2024 Sustainable Development Report.*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người ủy quyền công bố thông tin
Party authorized to disclose information

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Nguyễn Ngọc Ánh

TỔNG CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH VIETTEL

viettel construction

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024

NÂNG CAO TRẢI NGHIỆM
BỨT PHÁ TĂNG TRƯỞNG

1995 - 2025

viettel construction

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Tổng Công ty/VCC	▷ Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
ĐHĐCĐ	▷ Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	▷ Hội đồng quản trị
BKS	▷ Ban kiểm soát
BĐH	▷ Ban điều hành - Ban Tổng Giám đốc
TGĐ	▷ Tổng Giám đốc
PTGĐ	▷ Phó Tổng Giám đốc
CBNV	▷ Cán bộ, công nhân viên
CTV	▷ Cộng tác viên
SXKD	▷ Sản xuất kinh doanh
VHKT	▷ Vận hành khai thác
NLMT	▷ Năng lượng mặt trời
CNTT	▷ Công nghệ thông tin
NSLĐ	▷ Năng suất lao động
VTTB	▷ Vật tư thiết bị
QTRR	▷ Quản trị rủi ro
"Hay"	▷ Cơ chế trả lương do Hay Group – Tập đoàn tư vấn toàn cầu về lĩnh vực nhân sự tư vấn, xây dựng
TMForum	▷ Hiệp hội ngành công nghiệp toàn cầu cho các nhà cung cấp dịch vụ và nhà cung cấp của họ trong ngành viễn thông
B2B	▷ Business To Business - hình thức buôn bán, kinh doanh, giao dịch trực tiếp giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp.
B2C	▷ Business-to-consumer: kinh doanh với đối tượng khách hàng là người tiêu dùng cá nhân
BI	▷ Business Intelligence - trí tuệ doanh nghiệp - công nghệ giúp doanh nghiệp hiểu biết về quá khứ, qua đó đưa ra quyết định, hành động và dự đoán tương lai
EPC	▷ Engineering, Procurement and Construction: Thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình.
ROE	▷ Return On Equity: Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
EPS	▷ Earning Per Share: Lợi nhuận sau thuế của 1 cổ phiếu.
ESOP	▷ Employee Stock Ownership Plan: Cổ phiếu được phát hành theo chương trình lựa chọn cho Người lao động

MỤC LỤC

04 THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

05 THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

06 NHÌN LẠI NĂM 2024

06 I. CON SỐ ẤN TƯỢNG
08 II. SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2024
10 III. DANH HIỆU & GIẢI THƯỞNG NĂM 2024

11 PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

11 I. THÔNG TIN CƠ BẢN KHÁI QUÁT
12 II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
14 III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
15 IV. MÔ HÌNH/ CƠ CẤU TỔ CHỨC
16 V. CÔNG TY CON/ CÔNG TY LIÊN KẾT
17 VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
18 VII. QUẢN TRỊ RỦI RO

24 PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

25 I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD
26 II. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHUYỂN DỊCH THEO CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
1. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
2. CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ
3. CÁC CHUYỂN DỊCH CHIẾN LƯỢC CỦA ĐƠN VỊ THEO CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
28 III. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
1. DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH (BAN TGĐ VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG)
2. SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG
30 IV. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ
1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ
2. CÔNG TY CON VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG/TÀI CHÍNH
31 V. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
1. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU
32 VI. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
1. THÔNG TIN CƠ BẢN CỔ PHIẾU
2. DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CỦA CỔ PHIẾU
3. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
4. LỊCH SỬ TĂNG VỐN/ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU/ CHI TRẢ CỔ TỨC
5. LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC VÀ TĂNG VỐN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU
37 VII. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

38 PHẦN III: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

39 I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
40 II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
41 III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

48 PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY

49 I. ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY
53 II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
54 III. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2025

55 PHẦN V: QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

56 I. HĐQT VÀ CÁC TIỂU BAN
1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
4. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
5. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
63 II. BAN KIỂM SOÁT
1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT
2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO

71 PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024 - ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và toàn thể CBNV,

Khép lại một năm 2024 đầy khó khăn đến từ thiên tai với cơn bão Yagi mạnh nhất trong vòng 70 năm qua, đầy thách thức đến từ KPI và chỉ tiêu từ hợp đồng vận hành khai thác mới và từ những biến động chính trị trên thế giới và khu vực. Vượt qua tất cả, Viettel Construction đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra với tốc độ tăng trưởng doanh thu trên 10%. Bên cạnh việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh, Viettel Construction đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ trọng điểm của quốc gia, Tập đoàn giao: Xây dựng dự án truyền tải điện 500KV mạch 3; triển khai lắp đặt trạm BTS để khai trương mạng 5G Viettel; khôi phục hạ tầng mạng lưới sau bão... Tất cả kết quả đó là minh chứng cho sức mạnh và bản lĩnh của Người Viettel Construction.

Bước sang năm 2025, một năm đánh dấu chặng đường 30 năm hình thành và phát triển, Viettel Construction được ví như một chàng trai trẻ đầy nhiệt huyết, không ngừng nỗ lực vươn lên, trưởng thành và đạt được những thành tựu đáng tự hào. Nhưng có một điều không hề thay đổi, đó là sứ mệnh "Dựng xây cuộc sống mới" luôn cháy bỏng trong tim.

Cuộc sống mới chính là đích đến mà doanh nghiệp luôn hướng tới, không chỉ là những giá trị vật chất, mà còn là những trải nghiệm tích cực, truyền cảm hứng và góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Viettel Construction không chỉ kinh doanh vì lợi nhuận, mà còn vì sứ mệnh nâng tầm chất lượng cuộc sống, kiến tạo những giá trị bền vững cho thế hệ hiện tại và tương lai.

Chúng tôi sẽ không ngừng đổi mới tiên phong ứng dụng công nghệ hiện đại, Viettel Construction không chỉ kiến tạo nền tảng hạ tầng vững chắc mà còn đồng hành cùng sự phát triển bứt phá của dân tộc. Với khát vọng vươn xa, chúng tôi tiếp tục mở rộng, chinh phục những mục tiêu chiến lược, đóng góp cho một Việt Nam thịnh vượng, hiện đại và hội nhập toàn cầu.

Năm 2025 cũng là khởi đầu cho một giai đoạn chiến lược mới của Tổng Công ty, một giai đoạn vươn mình, bùng nổ và đầy vinh quang. Chúng tôi hy vọng sẽ được tiếp tục đồng hành cùng quý cổ đông, quý khách hàng, quý đối tác và toàn thể CBNV trên chặng đường sắp tới.

Trân trọng cảm ơn!

CHỦ TỊCH

Đỗ Mạnh Hùng

THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và Quý vị,

Chuyển đổi kép: "Chuyển đổi số và Chuyển đổi xanh trong doanh nghiệp với mục tiêu phát triển bền vững" đã và đang gõ cửa các quốc gia, doanh nghiệp trên thế giới. Đây được xem là bước chuyển lớn của nhân loại, một sứ mệnh toàn cầu, một mệnh lệnh đặt ra cho tất cả các quốc gia, doanh nghiệp vì một thế giới thịnh vượng và xanh hơn, mở ra cơ hội to lớn, tạo động lực mạnh mẽ cho cộng đồng doanh nghiệp Việt tiến hành chuyển đổi sang mô hình kinh doanh mang tính bền vững.

Để triển khai mục tiêu này, Việt Nam đang thực hiện nhiều chiến lược quan trọng như Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Đồng hành cùng Chính phủ, Viettel Construction đã và đang có những chuyển động mạnh mẽ trong chuyển đổi kép, thay đổi căn bản về tư duy và hành động, đưa ra chiến lược đúng đắn và nắm bắt những cơ hội tăng trưởng, tiếp tục phát huy thế mạnh kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật kết hợp ứng dụng khoa học công nghệ số nhằm nâng cao chất lượng sống người dân thông qua từng sản phẩm và dịch vụ.

Cụ thể trong năm 2024, Viettel Construction hoàn thành 100% kế hoạch năm với Doanh thu đạt 12.663 tỷ đồng, tăng 1.267,1 tỷ đồng so với năm 2023; Lợi nhuận trước thuế đạt 671,8 tỷ đồng, tăng 35,8 tỷ đồng so với năm 2023. Đặc biệt tại lĩnh vực kinh doanh "xanh" - Năng lượng mặt trời, chúng tôi đã ký kết và triển khai cho 2.877 khách hàng doanh nghiệp, hộ gia đình với tổng công suất 50 MWP ~ 508 tỷ đồng, chứng minh cho những nỗ lực chuyển đổi của Viettel Construction trong công cuộc thúc đẩy doanh nghiệp song hành với phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, Viettel Construction luôn nỗ lực trong việc đảm bảo công việc và thu nhập cho hơn 11.000 cán bộ nhân viên. Liên tục tuyển mới các nhân sự có trình độ cao gia nhập ngôi nhà chung Viettel Construction. Chúng tôi coi con người là yếu tố then chốt đồng thời là nguồn vốn quý giá nhất của doanh nghiệp. Việc này không đơn giản chỉ là chuyển từ nền kinh tế "màu nâu" sang "màu xanh", mà còn đòi hỏi sự đầu tư vào đào tạo nguồn nhân lực và nâng cấp vốn con người, bên cạnh việc duy trì nguồn vốn xã hội và tự nhiên.

Trong bối cảnh hiện tại, tư duy kinh doanh chỉ chú trọng đến lợi nhuận đã không còn phù hợp. Chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh và phát triển xanh là những yếu tố không thể tách rời trong quá trình phát triển. Viettel Construction xác định, doanh nghiệp bền vững phải kết hợp thành công về mặt tài chính với những đóng góp tích cực cho xã hội, như tạo ra công ăn việc làm, góp phần ổn định an sinh và bảo vệ môi trường.

Sau cùng, Viettel Construction tâm niệm việc đưa chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất đến gần hơn với người dân trên mọi miền Tổ quốc và các Quốc gia trên thế giới là trách nhiệm cao cả trong giai đoạn mới: Dựng xây một cuộc sống tốt đẹp cho từng hộ gia đình, mang những giải pháp tối ưu đến từng doanh nghiệp từ đó kiến tạo nên những giá trị thịnh vượng cho xã hội. Đây cũng là chiến lược kinh doanh dài hạn mà Viettel Construction theo đuổi nhằm hướng đến mục tiêu đạt 1 tỷ USD vào năm 2030 để tiến đến lộ trình hạnh phúc và vững mạnh trong tương lai.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Trường

NHÌN LẠI NĂM 2024

I- CON SỐ ẤN TƯỢNG

14.240
Tỷ đồng

- Vốn hóa cổ phiếu CTR tại ngày 31/12/2024.
- Trong năm 2024 vốn hóa/ thị giá cổ phiếu CTR tăng trưởng 36% so với mức tăng 12% của VNindex.

SỐ 1

- Khẳng định vị thế Towerco số 1 Việt Nam: Hạ tầng sở hữu: 10.000 trạm BTS; 1,87 triệu m^2 Das; 2.716 km truyền dẫn; 16,87 mwp điện mặt trời.
- Số 1 công ty cung cấp dịch vụ VHKT hạ tầng mạng lưới viễn thông.
- Số 1 công ty cung cấp dịch vụ HomeService.

TỔNG DOANH THU

12.663
Tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

538
Tỷ đồng

Tăng 2,6% so với cùng kỳ, hoàn thành 101% kế hoạch

ROE

ROE
27,9%

ROA

ROA
7,6%

EPS

EPS
4.705
đồng

TỔNG TÀI SẢN

7.106
Tỷ đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU

1.865
Tỷ đồng

II- SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2024

1 VIETTEL CONSTRUCTION TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI THI ĐUA QUYẾT THẮNG GIAI ĐOẠN 2019-2024

2 THAM GIA THI CÔNG GÓI THẦU THUỘC DỰ ÁN TRUYỀN TẢI ĐIỆN 500KV - DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM QUỐC GIA

3 CHUNG SỨC ĐỒNG LÒNG VƯỢT CƠN BÃO LỊCH SỬ - YAGI ĐỂ BẢO VỆ MẠNG LƯỚI

4 NGƯỜI LÍNH VIETTEL QUẢ CẢM:

- NGUYỄN ĐỨC TÀI - "TRÁI TIM DŨNG CẢM" WECHOICE AWARDS 2024
- NHÂN VIÊN KỸ THUẬT HOÀNG ĐỨC HIẾU KỊP THỜI CỨU NGƯỜI DÂN LẬT THUYỀN TRONG LŨ

5 KỸ THUẬT VIETTEL CONSTRUCTION THAM GIA TÌM KIẾM 2 PHI CÔNG GIỮA RỪNG SÂU

6 TRIỂN KHAI LẮP ĐẶT THIẾT BỊ 5G LÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐƯỢC TẬP ĐOÀN GIAO, TRONG ĐÓ VCC LÀ HẠT NHÂN NÒNG CỐT TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI

7 VIETTEL CONSTRUCTION ĐẠT 17 GIẢI THƯỞNG UY TÍN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

8 MỨC ĐỘ TRƯỞNG THÀNH SỐ ĐỨNG THỨ 3 TẬP ĐOÀN, DẪN ĐẦU VỀ LĨNH VỰC DỮ LIỆU

9 VIETTEL CONSTRUCTION CÓ ĐỘ PHỦ LỚN NHẤT THỊ TRƯỜNG XÂY DỰNG TẠI VIỆT NAM

10 KIỆN TOÀN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VIETTEL CONSTRUCTION

III- SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2024

DANH HIỆU

GIẢI THƯỞNG

GIẢI QUẢN TRỊ & CON NGƯỜI

- TOP 10 DOANH NGHIỆP QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT NHẤT (VLCA 2024)
- TOP 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ (CSI 100)
- Mid Cap có hoạt động IR được nhà đầu tư yêu thích nhất 2024" và "Mid Cap có hoạt động IR được định chế tài chính đánh giá cao nhất 2024"
- Wechoice Awards 2024 – Giải Trái tim dũng cảm
- Đứng thứ 76 trong Top 100 Nơi Làm Việc Tốt Nhất Việt Nam 2024 khối Doanh nghiệp lớn.

GIẢI CÁC LĨNH VỰC

- Hệ thống IOC – Giải pháp điều hành kinh doanh toàn trình xây dựng dân dụng (Intelligent Operation Center)
- Giải Thương hiệu Quốc gia 2024 - 2026: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời VIETTEL
- TOP10 Sản phẩm công nghệ số xuất sắc trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng
- Giải thưởng Make in Vietnam 2024
- TOP5 Nhà thầu uy tín, chất lượng hàng đầu Việt Nam 2024 – VietNam Construction Awards 2024
- Đứng thứ 1 trong ngành Xây dựng/ Kiến trúc khối Doanh nghiệp lớn
- Quán quân nhà phát triển hạ tầng và xây lắp điện
- Quán quân Top 10 Nhà thầu xây dựng Việt Nam, hạng mục Hạ tầng – Công nghiệp.
- Construction Company of the year - Bronze

GIẢI XẾP HẠNG DOANH NGHIỆP

- Viettel Construction được vinh danh trong Top 500 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2024 (Value500) và Top 10 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2024 trong các ngành kinh tế trọng điểm.
- Top 500 Công ty lớn nhất khu vực Đông Nam Á (Fortune 500)
- Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2024
- Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN CƠ BẢN KHÁI QUÁT

Tên đầy đủ: Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel

Tên viết tắt: Viettel Construction

Trụ sở chính: Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Số 06 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 6275 1783

Fax: (024) 6275 1783

Websit: https://viettelconstruction.com.vn/

Logo: viettel construction

Vốn điều lệ đăng ký: 1.143.858.790.000 đồng (Một nghìn, một trăm bốn mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm chin mươi nghìn đồng)

Vốn điều lệ thực góp: 1.143.858.790.000 đồng (Một nghìn, một trăm bốn mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm chin mươi nghìn đồng)

Giấy CNĐKDN: Giấy CNĐKDN số 0104753865 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09/06/2010, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 24/06/2024

Mã số thuế: 0104753865

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Đình Trường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 1995, là đơn vị hạch toán độc lập, một phần không thể thiếu trong hệ sinh thái Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. Sở hữu nguồn lực lên đến 11.000 người và mạng lưới hoạt động trải dài khắp 63 tỉnh thành trên cả nước, Viettel Construction là đơn vị cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật hàng đầu Việt Nam thông qua 5 trụ kinh doanh chiến lược chính: Đầu tư Hạ tầng, Xây dựng (bao gồm xây dựng hạ tầng viễn thông, xây dựng dân dụng B2C và B2B), Công nghệ thông tin, Giải pháp và Dịch vụ Kỹ thuật và Vận hành Khai thác.

Đến nay sau gần 30 năm hoạt động, Viettel Construction đã xây dựng hệ thống hạ tầng mạng lưới viễn thông trong nước với hơn 50.000 trạm phát sóng, 320.000 km cáp quang (tương đương 8 vòng trái đất), bao phủ 100% lãnh thổ Việt Nam bao gồm vùng biển hải đảo và vùng sâu vùng xa. Đồng thời còn là đơn vị tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông tại 10 quốc gia thuộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ.

1995 – 2003

- Thành lập Xí nghiệp khảo sát thiết kế và Xí nghiệp Xây lắp Công trình (tiền thân của Tổng Công ty CP Công trình Viettel) trực thuộc Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội.
- Xí nghiệp thi công móng cột và lắp dựng các cột anten trong nước, quốc tế có chất lượng cao như: cột anten 120 m Đài truyền hình Tuyên Quang, Cột anten 140 m Đài truyền hình Trung ương Lào, các cột anten cho Công ty Lào Telecom tại Viên Chăn.

2004 – 2009

- Xí nghiệp xây lắp Công trình đổi tên thành Công ty Công trình Viettel.
- Năm 2006, Quyết định chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập với tên giao dịch mới: Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Công trình Viettel.
- Tháng 12/2007, thực hiện triển khai thi công mạng lưới tại Vương quốc Campuchia.

2010 – 2017

- Năm 2010, Viettel Construction tập trung mạnh vào xây dựng hạ tầng mạng lưới 3G. Hạ tầng mạng 2G và 3G của Tập đoàn Viettel là mạng lớn nhất Việt Nam.
- Ngày 15/01/2010, Bộ trưởng Bộ quốc phòng quyết định về việc chuyển đổi Công ty TNHHNNMTV Công trình Viettel thành Công ty cổ phần Công trình Viettel.
- Trong năm 2011, Công trình Viettel tổ chức lực lượng triển khai thi công tại Haiti.
- Năm 2014, Thành lập 03 Công ty tại thị trường nước ngoài là Cameroon, Burundi và Tanzania.
- Năm 2015, Hoàn thiện thủ tục với Bộ Kế hoạch và đầu tư về cấp phép hoạt động tại 2 thị trường Lào và Myanmar.

2018 – 2020

- Trở thành nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật trên nền tảng số hàng đầu Việt Nam.
- Chính thức hoạt động trên 5 trụ kinh doanh chính: Đầu tư hạ tầng cho thuê, Xây dựng dân dụng, Công nghệ thông tin, Giải pháp Tích hợp và Vận hành Khai thác.
- Doanh thu năm 2020 đạt mốc 6.381 tỷ ~ 106% kế hoạch; Lợi nhuận đạt 274 tỷ ~ 136% kế hoạch.

2021 – 2025

- Trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.
- Năm 2024: Viettel Construction ghi nhận doanh thu 12.663 tỷ đồng. Giữ vững vị thế TowerCo số 1 Việt Nam.
- Mục tiêu doanh thu đến năm 2025 đạt 13.968 tỷ đồng.
- Trưởng thành số đạt mức 5/5 theo tiêu chuẩn TMForum vào năm 2025.

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	LĨNH VỰC	NHÓM SPDV	TÊN SPDV
1	**Vận hành khai thác**	Vận hành khai thác trong nước và nước ngoài	▸ Cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin trạm, tuyến cáp và hộp cáp CĐBR lớp mạng truy nhập; Quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng
2	**Xây lắp**	Xây lắp hạ tầng mạng viễn thông	▸ Dịch vụ xây dựng, lắp đặt, củng cố, bảo dưỡng hệ thống nhà trạm, cột anten, cột truyền hình, hệ thống tiếp địa thoát sét, hệ thống cáp quang...
3	**Xây lắp**	Xây dựng dân dụng B2B	▸ Xây dựng hạ tầng các dự án xây dựng (Nhà ở, khu nghỉ dưỡng, khu công nghiệp, nhà xưởng...); Hạ tầng công trình Thủy lợi, Giao thông; Cầu Cảng ...
4	**Xây lắp**	Xây dựng dân dụng B2C&SME	▸ Xây dựng các công trình nhà ở cá nhân, nhà xưởng, văn phòng làm việc, trường học....
5	**Hạ tầng cho thuê**	Trạm BTS	▸ Đầu tư Hạ tầng trạm BTS cho thuê, hệ thống nguồn cho trạm BTS cho thuê
6	**Hạ tầng cho thuê**	Hạ tầng IoT khu đô thị, khu công nghiệp, cảng biển	▸ Đầu tư xây dựng hạ tầng IoT khu đô thị, khu công nghiệp, cảng biển
7	**Hạ tầng cho thuê**	Năng lượng tái tạo	▸ Điện năng lượng mặt trời
8	**Hạ tầng cho thuê**	DAS và CĐBR	▸ DAS và CĐBR
9	**Hạ tầng cho thuê**	Cống bể cho thuê	▸ Cống bể cho thuê, cáp quang treo
10	**Giải pháp tích hợp**	Bán lẻ & Phân phối thiết bị hàng hóa	▸ Bán lẻ và phân phối các thiết bị hàng hóa (không bao gồm lắp đặt) của các lĩnh vực: Điện gia dụng, thiết bị smarthome, thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống năng lượng mặt trời do TCT OEM hoặc phân phối từ các nhãn hàng.
11	**Giải pháp tích hợp**	Giải pháp Cơ điện và Năng lượng	▸ Hệ thống điện nặng, điện nhẹ; Hệ thống chữa cháy; Hệ thống chiếu sáng, chiếu sáng khẩn cấp, đèn năng lượng mặt trời; Máy phát điện; Hệ thống camera; Hệ thống năng lượng mặt trời
12	**Dịch vụ kỹ thuật**	Dịch vụ bảo dưỡng, lắp đặt, sửa chữa các thiết bị gia đình (B2C)	▸ Dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa các thiết bị gia đình bao gồm: Điều hòa/ Máy giặt/ Máy lọc nước/ Bình nóng lạnh/ Năng lượng mặt trời/smarthome.
13	**Dịch vụ kỹ thuật**	Dịch vụ thi công lắp đặt hoặc dịch vụ vận hành bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống năng lượng tái tạo	▸ Dịch vụ thi công, lắp đặt mới hệ thống năng lượng mặt trời bao gồm: điện áp mái, điện farm. ▸ Dịch vụ vận hành bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa hệ thống năng lượng mặt trời bao gồm: điện áp mái, điện farm.

CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ TRÊN ĐƯỢC TỔNG CÔNG TY CUNG CẤP TẠI 63 TỈNH/TP TẠI VIỆT NAM.

IV. MÔ HÌNH/ CƠ CẤU TỔ CHỨC

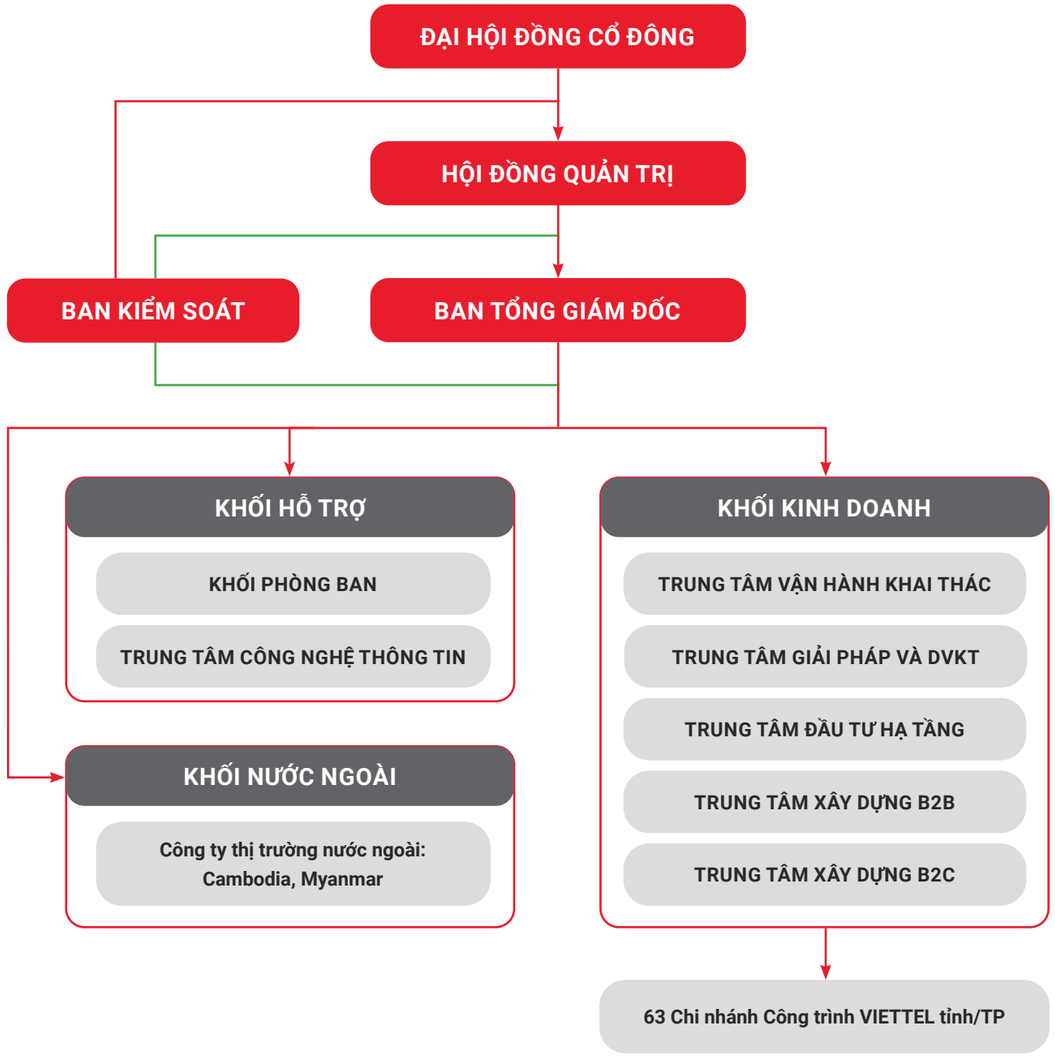

1. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

▸ **Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc**.

2. KHỐI HỖ TRỢ, NGHIỆP VỤ

▸ **Khối cơ quan** (gồm 11 phòng):

Phòng Chính trị; Phòng Tổ chức lao động; Văn phòng; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Mua sắm; Phòng Truyền thông đào tạo; Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ; Phòng Kỹ thuật công nghệ; Phòng Chiến lược Kinh doanh, Phòng Chăm sóc khách hàng, Phòng Kiểm toán nội bộ

▸ **Trung tâm Công nghệ thông tin.**

3. KHỐI KINH DOANH (05 TRUNG TÂM)

▸ **Lĩnh vực VHKT:** Trung tâm Vận hành khai thác.

▸ **Lĩnh vực giải pháp & dịch vụ kỹ thuật:** Trung tâm Giải pháp và Dịch vụ kỹ thuật.

▸ **Lĩnh vực xây lắp viễn thông, đầu tư hạ tầng:** Trung tâm Đầu tư hạ tầng.

▸ **Lĩnh vực xây dựng dân dụng:** Trung tâm Xây dựng B2B; Trung tâm Xây dựng B2C.

4. KHỐI TRỰC TIẾP SXKD

▸ 63 Chi nhánh Công trình Viettel tỉnh/TP.

▸ Công ty thị trường nước ngoài: 02 Công ty tại thị trường đang hoạt động: Myanmar, Cambodia.

V. CÔNG TY CON/ CÔNG TY LIÊN KẾT

VIETTEL CONSTRUCTION CAMBODIA CO., LTD

Địa chỉ: 22D, ChrokThmay, VeangVong, 7 Makara, Phnom Pênh, Campuchia

Lĩnh vực hoạt động: Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông

Vốn điều lệ: 10.000 USD

Tỷ lệ sở hữu: 100%

VIETTEL CONSTRUCTION MYANMAR CO.,LTD

Địa chỉ: Số 39, Đường Inya Myaing, Golden Vallay 1, Bahan, Yangon, Myanmar

Lĩnh vực hoạt động: Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông

Vốn điều lệ: 680.000 USD

Tỷ lệ sở hữu: 100%

VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN: Trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.

SỨ MỆNH: Thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 đến các doanh nghiệp, hộ gia đình. Cung cấp hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật các lĩnh vực Đầu tư hạ tầng, Xây dựng, Công nghệ thông tin, Giải pháp tích hợp, Dịch vụ kỹ thuật và Vận hành khai thác theo tiêu chí: chuyên nghiệp, chất lượng, chi phí cạnh tranh, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế và xã hội.

MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030:

Đến năm 2030, Tổng Công ty trở thành doanh nghiệp tỷ đô, quy mô doanh thu từ 25.000 - 30.000 tỷ, tăng trưởng trung bình trên 10-15%; Lợi nhuận lớn hơn 1.000 tỷ, tăng trưởng 5-10%/năm.

- **Mảng Vận hành khai thác:** số 1 về VHKT tại Việt Nam và mở rộng thị trường nước ngoài, ưu tiên thị trường Viettel đầu tư.
- **Đầu tư hạ tầng cho thuê:** Số 1 về TowerCo tại thị trường Việt Nam. Mở rộng đầu tư hạ tầng ngầm hóa, IOT, năng lượng tái tạo.
- **Xây dựng:** Top 3 doanh nghiệp xây dựng B2B và số 1 về B2C. Mở rộng hoạt động xây dựng tại nước ngoài.
- **Giải pháp và dịch vụ kỹ thuật:** Top 1 nhà cung cấp hệ thống năng lượng mặt trời cho khách hàng cá nhân. Top 3 nhà thầu triển khai M&E.

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2024, tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi bất ổn chính trị, thiên tai và biến đổi khí hậu trên toàn cầu. Đặc biệt, siêu bão số 3 Yagi, cơn bão mạnh nhất trong 30 năm qua, đã gây thiệt hại lớn về hạ tầng và tài sản, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của TCT. Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức, TCT đã linh hoạt thực hiện các giải pháp ứng phó rủi ro và duy trì hoạt động, đồng thời nhận diện những cơ hội phát sinh trong các lĩnh vực xây dựng, cải tạo, sửa chữa hạ tầng, và đạt mục tiêu mức độ trưởng thành 5 về Quản trị rủi ro (QTRR) trong năm 2024.

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

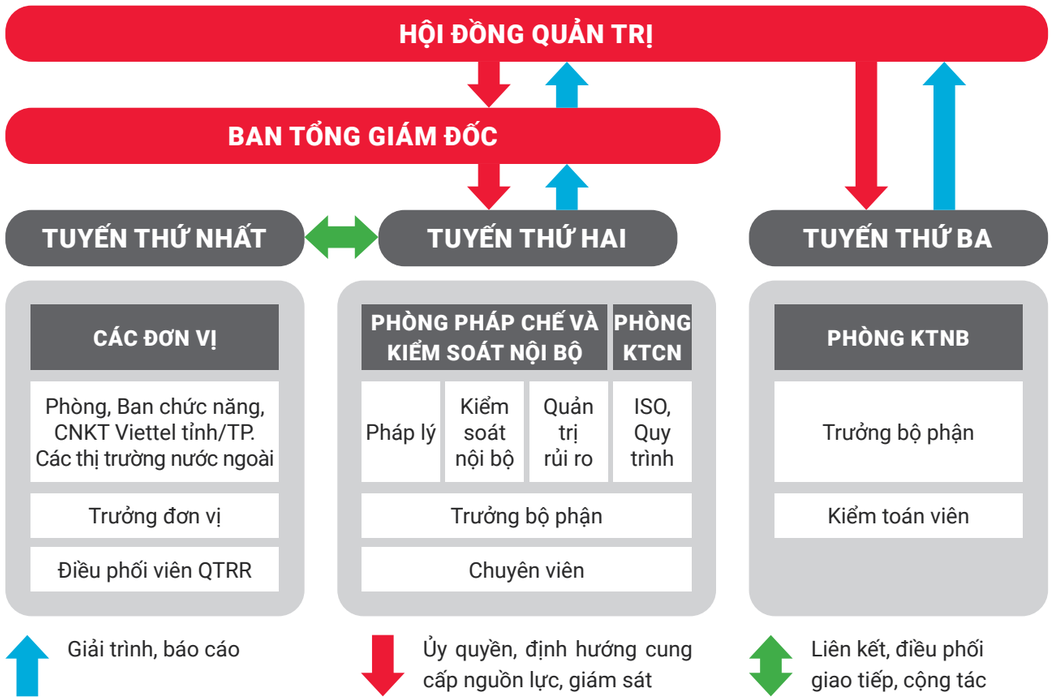

Hệ thống quản trị rủi ro tại VCC được xây dựng theo mô hình ba tuyến, đảm bảo tính chủ động và hiệu quả trong kiểm soát rủi ro. Trong đó:

- **TUYẾN SỐ 1:** chủ sở hữu rủi ro là các đơn vị trực thuộc VCC, bao gồm bộ phận kinh doanh, vận hành và hỗ trợ kinh doanh. Đây là những đơn vị tiếp nhận rủi ro trực tiếp từ hoạt động sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm quản lý rủi ro trong phạm vi chức năng của mình. Các đơn vị này có nhiệm vụ nhận diện, đánh giá, kiểm soát rủi ro thông qua việc áp dụng các biện pháp kiểm soát ngay trong các quy trình nghiệp vụ, nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được vận hành một cách an toàn, hiệu quả.
- **TUYẾN SỐ 2:** hỗ trợ và giám sát rủi ro. Chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống văn bản, chính sách, công cụ QTRR, đồng thời hướng dẫn và phối hợp với tuyến số 1 trong công tác kiểm soát rủi ro. Ngoài ra, tuyến số 2 cũng thực hiện chức năng giám sát và phản biện để đảm bảo rằng các rủi ro được nhận diện và kiểm soát kịp thời. Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện chức năng này tại VCC.
- **TUYẾN SỐ 3:** Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng đánh giá độc lập về mức độ hiệu quả của hệ thống quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ. Phòng kiểm toán nội bộ - trực thuộc Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra mức độ tuân thủ, đánh giá hiệu quả các biện pháp kiểm soát rủi ro và đề xuất các giải pháp cải thiện nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro của toàn TCT.

Việc triển khai mô hình 3 tuyến tại VCC giúp nâng cao tính chủ động trong quản trị rủi ro, tăng cường khả năng giám sát, kiểm soát rủi ro ở mọi cấp độ, đồng thời đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

2. CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ RỦI RO

Chính sách QTRR tại Tổng Công ty quy định các vấn đề cơ bản trong Quản trị rủi ro tại TCT. Chính sách QTRR là cơ sở pháp lý để Tổng Giám đốc và các đơn vị trực thuộc TCT thực hiện QTRR, được áp dụng thống nhất và gắn liền với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược của TCT.

Chính sách QTRR được đánh giá và cập nhật định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có sự thay đổi về môi trường kinh doanh, pháp lý, chiến lược kinh doanh hoặc các tác động khác có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

3. BÁO CÁO RỦI RO

Báo cáo QTRR được thực hiện hàng tháng nhằm tổng hợp, theo dõi và đánh giá tình hình quản trị rủi ro tại các đơn vị. Báo cáo này bao gồm việc ghi nhận các sự kiện tổn thất, phân tích các rủi ro trọng yếu hiện hữu cũng như nhận diện các rủi ro mới phát sinh trong toàn TCT. Để từ đó đưa ra những giải pháp ứng phó phù hợp, đồng thời xây dựng kế hoạch và phương án kiểm soát rủi ro hiệu quả cho kỳ tiếp theo. Báo cáo QTRR không chỉ giúp nâng cao năng lực QTRR của TCT mà còn góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra an toàn, bền vững và phù hợp với mục tiêu, chiến lược của TCT.

4. RỦI RO TRỌNG YẾU

RỦI RO TÀI CHÍNH

Là một trong những rủi ro mà TCT đối mặt, đặc biệt trong việc quản trị và thu hồi công nợ phải thu. Nguyên nhân là các chủ đầu tư mất cân đối về dòng tiền hoặc gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng. Để kiểm soát rủi ro này, VCC chủ động áp dụng quy trình đánh giá năng lực tài chính của khách hàng trước khi ký hợp đồng, rà soát kỹ các điều khoản thanh toán, quy định lãi suất phạt chậm trả, yêu cầu bảo lãnh ngân hàng và áp dụng cơ chế tạm ứng hợp lý. Trách nhiệm thu hồi công nợ được giao trực tiếp đến cá nhân trong đơn vị kết hợp với việc sử dụng phần mềm để theo dõi và phân tích công nợ tự động đảm bảo hiệu quả trong quản lý tài chính.

RỦI RO TUÂN THỦ

Là rủi ro hoạt động phát sinh từ các yếu tố liên quan đến con người, quy trình và hệ thống, có thể dẫn đến tổn thất tài chính cũng như ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ của TCT. Điều này có thể gây ra sự không hài lòng về phía khách hàng cũng như ảnh hưởng đến uy tín về mặt thương hiệu của TCT. Nhằm kiểm soát rủi ro tuân thủ, VCC đã xây dựng khung tuân thủ toàn diện, liên tục cập nhật theo sự thay đổi của pháp luật và các yêu cầu quản trị hiện đại. TCT cũng đẩy mạnh công tác đào tạo nhân sự về pháp lý và quy trình nội bộ, đồng thời thực hiện việc kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện sớm các hành vi vi phạm quy định để kịp thời xử lý.

RỦI RO DANH TIẾNG

Có thể xuất phát từ các phản hồi tiêu cực của khách hàng, báo chí hoặc các thông tin trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh và uy tín của VCC trên thị trường. Để chủ động kiểm soát rủi ro này, VCC đã nâng cấp hệ thống chăm sóc khách hàng, chuyển từ mô hình phản ứng bị động sang chủ động bằng cách ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI). Hệ thống này giúp tự động đo lường, phân tích dữ liệu khách hàng, dự báo xu hướng hành vi và tiếp cận phản hồi nhanh chóng nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, VCC tích cực triển khai các hoạt động truyền thông, tổ chức hội thảo và công bố thông tin kịp thời cho khách hàng, đối tác, cổ đông và các cơ quan quản lý, củng cố niềm tin vào thương hiệu của TCT.

RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Một thách thức lớn đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận hành khai thác và xây dựng với quy mô lớn trên toàn quốc. Việc tuyển dụng và giữ chân đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển bền vững của TCT. Nhằm giảm thiểu rủi ro thiếu hụt nhân sự, TCT đã triển khai kế hoạch "Trải nghiệm nhân viên xuất sắc", tập trung vào việc xây dựng môi trường chuyên nghiệp, tạo động lực phát triển cho đội ngũ cán bộ công nhân viên. TCT thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao trình độ và có lộ trình quy hoạch nhân sự kế cận, tạo điều kiện cho đội ngũ trẻ có cơ hội phát triển và đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng trong tương lai.

RỦI RO VỀ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả kinh doanh của TCT, đặc biệt trong các dự án đầu tư hạ tầng trạm viễn thông BTS, hệ thống năng lượng mặt trời, tiến độ thi công các công trình xây dựng B2C và B2B. Các vấn đề liên quan đến mặt bằng thi công, đấu thầu, tổ chức thi công và công tác nghiệm thu có thể phát sinh gây chậm trễ tiến độ. Nhận thức rõ những rủi ro tiềm tàng này, TCT đã thực hiện chuẩn hóa toàn bộ quy trình triển khai, tích hợp công nghệ số vào công tác kiểm soát tiến độ và chất lượng công trình. Ngoài ra, TCT duy trì quy trình sàng lọc, đánh giá và quy hoạch các đối tác tư vấn, thi công, cung cấp thiết bị theo tiêu chuẩn đánh giá nghiêm ngặt, đảm bảo lựa chọn được các nhà thầu và đơn vị cung cấp uy tín, có năng lực đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng dự án.

5. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2024

VỀ CON NGƯỜI

Văn hoá quản trị rủi ro là một trong sáu văn hoá của Tổng Công ty. Hàng quý, các Trung tâm kinh doanh đã lồng ghép nội dung đào tạo QTRR vào các bài giảng nghiệp vụ cho nhân sự trực tiếp SXKD, bảo đảm quản trị rủi ro trở thành trách nhiệm và ý thức tự giác, thường nhật của mọi người, trở thành văn hoá ứng xử của Tổng Công ty. Thông qua các bài thi QTRR hàng tháng cho 100% CBNV, 04 chuyên đề đào tạo pháp lý và 51 bài học rủi ro trên trang thông tin nội bộ Người đồng hành, Tổng Công ty đã nâng cao những hiểu biết, kiến thức và nhận thức chung về những khái niệm về các nguy cơ, rủi ro cũng như cách phòng ngừa và kiểm soát chúng.

Đồng thời, 12 bản tin pháp luật cùng 12 bài viết cập nhật các quy định pháp lý mới được đăng tải trên trang Người đồng hành nhằm trang bị cho CBNV kiến thức thiết yếu, giảm thiểu rủi ro pháp lý và hỗ trợ công tác tuân thủ trong mọi hoạt động kinh doanh của TCT.

Trong năm 2024, Cộng đồng QTRR đã tổ chức sinh hoạt 65 hội thảo sinh hoạt cộng đồng tại 3 cấp, nhận diện được những rủi ro và chia sẻ phương pháp mà đơn vị đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro.

VỀ QUY TRÌNH

Khung tiêu chí đo lường mức độ trưởng thành (MĐTT) hệ thống QTRR cấp TCT, TTKD và CNCT được rà soát, hàng năm nhằm tạo hiệu ứng liên kết giữa các cấu phần của tổ chức, ưu tiên ứng dụng công nghệ và hướng tới việc đạt được mục tiêu chung của tổ chức. Kế hoạch tác nghiệp hoàn thiện hệ thống QTRR cấp TCT được triển khai đúng tiến độ nhằm hoàn thiện hệ thống QTRR từ cấp TCT đến cấp đơn vị, đảm bảo mục tiêu đề ra.

QTRR đã tích hợp vào mọi hoạt động SXKD, từ xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, phương án kinh doanh, dự án đầu tư đến các thay đổi mang tính trọng yếu trong tổ chức như thay đổi mô hình tổ chức, mô hình kinh doanh, xây dựng và cải tiến quy trình kinh doanh. TCT đã lan tỏa Văn hóa QTRR đến 202 đối tác tại 63 chi nhánh công trình và TTKD.

VỀ CÔNG CỤ

Trong năm 2024, TCT đã ứng dụng các công cụ AI, Machine Learning phục vụ công tác phân tích phục vụ công tác QTRR hiệu quả, xây dựng báo cáo BI biểu diễn và phân tích xu hướng, cảnh báo rủi ro đến từng lĩnh vực kinh doanh cho 63 CNCT, xây dựng thư viện rủi ro cho từng lĩnh vực, phát triển tính năng công cụ cảnh báo sớm và đưa vào ứng dụng thư viện các lỗi thường gặp trên Vsmart để hỗ trợ CBNV tra cứu phục vụ công việc.

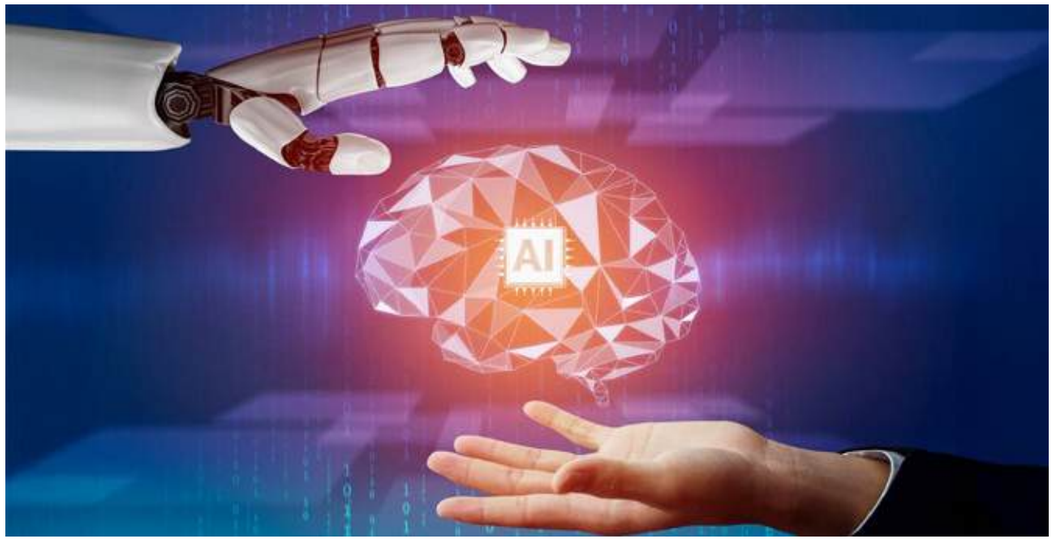

VỀ QUẢN TRỊ

Công tác KSNB theo định hướng rủi ro: KSNB đã kiểm tra, giám sát 34 chuyên đề tập trung vào các rủi ro xếp hạng cao, bám sát hoạt động SXKD của TCT (dự án trọng điểm SPDV chiến lược, Quản trị dữ liệu khách hàng, Tài sản, Kho, Quản lý dòng tiền hợp đồng, Công nợ...), nhận diện vấn đề và đưa ra khắc phục.

Cơ chế khen thưởng gắn với trách nhiệm QTRR giúp nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi CBNV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, duy trì nề nếp, kỷ luật và tăng cường hiệu suất lao động tại TCT. 99 CBNV đã được khen thưởng vì có những sáng kiến QTRR, đóng vai trò tích cực trong lan tỏa văn hóa QTRR.

6. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2025

- Văn hóa QTRR theo hướng chủ động tích cực và lan tỏa văn hóa QTRR tới đối tác của TCT.
- Triển khai kế hoạch tác nghiệp đảm bảo hệ thống QTRR năm 2025 theo hướng chủ động và tích cực.
- Nâng cấp phần mềm đảm bảo liên kết dữ liệu với các phần mềm nghiệp vụ, phục vụ cho việc lưu trữ thông tin, phục vụ phân tích và cảnh báo rủi ro.
- Xây dựng công cụ SMART trên phần mềm KSNB để kiểm soát các hành động ứng phó rủi ro đang vượt ngưỡng cảnh báo.
- Hậu kiểm 100% đơn vị có mức độ rủi ro cao để nhận diện vấn đề mang tính hệ thống, đưa ra giải pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả hoặc động viên kịp thời các cá nhân/đơn vị làm tốt công tác QTRR.
- Gắn đánh giá hiệu quả QTRR với cơ chế lương thưởng.

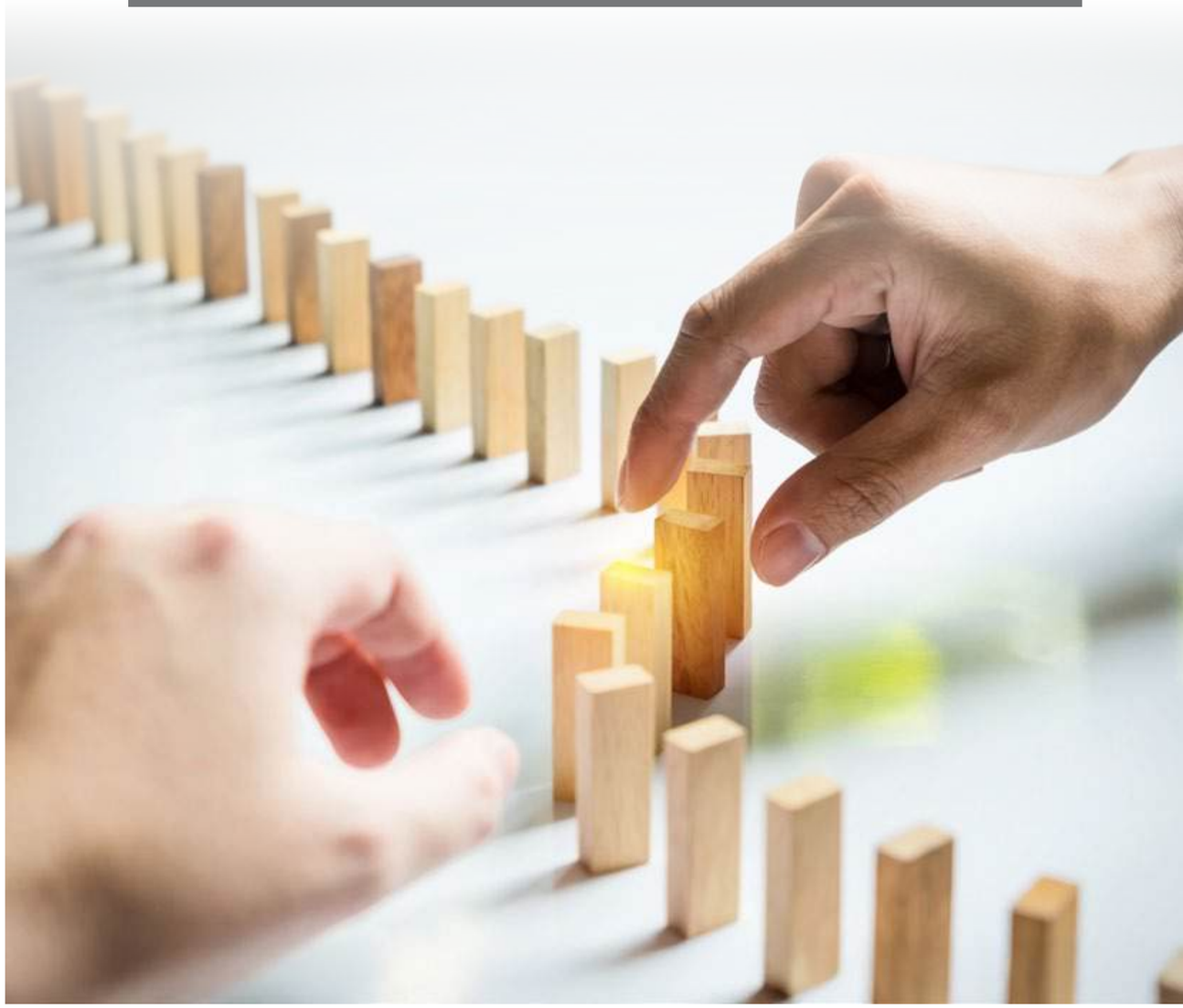

PHẦN II:
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

Chỉ tiêu hợp nhất

TT	TÊN CHỈ TIÊU	TH 2023	TH 2024			So với 2023	
			KH	TH	%KH	Δ	% Δ
I	Chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	11.470	12.653	12.663	100%	1.192	10,4%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	10.815	11.982	11.991	100%	1.176	10,9%
3	LNTT (tỷ đồng)	656	671,4	672	100%	16	2,5%
4	LNST (tỷ đồng)	525	531,7	38	101%	14	2,6%
II	Chỉ tiêu hiệu quả						
5	ROA (%)	8,0%	6,80%	7,6%	112%	-0,4%	-5,0%
6	ROE (%)	28,9%	24,70%	27,9%	113%	-1,0%	-3,5%

(Số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024)

Chỉ tiêu Công ty mẹ

TT	TÊN CHỈ TIÊU	TH 2023	TH 2024			So với 2023	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
I	Chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	9.919	11.262	10.139	90%	219	2%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	9.286	10.624	9.479	89%	193	2,1%
3	LNTT (tỷ đồng)	633	638	660	103%	26	4,2%
4	LNST (tỷ đồng)	509	509,2	532	104%	22	4,4%
II	Chỉ tiêu hiệu quả						
5	ROA (%)	8,4%	7,00%	8,1%	115%	-0,3%	-4,0%
6	ROE (%)	29,1%	24,70%	28,8%	116%	-0,4%	-1,3%

II. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHUYỂN DỊCH THEO CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

1. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

▷ DOANH THU

Tổng doanh thu: Đạt 12.663 tỷ hoàn thành 100% kế hoạch năm, tăng trưởng 10,4% so với thực hiện (TH) năm 2023 (Δ = 1.192 tỷ).

▷ LỢI NHUẬN

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 672 tỷ hoàn thành 100% KH năm 2024, tăng 2,5% so với thực hiện năm 2023.

2. CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ

▷ ROA

Đạt 7,6% hoàn thành 112%KH, giảm 5% so với thực hiện năm 2023 (ROA TB ngành bán lẻ: 2,7%, ngành xây dựng ~ 1,1%).

▷ ROE

Đạt 27,9% hoàn thành 113%KH, giảm 3,5% so với thực hiện năm 2023 (ROE TB ngành bán lẻ: 6,6%, ngành xây dựng ~ 3,8%).

3. CÁC CHUYỂN DỊCH CHIẾN LƯỢC CỦA ĐƠN VỊ THEO CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

Chuyển dịch từ nhà thầu dịch vụ, thương mại thành công ty sở hữu tài sản, hạ tầng cho thuê:

Năm 2024, VCC đã triển khai hoàn thành đồng bộ 4.000 trạm ~ 100% kế hoạch năm, giữ vững vị trí số 1 về TowerCo tại Việt Nam. Lũy kế đến hết năm 2024 VCC sở hữu 10.000 trạm BTS (OCK đứng thứ 2 với ~ 3.800 trạm); 2,45 triệu m2 DAS, 2.716 km truyền dẫn, 16,87 Mw năng lượng mặt trời. Tỷ lệ dùng chung đạt 1.034, tương đương với thực hiện năm 2023; Lũy kế đến hết năm 2024 ký được 336 hợp đồng với khách hàng thứ 2, thứ 3.

Chuyển dịch từ xây dựng, vận hành hạ tầng viễn thông sang hệ sinh thái khép kín từ Thiết kế – Triển khai – Vận hành – Tối ưu hạ tầng kết nối thông minh:

- Dự án xây dựng: cung cấp sản phẩm dịch vụ xây dựng dân dụng, thi công các hạng mục cơ điện, cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cơ điện cho công trình, cung cấp dịch vụ vận hành hệ thống cơ điện thường xuyên cho khách hàng.
- Công trình nhà dân: cung cấp sản phẩm chìa khóa trao tay từ tư vấn, thiết kế công trình, thiết kế nội thất, triển khai thi công, hoàn thiện công trình, cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cơ điện, giải pháp thông minh cho hộ gia đình và dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị điện gia đình. Trong năm 2024 VCC đã thi công 1.268 căn nhà trọn gói cho khách hàng có hợp đồng turnkey, số lượng nhà ở cá nhân đã phủ 99% số lượng quận/huyện và phủ 31% số lượng xã/phường.
- Hạ tầng cho thuê: VCC thiết kế, xây dựng nhà trạm BTS, cột anten, triển khai đầu tư cho thuê hạ tầng viễn thông và cung cấp nguồn cho trạm, cung cấp dịch vụ vận hành nhà trạm, cột BTS cho khách hàng.
- Công trình năng lượng mặt trời: VCC cung cấp pin mặt trời, dịch vụ lắp đặt (bao gồm thiết kế, dự toán), bảo dưỡng hệ thống pin năng lượng mặt trời cho khách hàng B2B, B2C. Trong năm 2024 VCC đã triển khai cung cấp và lắp đặt 21Mwp EPC và vận hành 152 Mwp.

Vận hành tổ chức theo định hướng chuyển dịch số:

- Quản lý chất lượng dữ liệu và ra quyết định dựa trên dữ liệu: Mức độ trưởng thành quản lý dữ liệu đạt 3/5 top 1 khối độc lập do Tập đoàn đánh giá, mức độ trưởng thành lĩnh vực dữ liệu đạt 3,94, tăng 4,3% so năm 2023 với nhiều tiêu chí thách thức; Hoạt động triển khai các bài toán phân tích dữ liệu hỗ trợ điều hành ra quyết định dựa trên dữ liệu tăng 121% so với thực hiện năm 2023 (tính theo số phiếu yêu cầu). 100% nhân sự phân tích dữ liệu, khoa học dữ liệu sở hữu các chứng chỉ ngành trong nước và quốc tế.
- Số hóa và tự động hóa quy trình: Quy trình của VCC luôn được cải tiến để thích ứng linh hoạt với nhu cầu của hệ thống và phù hợp với từng giai đoạn phát triển của TCT, Các bộ KPI quản trị được số hóa lên phần mềm quản trị (BI) để theo dõi và điều hành. Tỷ lệ số hóa quy trình đạt 98%, tăng 7% so với năm 2023 và tự động hóa đạt 52% các quy trình trọng yếu. Ứng dụng công nghệ RPA vào các hoạt động quản trị, SXKD của Tổng Công ty. Xây dựng gần 290 usecase áp dụng cho toàn bộ công tác quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hoạt động sáng tạo của VCC có sự mở rộng và tăng trưởng so với năm 2023 với 100% các đơn vị tham gia. Tổng số lượng SKYT ghi nhận trên phần mềm lên đến 2.599 SKYT (tính đến hết tháng 10/2024), đạt 118% kế hoạch và tăng trưởng 15% so với cùng kỳ năm 2023. Các chính sách về SKYT được thay đổi để thúc đẩy CBNV đổi mới sáng tạo và lan tỏa hoạt động.

Mở rộng kinh doanh các lĩnh vực Năng lượng, cơ điện

Doanh thu năm 2024 từ Năng lượng cơ điện đạt 1.149 tỷ vượt mục tiêu 1.118 tỷ theo chiến lược, tăng trưởng 10% so năm 2023.

NĂNG LƯỢNG: VCC vừa là nhà thầu cung cấp Pin năng lượng mặt trời và thi công các dự án Pin Năng lượng mặt trời cho các khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, vừa là nhà đầu tư các hệ thống Năng lượng mặt trời để bán điện cho các đơn vị, cá nhân có nhu cầu sử dụng năng lượng điện tái tạo.

- ***Triển khai dự án:*** trong năm 2024 nhờ có chính sách của Chính phủ, nhu cầu năng lượng mặt trời tăng cao hơn 3 năm gần đây tuy nhiên chưa đột phá như cao điểm năm 2020. Tổng sản lượng năm 2024 ước đạt 42,84 Mwp (trong đó B2C: 21,35 Mwp, B2B: 21,5 Mwp), doanh thu dự kiến đạt 418 tỷ ~ 190%KH, tăng trưởng 315% (delta 318 tỷ) so với thực hiện năm 2023.
- ***Đầu tư dự án:*** tháng 10/2024 Chính phủ mới ban hành Nghị định 80 liên quan đến việc đấu nối và giá bán điện (chưa có hướng dẫn cụ thể từ EVN) do đó VCC chưa triển khai dự án nào mới trong năm 2024. VCC đang khởi động lại công tác tiếp xúc khách hàng tiềm năng có nhu cầu mua điện năng lượng mặt trời. Năm 2024 doanh thu từ bán điện của VCC chỉ đến từ các dự án cũ, đạt 42 tỷ ~ 66%KH năm, tăng 8% so thực hiện năm 2023.

CƠ ĐIỆN: Doanh thu về cơ điện đạt 731 tỷ ~ 68%KH, giảm 22,6% (delta -213 tỷ) so với thực hiện năm 2023. Nguyên nhân: chưa đạt các mục tiêu nội bộ về phát triển kênh bán xã hội hóa, kênh bán online; Các hạng mục cơ điện chiếm 30-40% tổng vốn các dự án bất động sản, trong khi đó năm 2024 thị trường bất động sản vẫn ảm đạm, đến cuối năm mới có dấu hiệu phục hồi.

III. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH (BAN TGĐ VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG)

THÀNH VIÊN	CHỨC DANH	TÓM TẮT LÝ LỊCH	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN/ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN	NẮM GIỮ CHỨNG KHOÁN KHÁC DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH
PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	Trước khi về VCC ông đã trải qua nhiều vị trí lãnh đạo trong các đơn vị của Viettel: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel; Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Viettel Ngày 07/04/2017, HĐQT bổ nhiệm Ông giữ chức Phó Giám đốc Công ty. 18/10/2018, ông được HĐQT bầu làm Tổng Giám đốc Công ty. 26/01/2019, ĐHĐCĐ bầu ông vào HĐQT Tổng Công ty	20.332 cp ~ 0,018%.	Không có.
ĐÀO THU HIỀN	Phó Tổng Giám đốc	Trước khi bổ nhiệm PTGĐ bà làm GĐ trung tâm kinh doanh của VCC Ngày 22/03/2017, HĐQT bổ nhiệm Bà giữ chức Phó Giám đốc Công ty.	64.291 cp ~ 0,056%.	Không có.
NGUYỄN HUY DŨNG	Phó Tổng Giám đốc	Trước khi bổ nhiệm PTGĐ ông làm Ngày 27/02/2020, HĐQT bổ nhiệm Ông giữ chức Phó Giám đốc Công ty	32.216 cp ~ 0,028%.	Không có.
TRẦN THÚC LINH	Phó Tổng Giám đốc	Trước khi bổ nhiệm PTGĐ ông làm GĐ trung tâm VHKT Ngày 18/12/2024, HĐQT bổ nhiệm Ông giữ chức Phó Giám đốc Công ty	19.339 cp ~ 0,017%	Không có.
ĐẶNG VĂN CHUNG	Phó Tổng Giám đốc	Trước khi bổ nhiệm PTGĐ ông làm GĐ trung tâm Xây dựng B2B Ngày 18/12/2024, HĐQT bổ nhiệm Ông giữ chức Phó Giám đốc Công ty	3.015 cp ~ 0.003%	Không có.
PHẠM TUẤN	Kế toán trưởng	Trước khi về VCC ông làm Phó phòng tài chính Tổng Công ty Viễn thông Viettel. Ngày 15/5/2024, HĐQT bổ nhiệm giữ chức KTT	400 cp ~ 0.00%	Không có.

Thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2024:

- Ngày 18/12/2024: HĐQT quyết định miễn nhiệm chức danh PTGĐ với Ông Nguyễn Thái Hưng (Chuyển công tác đơn vị mới trong Viettel) và Bổ nhiệm chức danh PTGĐ TCT với ông Trần Thúc Linh (GĐ trung tâm VHKT) và Đặng Văn Chung (GĐ trung tâm xây dựng B2B).
- Ngày 15/5/2024: HĐQT quyết định miễn nhiệm chức danh KTT với ông Bùi Duy Bảo (Chuyển công tác đơn vị mới trong Viettel) và bổ nhiệm chức danh KTT với ông Phạm Tuấn.

2. SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động cuối kỳ ngày 31/12/2024: 10.581 người

Chính sách liên quan đến người lao động

Tại VCC, chúng tôi luôn nhận thức con người là nguồn vốn quan trọng của doanh nghiệp ("Human Capital"). VCC đảm bảo cho gần 11.000 người lao động các chính sách:

- Tổng Công ty luôn đảm bảo NLĐ được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và chế độ phúc lợi như: BHXH bắt buộc, nghỉ hằng năm, nghỉ theo chế độ BHXH, tham gia các loại hình bảo hiểm sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ và sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp.
- Cùng với các chính sách lương, thưởng, và các chế độ phúc lợi theo quy định Pháp luật (bảo hiểm xã hội/y tế/thất nghiệp...), Tổng Công ty còn xây dựng các chế độ phúc lợi khác biệt với mục đích chăm sóc toàn diện người lao động và người thân: Hằng năm đều có chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBNV đã ký hợp đồng lao động chính thức mỗi năm một lần tại các bệnh viện uy tín với chi phí do Tổng Công ty chi trả. Người thân của SQ, QNCN, CNVQP cũng được Tổng Công ty tham gia BHYT đầy đủ. Đối với CBNV thử việc chưa thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc cũng được Tổng Công ty tham gia bảo hiểm tai nạn 24/24.
- Hàng năm vào các dịp Lễ, Tết VCC luôn có những món quà bằng tiền và hiện vật để trao tặng cho người lao động: Quà ngày lễ 30/4 và 1/5; Quà ngày lễ 2/9; Quà ngày lễ 22/12 và tết dương lịch; Quà ngày tết; Quà ngày thành lập Tập đoàn 1/6; Quà ngày thành lập TCT 30/10 ...
- Người lao động cũng được hưởng chế độ nghỉ mát trong 3 ngày/ năm với chi phí được doanh nghiệp chi trả là 6 triệu đồng/người.
- VCC tạo ra môi trường làm việc an toàn, môi trường học tập chủ động và cơ hội thăng tiến với toàn bộ người lao động.
- Ngoài các chế độ phúc lợi nêu trên, Viettel Construction luôn quan tâm, hỗ trợ kịp thời cho CBNV có hoàn cảnh khó khăn, bị ảnh hưởng bởi thiên tai, địch họa. Cụ thể: Trong năm 2024, Viettel Construction đã gây dựng Quỹ Người Công trình lên đến 2.858.713.000 đồng; Xây dựng 14 ngôi nhà đoàn kết với tổng chi phí 1.260.000.000 đồng; Hỗ trợ 272.000.000 đồng cho CBNV mắc bệnh hiểm nghèo và 3.050.870.918 đồng cho CBNV cùng thân nhân bị thiệt hại bởi bão lũ.

IV. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Trong năm, TCT thực hiện giải ngân các dự án đầu tư, mua sắm TSCĐ đạt 800,8 tỷ đồng. Một số dự án lớn đang triển khai:

Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục đích xây dựng	Nguồn vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Khối lượng đã thực hiện (Tỷ đồng)
Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023 (i)	63 tỉnh/ thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (2.000 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 2/2023 đến hết năm 2025	536,3	440,3
Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024 (ii)	63 tỉnh/ thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (5.000 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 1/2024 đến hết năm 2026	1.460	468,2

2. CÔNG TY CON VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG/TÀI CHÍNH

(Nghìn USD)

TT	Tên công ty con, công ty liên kết	Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư		Vốn chủ sở hữu của công ty con	Doanh thu 2024	LNST 2024
			Giá trị	Tỷ lệ			
I	**Công ty con**						
1	Viettel Construction Cambodia	Xây lắp viễn thông và vận hành hạ tầng viễn thông tại thị trường Cambodia	10	100%	986	23.140	1.226
2	Viettel Construction Myanmar	Xây lắp viễn thông và vận hành hạ tầng viễn thông tại thị trường Myanmar	150	100,0%	1.572	79.506	18

V. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2023	TH NĂM 2024	% TĂNG/GIẢM
1	**Tổng tài sản**	Tỷ đồng	6.991	7.106	2%
2	**Doanh thu thuần**	Tỷ đồng	11.370	12.610	11%
3	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**	Tỷ đồng	658	674	3%
4	**Lợi nhuận khác**	Tỷ đồng	- 2,1	- 2,5	18%
5	**Lợi nhuận trước thuế**	Tỷ đồng	656	672	2%
6	**Lợi nhuận sau thuế**	Tỷ đồng	525	538	3%
7	**Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức**	%	59,31%	53,1%	-10%

Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng dương.

2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

TT	CHỈ TIÊU (HỢP NHẤT)	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2023	TH NĂM 2024	TĂNG/GIẢM
1	**Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán**				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,24	1,17	- 0,07
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,06	1,03	- 0,03
2	**Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn**				
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,71	0,74	0,02
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,50	2,81	0,31
	- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	Lần	0,29	0,26	- 0,02
3	**Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động**				
	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	13,01	16,75	3,73
	- Vòng quay các khoản phải thu	Lần	6,13	6,35	0,22
	- Vòng quay các khoản phải trả	Lần	2,22	2,29	0,07
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,63	1,77	0,15
4	**Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời**				
	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,6%	4,3%	- 0,00
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	26,3%	28,9%	0,03
	- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,5%	7,6%	0,00

VI. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. THÔNG TIN CƠ BẢN CỔ PHIẾU

- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
- Mã Chứng khoán CTR
- Sàn giao dịch: HOSE
- Ngày giao dịch đầu tiên trên UPCOM: 31/10/2017
- Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu niêm yết trên HOSE: 23/02/2022
- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 114.385.879 cổ phiếu
- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 1.143.619.604 cổ phiếu
- Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 84.056 cổ phiếu trong đó:

Hạn chế theo quy chế ESOP phát hành 2020 để chờ thu hồi do CBNV nghỉ việc: 84.056 cổ phiếu.

2. DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CỦA CỔ PHIẾU

Năm 2024, cổ phiếu CTR đã tăng giá 36% so với đầu năm, tốt hơn nhiều so với mức tăng 12% của VNINDEX (Giá đóng cửa ngày 29/12/2023: 91.800 đồng/Cp; Giá đóng cửa ngày 31/12/2024: 124.500 đồng/Cp). Thanh khoản trung bình khoảng 520.000 cp/phiên tăng 108% so với mức trung bình 250.000 cp/phiên năm 2023.

3. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/09/2024:

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO ĐỐI TƯỢNG

PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ
1. TRONG NƯỚC	7.975	97%	103.308.169	90%
a. Cá nhân	7.929	96%	22.213.106	19%
b. Tổ chức	46	1%	81.095.063	71%
2. NƯỚC NGOÀI	255	3%	11.077.710	10%
a. Cá nhân	186	2%	647.896	1%
b. Tổ chức	69	1%	10.429.814	9%
Tổng Cộng	**8.230**	**100%**	**114.385.879**	**100%**

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LỚN TRÊN 5%; CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC

TT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	GHI CHÚ
I	**Cổ đông nhà nước**	0	0%	Không có
II	**Cổ đông lớn**			
1	**Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội**	75.107.745	65,66%	
2	**Nhóm Cổ đông khác nắm trên 5%**	0	0	

CƠ CẤU THEO LOẠI CỔ PHIẾU

TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	**Cổ phiếu phổ thông**	114.385.879	100%	
2	**Cổ phiếu quỹ**	0	0%	Trong năm không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.
3	**Cổ phiếu đang lưu hành**	114.385.879	100%	

4. LỊCH SỬ TĂNG VỐN/ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

THỜI ĐIỂM	MỨC VỐN ĐIỀU LỆ PHÁT HÀNH THÊM (TRIỆU ĐỒNG)	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI PHÁT HÀNH (ĐỒNG)	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	CƠ QUAN CHẤP THUẬN
Năm 2010	-	238.000.000.000	Vốn điều lệ tại thời điểm thực hiện cổ phần hóa (Theo GCN ĐKKD ngày 09/06/2010)	▸ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/06/2010.
Lần 1 Tháng 04/2015	35.695.650.000	273.695.650.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:15	▸ ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 322/NQ-CTR-ĐHCĐ ngày 26/04/2014; ▸ UBCKNN theo Công văn số 1235/UBCK-QLPH ngày 20/03/2015; ▸ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 03 ngày 27/07/2015.
Lần 2 Tháng 09/2015	32.835.250.000	306.530.900.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:12	▸ ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 347/NQ-CTR-ĐHCĐ ngày 25/04/2015; ▸ UBCKNN theo Công văn số 5655/UBCK-QLPH tháng 04/2015; ▸ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 04 ngày 04/02/2016.
Lần 3 Tháng 04/2016	75.979.940.000	382.510.840.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 112:30	▸ ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 347/NQ-CTR-ĐHCĐ ngày 25/04/2015; ▸ UBCKNN theo GCN đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 01/GCN-UBCK ngày 13/01/2016; ▸ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 05 ngày 28/07/2016.
Lần 4 Tháng 10/2016	45.889.500.000	428.400.340.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:12	▸ ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 435/NQ-CTR-ĐHCĐ ngày 26/04/2016; ▸ UBCKNN theo Công văn số 6483/UBCK-QLCB ngày 26/09/2016; ▸ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 06 ngày 14/11/2016.
Lần 5 Tháng 06/2017	42.833.070.000	471.233.410.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:1	▸ ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/NQ-CT-ĐHCĐ ngày 22/04/2017; ▸ UBCKNN theo Công văn số 2828/UBCK-QLCB ngày 22/05/2017; ▸ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 07 ngày 18/08/2017.
Lần 6 Tháng 11/2018	47.117.020.000	518.350.430.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:1	▸ ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1192/NQ-CT-ĐHCĐ ngày 19/06/2018; ▸ UBCKNN theo Công văn số 7322/UBCK-QLCB ngày 29/10/2018; ▸ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 11 ngày 17/01/2019.
Lần 7 Tháng 09/2019	88.624.660.000	606.975.090.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:17,1	▸ ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/NQ-CT-ĐHCĐ ngày 23/04/2019; ▸ UBCKNN theo Công văn số 4781/UBCK-QLCB ngày 08/08/2019; ▸ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 12 ngày 18/10/2019.
Lần 8 Tháng 08/2020	97.106.160.000	704.081.250.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:16	▸ ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020; ▸ UBCKNN theo Công văn số 4567/UBCK-QLCB ngày 23/07/2020; ▸ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 13 ngày 29/09/2020.
Lần 9 Tháng 11/2020	13.737.030.000	717.818.280.000	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên (ESOP) năm 2020	▸ ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020; ▸ UBCKNN theo Công văn số 6395/UBCK-QLCB ngày 26/10/2020; ▸ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 14 ngày 15/12/2020.
Lần 10 Tháng 06/2021	211.420.450.000	929.238.730.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:22,676 Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 100:6,782	▸ ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021; ▸ UBCKNN theo Công văn số 2753/UBCK-QLCB ngày 10/06/2021; ▸ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 16 ngày 02/08/2021.
Lần 11 Tháng 5/2022	214.620.060.000	1.143.858.790.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:23,1	▸ ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2022; ▸ UBCKNN theo Công văn số 4265/UBCK-QLCB ngày 06/07/2022; ▸ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 17 ngày 10/08/2022.

5. LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC VÀ TĂNG VỐN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

CỔ TỨC

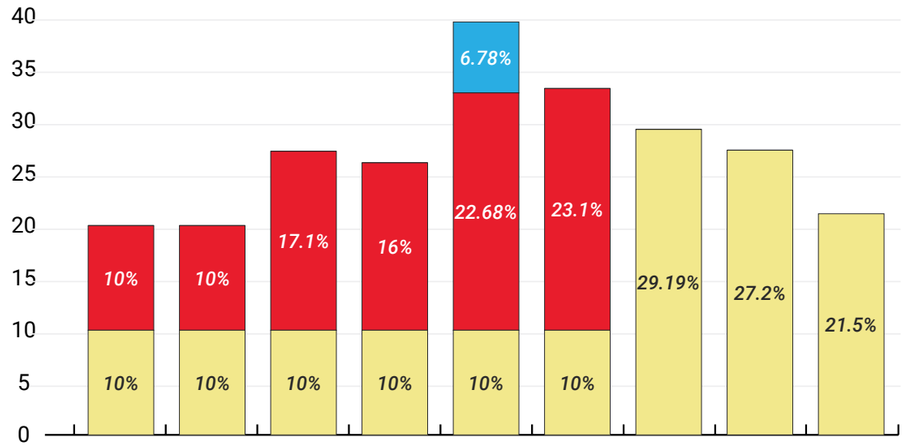

	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	DK 2024
Tăng vốn từ VCSH	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	6.78%	0.00%	00.00%	00.00%	00.00%
Bằng cổ phiếu	10.00%	10.00%	17.10%	16.00%	22.68%	23.10%	00.00%	00.00%	00.00%
Bằng tiền	10.00%	10.00%	10.00%	10.00%	10.00%	10.00%	29.19%	27.2%	21.5%

VII. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Thông tin theo báo cáo phát triển bền vững.

PHẦN III:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. KẾT QUẢ KINH DOANH

▷ TỔNG DOANH THU

Đạt 12.663 tỷ ~ 100% kế hoạch (KH) năm (12.653 tỷ), tăng trưởng 11% so với thực hiện (TH) năm 2023 (Δ = 1.264 tỷ).

▷ CHUYỂN DỊCH DOANH THU TRONG/NGOÀI TẬP ĐOÀN

Doanh thu với các đối tác ngoài Viettel đạt 7.984 tỷ đồng Chiếm tỷ lệ 37%/tổng doanh thu Tổng Công ty.

▷ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Đạt 671,9 tỷ/671,4 tỷ ~ 100% KH năm 2024, tăng 4,2% so với thực hiện năm 2023.

2. NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU

Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mục tiêu năm 2024 và tăng trưởng 2 con số, duy trì thu nhập người lao động đều đặn trong bối cảnh ngành nghề cốt lõi VHKT suy giảm, thị trường không thuận lợi cho việc phát triển các ngành nghề mới (XDDD, GP&DVKT).

Giữ vị trí số 1 thị trường TowerCo tại Việt Nam với lũy kế đến hết năm 2024 đạt 10k trạm.

Tham gia triển khai dự án năng lượng trọng điểm quốc gia 500KV mạch 3 kéo dài với tiến độ gấp rút theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Là đơn vị nòng cốt trong quá trình triển khai lắp đặt trạm 5G của Viettel, thi công tại 55 tỉnh, 4.118/6.010 trạm tương đương 70% tổng khối lượng trạm toàn mạng.

Hoạt động chuyển đổi số sôi động, đến hết năm đạt mức chuyển đổi số 3.85/5 trong đó các lĩnh vực công nghệ, vận hành, khách hàng, chiến lược, văn hóa, dữ liệu đạt từ 3.5-4/5 điểm, tăng từ 2,1%-5,4%.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng Công ty duy trì cơ cấu nguồn vốn, tài sản hợp lý. Tài sản sinh lời tốt ROA ~ 7,6% cao hơn mức ngành.

CƠ CẤU TÀI SẢN DOANH NGHIỆP:

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% Tăng/Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
TÀI SẢN NGẮN HẠN	5.689	81%	5.421	76%	-5%
Tiền mặt & khoản tiền gửi	1.819	26%	1.740	24%	-4%
Khoản phải thu	2.999	43%	2.937	41%	-2%
Hàng tồn kho	790	11%	610	9%	-23%
TÀI SẢN DÀI HẠN	1.302	19%	1.685	24%	29%
TỔNG TÀI SẢN	6.991	100%	7.106	100%	

ĐẾN 31/12/2024 CÔNG TY ĐÁNH GIÁ LẠI CÔNG NỢ VÀ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG SAU:

Đối tượng	Dư nợ 31/12/2024	Giá trị trích lập dự phòng
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**108.098.515.720**	**90.761.088.734**
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	20.664.108.829	20.664.108.829
Công ty Cổ phần Siêu Chung Kỳ	5.073.917.227	5.073.917.227
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	32.422.041.661	22.695.429.163
Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	16.858.310.422	11.800.817.295
Công ty Cổ phần IDC Đông Dương	6.235.952.975	6.235.952.975
Các khách hàng khác	16.440.992.078	13.887.670.717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	**1.388.288**	**1.388.288**
Các nhà cung cấp khác	1.388.288	1.388.288
3. Tổng Cộng	**108.099.904.008**	**90.762.477.022**

So với đầu năm giá trị trích lập dự phòng nợ phải thu đã giảm 11,7 tỷ đồng đến từ kết quả tích cực đôn đốc thu hồi công nợ.

2. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ: TỔNG CÔNG TY KHÔNG CÓ NỢ QUÁ HẠN

III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

1. CON NGƯỜI

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: tỷ lệ nhân sự CNTT sở hữu các chứng chỉ ngành đạt 80% ~ 66/82 nhân sự; số lượng nhân sự chất lượng cao có chứng chỉ hành nghề/ chứng chỉ quốc tế (682 chứng chỉ tăng 18,6% so với 2023).
- Triển khai xây dựng trải nghiệm nhân viên xuất sắc tại TCT với tầm nhìn "Dựng xây cuộc sống mới"; Triển khai ứng dụng khung năng lực và lộ trình thăng tiến cho 100% vị trí chức danh; đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo quản trị hiện đại cho 100 đ/c GĐ TTKD, TP Khối CQ, GĐ CNCT.

2. QUY TRÌNH

- Cải tiến liên tục để thích ứng linh hoạt với nhu cầu của hệ thống và từng giai đoạn phát triển của TCT; Tiến đến level 5 - level tự tiến hóa, từng bước trong quy trình tự động điều chỉnh thông qua công cụ AI, BI, Cloud.
- Mức độ trưởng thành hệ thống khung quy trình và quy trình của TCT đạt 4.5/5.
- Tỷ lệ số hóa quy trình năm 2024 đạt 98%, tăng 7% so với năm 2023 (Top 1 Tập đoàn); tỷ lệ tự động hóa đạt 54% các quy trình trọng yếu (Top 2 Tập đoàn); 83% ~140/168 hoạt động đã được xây dựng quy trình theo khung quy trình; bổ sung ma trận rủi ro vào 100% quy trình hiện có.

3. CÔNG NGHỆ

- Cải thiện đáng kể hàm lượng công nghệ trong hoạt động SXKD.
- Mức độ trưởng thành chuyển đổi số của VCC đạt 3.92, Top 3 Tập đoàn, tăng trưởng 6.8% so với năm 2023.
- Hoàn thành nghiên cứu 4 sản phẩm công nghệ mới (giải pháp phủ sóng 5G cho các tòa nhà, nhà máy; Đánh giá tình trạng sử dụng và hiệu quả đầu tư ắc quy Lithium-ion 50Ah trên mạng lưới trạm BTS HTCT; giải pháp công nghệ pin nhiên liệu Methanol; Ứng dụng truyền tải điện không dây vào SmartHome); Thực hiện thử nghiệm 2 sản phẩm (hệ thống chuyển đổi NLMT cho trạm BTS HTCT; giải pháp lọc tổng cho vùng nước cứng đặc thù); Đã có sản phẩm công nghệ đưa vào kinh doanh (lõi lọc nước AIO).

4. QUẢN TRỊ

- Phát triển bền vững: Mô hình quản trị tiếp cận theo chuẩn quốc tế và theo định hướng thị trường được xuất phát từ Chiến lược TCT, kết hợp các hoạt động quản trị Nhân sự và quản trị Doanh nghiệp.
- Thượng tôn pháp luật: Ban hành Khung tuân thủ các quy định Pháp luật; hệ thống QTRR đã gắn liền với mọi hoạt động SXKD tại tất cả các cấp và được triển khai tích cực, chủ động, mức độ trưởng thành hoạt động QTRR đạt 5/5, Các rủi ro đã được cảnh báo tự động, được tích hợp vào phần mềm kinh doanh IOC, AIO.
- Kế toán quản trị: Triển khai mô hình hạch toán 3 cấp, dữ liệu được tổ chức xuyên suốt từ TCT - TTKD - CNCT.
- Cơ chế lương thưởng gắn liền với kết quả SXKD và năng suất lao động đích danh đến từng vị trí nhằm thúc đẩy và tạo động lực tăng NSLĐ.

5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

5.1. DỰ BÁO VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Năm 2025, Chính phủ đạt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 8% phấn đấu để xếp hạng 31-33 thế giới về quy mô GDP.

Các văn bản pháp luật về thúc đẩy năng lượng tái tạo đã được ban hành năm 2024 và nhiều văn bản đang đang xem xét sửa đổi và ban hành với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế như: Luật điện lực kỳ vọng sẽ mở ra hướng đi mới cho hạ tầng truyền tải và năng lượng tái tạo, thúc đẩy đầu tư hạ tầng truyền tải điện và đầu tư hệ thống năng lượng tái tạo; Luật Đầu tư công với mục tiêu giảm thủ tục hành chính, loại cơ chế "xin-cho"; Nghị quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tại các dự án bất động sản để phát triển dài hạn thị trường.....

Động lực tăng trưởng năm 2025 được dự báo sẽ đến từ đầu tư công do chi tiêu của Chính phủ năm 2024 thấp hơn kế hoạch, còn dư địa tăng trưởng cho năm 2025; Các luật Đất đai, luật Nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản có hiệu lực từ năm 2024 đi vào cuộc sống, kỳ vọng sẽ tác động tích cực, sàng lọc Chủ đầu tư, khơi thông dòng vốn, gỡ bỏ các rào cản, tạo động lực thúc đẩy sự phục hồi và phát triển của thị trường bất động sản.

Theo viện nghiên cứu quản lý kinh tế TƯ, thu hút FDI tiếp tục khả quan, là trụ cột tăng trưởng trong năm 2025, dòng chảy FDI đổ về Asean vẫn là điểm sáng, kết quả năm 2024, vốn FDI thực hiện đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so năm 2023 là mức giải ngân cao nhất từ trước tới nay.

Tháng 2/2025, Quốc hội đã thông qua kế hoạch cải tổ hành chính quy mô lớn từ cấp Trung Ương đến địa phương với mục tiêu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và đầu tư, thu hút đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên trong ngắn hạn, việc thực hiện kế hoạch cải tổ này có thể gây ra gián đoạn trong hoạt động kinh tế và việc giải ngân vốn đầu tư công gây khó khăn đến các doanh nghiệp nói chung và VCC nói riêng trong việc kinh doanh các lĩnh vực xây dựng dân dụng, giải pháp và dịch vụ kỹ thuật.

5.2. CHỦ TRƯƠNG, ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2025

Với phương châm hành động năm 2025 "Nâng cao trải nghiệm, bứt phá tăng trưởng" BĐH định hướng kinh doanh theo từng lĩnh vực như sau:

Vận hành khai thác:

- VHKT trong Tập đoàn: Đảm bảo cam kết KPIs với CĐT.
- VHKT ngoài Tập đoàn: Xúc tiến, mở rộng VHKT thành công tối thiểu từ 3 đến 5 doanh nghiệp ngoài Tập đoàn.

Xây dựng dân dụng:

- B2B: Đẩy mạnh tham gia các dự án nguồn vốn đầu tư công, nguồn vốn FDI bên cạnh các dự án bất động sản truyền thống, đặc biệt tập trung vào 27 tỉnh trọng điểm. Triển khai mô hình góp vốn kinh doanh bất động sản khi đủ điều kiện pháp lý; Mở rộng kinh doanh ra thị trường nước ngoài.
- B2C: Hoàn thành mục tiêu 5 căn nhà/tỉnh/tháng. Phát triển hệ sinh thái xây dựng dân dụng gắn liền với thiết kế "smart", nội thất và thiết bị gia dụng.
- Giải pháp và dịch vụ kỹ thuật: nâng cao năng lực đấu thầu và triển khai các dự án cơ điện giá trị lớn. Tập trung lực lượng chiếm lĩnh thị trường năng lượng mặt trời trên 63 tỉnh/TP.
- Đầu tư hạ tầng: Đầu tư xây dựng mới 2.000 trạm BTS. Triển khai đầu tư hệ thống cáp quang tuyến đường cao tốc Bắc Nam và các tuyến ngầm hóa kết nối từ đường cao tốc vào tổng trạm. Bám nắm chính sách của Nhà nước để triển khai đầu tư các tuyến ngầm kiên cố tại các tỉnh/TP lớn.

5.3. CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu hợp nhất

TT	TÊN CHỈ TIÊU	TH 2024	KH 2025	So với 2024	
				Δ	%Δ
I	**Chỉ tiêu tài chính**				
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	12.663	13.968	1.305	10,3%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	11.991	13.247	1.256	10,5%
3	LNTT (tỷ đồng)	671,9	721,4	49	7,4%
4	LNST (tỷ đồng)	538,1	562,7	25	4,6%
II	**Chỉ tiêu hiệu quả**				
1	Ebitda (tỷ đồng)	1051,6	1163,9	112	10,7%
2	Dòng tiền ròng (tỷ đồng)	857,0	967,3	110	12,9%
3	ROA (%)	7,6%	7,2%	-0,5%	-5,9%
4	ROE (%)	27,9%	24,7%	-3,2%	-11,5%

Chỉ tiêu công ty mẹ

TT	CHỈ TIÊU CÔNG TY MẸ	TH 2024	KH 2025	So với 2024	
				Δ	%Δ
I	**Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)**				
1	Tổng doanh thu	10.139	12.361	2.222	21,92%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	9.479	11.687	2.208	23,29%
3	LNTT (tỷ đồng)	659,8	674,0	14	2,16%
4	LNST	531,5	526,6	- 5	-0,93%
II	**Chỉ tiêu hiệu quả (%)**				
1	ROA	8,1%	7,3%	-0,8%	-10,22%
2	ROE	28,8%	24,8%	-4,0%	-13,83%

5.4. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

- **Thực hiện chiến lược Go Global:** Ký hợp đồng kinh tế với 2-3 đối tác nước ngoài.
- **Vận hành khai thác:** Đảm bảo chất lượng mạng theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- **Mở rộng hoạt động kinh doanh ngoài TĐ**, doanh thu đạt 6.359, tăng trưởng 26,6% so năm 2024.
- **Giữ vững thị phần Towerco số 1 Việt Nam**, tìm kiếm mặt bằng và triển khai thi công ĐBHT 2.000 vị trí mới.
- **Nâng cao điểm trưởng thành số** theo khung TMForum đạt mức ~ [4.0-4.5]/5.

5.5. CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

Vận hành khai thác

- **Nâng cao chất lượng nguồn lực VHKT:** Chuẩn hóa bộ khung kiến thức nền tảng cho lực lượng tuyến đầu; Sát hạch hàng quý các nhân sự yếu/kém để thay thế và thải loại; Xây dựng công cụ cảnh báo tự động về việc thiếu hụt nhân sự.
- **Đảm bảo chất lượng trạm đạt chuẩn:** Kiểm soát nghiệm thu trạm phát sóng mới; Kiểm soát việc tác động vào hạ tầng mạng lưới; Duy trì chất lượng trạm đạt chuẩn.
- **Nâng cao chất lượng mạng truyền dẫn:** Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu mạng truyền; Chủ động củng cố hạ tầng tuyến cáp.
- **Nâng cao chất lượng dịch vụ cố định băng rộng:** thực hiện chương trình củng cố chủ động điểm xung yếu truyền dẫn; Đào tạo kỹ năng tiếp xúc khách hàng cho FT để nâng cao trải nghiệm; Đảm bảo hàng hóa vật tư; công cụ dụng cụ; Chủ động đầu tư nguồn lực.
- **Xúc tiến khách hàng Ngoài Tập đoàn:** Tiếp xúc các khách hàng CMC Telecom; Bộ Công An, HBO, Đồn Biên Phòng, các đơn vị sở hữu trạm xã hội hóa… hợp tác triển khai VHKT~ 9.500km cáp quang, 400 trạm đồn biên phòng, 1.500 trạm xã hội hóa; Làm việc với các ngân hàng và các nhà cung cấp trạm ATM, xúc tiến tìm cơ hội hợp tác cung cấp dịch vụ bảo trì, xử lý sự cố máy ATM cho các ngân hàng (mục tiêu tối thiểu 200 máy).

Đầu tư hạ tầng cho thuê

- **Towerco:** Tìm kiếm mặt bằng và triển khai 2.000 vị trí trạm BTS mới; Xúc tiến ký hợp đồng tối thiểu 300 trạm cho khách hàng ngoài TĐ, nâng tỷ lệ dùng chung lên 1,045.
- **Cáp quang:** Bám nắm, phối hợp Cục đường bộ, Cục đường cao tốc và các BQLDA, BOT xin chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công hoàn thành lũy kế 15 tuyến ~ 910km cáp ngầm dọc cao tốc Bắc Nam; Tìm kiếm khách hàng đưa vào kinh doanh 11 tuyến ~ 580 km trong năm 2025
- **Năng lượng tái tạo:** Tiếp tục bám nắm kế hoạch, chính sách của Nhà nước để xúc tiến đầu tư ngay khi đủ điều kiện đảm bảo hiệu quả dự án; Tìm kiếm khách hàng có nhu cầu NLMT tại các tỉnh KV2, KV3.
- **Nghiên cứu thị trường trạm sạc:** đánh giá hiệu quả phương án đầu tư trạm sạc tại các điểm dừng cao tốc, nếu khả thi sẽ triển khai đầu tư.
- **Đảm bảo các chương trình trọng điểm với Tổng Công ty Mạng lưới Viettel:** Quy hoạch lực lượng triển khai đáp ứng tiến độ, chất lượng các chương trình BTS xây mới, kiên cố, GPON, ngầm hóa và các giải pháp nâng cao chất lượng mạng lưới.

Giải pháp và dịch vụ kỹ thuật

- **Năng lượng:**
  - **B2B:** Tiếp cận các quỹ đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời từ khâu tiếp xúc tìm mái để xúc tiến EPC, vận hành cho quỹ.
  - **B2C:** Triển khai chương trình phát triển NLMT mục tiêu mỗi Trung tâm quận huyện (TTQH) phát triển 3 hệ (5kw)/tháng. Tổng Công ty tìm kiếm nguồn hàng đảm bảo tính cạnh tranh, xây dựng chính sách thúc đẩy bán hàng; Tổ chức đào tạo bán hàng từng nhóm; Khối trung tâm tổ chức làm cùng, hỗ trợ đối với các hệ đầu tiên của TTQH.
- **Cơ điện:**
  - **B2B:** Tập trung tìm kiếm, tiếp xúc 6 nhóm khách hàng: tổng thầu cơ điện, doanh nghiệp bất động sản, đơn vị tư vấn thiết kế, đơn vị hành chính sự nghiệp cung cấp các sản phẩm: hệ thống điều hòa, thông gió; phòng cháy chữa cháy, điện chiếu sáng/động lực, thang máy, điện nhẹ... Đi cùng Trung tâm Xây dựng B2C, B2B để cung cấp hệ sinh thái sản phẩm cho các dự án bất động sản, dự án nguồn vốn đầu tư công, FDI; Tiếp cận làm thầu phụ hoặc liên doanh để lấy năng lực, triển khai công trình điểm tại địa bàn các tỉnh;
  - **B2C:** Triển khai chương trình phát triển thang máy hộ gia đình; Chương trình phát triển thuê bao lọc nước.

Xây dựng

- **Triển khai chương trình đầu tư công, dự án bất động sản:** Xây dựng tập khách hàng B2B trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các đơn vị có dự án đầu tư công và dự án bất động sản lớn, tạo tên tuổi tại địa phương để lan tỏa uy tín, thương hiệu, nâng cao cơ hội tìm kiếm dự án.
- **Tổ chức bộ máy tham gia tìm kiếm, tiếp xúc, triển khai các dự án FDI;** Nghiên cứu những tiêu chí cần đáp ứng để có thể cạnh tranh với các tổng thầu nước ngoài (kinh nghiệm, tài chính, máy móc thiết bị, nhân sự). Xây dựng quy trình từ tìm kiếm thông tin dự án, đánh giá dự án (mức độ hiệu quả của dự án, khả năng cạnh tranh), tham gia đấu thầu, triển khai dự án đến thanh quyết toán, bảo hành dự án…)
- **Triển khai chương trình 5 căn nhà ở cá nhân/tỉnh/tháng:** Thực hiện chiến dịch marketing "Xây nhà muôn nơi" "xây nhà trọn tâm" phát triển thương hiệu AIOHOMES trên đa kênh; Phát triển kênh xã hội hóa đảm bảo tối thiểu 2 cộng tác viên/xã phường tìm kiếm khách hàng có nhu cầu xây nhà ở cá nhân và lan tỏa thương hiệu; Quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, sàng lọc hàng quý đảm bảo số lượng và chất lượng đội thi công, nhà cung cấp tại địa phương; Đảm bảo công cụ dụng cụ thi công, giám sát việc thực hiện quy trình và giám sát chất lượng công trình bằng công nghệ và kiểm tra thực tế, mục tiêu 100% công trình đạt yêu cầu chất lượng theo hợp đồng với khách hàng.
- **Go Global:** Bám nắm các dự án tại đã theo năm 2024 để triển khai theo tiến độ; Tiếp tục tìm kiếm các dự án qua các kênh trung gian (Trang alibaba.com; mua dữ liệu khách hàng…), các tổ chức, hiệp hội trong ngành. Mục tiêu hướng đến ký hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng cho các dự án xây dựng tại thị trường Australia, NewZealand, Đông Nam Á); Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, đào tạo nhân sự để đảm bảo cho các dự án dự kiến sẽ triển khai trong năm 2025 và các năm tới.

5.6. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: KHÔNG CÓ. BCKT CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

5.7. ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

VCC nhận thức bảo vệ môi trường là một trong các yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp phát triển bền vững. VCC áp dụng ISO 14001:2015 và ISO 14064-1:2018 vào việc xác định các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, giám sát và kiểm kê khí nhà kính. Các hoạt động tại VCC:

- Thu gom rác thải tại nguồn.
- Lựa chọn đối tác vận chuyển rác thải/chất thải có đầy đủ năng lực.
- Xây dựng chỉ thị sử dụng tiết kiệm điện, nước.
- Bảo dưỡng xe theo định kỳ.
- Xây dựng tiêu chí để thuê thiết bị/máy móc thi công.
- Đo quan trắc môi trường làm việc làm việc.
- Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị, máy móc có độ ồn cao tại các khu vực đông dân cư.
- Phun nước giữ ẩm tại công trường.
- Che chắn khu vực thi công.
- Áp dụng ISO 45001 trong việc đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp (xây dựng các phương án ứng phó tình huống cháy nổ, điện giật, tràn đổ hóa chất), tổ chức diễn tập hàng năm.

Kết quả liên quan đến môi trường trong năm 2024:

- Không phát sinh sự cố tràn đổ hóa chất tại công trường.
- 100% phương tiện vận chuyển được bảo dưỡng định kỳ.
- Không phát sinh các vụ cháy nổ, tai nạn lao động do điện giật, sử dụng gas.
- Toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động văn phòng và thi công dự án đều được thu gom vào thùng chuyên dụng có nắp đậy và sẽ được tập kết đến kho chứa của tòa nhà hoặc khu chứa của Chủ đầu tư xây dựng.
- Toàn bộ chất thải nguy hại đều có thùng chứa chất thải nguy hại như bóng đèn, mực in, vỏ can sơn... được thu gom vào thùng chứa riêng biệt có biển báo và nhận dạng trước khi tập kết đến kho chứa của Tòa nhà, chủ đầu tư.
- Toàn bộ nước thải sinh hoạt tại công trường được đảm bảo nghiêm túc thu gom theo các mương chảy về tập trung tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải của Chủ đầu tư.
- VCC áp dụng giải pháp tái sử dụng giấy in 1 mặt để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

VCC nhận thức con người phù hợp được xem là nguồn vốn quan trọng của doanh nghiệp, "con người" là nhân tố đầu tiên trong 4 nhân tố quyết định giải pháp cho các vấn đề kinh doanh tại VCC (con người – quy trình – công nghệ – quản trị). Vì vậy, mọi chính sách của VCC đều được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ các tác động đến người lao động, đảm bảo quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho người lao động; xây dựng và duy trì môi trường làm việc nơi mà mọi CBNV cảm thấy hạnh phúc, được tôn trọng, được phát huy hết khả năng của mình để đóng góp vào sự phát triển chung. Năm 2024, VCC tiếp tục duy trì thành tích top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, và đứng đầu trong ngành Xây dựng/Kiến trúc theo khảo sát do Công ty tư vấn Anphabe tổ chức.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

VCC luôn nhận thức được trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với quyền và lợi ích của bản thân. Các hoạt động xã hội luôn được Chúng tôi chú trọng: Tài trợ người nghèo, đối tượng chính sách, hội bảo trợ trẻ mồ côi, hội người khuyết tật, hội chữ thập đỏ, hội cựu chiến binh, tài trợ cho các trường học, bệnh viện ... Năm 2024, VCC đã thực hiện một số chương trình với mức đóng góp:

- 1,408 tỷ đồng hỗ trợ đoàn viên công đoàn tuyến đầu mùa nắng nóng.
- 8 tỷ đồng hỗ trợ chương trình xây ngôi nhà đoàn kết lũy kế từ năm 2020 - nay: 89 công đoàn viên.
- 500 triệu đồng tỷ đồng hỗ trợ gia đình chính sách, có công với cách mạng ~ 625 người.
- 2.5 tỷ đồng đóng góp Quỹ "Vì người nghèo".
- 3 tỷ đồng đóng góp Quỹ "Vì đền ơn đáp nghĩa".
- 1 tỷ đồng tài trợ xây dựng trường học cho trẻ em vùng cao.

PHẦN IV:
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Môi trường kinh tế vĩ mô đã có nhiều khởi sắc GDP Việt Nam năm 2024 tăng 7,09% nhờ sự đóng góp từ khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24% và khu vực dịch vụ tăng 7,38%. Tuy nhiên nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn như chiến tranh leo thang, giá cước vận chuyển cao…

Trong năm 2024, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp luật như Luật đất đai, luật nhà ở, luật kinh doanh bất động sản, quyết định về quy hoạch điện VIII, nghị định về cơ chế mua bán điện trực tiếp, nghị định về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản tự tiêu… những văn bản này tác động tích cực tới hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel (VCC).

Năm 2024 là năm đầu tiên Tổng Công ty thực hiện hợp đồng VHKT giai đoạn 2024-2026 với yêu cầu cao hơn về chất lượng, KPI và chỉ tiêu phạt khắc nghiệt hơn nhiều. Trong năm ghi nhận cơn bão Yagi mạnh nhất trong vòng 70 năm qua gây ra thiệt hại nặng nề về hạ tầng mạng lưới các tỉnh phía bắc. Thị trường Myanmar có nhiều bất ổn chính trị đã ảnh hưởng đến tỷ giá và hoạt động kinh doanh ở khối nước ngoài.

Vượt qua những khó khăn, VCC đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ trọng điểm của quốc gia, Tập đoàn như tham gia xây dựng dự án truyền tải điện 500KV mạch 3; triển khai lắp đặt trạm BTS để khai trương mạng 5G Viettel ... và hơn hết VCC đã hoàn thành thắng lợi kế hoạch SXKD được ĐHĐCĐ đề ra qua đó góp phần giúp VCC nhận được danh hiệu rất cao quý Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

Hoạt động quản trị công ty đã ghi nhận những bước chuyển lớn được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao: Lần đầu tiên VCC được vinh danh với giải thưởng Top10 Doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất nhóm Midcap (VLCA2024); Top 100 doanh nghiệp bền vững hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ (CSI 2024) và nhiều giải thưởng cao quý khác.

2. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG GIAO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

2.1. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024

▷ Tổng doanh thu hợp nhất năm 2024 đạt 12.663 tỷ đồng hoàn thành 100% kế hoạch, tăng trưởng 10,4% so với cùng kỳ 2023.

▷ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2024 đạt 538,1 tỷ đồng hoàn thành 101% kế hoạch, tăng trưởng 2,6% so với cùng kỳ 2023.

Riêng Công ty mẹ: Tổng doanh thu đạt 10.139 tỷ đồng hoàn thành 90% kế hoạch, tăng trưởng 2% so cùng kỳ; LNST đạt 531,5 tỷ đồng hoàn thành 104% kế hoạch; ROE đạt 28,8% hoàn thành 116% kế hoạch.

2.2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỊNH HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Trong năm 2024, Tổng Công ty đã thực hiện tốt theo đúng các định hướng và nhiệm vụ trọng tâm được giao:

▷ Doanh thu với các đối tác ngoài Viettel đạt 7.984 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 37%/tổng doanh thu Tổng Công ty.

▷ Tiếp tục khẳng định vị thế số 1 Towerco tại Việt Nam và vào top 10 Towerco khu vực Asian, đến cuối năm 2024 Tổng Công ty có 10.000 trạm BTS; 2,45 triệu m2 DAS; 2.716 km truyền dẫn; 16,87 Mwp điện mặt trời áp mái.

▷ Năm 2024 TCT thực hiện chiến lược trải nghiệm khách hàng, trải nghiệm nhân viên xuất sắc, vận hành tổ chức theo định hướng chuyển đổi số và hiệu quả.

2.3. THỰC HIỆN NHỮNG NỘI DUNG ĐƯỢC ĐHĐCĐ ỦY QUYỀN

▷ **Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2024:**

Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát tổ chức và quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

▷ **Chi trả cổ tức năm 2023 trong năm 2024:**

HĐQT đã triển khai nghị quyết số 27/NQ-VCC ngày 17/09/2024 về việc chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền theo đúng tỷ lệ 27,2% mà ĐHĐCĐ đã thông qua. Ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức là 30/09/2024 và ngày thanh toán là 18/10/2024 đảm bảo đúng thời gian theo quy định.

▷ **Sửa đổi Điều lệ:**

Ngay sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty, Người đại diện theo pháp luật đã ký và công bố thông tin trên website theo đúng quy định.

▷ **Thực hiện giao dịch với người liên quan:**

Được sự đồng ý của ĐHĐCĐ theo Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023, Người đại diện theo pháp luật của TCT đã ký kết các hợp đồng với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội trong năm 2024 như sau:

▷ **Hợp đồng, giao dịch có giá trị ≥ 35% tổng giá trị tài sản:** Không phát sinh.

▷ **Hợp đồng, giao dịch mang tính chất thường xuyên, liên tục có giá trị < 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất:** Tổng số hợp đồng được ký kết 4.955 hợp đồng/giao dịch với tổng giá trị 3.779 tỷ đồng. Các giao dịch được TCT công bố trong báo cáo tình hình quản trị công ty định kỳ 6 tháng/lần.

3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG HOẠT ĐỘNG HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT đã hoạt động tích cực, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành trong việc tổ chức, điều hành hoàn thành các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra. Bên cạnh hoạt động tuân thủ, HĐQT đã tập trung nghiên cứu, định hướng và chỉ đạo Tổng Công ty thực hiện một số hoạt động:

- Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2024.
- Triển khai xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2026 – 2030.
- Tối ưu mô hình tổ chức.
- Tìm kiếm cơ hội kinh doanh theo chiến lược Go Global.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, điều hành, hỗ trợ các đơn vị kinh doanh.
- Nghiên cứu phương án tăng vốn nhằm đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD năm 2024 và những năm tiếp theo.
- Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền đảm bảo đúng quy định và tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm/miễn nhiệm, thay đổi vị trí cán bộ quản lý của doanh nghiệp (Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Trung tâm trực thuộc Tổng Công ty).
- Triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định trong các văn bản liên quan.

3.2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TỪNG THÀNH VIÊN

Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch trực tiếp thực hiện đi thực tế cơ sở từ đó định hướng, xây dựng điều chỉnh chiến lược cho Tổng Công ty. Chủ tịch cũng chủ trì xây dựng lựa chọn tiêu chí quy hoạch nhân sự cấp cao của Tổng Công ty. Ngoài công tác Chiến lược, nhân sự, Chủ tịch chú trọng định hướng hoạt động quản trị công ty, hoạt động kinh doanh gắn liền ESG.
- Các thành viên HĐQT khác đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2024.

4. ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Vượt qua các ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế chính trị xã hội toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng của những diễn biến từ các cuộc chiến tranh tại Ukraina, dải Gaza cũng như tình hình biến đổi khí hậu với cơn bão Yagi tàn phá nặng nề đến con người, tài sản, hạ tầng viễn thông, mạng lưới điện, ban điều hành và toàn thể đội ngũ cán bộ công trình Viettel đã nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của năm 2024. Ban điều hành đã nắm bắt kịp thời các cơ hội kinh doanh khi nền kinh tế trong nước trên đà hồi phục để bứt phá sớm hoàn thành chiến lược sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025, giữ vững vị thế Top 1 Towerco số 1 Việt Nam và đảm bảo 100% các KPI chính với chủ đầu tư.

Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ các nghị quyết của ĐHCĐ đã chủ động sát sao trong việc phê duyệt chiến lược, kế hoạch, đầu tư và giám sát chặt chẽ việc thực hiện của ban điều hành, đưa ra các định hướng kịp thời về công tác quản trị công ty, quản trị rủi ro ứng dụng sức mạnh của công nghệ. HĐQT tiếp tục duy trì các chuyến công tác thực tế để nắm bắt tình hình thị trường, lắng nghe phản ánh từ cơ sở và từ đó phối hợp với ban điều hành điều chỉnh tháo gỡ các khó khăn, xây dựng các chiến lược kinh doanh mới, đặc biệt là tìm kiếm phương án tăng vốn tạo nền tảng mãnh mẽ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tới.

5. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Viettel Construction từ một doanh nghiệp tốt đến phát triển bền vững chúng tôi xây dựng chiến lược tăng trưởng gắn với trách nhiệm xã hội theo mô hình 3P: People (Con người) – Planet (Hành tinh) – Profit (Lợi nhuận).

VỚI XÃ HỘI/CỘNG ĐỒNG:

- Chúng tôi cam kết đóng góp nhiều nhất cho cộng đồng xã hội. Tích cực tham gia các chương trình xóa đói, giảm nghèo, ủng hộ trường học, người có hoàn cảnh khó khăn.

VỚI MÔI TRƯỜNG:

- VCC cam kết không có vi phạm các yêu cầu của pháp luật liên quan đến môi trường.
- Tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo hoặc tái sử dụng, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính.

VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

- VCC là ngôi nhà chung, là môi trường học tập và thăng tiến.
- VCC luôn ý thức được rằng mỗi giá trị của từng thành viên tạo ra đều góp phần vào thành công của doanh nghiệp. Không phân biệt giới tính, độ tuổi, nguồn gốc dân tộc, các đối tượng được đánh giá dễ bị tổn thương trong xã hội đều được VCC xây dựng một môi trường làm việc năng động, minh bạch, công bằng.

VỚI KHÁCH HÀNG:

- VCC luôn lắng nghe đóng góp, ý kiến của khách hàng qua các chương trình đánh giá khảo sát, đo lường sự hài lòng của khách hàng với cách thức thực hiện đa dạng và tiện lợi cho khách hàng (Khảo sát trực tuyến, gọi điện thoại khảo sát,...).
- VCC luôn tuân thủ các quy định pháp luật và các tiêu chuẩn về nhãn hiệu, sản phẩm, dịch vụ cũng như hoạt động truyền thông tiếp thị.
- VCC cam kết luôn đảm bảo bảo vệ và bảo mật thông tin khách hàng theo đúng quy định của pháp luật, cam kết theo đúng quyền lợi của khách hàng.

VỚI CỔ ĐÔNG:

- Cổ đông VCC sẽ luôn được đối xử công bằng, được bảo vệ quyền lợi cao nhất và Chúng tôi luôn cam kết gia tăng giá trị, quyền lợi cho cổ đông.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.
- Giám sát và chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời đúng theo quy định.
- Giám sát hoạt động điều hành, quản lý của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đầu tư và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

2. HĐQT ĐÁNH GIÁ BAN ĐIỀU HÀNH

- Ban Điều hành rất nỗ lực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành kế hoạch và thực hiện tốt các nhiệm vụ HĐQT đề ra.
- Ban Điều hành duy trì việc báo cáo HĐQT tình hình SXKD, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và xin ý kiến HĐQT các nội dung theo đúng thẩm quyền.
- Ban điều hành quyết liệt trong điều hành quản lý công nợ, hàng tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, vòng quay vốn cho Tổng Công ty.
- Chủ động thực hiện chiến lược trải nghiệm khách hàng, trải nghiệm nhân viên xuất sắc và xây dựng lộ trình thăng tiến trong Tổng Công ty.

III. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2025

1. ĐỊNH HƯỚNG - NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

- Khẩu hiệu năm 2025: Vượt qua thử thách – Đẩy mạnh đầu tư – Phát triển bền vững.
- Xây dựng Chiến lược công ty đến năm 2030 gồm Chiến lược kinh doanh, chiến lược nhân sự, chiến lược quản trị rủi ro và chiến lược ESG.
- Đề xuất và trình cấp thẩm quyền phương án bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho giai đoạn tiếp theo.
- Mở rộng kinh doanh ngoài Tập đoàn, mục tiêu doanh thu ngoài Tập đoàn chiếm trên 45% Tổng doanh thu.
- Go Global: Ký và thực hiện 02-03 hợp đồng với các đối tác nước ngoài.
- Đồng bộ hạ tầng và cho thuê 2.000 trạm BTS mới.
- Xây dựng chiến lược Go Global.

2. CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHÍNH NĂM 2025 (SỐ LIỆU HỢP NHẤT)

TỔNG DOANH THU
13.968 tỷ đồng tăng trưởng 10,3% so với năm 2024.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
562,7 tỷ đồng, tăng trưởng 4,6% so với năm 2024.

TỶ LỆ TRẢ CỔ TỨC DỰ KIẾN
15%-25%.

Trong đó: Tổng doanh thu của Công ty mẹ: 12.361 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ: 526,6 tỷ đồng; ROE đạt 24,8%.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HĐQT VÀ CÁC TIỂU BAN

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT bao gồm 5 thành viên: Đỗ Mạnh Hùng – Chủ tịch HĐQT; Phạm Đình Trường; Vũ Thị Mai; Nguyễn Tất Trường và Nguyễn Quang Khải (Thành viên độc lập HĐQT). ***Chi tiết:***

THÀNH VIÊN	CHỨC DANH	TUỔI	TRÌNH ĐỘ/ CHUYÊN MÔN	THỜI GIA THAM GIA HĐQT	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN/ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN	NẮM GIỮ CHỨNG KHOÁN KHÁC DO CÔNG TY PHÁT HÀNH	CHỨC DANH QUẢN LÝ TẠI ĐƠN VỊ KHÁC
ĐỖ MẠNH HÙNG	Chủ tịch HĐQT	51	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư điện tử viễn thông	22/04/2022	13.547 cp ~ 0,012%.	Không có.	Không có
PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	45	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư điện tử viễn thông	26/01/2019	20.332 cp ~ 0,018%		Không có
VŨ THỊ MAI	Thành viên HĐQT	45	Thạc sỹ Quản trị nhân lực; quản trị kinh doanh	18/04/2023	924 cp ~ 0,001%.	Không có.	Không có
NGUYỄN TẤT TRƯỜNG	Thành viên HĐQT	46	Thạc sỹ quản trị kinh doanh; Cử nhân Công nghệ thông tin	19/06/2018	8.316 cp ~ 0,007%.	Không có.	Không có
NGUYỄN QUANG KHẢI	Thành viên độc lập HĐQT	51	Kỹ sư Điện tử viễn thông	22/04/2022	0 cp ~ 0%.	Không có.	Thành viên HĐQT 01 đơn vị khác: Công ty cổ phần DMSpro; Giám đốc công nghệ công ty NGS Digital.

KINH NGHIỆM VÀ LÝ LỊCH TÓM TẮT

ÔNG ĐỖ MẠNH HÙNG

- 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điện tử viễn thông.
- Ông đã từng trải qua nhiều chức danh quan trọng tại các Công ty: PTGĐ Tổng Công ty Mạng lưới Viettel; Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT Tổng Công ty Đầu tư Quốc Tế Viettel (VTG); Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương mại và XNK Viettel.

ÔNG PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG

- 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điện tử viễn thông.
- Ông từng trải qua nhiều chức danh quan trọng tại các công ty: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel; Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Viettel.

BÀ VŨ THỊ MAI

- 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực
- Bà trải qua nhiều chức vụ: Giảng viên học viện tài chính; Trưởng phòng hợp tác quốc tế BIDV; Phó giám đốc học viện Viettel; hiện nay vẫn đang giữ chức vụ Trưởng Ban Tổ chức nhân lực – Tập đoàn Viettel.

ÔNG NGUYỄN TẤT TRƯỜNG

- 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điện tử; kỹ thuật
- Ông trải qua nhiều chức danh tại Tổng Công ty Mạng lưới Viettel như: Trưởng phòng kỹ thuật; Trưởng phòng kiểm soát nội bộ.

ÔNG NGUYỄN QUANG KHẢI

- 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT.
- Ông trải qua nhiều chức danh quan trọng tại các Công ty: Giám đốc tư vấn giải pháp – Oracle Việt Nam; Kiến trúc sư trưởng – SAP Việt Nam; Phó tổng giám đốc Công nghệ – Adayroi – Vingroup; Giám đốc điều hành kiêm thành viên HĐQT – DMS pro.

2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT: Tiểu ban thư ký HĐQT.

Tiểu ban Thư ký HĐQT giúp việc cho HĐQT trong việc tổ chức các phiên họp HĐQT, tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên; đảm bảo các hoạt động như công bố thông tin,... tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của Tổng Công ty cũng như cung cấp thông tin phù hợp, đầy đủ, chính xác, kịp thời.

Ngoài ra tiểu ban thư ký HĐQT sẽ đảm nhiệm phụ trách bộ phận IR của Tổng Công ty. Phụ trách bộ phận IR của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel là Ông Phạm Hồng Quân – Trưởng tiểu ban thư ký HĐQT.

THÔNG TIN LIÊN HỆ BỘ PHẬN IR:

- **Điện thoại: 0862081111**
- **Email: ir.viettelconstruction@viettel.com.vn hoặc quanph7@viettel.com.vn**

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, HĐQT Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel đã tổ chức 11 phiên họp (trong đó: 04 phiên biểu quyết tại cuộc họp và 07 phiên lấy ý kiến bằng văn bản) thông qua 24 Nghị quyết/Quyết định nhằm quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Các nội dung cụ thể như sau:

PHIÊN HỌP	HÌNH THỨC/ THÀNH PHẦN THAM DỰ	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
Phiên 01: Từ ngày 27/12/2023 - 03/01/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	02/QĐ-VCC	Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và đổi tên các Trung tâm chức năng trực thuộc Tổng Công ty	100%
		03/NQ-VCC	Chấp thuận chủ trương bổ nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm	100%
		04/QĐ-VCC	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án "Đầu tư tuyến cáp ngầm dọc cao tốc từ Đà Nẵng trở vào phía Nam"	100%
		05/NQ-VCC	Chi trả cổ tức còn lại năm 2022 bằng tiền	100%
Phiên 02: Ngày 24/01/2024	Họp trực tiếp HĐQT: 5/5	07/NQ-VCC	Thông qua kết quả kinh doanh năm 2023, định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024	100%
Phiên 03: Từ ngày 01/02/2024 - 05/02/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	09/QĐ-VCC	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024"	100%
Phiên 04: Ngày 02/04/2024	Họp trực tiếp HĐQT: 5/5	11/NQ-VCC	Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức và tài liệu xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
		11A/NQ-VCC	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2023	100%
		11B/NQ-VCC	Thông qua chỉ tiêu kinh doanh; kế hoạch lao động, tiền lương 2024	100%
		11C/NQ-VCC	Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2024	100%
Phiên 05: Từ ngày 07/5/2024 - 15/5/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	15/QĐ-VCC	Miễn nhiệm Kế toán trưởng đối với ông Bùi Duy Bảo	100%
		16/QĐ-VCC	Bổ nhiệm Kế toán trưởng đối với ông Phạm Tuấn	100%
Phiên 06: Từ ngày 03/6/2024 - 07/6/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	18/NQ-VCC	Thông qua hợp đồng thế chấp tài sản	100%
		19/NQ-VCC	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024	100%
		20/QĐ-VCC	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản trong Tổng Công ty	100%
Phiên 07: Từ ngày 08/7/2024 – 12/7/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	22/NQ-VCC	Thông qua chủ trương điều động/ bổ nhiệm cán bộ phòng/TT (phòng TCLĐ, TT GP&DVKT)	100%
Phiên 08: Ngày 31/7/2024	Họp trực tiếp HĐQT: 5/5	24/NQ-VCC	Thông qua kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2024	100%
Phiên 09: Từ ngày 11/9/2024 – 17/9/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	26/NQ-VCC	Chấp thuận chủ trương bổ nhiệm TP TCLĐ	100%
		27/NQ-VCC	Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền	100%
Phiên 10: Ngày 07/11/2024	Họp trực tiếp HĐQT/ 5/5	29/NQ-VCC	Thông qua KQ SXKD Quý 4/2024	100%
		30/NQ-VCC	Chấp thuận tăng hạn mức phê duyệt tín dụng cho Tổng Giám đốc	100%
Phiên 11: Từ ngày 13/12/2024 – 17/12/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	32/QĐ-VCC	Bổ nhiệm chức danh PTGĐ đối với ông Đặng Văn Chung	100%
		33/QĐ-VCC	Bổ nhiệm chức danh PTGĐ đối với ông Trần Thúc Linh	100%
		34/QĐ-VCC	Miễn nhiệm chức danh PTGĐ đối với ông Nguyễn Thái Hưng	100%

ĐÁNH GIÁ HĐQT TRONG NĂM

Đánh giá chung hoạt động HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT đã hoạt động tích cực, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành trong việc tổ chức, điều hành hoàn thành các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra. Bên cạnh hoạt động tuân thủ, HĐQT đã tập trung nghiên cứu, định hướng và chỉ đạo Tổng Công ty thực hiện một số hoạt động:

- Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2024.
- Triển khai xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2026 – 2030.
- Tối ưu mô hình tổ chức.
- Tìm kiếm cơ hội kinh doanh theo chiến lược Go Global.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, điều hành, hỗ trợ các đơn vị kinh doanh.
- Nghiên cứu phương án tăng vốn nhằm đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD năm 2024 và những năm tiếp theo.
- Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền đảm bảo đúng quy định và tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm/miễn nhiệm, thay đổi vị trí cán bộ quản lý của doanh nghiệp (Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Trung tâm trực thuộc Tổng Công ty).
- Triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định trong các văn bản liên quan.

Đánh giá kết quả từng thành viên

Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch trực tiếp thực hiện đi thực tế cơ sở từ đó định hướng, xây dựng điều chỉnh chiến lược cho Tổng Công ty. Chủ tịch cũng chủ trì xây dựng lựa chọn tiêu chí quy hoạch nhân sự cấp cao của Tổng Công ty. Ngoài công tác Chiến lược, nhân sự, Chủ tịch chú trọng định hướng hoạt động quản trị công ty, hoạt động kinh doanh gắn liền ESG.
- Các thành viên HĐQT khác đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2024.

4. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Năm 2024, thành viên độc lập HĐQT là ông Nguyễn Quang Khải đã tham gia 100% các phiên họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến quan trọng vào xây dựng nền tảng bán hàng đa kênh và đưa ý kiến về các mô hình kinh doanh mới cho Tổng Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- Vượt qua các ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế chính trị xã hội toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng của những diễn biến từ các cuộc chiến tranh tại Ukraina, dải Gaza cũng như tình hình biến đổi khí hậu với cơn bão Yagi tàn phá nặng nề đến con người, tài sản, hạ tầng viễn thông, mạng lưới điện, ban điều hành và toàn thể đội ngũ cán bộ công trình Viettel đã nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của năm 2024. Ban điều hành đã nắm bắt kịp thời các cơ hội kinh doanh khi nền kinh tế trong nước trên đà hồi phục để bứt phá sớm hoàn thành chiến lược sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025, giữ vững vị dẫn đầu thị trường Towerco Vietnam và đảm bảo 100% các KPI chính với chủ đầu tư.
- Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ các nghị quyết của ĐHCĐ đã chủ động sát sao trong việc phê duyệt chiến lược, kế hoạch, đầu tư và giám sát chặt chẽ việc thực hiện của ban điều hành, đưa ra các định hướng kịp thời về công tác quản trị công ty, quản trị rủi ro ứng dụng sức mạnh của công nghệ. HĐQT tiếp tục duy trì các chuyến công tác thực tế để nắm bắt tình hình thị trường, lắng nghe phản ánh từ cơ sở và từ đó phối hợp với ban điều hành điều chỉnh tháo gỡ các khó khăn, xây dựng các chiến lược kinh doanh mới, đặc biệt là tìm kiếm phương án tăng vốn tạo nền tảng mãnh mẽ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tới.

5. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

3/5 thành viên HĐQT Tổng Công ty có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty (VIOD cấp) gồm **Ông Đỗ Mạnh Hùng, Ông Phạm Đình Trường, ông Nguyễn Tất Trường**; 3/5 thành viên Ban điều hành có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: **Ông Phạm Đình Trường, Bà Đào Thu Hiền, Ông Nguyễn Huy Dũng**.

Bên cạnh đó, năm 2024, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát và Tiểu ban Thư ký HĐQT đã tích cực tham gia các khóa đào tạo, các buổi Hội thảo tọa đàm nhằm bổ sung kiến thức pháp luật cũng như thông lệ tốt về quản trị công ty. ***Cụ thể như sau:***

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC
1	12-13/01/2024	Chương trình chuyên sâu về Thư ký công ty tích hợp Quản trị môi trường và xã hội	VIOD
2	17/01/2024	Hội thảo Cải thiện chất lượng công bố thông tin Phát triển bền vững	Deloitte
3	01/03/2024	Hội thảo "Vì một Đại hội cổ đông đổi mới và hiệu quả"	UBCKNN/SSC VIOD
4	22/03/2024	Hội thảo Khởi động "Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2024" và Tập huấn về BCTN, Quản trị Công ty, Báo cáo Phát triển Bền vững	HOSE
5	13-14/06/2024	Khóa học "Quản trị công ty"	SRTC
6	03/07/2024	Hội nghị "Tăng cường Năng lực Quản trị Công ty cho các Doanh nghiệp Niêm yết"	UBCKNN/SSC VIOD
7	14-21/07/2024	Chương trình đào tạo chuyên sâu dành cho Thành viên HĐQT tại Zurich, Thuỵ Sĩ	VIOD
8	12/08/2024	Hội nghị các Tổ chức đăng ký Chứng khoán tại VSDC năm 2024	VSDC
9	10/09/2024	Diễn đàn VCSF với chủ đề "Net Zero 2050: Bồi đắp niềm tin – Kiến tạo chuyển đổi"	VCCI
10	18/09/2024	Hội thảo thảo luận mở chia sẻ các quy định về QTCT của Úc, các thông lệ quản trị tốt và kinh nghiệm áp dụng cho các thành viên trên thị trường chứng khoán	UBCKNN/ SSC
11	19-21/2024	Chương trình Chứng nhận Thành viên HĐQT	VIOD
12	02/10/2024	Hội thảo giới thiệu và hướng dẫn sử dụng Sổ tay về triển khai và công bố thông tin ESG	UBCKNN/ SSC
13	05/10/2024	Đào tạo cho Người đại diện vốn và Thành viên HĐQT tại các công ty có vốn góp của Tập đoàn Viettel	Tập đoàn Viettel/ Viettel Group
14	17-18/10/2024	Chương trình chuyên sâu về Thư ký QTCT	VIOD

II. BAN KIỂM SOÁT

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN	CHỨC DANH	TÓM TẮT LÝ LỊCH	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN/ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN	NẮM GIỮ CHỨNG KHOÁN KHÁC DO CÔNG TY PHÁT HÀNH
NGÔ QUANG TUỆ	Trưởng Ban kiểm soát	19/6/2018 ĐHCĐ bầu ông vào Ban kiểm soát Công ty (nhiệm kỳ 2015-2020); ngày 6/6/2020 được ĐHCĐ tín nhiệm bầu lại nhiệm kỳ 2020-2025.	5.034 cp ~ 0,004%	Không có.
PHẠM HỒNG QUÂN	Thành viên BKS	19/6/2018 ĐHCĐ bầu ông vào Ban kiểm soát Công ty (nhiệm kỳ 2015-2020); ngày 6/6/2020 được ĐHCĐ tín nhiệm bầu lại nhiệm kỳ 2020-2025.	0 cp ~ 0,0%	Không có.
MAI THỊ ANH	Thành viên BKS	19/6/2018 ĐHCĐ bầu Bà vào Ban kiểm soát Công ty (nhiệm kỳ 2015-2020); ngày 6/6/2020 được ĐHCĐ tín nhiệm bầu lại nhiệm kỳ 2020-2025.	1.562 cp ~ 0,001%	Không có.

BAN KIỂM SOÁT

NGÔ QUANG TUỆ
Trưởng Ban kiểm soát

MAI THỊ ANH
Thành viên BKS

PHẠM HỒNG QUÂN
Thành viên BKS

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát tổ chức 06 cuộc họp trong năm 2024, ***cụ thể:***

PHIÊN HỌP	THÀNH PHẦN THAM DỰ	NỘI DUNG CUỘC HỌP	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT
Phiên 1: Ngày 03/01/2023	03/03	▸ Đánh giá kết quả hoạt động giám sát Quý 4/2023 và năm 2023 của Ban kiểm soát. ▸ Lập kế hoạch hoạt động giám sát của BKS năm 2024 và giải pháp thực hiện. ▸ Thẩm định Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất Quý 4.2023 và năm 2023. ▸ Lập kế hoạch làm việc với Công ty kiểm toán AASC thông qua các kiến nghị của kiểm toán BCTC năm 2023. ▸ Lập Dự thảo Báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. ▸ Giám sát hoạt động công bố thông tin đối với giao dịch của người có liên quan và hợp đồng với các bên có liên quan.	100%
Phiên 2: Ngày 08/04/2024	03/03	▸ Đánh giá kết quả và xây dựng kế hoạch hoạt động Quý 1.2024 của Ban kiểm soát; Thông qua báo cáo kết quả hoạt động giám sát năm 2023. ▸ Thẩm định Báo cáo tài chính Riêng, Hợp nhất năm 2023 trước và sau kiểm toán độc lập và Báo cáo tài chính Quý 1.2024. ▸ Họp báo cáo kết quả và kế hoạch hoạt động thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. ▸ Triển khai kế hoạch giám sát tình hình hoạt động của TCT giai đoạn quý 1.2024. ▸ Xây dựng kế hoạch: Tổ chức giám sát 01 chuyên đề; đi kiểm tra 03-06 đơn vị thông qua đề xuất từ hoạt động giám sát.	100%
Phiên 3: Ngày 25/06/2024	03/03	▸ Xây dựng Dự thảo quy trình giám sát của Ban kiểm soát. ▸ Xây dựng Quy chế phối hợp cung cấp thông tin. ▸ Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán độc lập. ▸ Xây dựng Dự thảo báo cáo quản trị công ty đại chúng 6 tháng đầu năm 2024. ▸ Đánh giá kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024.	100%

PHIÊN HỌP	THÀNH PHẦN THAM DỰ	NỘI DUNG CUỘC HỌP	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT
Phiên 4: Ngày 03/07/2024	03/03	▸ Đánh giá kết quả hoạt động của BKS trong 6 tháng đầu năm 2024. ▸ Thẩm định báo cáo tài chính bán niên năm 2024 sau kiểm toán. ▸ Thông qua kế hoạch làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập, Phòng Tài chính Kế toán về kết quả kiểm toán độc lập bán niên năm 2024. ▸ Báo cáo kết quả giám sát 6 tháng Họp HĐQT và Công ty Mẹ. ▸ Thông qua kế hoạch giám sát tình hình kinh doanh tài chính 6 tháng đầu năm 2024. ▸ Thông qua kế hoạch giám sát chuyên đề: Công tác quản lý công nợ, tồn kho, XDDD.	100%
Phiên 5: Ngày 05/10/2024	03/03	▸ Đánh giá kết quả hoạt động Quý 3.2024 của Ban kiểm soát. ▸ Xây dựng kế hoạch hoạt động Quý 4.2024. ▸ Xây dựng dự thảo các quy trình phục vụ hoạt động của BKS. ▸ Thông qua kế hoạch giám sát chuyên đề: quản lý dòng tiền các trụ kinh doanh; quản lý kho và Tình hình công ty con. ▸ Khắc phục tồn tại khác.	100%
Phiên 6: Ngày 07/12/2024	03/03	▸ Đánh giá kết quả hoạt động trong Qúy 4 năm 2024 của Ban kiểm soát. ▸ Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và Xây dựng kế hoạch năm 2025. ▸ Thông qua kế hoạch giám sát chuyên đề: Công tác quản lý tài sản năm 2024. ▸ Xây dựng Báo cáo kết quả hoạt động Báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2025. ▸ Báo cáo quản trị công ty Đại chúng năm 2024.	100%

GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

Năm 2024, tình hình kinh tế, chính trị thế giới còn nhiều biến động: chiến tranh Nga và Ukraina, Hamas và Israel.... chưa có dấu hiệu dừng lại; phục hồi kinh tế toàn cầu chậm, biến đổi khí hậu tác động đến kinh tế xã hội trong đó có Việt Nam là điểm nóng của các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Tháng 9 năm 2024 Bão Yagi (số 3) đã ảnh hưởng đến 8 quốc gia trong đó có trực tiếp có Việt Nam bị thiệt hại nặng nề về người và tài sản; hệ thống điện, viễn thông ngừng hoạt động hoàn toàn. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo quyết liệt Tổng Công ty đã chỉ đạo điều động nhân, vật lực ứng cứu và khắc phục toàn bộ mạng lưới viễn thông ngay sau bão.

Tình hình kinh tế trong nước có xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô và vi mô ổn định (GDP đạt 7,09%, CPI bình quân tăng 3,63%).

Trước những tình hình đó, Ban lãnh đạo HĐQT/ BĐH đã chủ động nỗ lực, điều hành đưa ra các giải pháp triển khai hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính của ĐHĐCĐ giao, mọi hoạt động kinh doanh được đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn theo đúng quy định của Pháp luật.

GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tổ chức các cuộc họp HĐQT/ Organizing Board of Directors meetings:
  - Các cuộc họp HĐQT định kỳ đúng quy định của Pháp luật (01 cuộc/quý).
  - Tổng số cuộc họp trong năm 2024: 11 cuộc, trong đó (04 cuộc họp biểu quyết và 07cuộc lấy ý kiến bằng văn bản).
  - Nội dung các cuộc họp: có chuyên đề, nội dung chương trình họp cụ thể và đảm bảo nội dung họp được gửi tới các thành viên HĐQT, BKS trước mỗi cuộc họp theo quy định.
  - Các thành viên: tham gia đóng góp ý kiến phát biểu, đề xuất giải pháp.
- Công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đảm bảo theo quy định.
- Phê duyệt chiến lược, kế hoạch, đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT.
  - Đầu tư hạ tầng cho thuê 5.000 trạm BTS, tuyến cáp ngầm,...
  - Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2024
  - Phối hợp với BĐH nghiên cứu phương án tăng vốn, nhằm tài trợ cho hoạt động kinh doanh năm 2024 và các năm tiếp theo.
  - Phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2023 và Quỹ lương năm 2024.
- Chấp hành tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ: thực hiện chỉ đạo, ban hành các Nghị quyết bám sát theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
- Giám sát đảm bảo việc công bố thông tin xem xét các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan theo quy định của Pháp luật.
- Định hướng công tác quản trị công ty, quản trị rủi ro: chủ động đề xuất các giải pháp quản trị, phần mềm quản lý, để phân tích, đánh giá phục vụ công tác quản trị rủi ro theo xu hướng công nghệ.
  - Đảm bảo hành lang pháp lý hoạt động.
  - Phê duyệt chiến lược, ban hành các quy chế thuộc thẩm quyền.
  - Phê duyệt mô hình tách, sáp nhập các trung tâm thành hệ sinh thái kinh doanh hoàn chỉnh, nhằm nâng cao thế mạnh trên thị trường.
  - Công bố thông tin kịp thời theo quy định Pháp luật.
- Tổ chức bộ máy quản trị theo quy định pháp luật: HĐQT có 05/05 thành viên (trong đó: 01 thành viên độc lập theo quy định).

GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH

- Công tác điều hành và tuân thủ Nghị quyết: Điều hành tuân thủ nghiêm Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; thực hiện thắng lợi mang lại kết quả vượt các chỉ tiêu kế hoạch giao.
- Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2024:
  - Hoàn thành về đích sớm theo chiến lược sản xuất kinh doanh hoạt động giai đoạn (2021-2025).
  - Đảm bảo bám sát chuyển dịch theo định hướng chiến lược: tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận; giữ vững vị trí số 1 đầu tư Towerco tại Việt Nam 03 năm liên tiếp, sở hữu 10 ngàn BTS và Top 10 Towerco Asean; vận hành chuyên nghiệp tại các nước; phát triển nguồn, nguồn năng lượng thông minh cho dịch vụ viễn thông.
  - Vận hành khai thác đảm bảo 7/7 KPI chính theo yêu cầu của chủ đầu tư.
  - Mở rộng lĩnh vực kinh doanh ngoài Tập đoàn mang lại doanh thu hàng ngàn tỷ đồng.
  - Lắp đặt thành công gần 4 ngàn trạm phát sóng 5G tại 55 Tỉnh/Thành phố.
  - Hoàn thành thi công dự án trọng điểm Quốc gia 9/9 vị trí Dự Án 500KV mạch 3 từ Quảng Trạch - Quảng Bình đến Phố Nối - Hưng Yên.
  - Tổ chức thực hiện chiến lược Go global: tại thị trường Úc cho giai đoạn 2025-2030.
  - Tổ chức kinh doanh theo hệ sinh thái khép kín từ Tư vấn - Thiết kế - Triển khai - Vận hành - Tối ưu.
  - Nâng cao điểm trưởng thành số theo khung TMForum DMM.

VỀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025

- Hoàn thành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của toàn Tổng Công ty với mục tiêu, khát vọng cao giữ vững tăng trưởng 2 con số.
- Đẩy mạnh doanh thu ngoài Tập đoàn dự kiến 6,6 ngàn tỷ đồng, tăng 18%/ năm 2024.
- Đẩy mạnh hoạt động chiến lược Go Global với mục tiêu ký từ 2-3 đối tác.
- Vận hành khai thác đảm bảo 100% KPI đạt yêu cầu SLA và mở rộng ra bên ngoài.
- Top 3 doanh nghiệp xây dựng và Top 3 doanh nghiệp cơ điện niêm yết trên thị trường chứng khoán về quy mô doanh thu.
- Xây dựng, sửa đổi cơ chế, tập trung tháo gỡ vướng mắc.
- Xây dựng, lan tỏa thương hiệu, chiếm lĩnh thị phần trên địa bàn.
- Xây dựng Omnichannel tương tác đa kênh hợp nhất cho hoạt động bán lẻ.

Ứng dụng công nghệ như phần mềm: Super app AIO; BIM; IOC và BI/iBOC... Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng: ISO: 22301; 26000; 14000 và SA8000... số hóa kịp thời các quy trình, đào tạo, kiểm tra thi 100% đến cán bộ nhân viên.

Chuyển dịch lĩnh vực ngành nghề kinh doanh: xây dựng bộ máy, đẩy mạnh việc nghiên cứu, đưa các tiêu chuẩn kỹ thuật, đăng ký thương hiệu, theo quy định.

Tuân thủ pháp luật:

- Ban hành các quy trình, quy định, định mức để quản lý, kiểm soát.
- Tổ chức bộ máy quản trị rủi ro với 03 tuyến phòng vệ; thành lập 82 Điều phối viên quản trị rủi ro (tương ứng với 82 đầu mối) được đào tạo, đánh giá năng lực ngành dọc; Xây dựng văn hóa quản trị rủi ro: các chuyên đề, sổ tay, casestudy; đồng thời hoàn thiện Quy trình quản trị rủi ro đến cấp đơn vị; mức độ trưởng thành đạt 4/4 điểm và hoàn thiện chỉ số KPI quản trị rủi ro.
- Chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh phải tuân thủ, thượng tôn Pháp luật.
- Hoàn thiện mô hình hạch toán kế toán quản trị đến từng đơn vị kinh doanh.

GIÁM SÁT CỔ ĐÔNG

- Giám sát về lợi ích của các cổ đông lớn và những người có liên quan thông qua các hợp đồng giao dịch, bán đấu giá.
- Giám sát các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan theo quy định.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị.

- Mọi hoạt động đảm bảo độc lập, khách quan, tuân thủ Quy chế, Nghị quyết.
- Công tác phối hợp chặt chẽ, đảm bảo luồng thông tin minh bạch.
- Các hoạt động quản trị được chú trọng thông qua các báo cáo đánh giá hiệu quả.
- BKS là thành phần tham gia các cuộc họp của HĐQT, được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan, đồng thời phát biểu ý kiến và đề xuất kiến nghị.

Phối hợp hoạt động với Ban Điều hành.

- Cơ sở dữ liệu, báo cáo kịp thời, độc lập khách quan, minh bạch thông tin.
- Cảnh báo, kiến nghị kịp thời nhằm ngăn ngừa những rủi ro có thể xảy ra.
- Phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện hoạt động chuyên môn.
- Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời thông tin.

Phối hợp hoạt động với các cán bộ quản lý khác.

- Cơ sở dữ liệu cung cấp kịp thời, qua hoạt động giám sát chuyên sâu.
- Giám sát các hoạt động tuân thủ quy trình, quy định, kiến nghị kịp thời.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Giám sát hoạt động các giao dịch đối với người có liên quan: Có 4.955 hợp đồng/ giao dịch được xác lập trong năm 2024..
  - Nhỏ hơn 35% TTS theo BCTC gần nhất: 4.955 hợp đồng/giao dịch, chủ yếu là hợp đồng liên quan đến vận hành, củng cố mạng lưới, xây lắp hạ tầng, trạm phát sóng,...
  - Lớn hơn 35% TTS theo BCTC gần nhất: 0 hợp đồng/giao dịch.
- Tìm hiểu Pháp luật, tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên sâu phân tích, quản trị
- Đi thực tế kiểm tra, giám sát các trung tâm, chi nhánh công trình Viettel tỉnh/Thành phố, nhằm phát hiện những hạn chế, cảnh báo kịp thời

3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO

3.1. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT.

Giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ, BKS được chi tiết trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TIỀN LƯƠNG/ THÙ LAO	THƯỞNG VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC	TỔNG THU NHẬP
1	**Đỗ Mạnh Hùng**	Chủ tịch HĐQT	3.797.652.279	559.288.152	**4.356.940.431**
2	**Nguyễn Tất Trường**	Thành viên HĐQT	1.106.023.720	242.262.442	**1.348.286.162**
3	**Vũ Thị Mai**	Thành viên HĐQT	84.000.000	80.000.000	**164.000.000**
4	**Nguyễn Quang Khải**	Thành viên HĐQT độc lập	264.000.000	90.000.000	**354.000.000**
5	**Ngô Quang Tuệ**	Trưởng ban Kiểm soát	1.091.589.653	134.804.152	**1.226.393.805**
6	**Phạm Hồng Quân**	Kiểm soát viên	671.270.719	91.743.811	**763.014.530**
7	**Mai Thị Anh**	Kiểm soát viên	366.951.208	94.002.152	**460.953.360**
8	**Phạm Đình Trường**	TV HĐQT, Tổng Giám đốc	5.174.752.982	557.988.442	**5.732.741.424**
9	**Nguyễn Thái Hưng**	Phó TGĐ	2.811.578.847	312.139.748	**3.123.718.595**
10	**Nguyễn Huy Dũng**	Phó TGĐ	3.223.232.967	320.746.442	**3.543.979.409**
11	**Đào Thu Hiền**	Phó TGĐ	3.223.232.967	320.746.442	**3.543.979.409**
12	**Đặng Văn Chung**	Phó TGĐ	155.807.818	2.323.752	**158.131.570**
13	**Trần Thúc Linh**	Phó TGĐ	177.768.368	2.323.752	**180.092.120**
14	**Phạm Tuấn**	Kế toán trưởng	932.193.171	47.087.714	**979.280.885**

3.2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ (THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 19/01/2024)		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ (THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT GẦN NHẤT NGÀY 30/09/2024)		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Vũ Thị Mai	Thành viên HĐQT	1.924	0,002%	924	0,001%	Bán 1.000 CP
2	Phạm Hồng Quân	Thành viên BKS	3.027	0,003%	0	0,000%	Bán 3.027 CP
3	Đặng Thị Minh Phương	Vợ của PTGĐ Nguyễn Huy Dũng	7.635	0,007%	6.035	0,005%	Bán 1.600 CP

3.3. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Theo phụ lục đính kèm.

3.4. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tổng Công ty thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị công ty và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật cho công ty đại chúng.

PHẦN VI:
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 48
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH NN MTV Công trình Viettel sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) thành Công ty Cổ phần. Tổng Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Công trình Viettel thành Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 19/06/2018, hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 09/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 24/06/2024.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty đặt tại số 6 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đỗ Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Quang Khải	Thành viên
Ông	Nguyễn Tất Trường	Thành viên
Ông	Phạm Đình Trường	Thành viên
Bà	Vũ Thị Mai	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Phạm Đình Trường	Tổng Giám đốc	
Ông	Nguyễn Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà	Đào Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Đặng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2024)
Ông	Trần Thúc Linh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2024)
Ông	Nguyễn Thái Hưng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2024)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông	Ngô Quang Tuệ	Trưởng ban
Ông	Phạm Hồng Quân	Thành viên
Bà	Mai Thị Anh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Phạm Đình Trường – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Phạm Đình Trường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

aasc

Số: 110325.007/BCTC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel được lập ngày 20 tháng 02 năm 2025, từ trang 5 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Nguyễn Ánh Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1437-2023-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**5.421.441.349.658**	**5.688.993.457.871**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**886.977.987.638**	**818.525.481.502**
111	1. Tiền		786.977.987.638	518.525.481.502
112	2. Các khoản tương đương tiền		100.000.000.000	300.000.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**853.500.000.000**	**1.000.000.000.000**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	853.500.000.000	1.000.000.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**2.936.966.727.722**	**2.999.387.821.429**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.919.969.744.514	2.052.515.681.897
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	247.072.981.434	245.478.200.650
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	860.686.478.796	803.900.182.277
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(90.762.477.022)	(102.506.243.395)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**9**	**610.480.085.129**	**789.970.134.518**
141	1. Hàng tồn kho		629.054.145.471	808.823.531.292
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(18.574.060.342)	(18.853.396.774)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**133.516.549.169**	**81.110.020.422**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	133.516.549.169	81.110.020.422
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.684.816.514.010**	**1.302.012.628.638**
220	**I. Tài sản cố định**		**190.737.253.954**	**284.556.699.923**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	173.607.215.775	261.538.671.066
222	*- Nguyên giá*		*734.989.608.232*	*740.194.216.248*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(561.382.392.457)*	*(478.655.545.182)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	17.130.038.179	23.018.028.857
228	*- Nguyên giá*		*53.507.223.798*	*53.507.223.798*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(36.377.185.619)*	*(30.489.194.941)*
230	**II. Bất động sản đầu tư**	**13**	**1.222.723.198.930**	**829.293.428.954**
231	- Nguyên giá		1.763.395.441.689	1.164.214.426.790
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(540.672.242.759)	(334.920.997.836)
240	**III. Tài sản dở dang dài hạn**		**251.630.121.242**	**152.511.648.595**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	251.630.121.242	152.511.648.595
260	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**19.725.939.884**	**35.650.851.166**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	17.530.588.741	34.957.349.509
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33	2.195.351.143	693.501.657
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**7.106.257.863.668**	**6.991.006.086.509**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**5.241.194.601.349**	**4.994.311.781.267**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**4.652.946.611.620**	**4.601.942.093.102**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	607.596.781.619	581.155.900.848
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	412.903.727.151	660.847.773.848
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	192.087.985.670	176.774.863.066
314	4. Phải trả người lao động		829.622.766.790	804.481.906.278
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	962.750.985.492	755.034.892.893
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	355.600.556.934	163.071.860.105
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	202.665.530.981	234.607.257.944
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	1.052.105.942.834	1.195.895.559.062
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	9.671.854.970	9.085.539.741
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		27.940.479.179	20.986.539.317
330	**II. Nợ dài hạn**		**588.247.989.729**	**392.369.688.165**
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	15.330.600.000	14.664.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	572.917.389.729	377.705.688.165
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.865.063.262.319**	**1.996.694.305.242**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**23**	**1.865.063.262.319**	**1.996.694.305.242**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.143.858.790.000	1.143.858.790.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.143.858.790.000*	*1.143.858.790.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(15.000.000)	(15.000.000)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		20.375.694.710	31.117.966.390
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		100.000.000.000	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		600.843.777.609	821.732.548.852
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*62.622.599.351*	*297.135.153.647*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*538.221.178.258*	*524.597.395.205*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**7.106.257.863.668**	**6.991.006.086.509**

Dương Văn Khiết
Người lập biểu

Phạm Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Đình Trường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	25	**12.609.519.560.081**	**11.370.408.272.724**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**12.609.519.560.081**	**11.370.408.272.724**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	26	**11.725.297.850.560**	**10.468.527.869.775**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**884.221.709.521**	**901.880.402.949**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	49.062.943.375	97.125.701.649
22	7. Chi phí tài chính	28	90.149.396.469	93.271.291.919
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*60.826.401.868*	*84.837.242.075*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	168.599.256.242	247.881.386.173
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**674.536.000.185**	**657.853.426.506**
31	12. Thu nhập khác	30	3.981.915.908	2.821.202.051
32	13. Chi phí khác	31	6.502.088.527	4.962.920.976
40	**14. Lợi nhuận khác**		**(2.520.172.619)**	**(2.141.718.925)**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**672.015.827.566**	**655.711.707.581**
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	135.296.498.794	131.807.814.033
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33	(1.501.849.486)	(693.501.657)
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**538.221.178.258**	**524.597.395.205**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ**		**538.221.178.258**	**524.597.395.205**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		-	-
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	34	**4.705**	**4.586**

Dương Văn Khiết
Người lập biểu

Phạm Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Đình Trường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***672.015.827.566***	***655.711.707.581***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		318.978.601.646	258.401.642.671
03	- Các khoản dự phòng		(11.436.787.576)	74.943.834.363
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.666.478.604)	(694.282.670)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(47.228.921.456)	(96.307.794.199)
06	- Chi phí lãi vay		60.826.401.868	84.837.242.075
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***991.488.643.444***	***976.892.349.821***
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		63.416.375.888	(598.694.966.649)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		180.043.510.168	15.799.429.064
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		256.562.928.303	402.816.179.496
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(34.979.767.979)	(14.821.345.530)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(76.669.964.072)	(85.731.858.827)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(115.949.066.027)	(57.677.862.332)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(123.373.540.874)	(65.469.627.902)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***1.140.539.118.851***	***573.112.297.141***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(800.839.914.157)	(483.442.221.964)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.108.288.728	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.650.500.000.000)	(2.222.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.797.000.000.000	2.444.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		53.466.678.340	102.106.621.595
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(599.764.947.089)***	***(159.335.600.369)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.397.670.540.341	2.455.208.243.463
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.346.248.455.005)	(2.347.122.939.482)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(525.372.401.882)	(117.393.347.350)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(473.950.316.546)***	***(9.308.043.369)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**66.823.855.216**	**404.468.653.403**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**818.525.481.502**	**413.861.121.979**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.628.650.920	195.706.120
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**886.977.987.638**	**818.525.481.502**

Dương Văn Khiết
Người lập biểu

Phạm Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Đình Trường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH NN MTV Công trình Viettel sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) thành Công ty Cổ phần. Tổng Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Công trình Viettel thành Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 19/06/2018, hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 09/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 24/06/2024.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty đặt tại số 6 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn góp của chủ sở hữu Tổng Công ty là 1.143.858.790.000 VND; tương đương 114.385.879 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là: 10.459 người và 1.981 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 10.977 người và 1.788 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, vận hành khai thác mạng viễn thông, kinh doanh hạ tầng cho thuê và kinh doanh hàng hóa thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà các loại, công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích và công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông;
- Lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị truyền thông;
- Hoạt động kinh doanh Hạ tầng cho thuê: Trạm BTS, DAS, Ngầm hóa; Kinh doanh năng lượng điện mặt trời;
- Hoạt động viễn thông có dây, viễn thông không dây;
- Kinh doanh xây lắp, bảo dưỡng vận hành mạng lưới.

Cấu trúc tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Viettel Construction Cambodia	Thủ đô Phnôm - Pênh, Campuchia	100,00%	100,00%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông
2. Viettel Construction Myanmar	Thủ đô Pyinmana, Myanmar	100,00%	100,00%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính
Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính
Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo nguyên tắc sau:
- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm;
- Vốn góp chủ sở hữu được quy ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi nhuận, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:
- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí của các công trình, hợp đồng đang thực hiện dở dang hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán, được tập hợp theo từng hợp đồng ký với chủ đầu tư. Đối với các công việc Tổng Công ty tự thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là tập hợp chi phí, khối lượng đã thực hiện tại các trung tâm, chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Đối với các công việc thuê ngoài thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận khi hạng mục công trình đã được nghiệm thu và khối lượng thực hiện đã được chấp nhận thanh toán.

Hàng gửi bán được sử dụng để theo dõi hàng bán đã chuyển đi cho đối tác nhưng chưa hoàn thành thủ tục bàn giao nghiệm thu và chưa được chấp nhận thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,
quận Ba Đình, Hà Nội
Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.
Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.
Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.
Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Hệ thống trạm BTS	04 - 07 năm
- Các tuyến ngầm hóa	10 năm
- Bất động sản đầu tư khác	03 - 10 năm

2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.15 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,
quận Ba Đình, Hà Nội
Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí trả trước khác bao gồm tiền thuê văn phòng, thuê địa điểm đặt trạm và thuê vị trí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 12 tháng.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa và các khoản phải trả khác như chi phí xây lắp, chi phí vận hành khai thác, chi phí lãi vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 . Nguyên tắc xác định quỹ lương

Quỹ tiền lương được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24/08/2016 của Chính phủ về việc thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01/07/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 121/2016/NĐ-CP, Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06/09/2021 của Chính phủ kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 121/2016/NĐ-CP và Nghị định 74/2020/NĐ-CP.

2.22 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các loại dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm:
- Dự phòng bảo hành dịch vụ kỹ thuật bao gồm dịch vụ sửa chữa, thay thế vật tư thiết bị và vận hành bảo dưỡng thiết bị điện dân dụng, vận hành hệ thống pin mặt trời (solar care) và các dịch vụ liên quan khác được trích lập theo tỷ lệ 1,0% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hành từ 72 giờ đối với dịch vụ bảo dưỡng vật tư, thiết bị và tối đa 06 tháng đối với dịch vụ lắp đặt mới, thay thế vật tư, thiết bị;
- Dự phòng bảo hành công trình được trích lập theo tỷ lệ từ 0,5% đến 1,0% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và chi phí bảo hành thực tế. Thời hạn bảo hành cho từng hạng mục công trình tối đa 12 tháng;
- Dự phòng bảo hành hàng hóa thương mại và giải pháp tích hợp được trích lập theo tỷ lệ 0,5% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hành tối đa 12 tháng;
- Dự phòng bảo hành khác được trích lập theo tỷ lệ từ 0,5% đến 5,0% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hành tối đa 12 tháng.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.23 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê hạ tầng, vị trí đặt trạm.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.24 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.25 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu hoạt động tài chính
Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.26 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.27 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Chính sách Ưu đãi thuế

Tổng Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

Văn bản	Tóm tắt các ưu đãi thuế	Thời hạn hiệu lực
Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài Chính	Tổng Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án điện mặt trời thuộc ngành nghề "Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch" theo mức thuế suất 10%/năm.	Trong vòng 15 năm tính từ năm 2020

d. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Ngoài hoạt động được hưởng ưu đãi thuế nêu trên, chi phí thuế TNDN hiện hành của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất như sau:

Tên đơn vị	Thuế suất
- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	20%
- Viettel Construction Cambodia	20%
- Viettel Construction Myanmar	25%

2.29 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.30 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:
- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.168.330.442	1.152.907.017
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	782.208.552.310	513.725.492.678
Tiền đang chuyển	3.601.104.886	3.647.081.807
Các khoản tương đương tiền (*)	100.000.000.000	300.000.000.000
	886.977.987.638	**818.525.481.502**

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại ngân hàng thương mại với lãi suất 3,4%/năm.

4 . ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,4%/năm đến 6,4%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	**747.493.688.030**	-	**976.423.815.125**	-
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	139.655.975.095	-	403.709.598.861	-
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	306.886.141.330	-	186.690.474.914	-
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	43.418.053.829	-	39.989.807.112	-
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	22.151.862.317	-	153.214.695.401	-
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	16.550.644.665	-	34.489.876.811	-
- Viettel (Cambodia) Pte., Ltd	104.835.745.383	-	49.006.758.774	-
- Công ty Movitel, SA	12.048.728.386	-	11.003.496.185	-
- Các Chi nhánh Viettel tỉnh	96.343.861.830	-	90.306.715.965	-
- Các đối tượng khác	5.602.675.195	-	8.012.391.102	-

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

	31/12/2024		01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các khách hàng ngoài Tập đoàn	**1.172.476.056.484**	**(90.761.088.734)**	**1.076.091.866.772**	**(102.504.855.107)**
- Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	20.664.108.829	(20.664.108.829)	46.399.570.095	(46.399.570.095)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tổng hợp Thái Hà	10.403.192.528	(10.403.192.528)	10.403.192.528	(10.403.192.528)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đô thị Hoàng Mai	329.645.895.094	-	335.628.861.755	-
- Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	32.802.000.000	-	32.802.000.000	-
- Công ty TNHH Delta – Valley Bình Thuận	32.422.041.661	(22.695.429.163)	32.422.041.661	(16.211.020.830)
- Công ty Cổ phần Vinhomes - Chi nhánh Hưng Yên	37.929.061.875	-	45.895.093.106	-
- Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	16.858.310.422	(11.800.817.295)	20.881.310.422	(10.440.655.211)
- Công ty Cổ phần Tổng công ty MBLand	54.456.955.975	-	58.906.299.167	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Hà An	29.894.153.556	-	18.693.668.740	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tài Phát	25.822.374.020	-	18.657.769.639	-
- Các khách hàng khác	581.577.962.524	(25.197.540.919)	455.402.059.659	(19.050.416.443)
	1.919.969.744.514	**(90.761.088.734)**	**2.052.515.681.897**	**(102.504.855.107)**

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Tập đoàn CCD Việt Nam (1)	3.212.410.484	-	3.212.410.484	-
- Công ty TNHH Hạ tầng Xây dựng Đại Nam (2)	9.452.700.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Bảo Minh (3)	9.500.000.000	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác (4)	224.907.870.950	(1.388.288)	242.265.790.166	(1.388.288)
	247.072.981.434	**(1.388.288)**	**245.478.200.650**	**(1.388.288)**

(1) Khoản ứng trước tiền về việc cung cấp nhân công thi công Xây dựng Khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ - Hoàng Mai - Hà Nội.

(2) Khoản ứng trước theo hợp đồng thi công san nền (bao gồm đắp bờ bao phục vụ bơm cát và dọn cây) thuộc dự án "Khu nhà ở sinh thái An Điền" tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(3) Khoản ứng trước theo hợp đồng thi công hạng mục "An toàn giao thông, sơn vạch kẻ đường, thoát nước mưa, thoát nước thải" thuộc dự án "Khu nhà ở sinh thái An Điền" tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(4) Chủ yếu là khoản ứng trước tiền cho Nhà thầu thực hiện thi công công trình và mua thiết bị, vật tư, hàng hóa cho các dự án của Tổng Công ty và các công ty con.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng (*)	763.099.288.250	-	707.018.537.383	-
- Ký cược, ký quỹ	9.316.698.886	-	9.929.011.608	-
Phải thu khác	88.270.491.660	-	86.952.633.286	-
+ Bảo hiểm xã hội quận Ba Đình	*23.016.053.058*	-	*21.688.981.536*	-
+ Lãi tiền gửi	*6.313.641.097*	-	*13.456.512.330*	-
+ Doanh thu trích trước hạ tầng cho thuê	*39.963.116.877*	-	*24.483.004.018*	-
+ Phải thu khác	*18.977.680.628*	-	*27.324.135.402*	-
	860.686.478.796	**-**	**803.900.182.277**	**-**

(*) Bao gồm tạm ứng tiền và vật tư tại các Chi nhánh và Trung tâm kỹ thuật để thực hiện các dự án, công trình xây dựng và các khoản tạm ứng phục hoạt động kinh doanh của các Công ty con.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**108.098.515.720**	**17.337.426.986**	**130.209.774.553**	**27.704.919.446**
- Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	20.664.108.829	-	46.399.570.095	-
- Công ty Cổ phần Siêu Chung Kỳ	5.073.917.227	-	5.103.917.227	-
- Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	32.422.041.661	9.726.612.498	32.422.041.661	16.211.020.831
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại tổng hợp Thái Hà	10.403.192.528	-	10.403.192.528	-
- Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	16.858.310.422	5.057.493.127	20.881.310.422	10.440.655.211
- Công ty Cổ phần IDC Đông Dương	6.235.952.975	-	6.435.952.975	-
- Các khách hàng khác	16.440.992.078	2.553.321.361	8.563.789.645	1.053.243.404
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**1.388.288**	**-**	**1.388.288**	**-**
- Các nhà cung cấp khác	1.388.288	-	1.388.288	-
	108.099.904.008	**17.337.426.986**	**130.211.162.841**	**27.704.919.446**

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	3.399.947.647	-	6.548.618.075	-
- Nguyên liệu, vật liệu	314.098.276.451	(18.574.060.342)	211.556.166.245	(18.853.396.774)
+ Hoạt động xây dựng dân dụng và xây lắp viễn thông	*302.214.446.268*	*(18.574.060.342)*	*198.815.488.908*	*(18.853.396.774)*
+ Hoạt động cố định băng rộng	*10.809.818.456*	-	*11.483.194.061*	-
+ Vật tư dịch vụ Homecare	*1.074.011.727*	-	*1.257.483.276*	-
- Công cụ, dụng cụ	6.817.739.659	-	3.551.772.597	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	233.099.804.488	-	483.164.343.163	-
+ Công trình Nhà ở liền kề - KĐT mới Hoàng Văn Thụ (1)	*13.651.184.176*	-	*65.663.282.308*	-
+ Công trình Khu Đô thị mới Thành phố lễ hội - Thành phố Châu Đốc (2)	*9.943.031.040*	-	*16.452.427.647*	-
+ Các công trình khác	*209.505.589.272*	-	*401.048.633.208*	-
- Hàng hóa	71.035.860.373	-	104.002.631.212	-
- Hàng gửi đi bán	602.516.853	-	-	-
	629.054.145.471	**(18.574.060.342)**	**808.823.531.292**	**(18.853.396.774)**

(1) Gói thầu thi công phần thân thô và hoàn thiện mặt ngoài nhà ở thấp tầng (không bao gồm cọc, bể nước, bể phốt, cửa cuốn, cửa nhựa lõi thép, cửa gỗ) - 266 căn nhà ở liền kề (giai đoạn 1) và 286 căn nhà ở liền kề (giai đoạn 2), thuộc Công trình Nhà ở liền kề của Dự án Khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Hoàng Mai và Tổng Công ty. Công trình được thực hiện tại phường Hoàng Văn Thụ, phường Thịnh Liệt, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện dự kiến đến hết quý 1/2025. Tại ngày 31/12/2024, công trình đã nghiệm thu 96,70% giá trị hợp đồng và đang trong giai đoạn sửa chữa các căn theo yêu cầu từ chủ đầu tư.

(2) Gói thầu thi công trọn gói phần thô, hoàn thiện bên ngoài 198 căn nhà phố thuộc công trình Khu Đô thị mới Thành phố lễ hội - Thành phố Châu Đốc ký giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trần Anh Châu Đốc và Tổng Công ty. Công trình được thực hiện tại phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Thời gian thực hiện dự kiến đến hết quý 1/2025. Tại ngày 31/12/2024, công trình đã nghiệm thu 91,07% giá trị hợp đồng với chủ đầu tư.

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
Mua sắm tài sản cố định		7.156.129.572	4.238.244.934
Xây dựng cơ bản		244.473.991.670	148.273.403.661
- Dự án đầu tư mới hệ thống DAS tòa nhà năm 2019		*-*	*7.263.962.476*
- Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2022		*-*	*95.302.457.532*
- Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023	*(1)*	*64.568.576.026*	*44.908.616.043*
- Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024	*(2)*	*158.504.418.770*	*-*
- Dự án khác		*21.400.996.874*	*798.367.610*
		251.630.121.242	**152.511.648.595**

(1), (2): Thông tin chi tiết liên quan đến dự án xem chi tiết Phụ lục 01.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 02.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	24.336.888.039	29.170.335.759	53.507.223.798
Số dư cuối năm	**24.336.888.039**	**29.170.335.759**	**53.507.223.798**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.025.031.775	20.464.163.166	30.489.194.941
- Khấu hao trong năm	*224.560.380*	*5.663.430.298*	*5.887.990.678*
Số dư cuối năm	**10.249.592.155**	**26.127.593.464**	**36.377.185.619**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.311.856.264	8.706.172.593	23.018.028.857
Tại ngày cuối năm	**14.087.295.884**	**3.042.742.295**	**17.130.038.179**

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.628.173.900 VND.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất bao gồm các lô đất sau:

- Thửa đất số 908 tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh để làm kho cho Chi nhánh Công trình Viettel Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất trong 50 năm với nguyên giá là 18.057.588.039 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2024 là 10.249.592.155 VND, trong đó số khấu hao trong năm là 224.560.380 VND;
- Thửa đất số 300 thuộc lô A2-9, khu dân cư Bắc Hòa Thọ, xã Hòa Đông, huyện Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng để làm văn phòng và kho cho Chi nhánh Công trình Viettel Đà Nẵng; quyền sử dụng đất không xác định thời hạn với nguyên giá là 6.279.300.000 VND.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Hệ thống trạm BTS	Tuyến ngầm hóa cáp quang	Bất động sản đầu tư khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.066.463.706.655	35.937.595.932	61.813.124.203	1.164.214.426.790
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	*590.459.111.947*	*-*	*9.373.685.662*	*599.832.797.609*
- Thanh lý	*(651.782.710)*	*-*	*-*	*(651.782.710)*
Số dư cuối năm	**1.656.271.035.892**	**35.937.595.932**	**71.186.809.865**	**1.763.395.441.689**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	255.407.894.494	29.024.273.908	50.488.829.434	334.920.997.836
- Khấu hao trong năm	*199.456.723.054*	*871.216.080*	*5.597.789.773*	*205.925.728.907*
- Thanh lý	*(174.483.984)*	*-*	*-*	*(174.483.984)*
Số dư cuối năm	**454.690.133.564**	**29.895.489.988**	**56.086.619.207**	**540.672.242.759**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	811.055.812.161	6.913.322.024	11.324.294.769	829.293.428.954
Tại ngày cuối năm	**1.201.580.902.328**	**6.042.105.944**	**15.100.190.658**	**1.222.723.198.930**

- Giá trị còn lại cuối năm của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 1.126.622.994.205 VND (Thuyết minh 15 - Phụ lục 03);
- Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê: 78.314.208.873 VND.

Bất động sản đầu tư tăng trong năm được Tổng Công ty ghi nhận theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành hoặc theo các quyết định tạm tăng tài sản của Tổng Giám đốc, bao gồm:
- Hệ thống trạm BTS phục vụ hoạt động cho thuê lại tại các tỉnh thành trên cả nước;
- Hệ thống DAS cho các tòa nhà tại tỉnh Bình Thuận.

Trong năm 2024, doanh thu từ bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là doanh thu hoạt động kinh doanh hạ tầng cho thuê (Thuyết minh số 25).

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí thuê văn phòng và thuê địa điểm trạm	89.879.017.161	41.968.704.980
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	43.637.532.008	39.141.315.442
	133.516.549.169	**81.110.020.422**
Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.530.588.741	34.957.349.509
	17.530.588.741	**34.957.349.509**

15 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 03.

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	**36.264.234.416**	**36.264.234.416**	**82.154.219.438**	**82.154.219.438**
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	57.618.000	57.618.000	8.786.613.000	8.786.613.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	26.873.614.805	26.873.614.805	42.177.391.858	42.177.391.858
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	40.000.000	40.000.000	25.631.586.498	25.631.586.498
- Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	5.386.352.182	5.386.352.182	4.473.621.346	4.473.621.346
- Công ty TNHH Viettel - CHT	3.683.905.431	3.683.905.431	336.222.000	336.222.000
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	-	-	423.142.500	423.142.500
- Các nhà cung cấp khác	222.743.998	222.743.998	325.642.236	325.642.236
Bên khác	**571.332.547.203**	**571.332.547.203**	**499.001.681.410**	**499.001.681.410**
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	24.609.133.802	24.609.133.802	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Tùng Phương	23.620.195.831	23.620.195.831	1.423.331.202	1.423.331.202
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại IN2TEK	15.820.902.221	15.820.902.221	3.818.496.990	3.818.496.990
- Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng	9.096.743.110	9.096.743.110	14.097.299.760	14.097.299.760
- Công ty TNHH Thương mại Xuân Khương	10.750.096.293	10.750.096.293	9.480.475.667	9.480.475.667
- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Phương Ngọc	21.061.019.895	21.061.019.895	15.461.903.397	15.461.903.397
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật	46.170.689.291	46.170.689.291	15.972.336.332	15.972.336.332
- Công ty TNHH Zhejiang Jinko Solar	9.191.623.680	9.191.623.680	4.753.111.084	4.753.111.084
- Các nhà cung cấp khác	411.012.143.080	411.012.143.080	433.994.726.978	433.994.726.978
	607.596.781.619	**607.596.781.619**	**581.155.900.848**	**581.155.900.848**

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
Bên liên quan		**44.827.488.205**	**373.687.964.265**
- Telecom International Myanmar Company Limited	(1)	44.398.654.732	373.350.617.146
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel		44.396.252	78.956.252
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel		82.772.461	-
- Các chi nhánh Viettel tỉnh		301.664.760	258.390.867
Bên khác		**368.076.238.946**	**287.159.809.583**
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Phú Hải	(2)	5.151.653.008	12.246.426.669
- Công ty Cổ phần Thái Sơn Long An	(3)	5.074.227.636	12.296.691.781
- Công ty Cổ phần Xây dựng VNC	(4)	13.189.543.497	10.389.717.068
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Eco Pearl City	(5)	37.561.112.529	-
- Công ty TNHH Aqua City Hoà Bình	(6)	28.382.599.564	-
- Công ty TNHH Thương Mại Central Park	(7)	19.465.646.960	-
- Công ty TNHH Phát triển Đô thị Quang Tiến	(8)	10.000.000.000	-
- Các khách hàng khác	(9)	249.251.455.752	252.226.974.065
		412.903.727.151	**660.847.773.848**

(1) Khoản trả trước của Telecom International Myanmar Co.,Ltd ("Mytel") cho Tổng Công ty theo hợp đồng dịch vụ khai thác và ứng cứu thông tin cho Mytel tại thị trường Myanmar.

(2) Khoản khách hàng ứng trước tiền liên quan đến gói thầu: Thi công cung cấp, lắp đặt hệ thống cơ điện trong nhà biệt thự ZONE 3, 4, 7, 8, và Thi công hoàn thiện trong nhà và bể bơi thuộc dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng tại phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

(3) Khoản khách hàng ứng trước tiền thi công kết cấu, hoàn thiện, MEP thuộc dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp T&T Millennia City Long An.

(4) Khoản tạm ứng về việc thi công phần thô và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật của các căn villa thuộc Dự án Grand Mercure Quảng Nam.

(5) Tạm ứng thi công san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải Khu nhà ở sinh thái An Điền tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(6) Tạm ứng thi công hạ tầng kỹ thuật (bao gồm san nền, đường giao thông, nút giao Quốc lộ 6, kè hồ, kè chắn phân lô, kè chắn ranh giới dự án, thoát nước mưa, thoát nước thải) dự án Khu đô thị mới Trung Minh B tại phường Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(7) Tạm ứng thi công xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt ngoài 107 căn nhà ở thấp tầng (không bao gồm phần cọc) Khu đô thị Trung Minh A tại phường Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(8) Khoản tạm ứng về việc thi công hạng mục san nền, kè suối, cống ngang và đường giao thông trục chính (Tuyến D1) thuộc Dự án Khu nhà ở và dịch vụ cộng đồng tại xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(9) Các khoản ứng trước của khách hàng phục vụ cho việc thi công các công trình.

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 04.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

		31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
- Trích trước chi phí xây lắp công trình viễn thông	(i)	232.135.535.877	245.575.494.433
- Trích trước chi phí vận hành khai thác	(ii)	207.943.319.710	182.595.240.636
- Trích trước chi phí hạ tầng cho thuê	(iii)	520.282.536.156	322.958.224.115
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả		2.389.593.749	3.905.933.709
		962.750.985.492	**755.034.892.893**

(i) Là khoản trích trước chi phí thi công, bảo dưỡng cho các công trình đã hoàn thành nghiệm thu quyết toán với chủ đầu tư nhưng chưa tập hợp đủ chứng từ ghi nhận chi phí.

(ii) Là khoản trích trước chi phí nhân công và các chi phí thuê ngoài khác được xác định theo khối lượng dịch vụ đã cung cấp của hoạt động cung cấp dịch vụ vận hành khai thác mạng lưới viễn thông tại 63 Chi nhánh Viettel tỉnh.

(iii) Là khoản trích trước chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông cho thuê đã nghiệm thu nhưng chưa tập hợp đủ chứng từ thanh toán.

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

		31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
Ngắn hạn			
- Kinh phí công đoàn		33.142.917.787	39.915.182.938
- Phải trả Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (về KPCĐ, BHXH, BHYT)		46.145.626.982	66.630.096.474
- Phải trả cổ tức cho cổ đông		8.205.221.148	2.941.530.349
- Phải trả về chi phí sản xuất kinh doanh các trụ	(i)	85.594.116.143	89.588.094.151
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel		1.492.201.162	9.117.020.903
- Đảng phí, đoàn phí giữ lại tại Tổng Công ty		17.113.103.485	12.363.592.639
- Phải trả tiền ủng hộ các quỹ		2.858.713.500	2.120.813.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		8.113.630.774	11.930.926.990
		202.665.530.981	**234.607.257.944**
Dài hạn			
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		15.330.600.000	14.664.000.000
		15.330.600.000	**14.664.000.000**
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan			
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel		1.492.201.162	9.117.020.903
- Các chi nhánh Viettel tỉnh		629.538.933	1.318.026.520
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội		46.145.626.982	68.136.319.270
		48.267.367.077	**78.571.366.693**

(i) Khoản phải trả cán bộ nhân viên về chi phí thực hiện sản xuất kinh doanh bao gồm: dịch vụ vận hành khai thác, dịch vụ kỹ thuật, xây lắp dân dụng.

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là doanh thu của các hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng trạm viễn thông, đã phát hành hóa đơn theo số tiền khách hàng thanh toán trước cho kỳ từ 06 tháng đến 12 tháng.

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Dự phòng bảo hành dịch vụ kỹ thuật	2.419.770.999	2.249.933.304
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	4.959.492.321	3.893.684.179
- Dự phòng bảo hành hàng hóa thương mại và giải pháp tích hợp	2.292.591.650	2.941.922.258
	9.671.854.970	**9.085.539.741**

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 05.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	751.077.450.000	65,66	751.077.450.000	65,66
- Công đoàn Tổng Công ty	10.126.360.000	0,89	10.126.360.000	0,89
- Các cổ đông khác	382.654.980.000	33,45	382.654.980.000	33,45
	1.143.858.790.000	**100,00**	**1.143.858.790.000**	**100,00**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*1.143.858.790.000*	*1.143.858.790.000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	-	-
- *Vốn góp cuối năm*	*1.143.858.790.000*	*1.143.858.790.000*
Cổ tức, lợi nhuận		
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm*	2.941.530.349	5.948.998.699
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm*	530.636.092.681	114.385.879.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia bằng tiền	530.636.092.681	114.385.879.000
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	*(525.372.401.882)*	*(117.393.347.350)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(525.372.401.882)	(117.393.347.350)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	**8.205.221.148**	**2.941.530.349**

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	114.385.879	114.385.879
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	114.385.879	114.385.879
- *Cổ phiếu phổ thông*	*114.385.879*	*114.385.879*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	114.385.879	114.385.879
- *Cổ phiếu phổ thông*	*114.385.879*	*114.385.879*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản cho thuê ngoài

Tổng Công ty hiện đang sử dụng Bất động sản đầu tư bao gồm tuyến cống ngầm hóa cáp quang, tuyến cáp quang sợi và hệ thống trạm BTS vào mục đích cho thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Từ 1 năm trở xuống	744.132.168.672	533.230.317.504

Tài sản thuê ngoài

Tổng Công ty thuê tài sản làm trụ sở văn phòng làm việc Tổng Công ty tại Hà Nội, văn phòng các chi nhánh và vị trí trạm theo hợp đồng thuê hoạt động trên địa bàn 64 tỉnh thành. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Từ 1 năm trở xuống	341.270.302.044	161.921.038.668

Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ	USD	2.581.537,34	3.148.620,85
- Kyats Myanmar	MMK	4.167.613.769,00	5.504.564.459,00

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.207.812.423	1.207.812.423

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
Doanh thu xây dựng công trình	4.075.342.768.942	3.609.110.326.273
Doanh thu dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin	6.248.846.160.589	5.531.853.537.495
Doanh thu các hợp đồng thương mại và giải pháp tích hợp	1.455.448.583.017	1.462.331.597.323
Doanh thu kinh doanh hạ tầng cho thuê	630.583.626.183	435.447.901.045
Doanh thu dịch vụ kỹ thuật	199.298.421.350	331.664.910.588
	12.609.519.560.081	**11.370.408.272.724**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	**7.983.996.406.990**	**6.842.279.864.654**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)		

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng công trình	3.816.683.529.800	3.299.800.474.627
Giá vốn dịch vụ khai thác và ứng cứu thông tin	5.922.103.770.337	5.227.206.810.858
Giá vốn các hợp đồng thương mại và giải pháp tích hợp	1.375.986.721.137	1.375.867.274.501
Chi phí kinh doanh hạ tầng cho thuê	445.725.140.459	301.318.412.660
Giá vốn dịch vụ kỹ thuật	165.078.025.259	266.381.147.099
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(279.336.432)	(2.046.249.970)
	11.725.297.850.560	**10.468.527.869.775**
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	**238.249.501.461**	**317.736.861.361**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)		
Tổng giá trị mua vào:	238.249.501.461	317.736.861.361
Trong đó:		
- Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán	*238.249.501.461*	*317.736.861.361*
- Còn tồn kho	-	-

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.323.807.107	96.307.794.199
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.072.657.664	123.624.780
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	1.666.478.604	694.282.670
	49.062.943.375	**97.125.701.649**

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	60.826.401.868	84.837.242.075
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	29.322.994.601	8.434.049.844
	90.149.396.469	**93.271.291.919**

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.279.408.904	859.469.125
Chi phí nhân công	107.115.385.833	105.404.481.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.327.977.683	12.167.460.870
Thuế, phí, và lệ phí	77.875.221	84.232.068
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(11.743.766.373)	75.550.105.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.941.615.868	48.805.306.882
Chi phí khác bằng tiền	10.600.759.106	5.010.330.277
	168.599.256.242	**247.881.386.173**

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	905.114.349	-
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	965.318.177	-
Tiền phạt từ mất công cụ, dụng cụ chi nhánh	460.648.916	200.980.956
Tiền phạt hợp đồng	1.298.374.174	1.876.534.310
Thu nhập khác	352.460.292	743.686.785
	3.981.915.908	**2.821.202.051**

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản bị phạt	362.839.000	695.881.115
Chi phí không hình thành TSCĐ	5.714.710.182	4.041.491.747
Chi phí khác	424.539.345	225.548.114
	6.502.088.527	**4.962.920.976**

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại Việt Nam	128.271.122.206	124.263.096.965
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại nước ngoài	7.025.376.588	7.544.717.068
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	**135.296.498.794**	**131.807.814.033**
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	107.760.934.390	33.651.379.075
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(115.949.066.027)	(57.677.862.332)
Trong đó:		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại Việt Nam	*(107.421.122.513)*	*(51.983.758.983)*
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại nước ngoài	*(8.527.943.514)*	*(5.694.103.349)*
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá quy đổi hợp nhất BCTC	(85.171.872)	(20.396.386)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**127.023.195.285**	**107.760.934.390**

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a. Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.195.351.143	693.501.657
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**2.195.351.143**	**693.501.657**

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI (tiếp theo)

b. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(693.501.657)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(1.501.849.486)	-
	(1.501.849.486)	**(693.501.657)**

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	538.221.178.258	524.597.395.205
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	538.221.178.258	524.597.395.205
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	114.385.879	114.385.879
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**4.705**	**4.586**

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.474.596.001.464	2.843.440.489.395
Chi phí nhân công	4.713.503.798.403	4.317.786.151.247
Chi phí khấu hao TSCĐ	318.978.601.646	258.401.642.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.089.016.912.624	909.050.094.240
Chi phí khác bằng tiền	1.078.967.472.756	1.050.393.315.678
	10.675.062.786.893	**9.379.071.693.231**

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro về lãi suất:
Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng
Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND
Tại ngày 31/12/2024	
Tiền và các khoản tương đương tiền	885.809.657.196
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.689.895.134.576
Các khoản cho vay	853.500.000.000
	4.429.204.791.772
Tại ngày 01/01/2024	
Tiền và các khoản tương đương tiền	817.372.574.485
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.753.911.009.067
Các khoản cho vay	1.000.000.000.000
	4.571.283.583.552

Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.
Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024			
Vay và nợ	1.052.105.942.834	572.917.389.729	1.625.023.332.563
Phải trả người bán, phải trả khác	810.262.312.600	15.330.600.000	825.592.912.600
Chi phí phải trả	962.750.985.492	-	962.750.985.492
	2.825.119.240.926	**588.247.989.729**	**3.413.367.230.655**
Tại ngày 01/01/2024			
Vay và nợ	1.195.895.559.062	377.705.688.165	1.573.601.247.227
Phải trả người bán, phải trả khác	815.763.158.792	14.664.000.000	830.427.158.792
Chi phí phải trả	755.034.892.893	-	755.034.892.893
	2.766.693.610.747	**392.369.688.165**	**3.159.063.298.912**

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.397.670.540.341	2.455.208.243.463
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	2.346.248.455.005	2.347.122.939.482

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Xem chi tiết tại Phụ lục 06.

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Tổng Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội	Công ty mẹ
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Công ty Quản lý tài sản Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Viện hàng không vũ trụ	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Công ty An ninh mạng Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Các chi nhánh Viettel tỉnh	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Mygo (Campuchia)	Công ty con của Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty con của Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Viettel Timor Leste Unipessoal Lda	Công ty con của Công ty mẹ
Viettel (Cambodia) Pte., Ltd	Công ty con của Công ty mẹ
Viettel Peru S.A.C	Công ty con của Công ty mẹ
Movitel, SA	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một Thành viên Logistics Viettel	Công ty con của Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Star Telecom	Công ty liên kết gián tiếp của Công ty mẹ
Telecom International Myanmar Co.,Ltd	Công ty liên kết gián tiếp của Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**7.983.996.406.990**	**6.842.279.864.654**
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	264.351.640.228	1.797.762.081.651
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	8.258.112.491	5.352.751.545
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	10.338.194.011	254.232.444.579
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	21.081.038	41.642.801
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	45.434.890	1.371.202.975
- Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	4.318.325.564.806	2.684.350.385.491
- Công ty Star Telecom	4.110.429.990	1.006.803.410
- Telecom International Myanmar Co.,Ltd	1.927.891.876.501	991.933.815.195
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	62.836.364	62.836.364
- Các chi nhánh Viettel tỉnh	811.950.595.655	545.908.335.365
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	17.901.694.246	13.782.621.068
- Công ty TNHH Một Thành viên Logistics Viettel	1.446.643.509	-
- Viettel (Cambodia) Pte., Ltd	574.966.347.917	519.725.261.954
- Viettel Peru S.A.C	4.438.262.296	2.142.556.138
- Công ty Movitel, SA	32.729.746.467	22.033.512.468
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội	6.879.229.581	2.095.363.650
- Công ty An Ninh Mạng Viettel	-	305.800.000
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	187.200.000	172.450.000
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	91.517.000	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	**238.249.501.461**	**317.736.861.361**
- Tập đoàn Công nghiệp Viễn Thông Quân đội	32.827.466.396	35.510.708.361
- Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	171.092.185.513	221.514.176.964
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	590.292.480	-
- Học viện Viettel	21.395.000	-
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	434.746.000	-
- Công ty TNHH Viettel - CHT	4.723.024.572	3.317.428.960
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	3.999.356.712	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	10.549.714.687	50.572.625.172
- Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	118.478.348	-
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh Nghiệp Viettel	8.242.075.146	6.821.921.904
- Viettel (Cambodia) Pte., Ltd	4.479.260.955	-
- Công ty TNHH Mygo (Campuchia)	140.780.652	-
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	1.030.725.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		**24.433.736.885**	**23.173.145.787**
- Ông Đỗ Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	4.175.438.552	3.852.829.279
- Ông Nguyễn Quang Khải	Thành viên HĐQT	354.000.000	264.000.000
- Ông Nguyễn Tất Trường	Thành viên HĐQT	1.316.188.794	1.145.612.720
- Bà Vũ Thị Mai	Thành viên HĐQT	136.000.000	56.000.000
- Bà Nghiêm Phương Nhi (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)	Thành viên HĐQT	-	28.000.000

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau: (tiếp theo)

		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt (tiếp theo)			
- Ông Phạm Đình Trường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	5.559.991.133	5.229.256.481
- Ông Nguyễn Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc	3.433.402.691	3.270.764.967
- Bà Đào Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	3.407.585.810	3.270.764.967
- Ông Đặng Văn Chung (Bổ nhiệm ngày 18/12/2024)	Phó Tổng Giám đốc	140.182.574	-
- Ông Trần Thúc Linh (Bổ nhiệm ngày 18/12/2024)	Phó Tổng Giám đốc	201.042.658	-
- Ông Nguyễn Thái Hưng (Miễn nhiệm ngày 18/12/2024)	Phó Tổng Giám đốc	3.349.657.673	3.270.764.967
- Ông Lê Hữu Hiền (Miễn nhiệm ngày 01/03/2023)	Phó Tổng Giám đốc	-	553.488.828
- Ông Ngô Quang Tuệ	Trưởng Ban KS	1.178.724.265	1.133.121.653
- Ông Phạm Hồng Quân	Thành viên Ban KS	734.227.535	701.430.719
- Bà Mai Thị Anh	Thành viên Ban KS	447.295.200	397.111.207

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 căn cứ theo Biên bản Thanh tra số 05/BBTTr-VCC ngày 17/09/2024 của Thanh tra Bộ Tài chính. Theo đó một số chỉ tiêu được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.978.364.543.283	2.052.515.681.897	74.151.138.614
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(103.552.387.501)	(102.506.243.395)	1.046.144.106
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	168.741.450.765	176.774.863.066	8.033.412.301
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	693.430.648.630	755.034.892.893	61.604.244.263
- Phải trả ngắn hạn khác	319	237.767.256.489	234.607.257.944	(3.159.998.545)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	515.877.770.504	524.597.395.205	8.719.624.701

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	11.298.950.641.691	11.370.408.272.724	71.457.631.033
- Giá vốn hàng bán	11	10.406.923.625.512	10.468.527.869.775	61.604.244.263
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	248.927.530.279	247.881.386.173	(1.046.144.106)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	129.627.907.858	131.807.814.033	2.179.906.175
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	515.877.770.504	524.597.395.205	8.719.624.701
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.510	4.586	76
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
- Lợi nhuận trước thuế	01	644.812.176.705	655.711.707.581	10.899.530.876
- Các khoản dự phòng	03	75.989.978.469	74.943.834.363	(1.046.144.106)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(524.543.828.035)	(598.694.966.649)	(74.151.138.614)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	338.518.427.652	402.816.179.496	64.297.751.844

Dương Văn Khiết	Phạm Tuấn	Phạm Đình Trường
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Phụ lục 01 : CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục đích xây dựng	Nguồn vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Tình trạng dự án	Tổng mức đầu tư	Khối lượng đã thực hiện
							VND	VND
(1)	Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023 (i)	63 tỉnh/thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (2.000 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 2/2023 đến hết năm 2025	Đang triển khai	536.274.641.558	440.317.527.834
(2)	Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024 (ii)	63 tỉnh/thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (5.000 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 1/2024 đến hết năm 2026	Đang triển khai	1.460.021.924.762	468.220.634.750
							1.996.296.566.320	**908.538.162.584**

(i) Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án này đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch (Thuyết minh 15, Phụ lục 03, Stt 5);

(ii) Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án này đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (Thuyết minh 15, Phụ lục 03, Stt 8);

Phụ lục 02 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.571.724.948	274.018.357.379	445.082.385.330	9.521.748.591	740.194.216.248
- Mua trong năm	-	*14.425.399.323*	*1.272.928.818*	*3.459.724.000*	*19.158.052.141*
- Tăng do CLTG chuyển đổi BCTC	-	*78.382.650*	*16.058.000*	-	*94.440.650*
- Thanh lý, nhượng bán	-	*(16.904.718.369)*	*(6.694.355.964)*	*(858.026.474)*	*(24.457.100.807)*
Số dư cuối năm	**11.571.724.948**	**271.617.420.983**	**439.677.016.184**	**12.123.446.117**	**734.989.608.232**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.607.303.097	140.689.003.361	324.770.387.546	6.588.851.178	478.655.545.182
- Khấu hao trong năm	*411.876.312*	*35.307.018.791*	*69.257.541.841*	*2.188.445.117*	*107.164.882.061*
- Tăng do CLTG chuyển đổi BCTC	-	*3.008.021*	*16.058.000*	-	*19.066.021*
- Thanh lý, nhượng bán	-	*(16.904.718.369)*	*(6.694.355.964)*	*(858.026.474)*	*(24.457.100.807)*
Số dư cuối năm	**7.019.179.409**	**159.094.311.804**	**387.349.631.423**	**7.919.269.821**	**561.382.392.457**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.964.421.851	133.329.354.018	120.311.997.784	2.932.897.413	261.538.671.066
Tại ngày cuối năm	**4.552.545.539**	**112.523.109.179**	**52.327.384.761**	**4.204.176.296**	**173.607.215.775**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 79.916.813.509 VND (Thuyết minh 15 - Phụ lục 03);
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 109.660.659.055 VND.

Phụ lục 03 : VAY

		01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn		***1.060.569.974.376***	***1.060.569.974.376***	***1.969.753.741.625***	***2.180.329.175.959***	***849.994.540.042***	***849.994.540.042***
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	(1)	369.520.320.324	369.520.320.324	545.132.302.388	551.970.371.887	362.682.250.825	362.682.250.825
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình		241.159.261.327	241.159.261.327	70.866.000.000	312.025.261.327	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	(2)	449.890.392.725	449.890.392.725	494.094.264.506	858.012.797.688	85.971.859.543	85.971.859.543
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	(3)	-	-	616.394.376.268	458.320.745.057	158.073.631.211	158.073.631.211
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Hội sở	(4)	-	-	243.266.798.463	-	243.266.798.463	243.266.798.463
Vay dài hạn đến hạn trả		***135.325.584.686***	***135.325.584.686***	***202.111.402.792***	***135.325.584.686***	***202.111.402.792***	***202.111.402.792***
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	(5)	5.309.331.178	5.309.331.178	45.690.892.988	5.309.331.178	45.690.892.988	45.690.892.988
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	(6)	52.230.316.176	52.230.316.176	46.811.478.164	52.230.316.176	46.811.478.164	46.811.478.164
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	(7)	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	(8)	-	-	31.536.097.544	-	31.536.097.544	31.536.097.544
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội	(9)	-	-	286.996.764	-	286.996.764	286.996.764
		1.195.895.559.062	**1.195.895.559.062**	**2.171.865.144.417**	**2.315.654.760.645**	**1.052.105.942.834**	**1.052.105.942.834**

Phụ lục 03 : VAY (tiếp theo)

		01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn							
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	(5)	63.711.974.138	63.711.974.138	188.683.991.005	22.845.446.494	229.550.518.649	229.550.518.649
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	(6)	157.931.819.573	157.931.819.573	-	65.287.895.220	92.643.924.353	92.643.924.353
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	(7)	291.387.479.140	291.387.479.140	-	77.785.937.332	213.601.541.808	213.601.541.808
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	(8)	-	-	236.793.335.220	-	236.793.335.220	236.793.335.220
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội	(9)	-	-	2.439.472.491	-	2.439.472.491	2.439.472.491
		513.031.272.851	**513.031.272.851**	**427.916.798.716**	**165.919.279.046**	**775.028.792.521**	**775.028.792.521**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		(135.325.584.686)	(135.325.584.686)	(202.111.402.792)	(135.325.584.686)	(202.111.402.792)	(202.111.402.792)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		**377.705.688.165**	**377.705.688.165**			**572.917.389.729**	**572.917.389.729**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Stt	Bên cho vay	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo
(1)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	Tối đa 10 tháng đối với hoạt động xây lắp Tối đa 3 tháng đối với hoạt động vận hành Tối đa 5 tháng đối với hoạt động khác	5,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Quyền đòi nợ luân chuyển (được hạch toán trong sổ sách kế toán của Tổng Công ty dưới hình thức các khoản phải thu) của Tổng Công ty đối với bên thứ ba có nghĩa vụ thanh toán với Tổng Công ty phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, bao gồm cả quyền đòi nợ hình thành trong tương lai mà không cần có sự đồng ý của Bên có nghĩa vụ thanh toán, giá trị tối thiểu 650 tỷ đồng

Phụ lục 03 : VAY (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay: (tiếp theo)

Stt	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
(2)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	5,5 - 6 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên từng Giấy nhận nợ	2,4% - 6,48%/năm	Tài trợ nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	6 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên từng Giấy nhận nợ	3,0% - 3,4%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh	Tín chấp
(4)	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Hội sở	6 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên từng Giấy nhận nợ	Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh	Tín chấp
(5)	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	Các cam kết bảo lãnh có thời hạn từ 12 - 60 tháng	Lãi suất thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh lãi suất, điều chỉnh theo từng thời kỳ	Tài trợ chi phí thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023"	Tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10 - Phụ lục 01 và Thuyết minh 13
(6)	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Từ 5 đến 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	5,525% - 6,4%/năm	Tài trợ chi phí thực hiện các dự án "Đầu tư hệ thống pin mặt trời áp mái năm 2020" và dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 - Giai đoạn 2 (quy mô 1320 nhà trạm và hệ thống nguồn tại 63 tỉnh/thành phố)"	Tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 11 - Phụ lục 02 và Thuyết minh 13)
(7)	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	Từ 5 đến 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	6,0% - 6,8%/năm	Tài trợ chi phí thực hiện các dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 - Dự án 1" và dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2022"	Toàn bộ tài sản bao gồm nhưng không giới hạn hệ thống hạ tầng cột thu phát sóng, hạ tầng nhà trạm, trang thiết bị, vật tư,... hình thành trong tương lai thuộc dự án của Tổng Công ty (Thuyết minh 13)

Phụ lục 03 : VAY (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay: (tiếp theo)

Stt	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
(8)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày đầu tiên mỗi kỳ	Tài trợ các chi phí hợp lý, hợp lệ để thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024"	Toàn bộ tài sản bao gồm hình thành trong tương lai thuộc dự án của Tổng Công ty (Thuyết minh 10 - Phụ lục 01 và Thuyết minh 13)
(9)	Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội	60 tháng kể từ và bao gồm ngày rút vốn lần đầu của khoản vay	Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân	Tài trợ cho dự án "Đầu tư tuyến cáp ngầm dọc cao tốc Đà Nẵng trở vào phía Nam"	Tín chấp

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Phụ lục 04 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	Trong năm			31/12/2024
	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	41.447.764.400	417.637.187.252	424.784.216.144	187.549.743	34.488.285.251
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	245.864.923	245.864.923	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	107.760.934.390	135.296.498.794	115.949.066.027	(85.171.872)	127.023.195.285
- Thuế Thu nhập cá nhân	23.116.613.676	202.893.187.618	198.598.462.144	73.882.829	27.485.221.979
- Các loại thuế khác	1.128.463.277	60.345.079.876	60.413.207.332	(84.372.942)	975.962.879
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.321.087.323	18.114.206.585	19.505.810.497	185.836.865	2.115.320.276
	176.774.863.066	**834.532.025.048**	**819.496.627.067**	**277.724.623**	**192.087.985.670**

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 05 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối (Đã điều chỉnh)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**1.143.858.790.000**	**(15.000.000)**	**4.444.473.473**	**-**	**488.751.824.367**	**50.901.895**	**1.637.090.989.735**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	524.597.395.205	-	524.597.395.205
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(181.143.879.000)	-	(181.143.879.000)
Thuế cổ tức Công ty con phân phối lợi nhuận cho Công ty mẹ	-	-	-	-	(1.017.060.425)	-	(1.017.060.425)
Tăng/giảm do thanh lý Công ty con	-	-	952.767.006	-	-	(50.901.895)	901.865.111
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	9.455.731.295	-	(9.455.731.295)	-	-
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	16.264.994.616	-	-	-	16.264.994.616
Số dư cuối năm trước	**1.143.858.790.000**	**(15.000.000)**	**31.117.966.390**	**-**	**821.732.548.852**	**-**	**1.996.694.305.242**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	538.221.178.258	-	538.221.178.258
Phân phối lợi nhuận năm 2022 (*)	-	-	-	-	(219.506.501.801)	-	(219.506.501.801)
Phân phối lợi nhuận năm 2023 (**)	-	-	1.250.494.930	100.000.000.000	(538.629.590.880)	-	(437.379.095.950)
Thuế cổ tức Công ty con phân phối lợi nhuận cho Công ty mẹ	-	-	-	-	(2.641.881.211)	-	(2.641.881.211)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	(11.992.766.610)	-	1.853.623.916	-	(10.139.142.694)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(185.599.525)	-	(185.599.525)
Số dư cuối năm nay	**1.143.858.790.000**	**(15.000.000)**	**20.375.694.710**	**100.000.000.000**	**600.843.777.609**	**-**	**1.865.063.262.319**

Phụ lục 05 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Tổng Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt lần 2 năm 2022 tương ứng 19,19% theo Thông báo số 03/TB-VCC ngày 04/01/2024.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 13/NQ-VCC ngày 24/04/2024, Tổng Công ty công bố phương án phân phối lợi nhuận như sau:

	Số phân phối theo Nghị quyết	Số thực tế phân phối	Chênh lệch
	VND	VND	VND
Tổng Lợi nhuận sau thuế và Quỹ đầu tư phát triển dùng để phân phối	538.629.590.880	538.629.590.880	-
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	*100.000.000.000*	*100.000.000.000*	-
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	*125.000.000.000*	*125.000.000.000*	-
+ Trích Quỹ thưởng cho người quản lý	*2.500.000.000*	*2.500.000.000*	-
+ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt từ Lợi nhuận sau thuế	*311.129.590.880*	*311.129.590.880*	-
	538.629.590.880	**538.629.590.880**	**-**

Phụ lục 06 : BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động vận hành khai thác và ứng cứu thông tin	Hoạt động thương mại và giải pháp tích hợp	Hoạt động kinh doanh hạ tầng cho thuê	Hoạt động dịch vụ kỹ thuật	**Tổng cộng toàn doanh nghiệp**
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.075.342.768.942	6.248.846.160.589	1.455.448.583.017	630.583.626.183	199.298.421.350	12.609.519.560.081
Giá vốn hàng bán	3.816.404.193.368	5.922.103.770.337	1.375.986.721.137	445.725.140.459	165.078.025.259	11.725.297.850.560
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**258.938.575.574**	**326.742.390.252**	**79.461.861.880**	**184.858.485.724**	**34.220.396.091**	**884.221.709.521**
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư của các bộ phận	-	15.698.328.141	-	698.951.270.256	-	714.649.598.397
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư không phân bổ						3.459.724.000
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư	**-**	**15.698.328.141**	**-**	**698.951.270.256**	**-**	**718.109.322.397**
Tài sản bộ phận	1.691.127.594.029	1.510.446.476.265	192.568.138.891	1.653.155.493.686	18.170.966.678	5.065.468.669.549
Tài sản không phân bổ						2.040.789.194.119
Tổng tài sản	**1.691.127.594.029**	**1.510.446.476.265**	**192.568.138.891**	**1.653.155.493.686**	**18.170.966.678**	**7.106.257.863.668**
Nợ phải trả của các bộ phận	412.843.324.573	606.721.173.292	11.484.215.330	1.566.790.934.046	2.419.770.999	2.600.259.418.240
Nợ phải trả không phân bổ						2.640.935.183.109
Tổng nợ phải trả	**412.843.324.573**	**606.721.173.292**	**11.484.215.330**	**1.566.790.934.046**	**2.419.770.999**	**5.241.194.601.349**

Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Ngoài nước	**Tổng cộng**
	VND	VND	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.038.715.090.522	2.570.804.469.559	12.609.519.560.081
Tổng tài sản	6.680.362.402.184	425.895.461.484	7.106.257.863.668
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư	718.109.322.397	-	718.109.322.397

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

ĐỊA CHỈ: Số 6 Đường Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

ĐIỆN THOẠI: 024.6266.1225

E-MAIL: congtrinhviettel@viettel.com.vn

WEBSITE: www.viettelconstruction.com

MÃ SỐ DOANH NGHIỆP: 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/6/2010

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT TỔNG CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Trường

VIETTEL CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

viettel construction

ANNUAL REPORT

2024

ENHANCE EXPERIENCE BREAKTHROUGH GROWTH

1995 - 2025

viettel construction

ABBREVIATIONS

Corporation/VCC	▹Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
GMS	▹General Meeting of Shareholders
BOD	▹Board of Directors
SB	▹Supervisory Board
EB	▹Executive Board - Director
GD	▹General Director
DGD	▹Deputy General Director
Emp	▹Employee
Coor.	▹Coordinator
P&B	▹Production and business
O&M	▹Operation and Maintenance
SE	▹Solar energy
IT	▹Information technology
LP	▹Labor productivity
M&E	▹Material and equipment
RM	▹Risk management
"Hay"	▹Salary Mechanism is advised and built by Hay Group - Global consulting group in the field of human resources.
TMForum	▹Global industry association for service providers and their suppliers in the telecommunications industry
B2B	▹Business To Business - form of trade, business, direct transaction between business and business.
B2C	▹Business-to-consumer: business with individual consumer customers
BI	▹BusinessIntelligence-Business intelligence - technology that helps businesses understand the past, thereby making decisions, taking actions and predicting the future
EPC	▹Engineering, Procurement and Construction: Design, supply technology equipment and construction works.
ROE	▹Return On Equity
EPS	▹Earning Per Share:
ESOP	▹Employee Stock Ownership Plan

CONTENT

4. MESSAGE FROM THE CHAIRMAN

5. MESSAGE FROM THE GD

6. LOOKING BACK TO 2024

06 I. IMPRESSIVE NUMBERS

08 II. OUTSTANDING EVENTS IN 2024

10 III. 2024 TITLES & AWARDS

11 PART I: GENERAL INFORMATION

12 I. BASIC INFORMATION

13 II.ESTABLISHMENT AND DEVELOPMENT

14 III. INDUSTRIES AND BUSINESS AREA

15 IV. ORGANIZATIONAL MODEL/STRUCTURE

16 V. SUBSIDIARIES/AFFILIATES

17 VI. DEVELOPMENT ORIENTATION

18 VII. RISK MANAGEMENT

24 PART II: PERFORMANCE SITUATION DURING THE YEAR

25 I. PRODUCTION AND BUSINESS SITUATION

26 II. IMPLEMENTATION OF STRATEGY TRANSFORMATION FOR THE PERIOD 2021 - 2025

1. FINANCIAL INDICATORS
2. PERFORMANCE INDICATORS
3. STRATEGIC TRANSFORMATIONS OF THE UNIT ACCORDING TO STRATEGY FOR THE PERIOD 2021 - 2025

28 III. ORGANIZATION AND PERSONNEL

1. LIST OF EXECUTIVE BOARD (DIRECTORATES AND CHIEF ACCOUNTANT)
2. NUMBER OF EMPLOYEES

30 IV. INVESTMENT, IMPLEMENTATION OF INVESTMENT PROJECTS

1. LARGE INVESTMENTS, IMPLEMENTATION OF INVESTMENT PROJECTS
2. SUBSIDIARIES AND OPERATIONAL/ FINANCIAL SITUATION

31 V. FINANCIAL SITUATION

1. FINANCIAL SITUATION
2. KEY FINANCIAL INDICATORS

32 VI. SHAREHOLDER STRUCTURE, CHANGES IN OWNER'S INVESTMENT CAPITAL

1. BASIC INFORMATION OF STOCK
2. TRADING DEVELOPMENT OF STOCK
3. SHAREHOLDER STRUCTURE
4. HISTORY OF CAPITAL INCREASE/ SHARE ISSUANCE/DIVIDENT PAYMENT
5. HISTORY OF DIVIDEND PAYMENT AND CAPITAL INCREASE FROM EQUITY

37 VII. REPORT ON SOCIAL AND ENVIRONMENTAL IMPACT

38 PART III: REPORT ON ASSESSMENT OF THE DIRECTORATES

39 I. ASSESSMENT OF PRODUCTION AND BUSINESS PERFORMANCE

40 II. FINANCIAL SITUATION

41 III. IMPROVEMENTS IN ORGANIZATIONAL STRUCTURE, POLICIES, MANAGEMENT

48 PART IV: BODS' ASSESSMENT OF CORPORATION'S PERFORMANCE

49 I. ASSESSMENT OF THE CORPORATION'S PERFORMANCE

53 II. ASSESSMENT OF THE EXECUTIVE BOARD'S PERFORMANCE OF THE DUTIES

54 III. PLAN AND ORIENTATION OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2025

55 PART V: CORPORATE MANAGEMENT

56 I. BOD AND SUBCOMMITTEES

1. MEMBERS AND STRUCTURE OF THE BOARD OF DIRECTORS
2. SUBCOMMITTEES UNDER THE BOARD OF DIRECTORS
3. ACTIVITIES OF THE BOD
4. HACTIVITIES OF INDEPENDENT MEMBER
5. LIST OF BOARD OF DIRECTORS MEMBERS WITH TRAINING CERTIFICATES ON CORPORATE GOVERNANCE

63 II. SUPERVISORY BOARD

1. MEMBERS AND STRUCTURE OF THE SUPERVISORY BOARD
2. SUPERVISORY BOARD ACTIVITIES
3. TRANSACTIONS AND REMUNERATION

71 PART VI: 2024 FINANCIAL STATEMENTS - AUDITED

MESSAGE FRFOM CHAIRMAN OF THE BOARD

Dear Esteemed Shareholders, Valued Customers, Partners, and All Employees,

As we close the chapter on 2024 - a year fraught with formidable challenges from nature, with Typhoon Yagi being the most powerful in the past 70 years; from stringent KPIs and targets tied to new operational contracts; and from geopolitical upheavals around the world and in the region—Viettel Construction has nevertheless successfully fulfilled its business plan, achieving a revenue growth rate exceeding 10%. Alongside accomplishing business goals, Viettel Construction has also completed numerous key national tasks entrusted by the Group: constructing the 500kV transmission line (third circuit); deploying BTS stations to launch Viettel's 5G network; and restoring network infrastructure after the typhoon. These achievements stand as powerful proof of the strength and resilience of the people of Viettel Construction

Entering 2025 - a year that marks the 30th anniversary of our founding and development - Viettel Construction is likened to a passionate young man, constantly striving, growing, and reaching remarkable milestones. Yet, there remains one unwavering constant: our burning mission of "Building a New Life."

This "new life" is the goal that the company continually pursues - not merely in terms of material value, but through fostering meaningful experiences, inspiring positive change, and contributing to a better society. Viettel Construction does not operate for profit alone, but for the higher mission of enhancing quality of life and creating lasting value for both present and future generations.

We shall persist in pioneering innovation and the application of modern technologies. Viettel Construction is committed not only to developing robust infrastructure but also to accompanying the nation on its path toward transformative progress. Fueled by an ambitious vision, we will continue to expand, conquer strategic objectives, and contribute to building a prosperous, modern, and globally integrated Vietnam.

The year 2025 also marks the beginning of a new strategic phase for our Corporation - an era of breakthrough growth and glorious achievements. We look forward to continuing this journey together with our esteemed shareholders, customers, partners, and employees in the time ahead

Sincerely thank you

CHAIRMAN

Do Manh Hung

MESSAGE FRFOM CEO

Dear Esteemed Shareholders, Valued Customers, Partners, and Distinguished Customers,

The dual transformation - Digital Transformation and Green Transition for Sustainable Development - is knocking on the doors of nations and businesses across the globe. This movement is regarded as a monumental shift in human progress, a global mission, and an imperative for all countries and enterprises striving for a more prosperous and sustainable world. It opens up tremendous opportunities and serves as a powerful driver for the Vietnamese business community to transition toward sustainable business models.

To implement this goal, Vietnam is undertaking a number of major strategies, including the National Strategy on Green Growth for the 2021–2030 period, with a vision to 2050, and the National Strategy on Climate Change to 2050. In alignment with the Government, Viettel Construction has been making bold strides in this dual transformation, fundamentally changing our mindset and actions, setting forth sound strategies, and seizing growth opportunities. We continue to leverage our core strength in engineering and technology while applying digital science and innovation to enhance the quality of life for citizens through every product and service we offer.In concrete terms, in 2024, Viettel Construction successfully fulfilled 100% of its annual plan, achieving VND 12,666 billion in revenue, an increase of VND 1,267.1 billion compared to 2023. Pre-tax profit reached VND 671.8 billion, up VND 35.8 billion from the previous year. Notably, in the green business sector - solar energy - we signed and implemented projects for 2,877 clients, including enterprises and households, with a total installed capacity of 50 MWP, equivalent to VND 508 billion, clearly demonstrating Viettel Construction's commitment to driving business forward alongside sustainable development..

In addition, Viettel Construction consistently strives to ensure stable employment and income for over 11,000 employees, while continually recruiting high-quality personnel to join our ever-growing Viettel Construction family. We believe that people are both the key factor and the most valuable capital of any business. This transition is not merely about shifting from a "brown economy" to a "green economy," but also about investing in human resource development, upgrading human capital, and maintaining both social and natural capital.

In today's context, a business mindset that focuses solely on profit is no longer suitable. Green transition, green growth, and green development are now inseparable components of sustainable progress. At Viettel Construction, we believe that a truly sustainable business is one that harmonizes financial success with social contributions - by generating jobs, supporting social welfare, and protecting the environment.

Ultimately, it is our solemn commitment at Viettel Construction to bring the best products and services closer to people across every corner of Vietnam and to international markets. We embrace the responsibility of building a better life for every household, offering optimal solutions to every enterprise, and thereby creating lasting prosperity for society. This is the long-term business strategy we pursue, aiming to achieve USD 1 billion in revenue by 2030, paving the way for a future that is both fulfilling and resilient.

CEO

Pham Dinh Truong

LOOKING BACK TO 2024

I- IMPRESSIVE NUMBERS

TOTAL REVENUE

12.663 Billion VND

PROFIT AFTER TAX

538 Billion VND

Up 2.6% over the same period, completing 101% of the plan

ROE

ROE 27,9%

ROA

ROA 7,6%

EPS

EPS 4.705 VND

TOTAL ASSETS

7.106 Billion VND

EQUITY

1.865 Billion VND

14.240 Billion VND

- CTR stock capitalization as of December 31, 2024.
- In 2024, CTR stock capitalization/market price grew by 36% compared to the 12% increase of VNindex..

NO.1

- Affirming Our Position as Vietnam's No.1 TowerCo: Infrastructure assets include 10,000 BTS stations, 1.87 million m^2 of DAS, 2,716 km of transmission lines, and 16.87 MWP of solar power capacity..
- The Leading Company in Providing Infrastructure Operation and Maintenance Services for Telecommunications Networks
- The No.1 Provider of Home Service Solutions in Vietnam.

II- OUTSTANDING EVENTS IN 2024

1 VIETTEL CONSTRUCTION SUCCESSFULLY ORGANIZED THE EMULATION CONFERENCE FOR THE 2019-2024 PERIOD

PARTICIPATED IN CONSTRUCTION OF 500KV POWER TRANSMISSION PROJECT - NATIONAL KEY PROJECT 2

3 JOINED OUR FORCES TO OVERCOME THE HISTORICAL STORM - YAGI TO PROTECT THE NETWORK

BRAVE VIETTEL SOLDIERS:

- NGUYEN DUC TAI - "BRAVE HEART"WECHOICE AWARDS 2024
- TECHNICAL STAFF HOANG DUC HIEU SAVED PEOPLE WHOSE BOAT CAPSULED IN THE FLOOD

4

5 VIETTEL CONSTRUCTION TECHNICIANS JOINED THE SEARCH FOR 2 PILOTS IN THE DEEP FOREST

6 5G EQUIPMENT INSTALLATION WAS A KEY TASKS ASSIGNED BY THE GROUP, IN WHICH VCC WAS THE CORE NUCLEUS IN THE DEPLOYMENT PROCESS

VIETTEL CONSTRUCTION WON 17 PRESTIGIOUS DOMESTIC AND INTERNATIONAL AWARDS 7

8 DIGITAL MATURITY RANKED 3RD IN THE GROUP, LEADING IN THE DATA FIELD

VIETTEL CONSTRUCTION HAD THE LARGEST COVERAGE OF THE CONSTRUCTION MARKET IN VIETNAM 9

10 STRENGTHENED THE BOARD OF DIRECTORS OF VIETTEL CONSTRUCTION

III- OUTSTANDING EVENTS IN 2024

TITLE
LABOR HERO IN THE DOI MOI PERIOD

AWARDS

GOVERNANCE & HUMAN RESOURCES AWARDS

- Top 10 Best-Governed Companies (VLCA 2024)
- Top 100 Sustainable Enterprises in the Trade and Services Sector (CSI 100)
- MidCap Company with the Most Loved Investor Relations Activities in 2024 and MidCap Company with the Most Highly Rated Investor Relations Activities by Financial Institutions in 2024"
- WeChoice Awards 2024 – Brave Heart Award
- Ranked 76th in the Top 100 Best Places to Work in Vietnam 2024 (Large Enterprise Sector).

INDUSTRY AWARDS

- IOC System – End-to-End Business Operation Solution in Civil Construction (Intelligent Operation Center)
- Vietnam Value Award 2024–2026: Design, supply, and installation of VIETTEL solar power systems
- Top 10 Outstanding Digital Technology Products in Industry and Construction
- Make in Vietnam Award 2024
- Top 5 Most Reputable and High-Quality Contractors in Vietnam 2024 – Vietnam Construction Awards 2024
- Ranked No.1 in the Construction/Architecture Industry - Large Enterprise
- Champion in Infrastructure Development and Power Construction
- Champion - Top 10 Construction Contractors in Vietnam, Infrastructure–Industrial Category.
- Construction Company of the year - Bronze

CORPORATE RANKINGS

- Top 500 Value-Creating Enterprises in Vietnam 2024 (Value500) and Top 10 Value-Creating Enterprises in Vietnam 2024
- Top 500 Largest Companies in Southeast Asia (Fortune 500)
- Top 500 Fastest Growing Companies in Vietnam 2024
- Top 50 Best Performing Growth Enterprises in Vietnam

☆☆☆PART I:

GENERAL

I. THÔNG TIN CƠ BẢN KHÁI QUÁT

Full Name: Viettel Construction Joint Stock Corporation

Abbreviated name: Viettel Construction

Head office: No. 1 Giang Van Minh Street, Kim Ma Ward, Ba Dinh District, Hanoi

Trading address: No. 06 Pham Van Bach Street, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi

Telephone: (024) 6275 1783

Fax: (024) 6275 1783

Website: https://viettelconstruction.com.vn/

Logo: viettel construction

Charter Capital (Registered): VND 1,143,858,790,000 (*One trillion, one hundred forty-three billion, eight hundred fifty-eight million, seven hundred ninety thousand Vietnamese dong*)

Charter Capital (Paid-up): VND 1,143,858,790,000 (*One trillion, one hundred forty-three billion, eight hundred fifty-eight million, seven hundred ninety thousand Vietnamese dong*)

Enterprise Registration Certificate: No. 0104753865, issued by the Hanoi Department of Planning and Investment; Initial registration date: June 9, 2010; 18th revision issued on: June 24, 2024

Tax Code: 0104753865

Legal Representative: Pham Dinh Truong – Member of the Board of Directors, concurrently General Director

II. ESTABLISHMENT AND DEVELOPMENT HISTORY

Viettel Construction Joint Stock Corporation was established on October 30, 1995, as an independently operated entity and an indispensable part of the ecosystem of the Military Industry and Telecoms Group (Viettel Group). With a workforce of up to 11,000 personnel and an operational network spanning all 63 provinces and cities across Vietnam, Viettel Construction stands as Vietnam's leading technical service provider, operating on the foundation of six core strategic business pillars: Infrastructure Investment; Construction (including telecommunications infrastructure and both B2C and B2B civil construction); Information Technology; Integrated Solutions; Technical Services; and Operation and Maintenance

To date, after nearly 30 years of operation, Viettel Construction has built a comprehensive telecommunications infrastructure system across Vietnam, with more than 50,000 broadcast stations and 320,000 kilometers of fiber optic cable - equivalent to eight times the Earth's circumference - covering 100% of the national territory, including coastal islands and remote mountainous areas. At the same time, Viettel Construction has also participated in the construction of telecommunications infrastructure in 10 countries across Asia, Africa, and the Americas.

1995 – 2003

- Establishment of the Survey and Design Enterprise and the Construction Enterprise (predecessor of Viettel Construction Joint Stock Corporation), under the Military Telecommunications Electronics Company.
- The enterprise executed foundation construction and antenna tower installation for high-quality domestic and international projects, including: the 120-meter antenna tower for Tuyen Quang Television Station, the 140-meter antenna tower for Lao National Television, and various towers for Lao Telecom in Vientiane.

2004 – 2009

- The Construction Enterprise was renamed Viettel Construction Company.
- NIn 2006, the company was converted from a dependent-accounting entity to an independently-accounting entity, with a new business name: Viettel Construction One Member Limited Liability State Company.
- In December 2007, the company began implementing network construction in the Kingdom of Cambodia..

2010 – 2017

- In 2010, Viettel Construction focused heavily on the construction of 3G network infrastructure. The 2G and 3G networks of Viettel Group became the largest networks in Vietnam.
- On January 15, 2010, the Minister of National Defense issued a decision to convert Viettel Construction One Member Limited Liability State Company into Viettel Construction Joint Stock Corporation.
- In 2011, Viettel Construction organized deployment teams to carry out construction projects in Haiti.
- In 2014, the company established three subsidiaries in overseas markets: Cameroon, Burundi, and Tanzania.
- In 2015, it completed licensing procedures with the Ministry of Planning and Investment to operate in Laos and Myanmar

2018 – 2020

- Became Vietnam's leading provider of technical services based on digital platforms
- Officially operated based on five key business pillars: Infrastructure Investment for Leasing, Civil Construction, Information Technology, Integrated Solutions, and Operation & Maintenance.
- In 2020, the company recorded VND 6,381 billion in revenue (equivalent to 106% of the plan) and VND 274 billion in profit (equivalent to 136% of the plan).

2021 – 2025

- Became an investor, operator, and provider of high-efficiency, smart infrastructure projects.
- In 2024, Viettel Construction achieved VND 12,663 billion in revenue, maintaining its position as Vietnam's No.1 TowerCo.
- Target revenue by 2025 is set to reach VND 13,968 billion.
- Aims to achieve Digital Maturity Level 5/5 according to TM Forum standards by 2025.

III. BUSINESS INDUSTRY AND LOCATION

NO	FIELD	PRODUCT AND SERVICE GROUP	PRODUCT AND SERVICE NAME
1	**Operations & Maintenance**	Domestic and foreign O&M	▸Providing operation, maintenance, and emergency response services to stations, cable routes, and distribution boxes in the access network layer; Managing subscriber lines, developing new fixed broadband customers.
2	**Construction**	Construction of telecommunications network infrastructure	▸Construction, installation, reinforcement, and maintenance of stations, antenna poles, television poles, lightning protection grounding systems, fiber optic cable systems
3	**Construction**	B2B civil construction	▸Construction of infrastructure for projects (Housing, resorts, industrial parks, factories); Infrastructure for irrigation and transportation works; Bridges and ports
4	**Construction**	B2C&SME civil construction	▸ Construction of personal houses, factories, offices, schools....
5	**Infrastructure for lease**	BTS station	▸ Investment in BTS station infrastructure for lease, power system for BTS station for lease
6	**Infrastructure for lease**	IoT infrastructure for urban areas, industrial parks, seaports	▸ Investing in building IoT infrastructure for urban areas, industrial parks, and seaports
7	**Infrastructure for lease**	Renewable energy	▸Solar power
8	**Infrastructure for lease**	DAS & fixed broadband	▸ DAS & fixed broadband
9	**Infrastructure for lease**	Sewer for rent	▸Sewer for rent, hanging fiber optic cable
10	Integrated solutions	Retail & distribution of goods and equipment	▸Retail and distribute goods and equipment (excluding installation) in the following fields: Household appliances, smarthome equipment, information technology equipment, solar energy systems by the Corporation's OEM or distributed by brands.
11	Integrated solutions	Mechanical and Electrical Solutions	▸Heavy and light electrical systems; Fire fighting systems; Lighting systems, emergency lighting, solar lights; Generators; Camera systems; Solar energy systems
12	Technical services	Maintenance, installation and repair services for household appliances (B2C)	▸Maintenance, repair and maintenance services for household appliances include: Air conditioner/ Washing machine/Water purifier/Water heater/Solar energy/ Smarthome.
13	Technical services	Construction and installation services or operation and maintenance services for renewable energy systems	▸Construction and installation of new solar power systems: rooftop solar power, farm solar power. ▸Operation, maintenance, and repair of solar power systems: rooftop solar power, farm solar power.

THE ABOVE PRODUCTS AND SERVICES ARE PROVIDED BY THE CORPORATION IN 63 PROVINCES/CITIES IN VIETNAM.

IV. CORPORATION MODEL/STRUCTURE

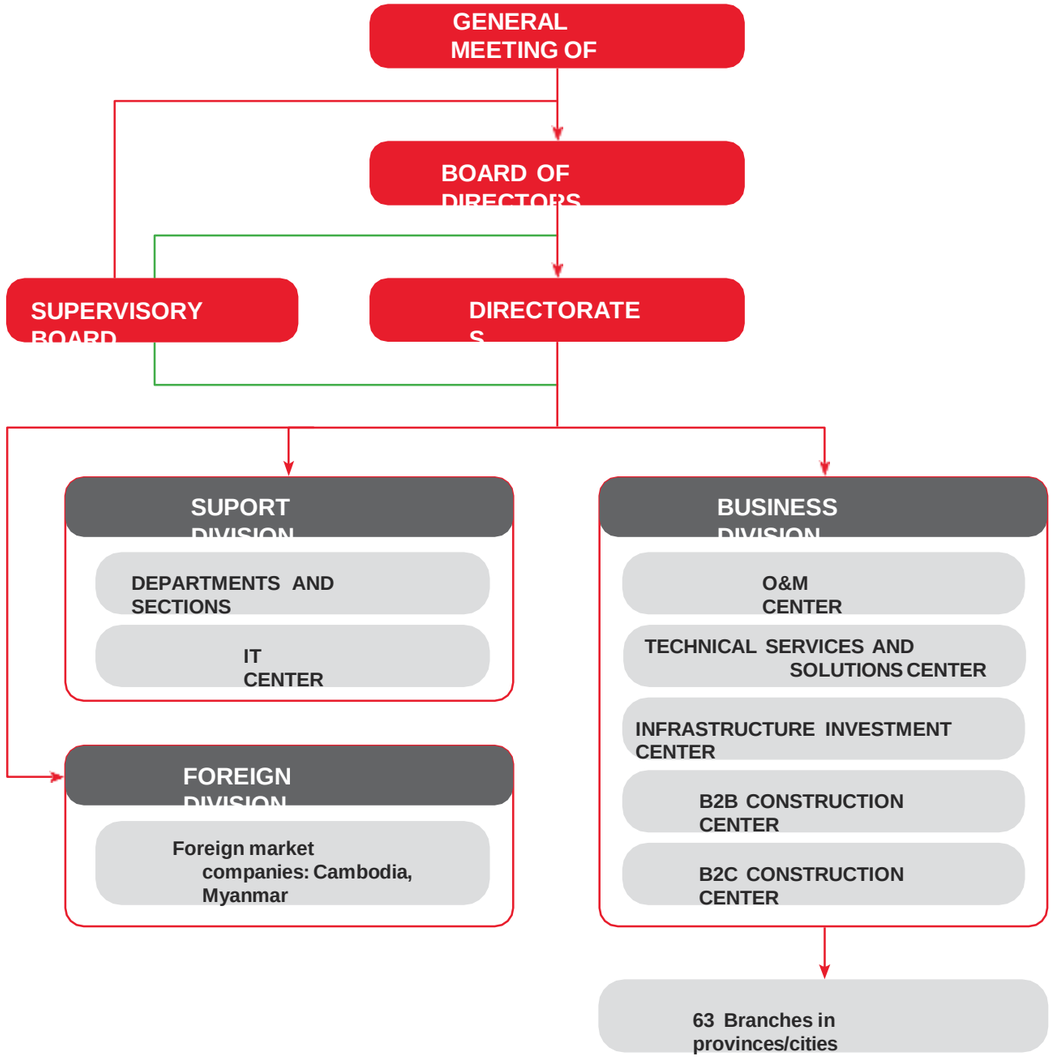

1. DIRECTORATES

▸**General Director and 4 Deputy General Directors**

2. SUPORT DIVISION

▸**Departments and sections** (11 departments):

Political Department; Labor Organization Department; Office; Finance and Accounting Department; Purchasing Department; Training and Communication Department; Legal and Internal Control Department; Technology Department; Business Strategy Department, Customer Care Department, Internal Audit Department

▸**IT center**

3. BUSINESS DIVISION (5 CENTERS)

▸**Technical operation:** O&M center.

▸**Technical solutions & services:** Technical Solutions and Services Center.

▸**Telecommunications construction and infrastruc- ture investment:** Infrastructure Investment Center.

▸**Civil construction:** B2B Construction Center; B2C Construction Center..

4. PRODUCTION DIVISION

▸63 Provincial/City Branches.

▸Foreign market companies: 2 companies in active markets: Myanmar, Cambodia.

V. SUBSIDIARIES/AFFILIATES

VIETTEL CONSTRUCTION CAMBODIA CO., LTD

Address: 22D, ChrokThmay, VeangVong, 7 Makara, Phnom Pênh, Campuchia

Field of operation: Construction and installation of telecommunications infrastructure

Charter capital: 10.000 USD

Ownership ratio: 100%

VIETTEL CONSTRUCTION MYANMAR CO.,LTD

Address: No. 39, Inya Myaing Road, Golden Vallay 1, Bahan, Yangon, Myanmar

Field of operation: Construction and installation of telecommunications infrastructure

Charter capital: 680.000 USD

Ownership ratio: 100%

VI. DEVELOPMENT ORIENTATION

VISION: To become the leading investor, operator, and provider of high-efficiency smart infrastructure.

MISSION: To promote the 4.0 industrial revolution to businesses and households. Provide an ecosystem of products and services on a technical platform in the fields of Infrastructure Investment, Construction, Information Technology, Integrated Solutions, Technical Services and Operation and Mining according to the criteria: professionalism, quality, competitive costs, actively contributing to economic and social development.

GOAL BY 2030:

By 2030, the Corporation will become a billion-dollar enterprise, with a revenue scale of more than 28,000 billion, an average growth of 15%; Profit greater than 1,000 billion, growth of 5-7%/year.

- **O&M:** No. 1 in O&M in Vietnam and expanding foreign markets, prioritizing Viettel's investment markets.
- **Infrastructure for rent:** No. 1 in TowerCo in the Vietnamese market. Expanding investment in underground infrastructure, IOT, renewable energy
- **Construction:** Top 3 B2B construction enterprises and No. 1 in B2C. Expanding construction activities abroad..
- **Technical Solutions and Services:** Top 1 solar system provider for individual customers. Top 3 M&E contractors.

VII. RISK MANAGEMENT

In 2024, Vietnam's socio-economic landscape was profoundly impacted by political instability, natural disasters, and global climate change. Most notably, Super Typhoon No. 3 – Yagi, the most powerful storm in the past 30 years, caused extensive damage to infrastructure and property, significantly disrupting the Corporation's production and business operations. Despite facing numerous challenges, the Corporation demonstrated agility in implementing risk response measures and maintaining operational continuity, while also identifying emerging opportunities in construction, renovation, and infrastructure repair. As a result, it successfully achieved Maturity Level 5 in Risk Management (RM) in 2024.

1. STRUCTURE OF RISK MANAGEMENT SYSTEM

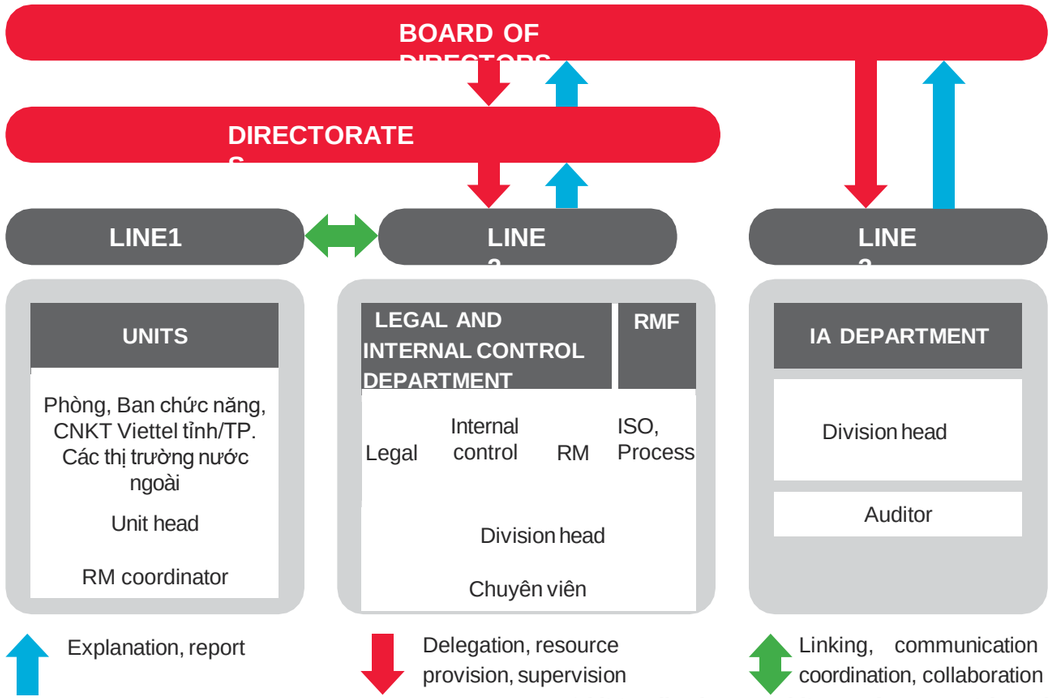

The risk management system at VCC is structured according to the Three Lines Model, ensuring a proactive and effective approach to risk control. ***Specifically***:

- **LINE1:** The risk owners are VCC's affiliated units, including business, operations, and business support departments. These are the frontline units that directly face risks arising from production and business activities and are responsible for managing risks within their respective functional scopes. Their role is to identify, assess, and control risks by integrating risk mitigation measures directly into operational processes, thereby ensuring safe and efficient business operations
- **LINE2:** This line supports and oversees risk management. It is responsible for developing documentation, policies, and tools related to risk management, while also providing guidance and coordinating with the first line in risk control efforts

Additionally, the second line perform oversight and challenge functions to ensure timely risk identification and control. At VCC, the RM Department plays the central role in executing these responsibilities

- **LINE 3:** Internal Audit performs an independent assessment of the effectiveness of governance, risk management, and internal control systems. The Internal Audit Department, reporting directly to the BOD, is tasked with monitoring compliance, evaluating the efficiency of risk control measures, and proposing improvement initiatives to enhance the Corporation's overall risk management capability.

The implementation of the Three Lines Model at VCC strengthens proactive risk governance, enhances over sight and control capabilities at all organizational levels, and ensures operational safety - ultimately contributing to the Corporation's sustainable development goals.

2. RISK MANAGEMENT POLICY

The Risk Management Policy at VCC sets out the fundamental principles governing risk management across the Corporation. It serves as the legalfounda tion for the General Director and all affiliated units to implement risk management practices consistently, in alignment with the Corporation's mission, vision, core values, and strategic objectives.

The Risk Management Policy is reviewed and updated on an annual basis, or on an ad-hoc basis in response to changes in the business environment, legal and regulatory frameworks, corporate strategy, or other factors that may impact VCC's operations.

3. RISK REPORT

The Risk Management Report is prepared on a monthly basis to consolidate, monitor, and assess the state of risk governance across all units within the Corporation. This report documents loss events, analyzes existing key risks, and identifies newly emerging risks throughout VCC. Based on these insights, appropriate response measures are proposed, along with the development of plans and strategies for effective risk control in the up coming period. The Risk Management Report not only strengthens the Corporation's overall risk management capability but also contributes to ensuring that business operations are conducted safely, sustainably, and in alignment with VCC's strategic goals and objectives.

4. KEY RISK

FINANCIAL RISK

Financial risk is one of the key challenges faced by the Corporation, particularly in managing and recovering accounts receivable. This risk primarily arises from investors experiencing cash flow imbalances or facing difficulties in accessing credit sources. To mitigate this risk, VCC proactively implements a financial capability assessment process for clients prior to contract signing, carefully reviews payment terms, includes penalty interest clauses for late payments, requires bank guarantees, and applies reasonable advance payment mechanisms. Responsibility for debt collection is assigned directly to individuals within each unit, supported by software systems that enable automated monitoring and analysis of outstanding debts, thereby enhancing the efficiency of financial management.

COMPLIANCE RISK

Compliance risk refers to operational risks arising from factors related to personnel, processes, and systems, which may result in financial loss and negatively impact the quality of the Corporation's products and services. Such risks can lead to customer dissatisfaction and damage VCC's brand reputation. To manage compliance risk, VCC has established a comprehensive compliance framework that is continuously updated in accordance with changes in legal regulations and modern governance requirements. The Corporation also places strong emphasis on training personnel in legal matters and internal procedures, while conducting both scheduled and unscheduled inspections to promptly detect and address any violations.

REPUTATIONAL RISK

Reputational risk may arise from negative feedback from customers, the media, or information circulated via communication channels and social media, directly affecting VCC's image and credibility in the market. To proactively manage this risk, VCC has upgraded its customer service system, shifting from a reactive to a proactive model through the application of information technology and artificial intelligence (AI). This system enables automated measurement and analysis of customer data, prediction of behavioral trends, and rapid response to feedback - ultimately enhancing the overall customer experience. In parallel, VCC actively engages in communication efforts, organizes seminars, and provides timely information disclosures to customers, partners, shareholders, and regulatory bodies, thereby reinforcing trust in the Corporation's brand.

HUMAN RESOURCE RISK

Human resource risk presents a significant challenge for enterprises operating in large-scale construction and infrastructure sectors nationwide. Recruiting and retaining a highly qualified and experienced workforce is a critical factor in ensuring the Corporation's sustainable development. To mitigate the risk of human resource shortages, VCC has launched the "Excellent Employee Experience" initiative, focusing on cultivating a professional work environment and fostering motivation and growth among staff. The Corporation regularly organizes advanced training programs to enhance employee competencies and has developed a succession planning roadmap that provides young talent with opportunities to grow and take on key management roles in the future.

PROJECT IMPLEMENTATION SCHEDULE RISK

Project implementation schedule risk is a critical factor impacting VCC's business planning and performance, particularly in infrastructure investment projects such as BTS telecom stations, solar power systems, and construction works for both B2C and B2B segments. Issues related to site clearance, bidding procedures, construction organization, and project acceptance may arise and cause delays. Fully aware of these potential risks, the Corporation has standardized all implementation processes and integrated digital technology into schedule and quality control activities. In addition, VCC maintains a rigorous screening, evaluation, and planning process for consulting, construction, and equipment supply partners, applying strict assessment criteria to ensure the selection of reputable and capable contractors who can meet project timeline and quality requirements.

5. RISK MANAGEMENT IN 2024

HUMAN RESOURCES

Risk management culture is one of the six core cultural pillars of the Corporation. On a quarterly basis, the business centers have integrated RM training into their professional development sessions for personnel directly involved in production and business operations, ensuring that risk management becomes a matter of personal responsibility and daily practice, deeply embedded as a behavioral norm throughout the Corporation. Through monthly RM assessments administered to 100% of employees, along with four legal training modules and 51 risk-related case studies published on the internal platform Người đồng hành (The Companion), the Corporation has significantly enhanced overall understanding, knowledge, and awareness of risk concepts, potential threats, and preventive and control measures. In addition, 12 legal bulletins and 12 regulatory update articles were published on Người đồng hành, equipping employees with essential legal knowledge, minimizing legal risks, and supporting compliance efforts across all business activities of the Corporation.

In 2024, the Risk Management Community organized 65 community workshops at three levels, helping to identify potential risks and share mitigation strategies currently being applied by various units.

PROCESS

The framework of criteria for measuring the maturity level (ML) of the RM system at the Corporation level, business centers, and construction branches is reviewed annually to generate synergistic effects among the organizational components, prioritize the application of technology, and align all efforts toward achieving the organization's shared objectives. The operational plan to finalize the corporate-level RM system has been implemented on schedule, aiming to establish a comprehensive and cohesive RM system from the corporate level down to each individual unit, thereby ensuring the realization of defined goals.

RM has been fully embedded across all production and business activities, ranging from strategy formulation, business planning, and investment projects to structural transformations within the organization, such as organizational model changes, business model innovation, and the design and improvement of business processes. The Corporation has also successfully propagated its RM Culture to 202 partners across 63 construction branches and business centers, extending its influence beyond internal operations.

INSTRUMENTS

In 2024, the Corporation successfully leveraged AI and Machine Learning tools to enhance the efficiency of RM analysis, developing BI (Business Intelligence) reports for trend visualization and analysis, and delivering risk alerts tailored to each business area across all 63 construction branches. The Corporation also built a comprehensive risk library for each specific business domain, developed and deployed an early warning feature, and introduced a repository of common errors on the Vsmart platform to support employees in efficient information retrieval for operational purposes.

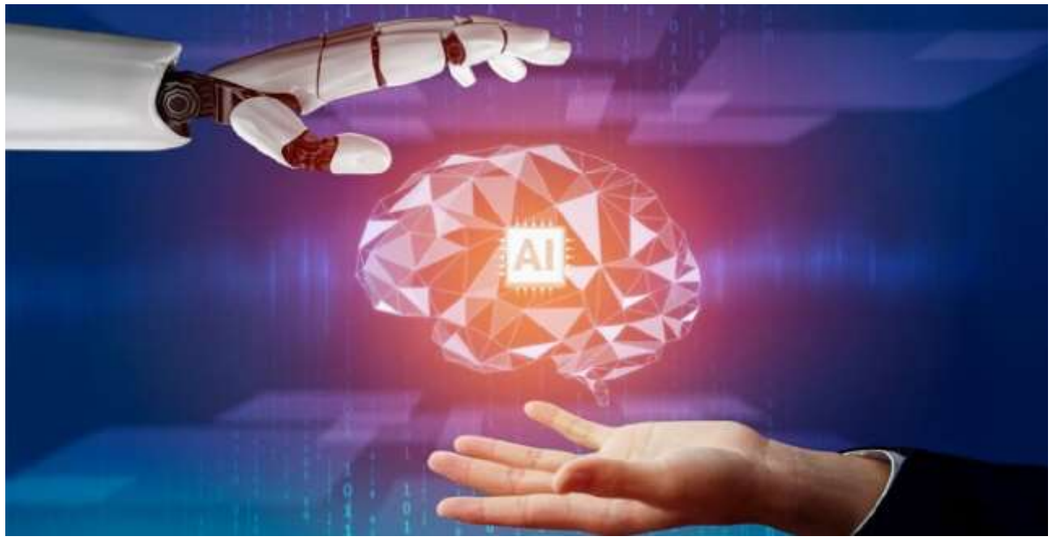

GOVERNANCE

Risk-Based Internal Control Activities: Internal control was conducted with a risk-oriented approach, focusing on 34 thematic inspections targeting highrisk areas closely aligned with the Corporation's business and production activities, including strategic service and product projects, customer data governance, asset and inventory management, contract cash flow control, and receivables management, for identification of issues and the implementation of corrective actions.

The reward mechanism tied to risk management responsibilities has significantly enhanced each employee's sense of accountability in task execution, reinforcing discipline, order, and operational efficiency across the Corporation. 99 employees were recognized for their risk management initiatives and for playing an active role in promoting a strong RM culture.

6. RISK MANAGEMENT PLAN FOR 2025

- RM culture is proactive and positive and spread RM culture to the Corporation's partners
- Deploy the operational plan to ensure the RM system by 2025 in a proactive and positive manner.
- Upgrade software to ensure data linkage with business software, serving information storage, analysis and risk warning.
- Build SMART tools on internal control software to control risk response actions that are exceeding warning thresholds.
- Post-audit 100% of high-risk units to identify systemic problems, propose effective risk prevention solutions or promptly motivate individuals/units to do a good job of RM.
- Link RM performance evaluation to compensation mechanism.

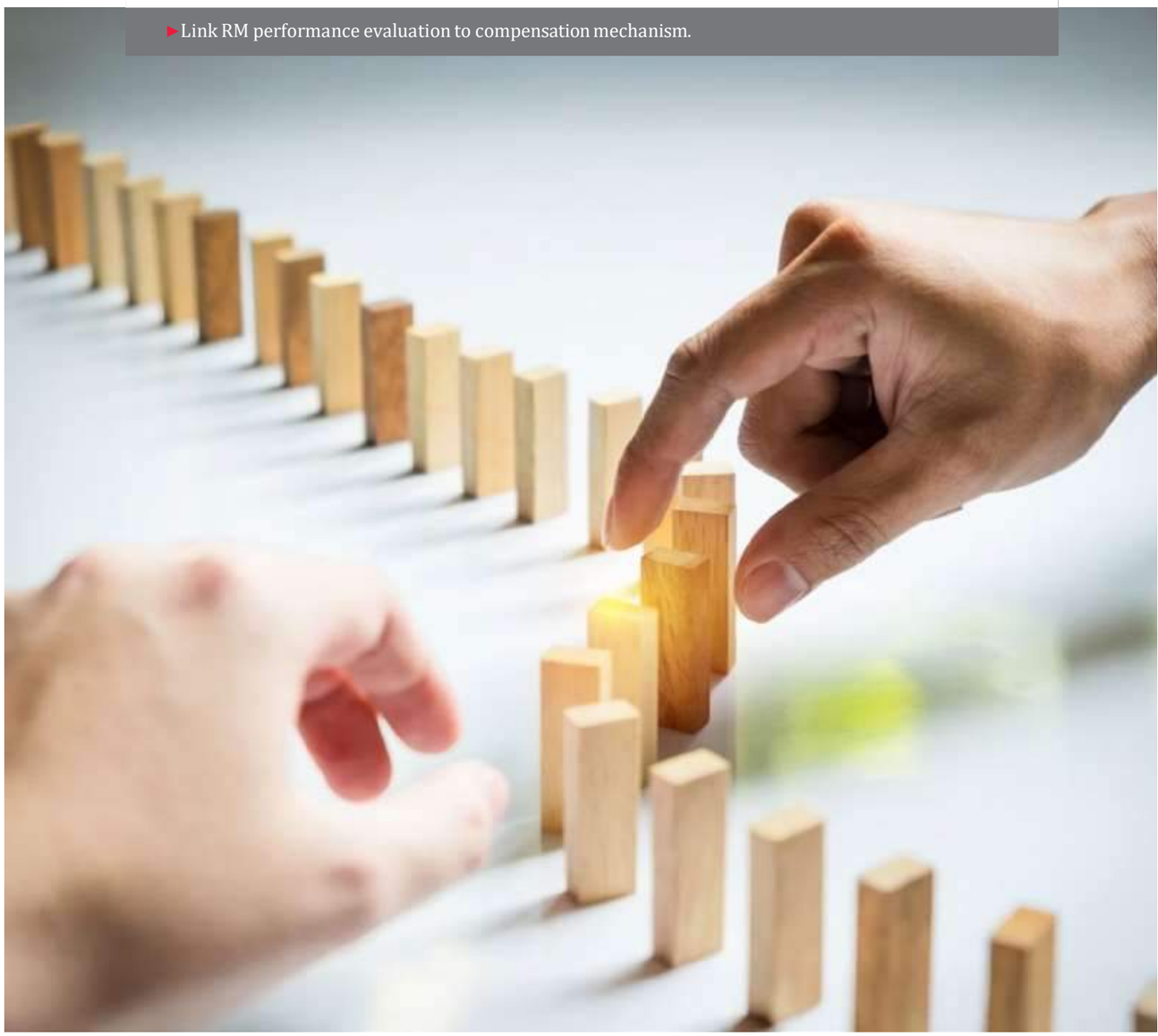

☆☆☆PART II:
OPERATIONS DURING THE YEAR

I. PRODUCTION AND BUSINESS

►Consolidated indicators

NO	INDICATOR	2023	2024			Compared to 2023	
			Plan	Implement	% plan	Δ	% Δ
I	Financial indicators						
1	Total revenue (billion VND)	11.470	12.653	12.663	100%	1.192	10,4%
2	Total cost (billion VND)	10.815	11.982	11.991	100%	1.176	10,9%
3	PBT (billion VND)	656	671,4	672	100%	16	2,5%
4	PAT (billion VND)	525	531,7	38	101%	14	2,6%
II	Performance indicators						
5	ROA (%)	8,0%	6,80%	7,6%	112%	-0,4%	-5,0%
6	ROE (%)	28,9%	24,70%	27,9%	113%	-1,0%	-3,5%

(Figures in the consolidated financial statements for 2024)

►Parent company indicators

NO	INDICATOR	2023	2024			Compared to 2023	
			Plan	Implement	% plan	Δ	%Δ
I	Financial indicators						
1	Total revenue (billion VND)	9.919	11.262	10.139	90%	219	2%
2	Total cost (billion VND)	9.286	10.624	9.479	89%	193	2,1%
3	PBT (billion VND)	633	638	660	103%	26	4,2%
4	PAT (billion VND)	509	509,2	532	104%	22	4,4%
II	Performance indicators						
5	ROA (%)	8,4%	7,00%	8,1%	115%	-0,3%	-4,0%
6	ROE (%)	29,1%	24,70%	28,8%	116%	-0,4%	-1,3%

II. ASSESSMENT OF IMPLEMENTATION OF TRANSFORMATIONS ACCORDING TO THE 2021 - 2025 STRATEGY

1. FINANCIAL INDICATORS

▷ REVENUE

Total revenue: 12,663 billion, completing 100% of the annual plan, growing 10.4% compared to the implementation in 2023 (Δ = 1,192 billion).

▷ PROFIT

Total profit before tax: 672 billion, completing 100% of the 2024 plan, up 2.5% compared to 2023.

2. PERFORMANCE INDICATORS

▷ ROA

7.6%, completing 112% of the plan, down 5% compared to 2023 (Average ROA of retail industry: 2.7%, construction industry ~ 1.1%).

▷ ROE

27.9%, completing 113% of the plan, down 3.5% compared to 2023 implementation (Average ROE of retail industry: 6.6%, construction industry ~ 3.8%).

3. TRANSFORMATIONS ACCORDING TO THE 2021 - 2025 STRATEGY

Transforming from service and commercial contractor to asset-owning, infrastructure-leasing company:

In 2024, VCC completed the synchronous deployment of 4,000 stations, ~ 100% of the annual plan, maintaining its position as the No. 1 TowerCo in Vietnam. Cumulatively, by the end of 2024, VCC owned: 10,000 BTS stations (OCK ranked second with ~ 3,800 stations), 2.45 million m^2 of DAS, 2,716 kilometers of transmission infrastructure, 16.87 MW of solar power capacity. The co-location ratio reached 1.034, equivalent to the 2023 performance. Cumulatively, by year-end 2024, VCC had signed 336 contracts with secondary and tertiary clients.

Transforming from Telecommunications Infrastructure Construction and Operation to a Closed-Loop Ecosystem from Design - Deployment - Operation - Optimization of Smart Connectivity Infrastructure::

- Construction projects: Providing civil construction products and services; execution of MEP works; supply and installation of MEP products for construction projects; and delivery of regular MEP system operation services for clients..
- Residential projects: Providing turnkey solutions, including project consulting, architectural and interior design, construction implementation, project completion, supply and installation of MEP products, smart home solutions for households, and maintenance and repair services for home electrical devices. In 2024, VCC completed 1,268 turnkey houses for contracted customers. The number of individual residential projects reached 99% coverage of districts and 31% coverage of communes/wards
- Leased infrastructure: VCC undertakes the design and construction of BTS stations and antenna towers, invests in and leases telecommunications infrastructure, provides power sources for stations, and delivers operation services for BTS stations and towers to clients
- Solar energy projects: VCC supplies solar panels, installation services (including design and cost estimation), and maintenance of solar power systems for both B2B and B2C clients. In 2024, VCC delivered and installed 21 MWp EPC and operated 152 MWp in total.

Operating the organization towards digital transformation:

- Data quality management and data-driven decision-making: The data management maturity level reached 3/5, ranking first among independent units as evaluated by the Group. The data domain maturity score reached 3.94, up 4.3% compared to 2023, despite involving multiple challenging criteria. The number of data analytics applications deployed to support data-driven decision-making increased by 121% compared to 2023 (measured by the number of request tickets). 100% of data analysts and data scientists at VCC hold domestic and international industry certifications.
- Process digitalization and automation: VCC's processes are continuously refined to adapt flexibly to system demands and align with the Corporation's developmental stages. Management KPIs have been digitized and integrated into BI software for monitoring and executive control. The process digitalization rate reached 98%, up 7% from 2023, while automation covered 52% of all critical processes. RPA technology has been applied across both management and production-business activities of the Corporation. Nearly 290 use cases have been developed and applied across all management and operational functions.
- VCC's innovation initiatives expanded and grew compared to 2023, with 100% of units actively participating. The total number of employee initiatives recorded on the internal system reached 2,599 by the end of October 2024, achieving 118% of the annual plan and marking a 15% increase year-on-year. Policies related to initiatives were revised to encourage employee innovation and foster a culture of creative contribution and idea-sharing.

Expanding business in the fields of Energy and Electromechanics

Revenue from solar energy and MEP in 2024 reached VND 1,149 billion, exceeding the strategic target of VND 1,118 billion, up 10% compared to 2023.

ENERGY: VCC operates both as an EPC contractor supplying and installing solar panels for corporate and individual clients, and as an investor in solar energy systems to sell electricity to organizations and individuals seeking to utilize renewable energy sources.

- ***Project deployment:*** In 2024, thanks to supportive government policies, demand for solar energy increased compared to the past three years, though it did not reach the breakthrough level seen during the peak in 2020. Total estimated output for 2024 is 42.84 MWp (including B2C: 21.35 MWp, B2B: 21.5 MWp), with projected revenue of VND 418 billion, equivalent to 190% of the annual target, reflecting 315% growth (delta: VND 318 billion) compared to 2023.
- ***Project investment:*** In October 2024, the Government issued Decree No.80 related to grid connection and electricity pricing (with no official guidance yet from EVN), hence VCC did not launch any new investment projects in 2024. VCC has resumed efforts to engage potential customers with demand for solar electricity. In 2024, electricity sales revenue came solely from existing projects, totaling VND 42 billion, reaching 66% of the annual plan, and increasing 8% compared to 2023.

MEP: Revenue reached VND 731 billion, ~ 68% of the target, down 22.6% (delta: VND -213 billion) compared to 2023. Reasons: Internal targets for the development of socialized sales channels and online sales channels were not met. Additionally, MEP works typically account for 30–40% of the total capital in real estate projects, while the real estate market in 2024 remained sluggish, with only slight signs of recovery toward the end of the year.

III. ORGANIZATION AND PERSONNEL

1. LIST OF EXECUTIVE BOARD (DIRECTORATES AND CHIEF ACCOUNTANT)

MEMBER	TITLE	PROFILE	NUMBER OF SHARES/ OWNERSHIP RATIO	HOLDING OTHER SECURITIES ISSUED BY THE CORPORATION
PHAM DINH TRUONG	Member of Board of Directors and General Director	Before joining VCC, held multiple leadership positions within various Viettel entities, including General Director of Viettel Network Corporation and Deputy General Director of Viettel Telecom Corporation. On 7/4/2017, appointed as Deputy Director BY the Board of Directors. On 18/10/2018, elected by the Board of Directors as the General Director.On 26/1/2019, elected as a Member of the BOD.	20.332 cp ~ 0,018%.	N/A
DAO THU HIEN	Deputy General Director	Before being a Deputy General Director, appointed as Director of VCC's Business Center. On 22/3/2017, appointed as Deputy General Director by the BOD	64.291 cp ~ 0,056%.	N/A
NGUYEN HUY DUNG	Deputy General Director	Before being a Deputy General Director, on 27/2/2020, appointed as Deputy General Director by the BOD	32.216 cp ~ 0,028%.	N/A
TRAN THUC LINH	Deputy General Director	Before being a Deputy General Director, was Director of the O&M Center. On 18/2/2024, appointed as Deputy General Director by the BOD	19.339 cp ~ 0,017%	N/A
DANG VAN CHUNG	Deputy General Director	Before being a Deputy General Director, was Director of the B2B Construction Center. On 18/2/2024, appointed as Deputy General Director by the BOD	3.015 cp ~ 0.003%	N/A
PHAM TUAN	Chief Accountant	Before joining VCC, worked as Deputy Head of Finance Department of Viettel Telecom Corporation. On 15/5/2024, ppointed as the Chief Accountant by the BOD	400 cp ~ 0.00%	N/A

Changes in the Executive Board in 2024::

- On December 18, 2024, the BOD resolved to dismiss Mr. Nguyen Thai Hung from the position of Deputy General Director (due to his reassignment to a new unit within Viettel), and to appoint Mr. Tran Thuc Linh (Director of the O&M Center) and Mr. Dang Van Chung (Director of the B2B Construction Center) as Deputy General Directors.
- On May 15, 2024, the BOD resolved to dismiss Mr. Bui Duy Bao from the position of Chief Accountant (due to his reassignment to a new unit within Viettel) and to appoint Mr. Pham Tuan as the new Chief Accountant.

2. NUMBER OF EMPLOYEES

Number of employees at the end of the period on December 31, 2024: 10,581

Employee-related policies

At VCC, we firmly believe that people are a company's most valuable capital - its "Human Capital." VCC ensures the well-being of nearly 11,000 employees through a wide range of policies:

- The Corporation consistently guarantees that employees receive full entitlements in accordance with State regulations and corporate welfare policies, including: mandatory social insurance, annual leave, statutory leave under social insurance, participation in various health insurance programs, periodic health check-ups, and corporate cultural activities.
- In addition to legally mandated policies on salary, bonuses, and insurance (social/health/unemployment), VCC has also developed distinctive welfare programs to provide holistic care for employees and their families. Every year, all full-time employees under official labor contracts receive a comprehensive health check-up at reputable hospitals, fully funded by the Corporation. Family members of commissioned officers, non-commissioned officers, and defense civilian staff are also fully covered by health insurance provided by the Corporation. For probationary staff who are not yet eligible for compulsory social insurance, 24/7 accident insurance is provided by the Corporation.
- Each year, on major national and corporate holidays, VCC presents gifts -both in cash and in kind - to all employees, including: Holiday gifts for April 30 & May 1; National Day gift (September 2); Vietnam People's Army Day and New Year gifts (December 22 & January 1) Lunar New Year gifts Anniversary of Viettel Group's founding (June 1) Anniversary of VCC's founding (October 30)
- Employees are also entitled to an annual company-sponsored vacation of three days, with each individual receiving an allowance of VND 6 million.
- VCC fosters a safe working environment, an active learning culture, and clear advancement opportunities for all employees.

IV. INVESTMENT AND IMPLEMENTATION OF INVESTMENT PROJECTS

1. LARGE INVESTMENTS, IMPLEMENTATION OF INVESTMENT PROJECTS

During the year, the Corporation disbursed investment projects and purchased fixed assets worth VND800.8 billion. Some major projects are being implemented, including

Project	Construction location	Construction purpose	Capital source	Duration	Total investment (billion VND)	Completion volume (billion VDN)
Investment in construction of BTS station infrastructure for rent in 2023 (i)	63 provinces/ cities	BTS Infrastructure for rent (2,000 Base Stations and Power Systems)	Equity and loan	From Q2/2023 to the end of 2025	536,3	440,3
Investment in construction of BTS station infrastructure for rent in 2024 (ii)	63 provinces/ cities	BTS Infrastructure for rent (5,000 Base Stations and Power Systems)	Equity and loan	From Q1/2024 to the end of 2026	1.460	468,2

2. SUBSIDIARIES AND PERFORMANCE/FINANCE STATEMENT

(Thousand USD)

No	Name of subsidiary, affiliate	Business field and location	Capital contribution, investment		Equity of subsidiary	Revenue 2024	PAT 2024
			Value	Ratio			
I	**Subsidiary**						
1	Viettel Construction Cambodia	Telecommunications construction and operation of telecommunications infrastructure in Cambodia	10	100%	986	23.140	1.226
2	Viettel Construction Myanmar	Telecommunications construction and operation of telecommunications infrastructure in Myanmar	150	100,0%	1.572	79.506	18

V. FINANCIAL SITUATION

V. FINANCIAL SITUATION

No	INDICATOR	UNIT	2023	2024	% UP/DOWN
1	**Total assets**	Billion VND	6.991	7.106	2%
2	**Net revenue**	Billion VND	11.370	12.610	11%
3	**Profit from operations**	Billion VND	658	674	3%
4	**Other profits**	Billion VND	-2,1	-2,5	18%
5	**PBT**	Billion VND	656	672	2%
6	**PAT**	Billion VND	525	538	3%
7	**Dividend yield ratio**	%	59,31%	53,1%	-10%

Revenue and profit growth are positive.

2. KEY FINANCIAL INDICATORS

No	INDICATOR (CONSOLIDATED)	UNIT	2023	2024	UP/DOWN
1	**Solvency**				
	- Current ratio	Time	1,24	1,17	- 0,07
	- Quick ratio	Time	1,06	1,03	- 0,03
2	**Capital structure**				
	- Debt ratio/Total assets	Time	0,71	0,74	0,02
	- Debt ratio/Equity	Time	2,50	2,81	0,31
	- Equity ratio/Total assets	Time	0,29	0,26	- 0,02
3	**Performance**				
	- Inventory turnover	Time	13,01	16,75	3,73
	- Accounts receivable turnover	Time	6,13	6,35	0,22
	- Accounts payable turnover	Time	2,22	2,29	0,07
	- Net revenue/Total assets	Time	1,63	1,77	0,15
4	**Profitability**				
	- PAT/Net revenue	%	4,6%	4,3%	-0,00
	- PAT/Equity	%	26,3%	28,9%	0,03
	- PAT/Total assets	%	7,5%	7,6%	0,00

VI. SHAREHOLDER STRUCTURE, CHANGES IN EQUITY

1. BASIC STOCK INFORMATION

- Viettel Construction Joint Stock Corporation
- Stock Code CTR
- Trading floor: HOSE
- First trading day on UPCOM: 31/10/2017
- First trading day of listed shares on HOSE: 23/02/2022
- Number of outstanding shares: 114,385,879
- Freely transferable shares: 1,143,619,604
- Restricted shares: 84,056, of which:

Restricted according to the ESOP regulations issued in 2020 pending recovery due to employee resignation: 84,056.

2. STOCKS TRADING DEVELOPMENT

In 2024, CTR shares increased by 36% compared to the beginning of the year, much better than the 12% increase of VNINDEX (Closing price on December 29, 2023: VND 91,800/share; Closing price on December 31, 2024: VND 124,500/share). Average liquidity is about 520,000 shares/session, an increase of 108% compared to the average of 250,000 shares/session in 2023.

3. SHAREHOLDER STRUCTURE

According to the list of shareholders as of September 30, 2024:

☆SHAREHOLDER STRUCTURE BY OBJECT

TYPE	NUMBER OF SHAREHOLDERS	RATE	NUMBER OF SHARES OWNED	RATE
1. DOMESTIC	7.975	97%	103.308.169	90%
a. Individual	7.929	96%	22.213.106	19%
b. Organization	46	1%	81.095.063	71%
2. FOREIGN	255	3%	11.077.710	10%
a. Individual	186	2%	647.896	1%
b. Organization	69	1%	10.429.814	9%
Total	**8.230**	**100%**	**114.385.879**	**100%**

☆STRUCTURE OF LARGE SHAREHOLDERS OVER 5%; STATE SHAREHOLDERS

NO	TYPE OF SHAREHOLDER	NUMBER OF SHARES OWNED	OWNERSHIP RATE (%)	NOTES
I	**State shareholder**	0	0%	N/A
II	**Major shareholder**			
1	**Military Industry - Telecommunications Group**	75.107.745	65,66%	
2	Other shareholders holding > 5%	0	0	

☆STRUCTURE BY TYPE OF SHARES

NO	TYPE OF SHARE	NUMBER OF SHARES	RATE	NOTES
1	**Common share**	114.385.879	100%	
2	**Treasury share**	0	0%	There were no treasury share transactions during the year.
3	**Outstanding share**	114.385.879	100%	

4. HISTORY OF CAPITAL INCREASE/SHARE ISSUANCE/DIVIDEND PAYMENT

TIME	ADDITIONAL ISSUED CHARTER CAPITAL (MILLION VND)	CHARTER CAPITAL AFTER ISSUANCE (VND)	FORM OF CAPITAL INCREASE	APPROVIN G BODY
2010	-	238.000.000.000	Charter capital at the time of equitization (Based on the Business Registration Certificate dated 9/6/2010)	▶Hanoi Department of Planning and Investment first issued on 09/06/2010.
1st time 4/2015	35.695.650.000	273.695.650.000	Issue shares to pay dividends at a ratio of 100:15	▶ GMS of the Corporation, Resolution No.322/NQ-CTR-ĐHCĐ on 26/4/2014; ▶ State Securities Commission, Official Dispatch No.1235/UBCK-QLPH on 20/3/2015; ▶ Hanoi Department of Planning and Investment, the 3rd change of Business Registration Certificate on 27/07/2015.
2nd time 9/2015	32.835.250.000	306.530.900.000	Issue shares to pay dividends at a ratio of 100:12	▶GMS of the Corporation, Resolution No.347/NQ-CTR-ĐHCĐ on 25/4/2015; ▶ State Securities Commission, Official Dispatch No.5655/UBCK-QLPH in 4/2015; ▶ Hanoi Department of Planning and Investment, the 4th change of Business Registration Certificate on 4/2/2016.
3rd time 4/2016	75.979.940.000	382.510.840.000	Offering shares to existing shareholders at a ratio of 112:30	▶GMS of the Corporation, Resolution No.347/NQ-CTR-ĐHCĐ on 25/4/2015; ▶State Securities Commission, Certificate of registration for public offering of shares No.01/GCNUBCK on 13/1/2016 ▶ Hanoi Department of Planning and Investment, the 5th change of Business Registration Certificate on 28/7/2016.
4th time 10/2016	45.889.500.000	428.400.340.000	Issue shares to pay dividends at a ratio of 10:12	▶ GMS of the Corporation, Resolution No.435/NQ-CTR-ĐHCĐ on 26/4/2016; ▶ State Securities Commission, Official Dispatch No.6483/UBCK-QLCB on 26/9/2016; ▶ Hanoi Department of Planning and Investment, the 6th change of Business Registration Certificate on 14/11/2016.
5th time 6/2017	42.833.070.000	471.233.410.000	Issue shares to pay dividends at a ratio of 10:1	▶ GMS of the Corporation, Resolution No.13/NQ-CT-ĐHCĐ on 22/4/2017; ▶ State Securities Commission, Official Dispatch No.2828/UBCK-QLCB on 22/5/2017; ▶ Hanoi Department of Planning and Investment, the 7th change of Business Registration Certificate on 18/8/2017.
6th time 11/2018	47.117.020.000	518.350.430.000	Issue shares to pay dividends at a ratio of 10:1	▶GMS of the Corporation, Resolution No.1192/NQ-CT-ĐHCĐ on 19/6/2018; ▶State Securities Commission, Official Dispatch No.7322/UBCK-QLCB on 29/10/2018; ▶ Hanoi Department of Planning and Investment, the 11th change of Business Registration Certificate on 17/1/2019.
7th time 9/2019	88.624.660.000	606.975.090.000	Issue shares to pay dividends at a ratio of 100:17,1	▶GMS of the Corporation, Resolution No.03/NQ-CT-ĐHCĐ on 23/4/2019; ▶State Securities Commission, Official Dispatch No.4781/ UBCKQLCB on 8/8/2019; ▶ Hanoi Department of Planning and Investment, the 12th change of Business Registration Certificate on 18/10/2019.
8th time 8/2020	97.106.160.000	704.081.250.000	Issue shares to pay dividends at a ratio of 10:016	▶GMS of the Corporation, Resolution No. 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ on 6/6/2020; ▶State Securities Commission, Official Dispatch No.4567/ UBCKQLCB ngày 23/07/2020; ▶ Hanoi Department of Planning and Investment, the 13th change of Business Registration Certificate on 29/9/2020.
9th time 11/2020	13.737.030.000	717.818.280.000	Issue shares to employees (ESOP) in 2020	▶GMS of the Corporation, Resolution No. 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ on 6/6/2020; ▶State Securities Commission, Official Dispatch No.6395/ UBCKQLCB on 26/10/2020; ▶ Hanoi Department of Planning and Investment, the 14th change of Business Registration Certificate on 15/12/2020.
10th time 06/2021	211.420.450.000	929.238.730.000	Issue shares to pay dividends at a ratio of 100:22,676 Issue shares to increase share capital from Equity sources at a ratio of 100:6,782	▶GMS of the Corporation, Resolution No4/NQ-VCC-ĐHĐCĐ on 23/4/2021; ▶State Securities Commission, Official Dispatch No.2753/ UBCKQLCB on 10/06/2021; ▶ Hanoi Department of Planning and Investment, the 16th change of Business Registration Certificate on 2/8/2021.
11th time 5/2022	214.620.060.000	1.143.858.790.000	Issue shares to pay dividends at a ratio of 100:23,1	▶GMS of the Corporation, Resolution No.13/NQ-ĐHĐCĐ on 22/04/2022; ▶State Securities Commission, Official Dispatch No.4265/ UBCKQLCB on 06/07/2022; ▶ Hanoi Department of Planning and Investment, the 17th change of Business Registration Certificate on 10/8/2022.

5. HISTORY OF DIVIDEND PAYMENTS AND CAPITAL INCREASE FROM EQUITY

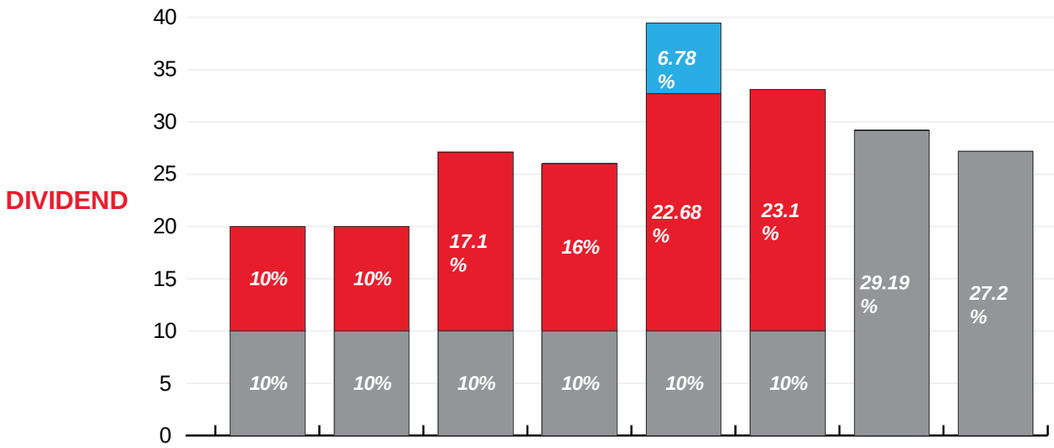

	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Increase from equity	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	6.78%	0.00%	00.00%	00.00%
By shares	10.00%	10.00%	17.10%	16.00%	22.68%	23.10%	00.00%	00.00%
In cash	10.00%	10.00%	10.00%	10.00%	10.00%	10.00%	29.19%	27.2%

VII. REPORT ON SOCIAL AND ENVIRONMENTAL IMPACT

Information according to sustainability report

☆☆☆PART III:

DIRECTORATE REPORT

I. ASSESSMENT OF BUSINESS PERFORMANCE

1. BUSINESS RESULTS

▷ TOTAL REVENUE

Achieved 12,663 billion ~ 100% of the annual plan (12,653 billion), up 11% compared to the actual performance in 2023 (Δ = 1,264 billion).

▷ TRANSFER OF REVENUE WITHIN/OUTSIDE THE GROUP

Revenue with partners outside Viettel reached 7,984 Billion VND, ~ 37% of the total revenue of the Corporation .

▷ PBT

Achieved 671.9 billion/671.4 billion ~ 100% of the 2024 plan, up 4.2% compared to the implementation in 2023.

2. MAJOR ACHIEVEMENTS

Successfully met the 2024 business and production targets with double-digit growth, while maintaining stable employee income despite a downturn in the core VHKT sector and an unfavorable market for the development of new business areas (construction, technical solutions & services).

Maintained the No.1 position in the TowerCo market in Vietnam, with a cumulative total of 10,000 towers by the end of 2024.

Participated in the implementation of the national key energy project - the 500kV circuit 3 extension - under urgent progress requirements mandated by the Prime Minister, served as the core unit in the deployment of Viettel's 5G base stations, with construction activities carried out across 55 provinces, completing 4,118 out of 6,010 stations, equivalent to 70% of the network-wide volume.

Dynamic digital transformation activities, achieving a digital transformation index of 3.85/5 by year-end, with specific areas - technology, operations, customer engagement, strategy, culture, and data - reaching scores from 3.5 to 4/5, reflecting an increase ranging from 2.1% to 5.4%.

II. FINANCIAL SITUATION

1. ASSET SITUATION

The Corporation maintains a reasonable capital and asset structure. Good profitable assets ROA ~ 7.6% higher than the industry level.

ENTERPRISE ASSET STRUCTURE:

Indicator	2023		2024		% up/down
	Value	Ratio	Value	Ratio	
CURRENT ASSETS	5.689	81%	5.421	76%	-5%
Cash and deposits	1.819	26%	1.740	24%	-4%
Receivables	2.999	43%	2.937	41%	-2%
Inventory	790	11%	610	9%	-23%
LONG-TERM ASSETS	1.302	19%	1.685	24%	29%
TOTAL ASSETS	6.991	100%	7.106	100%	

AS OF 31/12/2024, THE VCC RE-EVALUED THE DEBT AND MADE PROVISIONS OF THE FOLLOWING ENTITIES:

Entity	Outstanding balance on 31/12/2024	Provision value
1. Short-term receivables from customers	**108.098.515.720**	**90.761.088.734**
FLC Faros Construction JSC	20.664.108.829	20.664.108.829
Sieu Chung Ky JSC	5.073.917.227	5.073.917.227
Delta - Valley Binh Thuan Co.Ltd	32.422.041.661	22.695.429.163
Dalat Valley Real Estate Co.Ltd	16.858.310.422	11.800.817.295
IDC Indochina JSC	6.235.952.975	6.235.952.975
Other customers	16.440.992.078	13.887.670.717
2. Short-term prepayment to seller	**1.388.288**	**1.388.288**
Other suppliers	1.388.288	1.388.288
3. Total	**108.099.904.008**	**90.762.477.022**

Compared to the beginning of the year, the value of provisions for receivables decreased by VND 11.7 billion due to positive results in urging debt collection.

2. PAYABLE STATUS: THE CORPORATION HAS NO OVERDUE PAYABLES

III. IMPROVEMENTS IN ORGANIZATIONAL STRUCTURE, POLICIES AND MANAGEMENT

1. HUMAN RESOURCES

- Improve the quality of human resources: the rate of IT personnel possessing industry certificates reaches 80% ~ 66/82 personnel; the number of high-quality personnel with professional certificates/international certificates (682 certificates, an increase of 18.6% compared to 2023).
- Deploy the construction of excellent employee experience at the Corporation with the vision of "Building a new life"; Deploy the application of competency framework and promotion roadmap for 100% of positions; provide training to improve modern leadership and management capacity for 100 comrades of business center directors, heads of departments, and branch directors.

2. PROCESS

- Continuously improve to flexibly adapt to the needs of the system and each development stage of VCC; Reach level 5 - self-evolution level, graduall in the automatic adjustment process through AI, BI, and Cloud tools
- The maturity level of the TCT's process and process framework system is 4.5/5.
- The process digitalization rate in 2024 has-reached 98%, up 7% compared to 2023 (Top 1 of the Group); the automation rate reached 54% of key processes (Top 2 of the Group); 83% ~140/168 activities built processes according to the process framework; risk matrix was added to 100% of existing processes

3. TECHNOLOGY

- Significantly improved the technological content in production and business operations.
- Digital transformation maturity level of VCC reached 3.92, ranking among the Top 3 in the Group, up 6.8% compared to 2023..
- Completed research on four new technological products (5G coverage solutions for buildings and factories; evaluation of usage status and investment efficiency of 50Ah Lithium-ion batteries in HTCT BTS stations; Methanol fuel cell technology solution; application of wireless power transmission in SmartHome); Conducted trials on two products (solar power conversion system for HTCT BTS stations; comprehensive filtration solution for areas with specific hard water); Commercialized one technological product (AIO water filter cartridge).

4. MANAGEMENT

- Sustainable development: Management model aligned with international standards and market-oriented approach, derived from the Corporation's Strategy, integrating Human Resources and Corporate Governance practices.
- Rule of law upheld: Issued a Compliance Framework with legal regulations; the RM system was actively and proactively integrated into all production and business activities across all levels, with an RM maturity level of 5/5. Risks are automatically flagged and integrated into the IOC and AIO business software systems.
- Management accounting: Deployed a three-tier accounting model, with data consistently structured across Corporation - Business centers - Construction Branches.
- Salary and bonus mechanisms linked directly to business results and individual labor productivity, clearly assigned to each position to promote and incentivize productivity improvement.

5. DEVELOPMENT PLAN

5.1. FORECAST OF THE BUSINESS ENVIRONMENT

In 2025, the Government aims for a GDP growth rate of 8%, striving to rank 31st-33rd globally in terms of GDP size.

Legal documents promoting renewable energy were issued in 2024, and numerous others are currently under review or pending issuance, with the objective of stimulating economic growth. These include: the revised Electricity Law, which is expected to open up new directions for transmission infrastructure and renewable energy, thereby encouraging investment in power transmission and renewable systems; the Public Investment Law, aimed at reducing administrative procedures and eliminating the "ask-give" mechanism; and various resolutions designed to resolve bottlenecks in real estate projects to support the long-term development of the property market.

Growth in 2025 is forecast to be driven by public investment, as Government expenditure in 2024 fell short of the target, leaving room for expansion in 2025. The implementation of revised laws - the Land Law, the Housing Law, and the Law on Real Estate Business - coming into effect from 2024, is expected to have a positive impact by filtering investors, unlocking capital flows, removing barriers, and providing impetus for the recovery and development of the real estate market.

According to the Central Institute for Economic Management (CIEM), FDI attraction remains positive and is projected to be a key growth driver in 2025. The FDI inflow into ASEAN remains a highlight. In 2024, realized FDI reached USD 25.35 billion, an increase of 9.4% compared to 2023 - the highest disbursement level ever recorded.

In February 2025, the National Assembly approved a comprehensive administrative reform plan covering all levels from central to local, aiming to streamline the apparatus, enhance administrative efficiency, and facilitate business and investment activities, especially in attracting foreign investment. However, in the short term, the implementation of this reform may lead to disruptions in economic activity and delays in public investment disbursement, posing challenges to businesses in general and to VCC in particular, especially in the sectors of civil construction and technical solutions and services.

5.2. BUSINESS ORIENTATION AND STRATEGY FOR 2025

With the 2025 action motto "Enhancing Experience, Accelerating Growth", the Executive Board outlines the business strategy by sector as follows:

Operations and Maintenance:

- Internal O&M: Ensure KPI commitments with investors.
- ExternalO&M : Proactively promote and successfully expand O&M services to at least 3 to 5 enterprises outside the Group.

Civil construction:

- B2B: Intensify participation in projects funded by public investment and FDI, in addition to traditional real estate projects, with a particular focus on 27 key provinces. Implement the co-investment model in real estate business upon fulfillment of legal conditions. Expand operations into international markets.
- B2C: Achieve the target of 5 houses/province/month. Develop a civil construction ecosystem integrated with smart design, interior furnishing, and household appliances.
- Technical solutions and services: Enhance bidding capabilities and execution capacity for large-scale M&E projects. Concentrate resources to dominate the solar energy market across all 63 provinces/cities.
- Infrastructure investment: Invest in the construction of 2,000 new BTS stations. Launch investment in fiber optic systems along the North-South expressway and underground cable networks connecting highways to main stations. Closely follow government policies to implement the construction of durable underground networks in major provinces and cities.

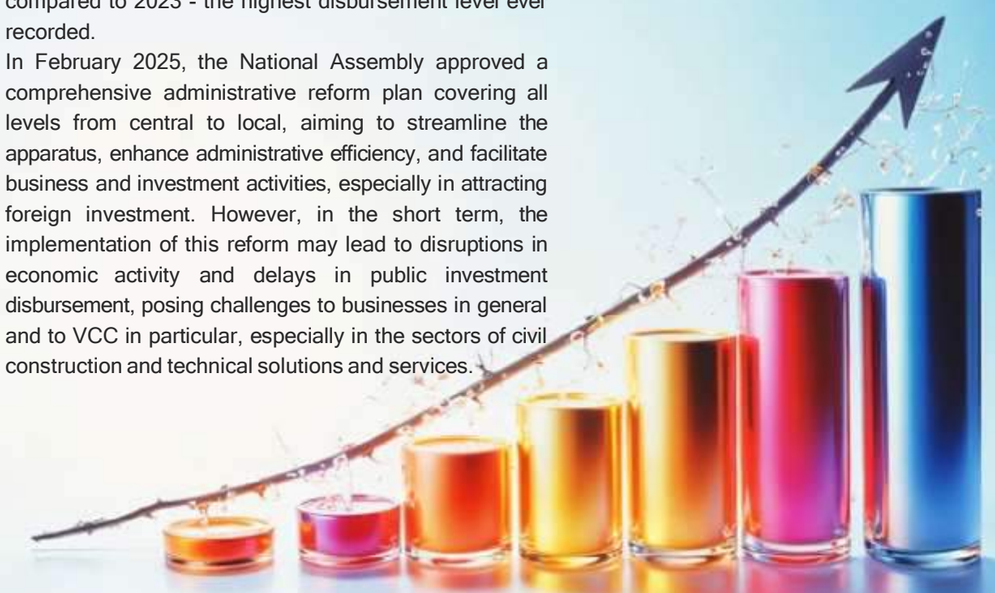

5.3. PRODUCTION AND BUSINESS INDICATORS

Consolidated indicators

NO	INDICATOR	2024	Plan 2025	Compared to2024	
				Δ	%Δ
I	**Financial indicators**				
1	Total revenue (Billion VND)	12.663	13.968	1.305	10,3%
2	Total cost (Billion VND)	11.991	13.247	1.256	10,5%
3	PBT (billion VND)	671,9	721,4	49	7,4%
4	PAT (Billion VND)	538,1	562,7	25	4,6%
II	**Performance indicators**				
1	Ebitda (Billion VND)	1051,6	1163,9	112	10,7%
2	**Net cash flow** (Billion VND)	857,0	967,3	110	12,9%
3	ROA (%)	7,6%	7,2%	-0,5%	-5,9%
4	ROE (%)	27,9%	24,7%	-3,2%	-11,5%

Parent company indicators

NO	PARENT COMPANY INDICATOR	2024	Plan 2025	Compared to2024	
				Δ	%Δ
I	**Financial indicators (Billion VND)**				
1	Total revenue	10.139	12.361	2.222	21,92%
2	Total cost (Billion VND)	9.479	11.687	2.208	23,29%
3	PBT (billion VND)	659,8	674,0	14	2,16%
4	PAT	531,5	526,6	- 5	-0,93%
II	**Performance indicators (%)**				
1	ROA	8,1%	7,3%	-0,8%	-10,22%
2	ROE	28,8%	24,8%	-4,0%	-13,83%

5.4. KEY TASKS IN 2025

- **Implement Go Global strategy:** Sign economic contracts with 2-3 foreign partners.
- **O&M:** Ensure network quality according to investor requirements..
- **Expand business activities outside the Group**, with revenue reaching 6,359, up 26.6% compared to 2024..
- **Maintain Towerco's market share as No.1 in Vietnam**, search for premises and implement construction of 2,000 new locations..
- **Improve the digital maturity score** according to the TMForum framework to ~ [4.0-4.5]/5.

5.5. PRODUCTION AND BUSINESS INDICATORS

Operation and Maitenance

- **Improve the quality of O&M resources:** Standardize the basic knowledge framework for frontline staff; Quarterly assess weak/poor personnel for replacement and elimination; Build an automatic warning tool for personnel shortages.
- **Ensure station quality according to standards:** Control acceptance of new broadcasting stations; Control impacts on network infrastructure; Maintain station quality according to standards..
- **Improve transmission network quality:** Standard- ize transmission network database; Proactively strengthen cable infrastructure.
- **Improve the quality of fixed broadband services:** Implement a program to proactively strengthen transmission weak points; Train FT on customer contact skills to improve experience; Ensure goods, materials, tools and equipment; Proactively invest in resources.
- **Promote customers outside the Group:** Contact customers CMC Telecom; Ministry of Public Security, HBO, Border Guard stations, units owning socialized stations... cooperate to deploy O&M ~ 9,500km of fiber optic cable, 400 border guard stations, 1,500 socialized stations; Work with banks and ATM station suppliers, promote opportunities to cooperate in providing maintenance services, handling ATM incidents for banks (minimum target of 200 machines).

Investment in infrastructure for rent

- **Towerco:** Search for land and deploy 2,000 new BTS station locations; Promote signing contracts for at least 300 stations for customers outside the TD, increasing the shared usage ratio to 1,045.
- **Optical cable:** Monitor, coordinate with the Department of Roads, Department of Expressways and Project Management Boards, BOT to request approval of design, grant construction permits to complete a total of 15 routes ~ 910km of underground cables along the North-South Expressway; Search for customers to put into business 11 routes ~ 580km in 2025
- **Renewable energy:** Continue to follow the State's plans and policies to promote investment as soon as conditions are met to ensure project efficiency; Search for customers with solar energy needs in provinces in Region 2 and Region 3.
- **Research on charging station market:** Evaluate the effectiveness of investment plans for charging stations at highway stops, if feasible, implement investment.
- **Ensuring key programs with Viettel Network Corporation:** Planning deployment forces to meet the progress and quality of new BTS construction, solidification, GPON, undergrounding programs and solutions to improve network quality.

Technical solutions and services

Energy:

- **B2B:** Approach solar energy system investment funds from roof finding contact to promoting EPC and operation for the fund.
- **B2C:** Implement the solar power development program with the target of each district center deploying three systems (5kW each) per month. The Corporation will source competitive products, develop sales incentive policies, and organize group-based sales training. Central departments will engage in hands-on support and joint implementation for the first systems deployed by each district center.

M&E:

- **B2B:** Focus on identifying and engaging with six target customer groups: M&E general contractors, real estate enterprises, design consultancy firms, administrative and public service units - offering products such as air conditioning and ventilation systems, fire prevention and fighting systems, lighting/power systems, elevators, and low-voltage electrical systems. Collaborate with the B2C and B2B Construction Centers to provide a comprehensive product ecosystem for real estate projects, public investment projects, and FDI-funded projects. Seek subcontracting or joint venture opportunities to build capacity and implement flagship projects in key provinces.
- **B2C:** Launch the home elevator development program and the household water purifier subscription program.

Construction

- **Implementation of public investment programs and real estate projects:** Build a B2B customer portfolio within each province, with a particular focus on entities involved in major public investment and real estate projects. Establish a strong local presence to enhance brand reputation and credibility, thereby expanding opportunities to secure new projects.
- **Establish an organizational structure dedicated to identifying, engaging with, and executing FDI projects.** Research necessary criteria to compete with international general contractors, including experience, financial capacity, equipment, and HR. Develop a comprehensive process encompassing project information sourcing, project evaluation (project efficiency and competitiveness), bidding participation, project implementation, final accounting, and warranty management.
- **Implementation of the "Five Private Houses per Province per Month" Program:** Launch the marketing campaigns "Building Homes Everywhere" and "Building with Heart" to promote the AIOHOMES brand across multiple channels. Develop a community-based sales network with a minimum of two collaborators per commune/ward to identify individuals in need of private housing and to amplify brand visibility. Plan, recruit, train, evaluate, and screen the construction teams and local suppliers on a quarterly basis to ensure both quantity and quality. Ensure the availability of construction tools and equipment, enforce strict compliance with operational procedures, and apply both technological and on-site supervision to monitor project quality - aiming for 100% of projects to meet the contractual quality standards agreed with customers.
- **Go Global:** Closely monitor and follow up on projects identified in 2024 to ensure timely implementation. Continue exploring new opportunities through intermediary channels (such as Alibaba.com, customer data purchases), as well as industry organizations and associations. The objective is to secure contracts for the supply of construction materials to building projects in markets such as Australia, New Zealand, and Southeast Asia. Develop and implement a recruitment and training plan to ensure a qualified workforce is in place for the projects anticipated in 2025 and beyond.

5.6. EXPLANATION OF THE DIRECTORATES ON THE AUDITOR'S OPINION: NONE. THE AUDIT REPORT IS FULLY ACCEPTED

5.7. EVALUATION OF ASSESSMENT REPORTS RELATED TO THE COMPANY'S ENVIRONMENTAL AND SOCIAL RESPONSIBILITY

a. Assessment related to environmental indicators

VCC recognizes environmental protection as one of the key factors for sustainable business development. It applies ISO 14001:2015 and ISO 14064-1:2018 standards to identify significant environmental aspects, monitor, and inventory greenhouse gas emissions. VCC's environmental practices include:

- Waste collection at the source.
- Selectionof waste/garbage transportation partners with verified competence.
- Building of directives for saving electricity and water.
- Scheduled vehicle maintenance.
- Establishmentof criteria for renting construction equipment and machinery.
- Monitoring of workplace environmental conditions.
- Avoidanceof simultaneous operation of multiple high-noise machines in densely populated areas.
- Waterspraying for dust suppression at construction sites.
- Shielding and enclosure of construction areas.
- Implementationof ISO 45001 to ensure occupational health and safety, including the development of response plans for fire, electric shock, and chemical spills, with annual emergency drills.

Environmental results in 2024:

- No chemical spill incidents occurred at construction sites.
- 100% of transport vehicles underwent regular maintenance.
- No fire, explosion, or work-related accidents due to electric shock or gas usage were recorded.
- All domestic waste generated from office operations and project construction was collected in specialized covered bins and transported to designated storage areas within the building or construction site as arranged by the investor.
- All hazardous waste (e.g., light bulbs, ink cartridges, paint cans) was collected in clearly marked, separate hazardous waste containers before being moved to the designated storage area of the building or investor.
- All domestic wastewater at construction sites was properly collected via drainage channels and directed to the investor's central wastewater treatment system.
- VCC implemented a paper reuse initiative, repurposing single-sided printed paper for its core products and services.

b. Assessment related to labor issues

VCC recognizes that having the right people is a vital form of capital for the enterprise. "People" are considered the foremost among the four critical factors in solving business challenges at VCC (people - processes - technology - governance). Therefore, all VCC policies are developed based on a comprehensive assessment of their impact on employees, ensuring legitimate and lawful rights and benefits. VCC is committed to creating and maintaining a workplace environment where every staff member feels happy, respected, and empowered to fully realize their potential and contribute to the company's collective growth. In 2024, VCC maintained its position among the Top 100 Best Places to Work in Vietnam, ranking first in the Construction/Architecture sector, according to a survey conducted by consulting firm Anphabe.

c. Assessment related to corporate responsibility towards local communities

VCC consistently acknowledges its corporate social responsibility in safeguarding the rights and interests of the community. Social engagement has always been a key focus, including sponsorship and support for the underprivileged, policy beneficiaries, orphan support associations, associations for persons with disabilities, the Red Cross, veterans' associations, as well as schools and hospitals. In 2024, VCC carried out several initiatives with the following contributions:

- VND 1.408 billion in support for frontline trade union members during the peak heat season.
- VND 8 billion in cumulative support since 2020 for the "Solidarity Home" program, benefiting 89 trade union members.
- VND 500 million in aid to approximately 625 individuals from policy-beneficiary and revolutionary families.
- VND 2.5 billion contributed to the "For the Poor" Fund.
- VND 3 billion contributed to the "Gratitude and Repayment" Fund.
- VND 1 billion sponsored the construction of a school for children in mountainous regions.

☆☆☆PART IV:
BOARD OF DIRECTORS' ASSESSMENT ON THE

I. ASSESSMENT OF THE CORPORATION'S ACTIVITIES

1. GENERAL ASSESSMENT

The macroeconomic environment witnessed significant improvements in 2024, with Vietnam's GDP growing by 7.09%, driven by an 8.24% increase in the industrial and construction sectors and a 7.38% growth in the service sector. However, the global economy remained volatile due to escalating conflicts, persistently high shipping costs, and other uncertainties.

Throughout 2024, the National Assembly and the Government issued a series of important legal documents, including the Land Law, Housing Law, Real Estate Business Law, Decision on Power Development Plan VIII, Decree on Direct Power Purchase Mechanism, and Decree on Incentives for Rooftop Solar Power for Self-Consumption. These legal frameworks have had a positive impact on the business operations of Viettel Construction Joint Stock Corporation (VCC).

2024 also marked the first year VCC executed its O&M contract for the 2024-2026 period, which introduced significantly stricter requirements for quality, KPIs, and penalty thresholds. The year was also notable for Typhoon Yagi, the most powerful storm in 70 years, which caused severe damage to network infrastructure across northern provinces. Additionally, political instability in Myanmar negatively affected exchange rates and business activities in the overseas market segment.

Despite these challenges, VCC successfully fulfilled many key national and corporate-level tasks, such as participating in the 500kV Circuit 3 Power Transmission Project, deploying BTS stations to launch Viettel's 5G network, and - most notably - completing the business and production plan approved by the General Meeting of Shareholders, thereby earning the prestigious title of "Labor Hero in the Doi Moi Period."

Corporate governance at VCC recorded notable breakthroughs, receiving high praise from both domestic and international organizations. In 2024, VCC was honored for the first time as one of the Top 10 Best Midcap Companies in Corporate Governance (VLCA 2024) and ranked among the Top 100 Sustainable Enterprises in the Trade and Services Sector (CSI 2024), along with many other distinguished awards.

2. ASSESSMENT OF THE PERFORMANCE OF TASKS ASSIGNED BY THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

RESULTS OF PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES

2.1. BUSINESS RESULTS IN 2024

▷ Consolidated total revenue in 2024 reached VND 12,663 billion, fulfilling 100% of the target and marking a 10.4% increase compared to the same period in 2023.

▷ Consolidated PAT reached VND 538.1 billion, fulfilling 101% of the target, up 2.6% year-on-year.

F*or the parent company:* Total revenue reached VND 10,139 billion, achieving 90% of the target, with 2% year-on-year growth.

2.2.RESULTS OF STRATEGIC ORIENTATIONS AND KEY TASKS

In 2024, the Corporation effectively implemented all assigned strategic orientations and key tasks:

▷ Revenue from non-Viettel partners reached VND 7,984 billion, accounting for 37% of the Corporation's total revenue.

▷ Continuedtoaffirm its position as the No.1 TowerCo in Vietnam and entered the Top 10 TowerCos in the ASEAN region. By the end of 2024, the Corporation had achieved: 10,000 BTS stations; 2.45 million square meters of DAS coverage; 2,716 kilometers of transmission lines; and 16.87 MWp of rooftop solar power capacity

▷ In2024,the Corporation implemented a strategy focused on excellent customer and employee experience, and operated in alignment with digital transformation and performance-driven principles.

2.3. IMPLEMENTATION OF MATTERS AUTHORIZED BY THE GMS

▷ **Selection of the audit firm for the 2024 financial statements:**

The BoD and Supervisory Board organized and finalized the selection of the audit firm for 2024, appointing AASC Auditing Firm Company Limited.

▷ **Dividend payment for 2023 during 2024:**

The BoD executed Resolution No. 27/NQ-VCC dated 17/09/2024 regarding the cash dividend payment for 2023 at the approved rate of 27.2%, as authorized by the GMS. The record date for dividend entitlement was 30/09/2024, and the payment date was 18/10/2024, fully compliant with regulatory timelines.

▷ **Amendments to the Charter:**

Immediately following the approval of the amended Charter by the 2024 Annual GMS, the Company's legal representative signed and disclosed the information on the official website in accordance with regulations.

▷ **Related party transactions**

With the GMS's approval via Resolution No. 11/NQ-ĐHĐCĐ dated 18/04/2023, the Company's legal representative entered into contracts with the Viettel Military Industry and Telecoms Group in 2024 as follows:

▷ Contracts/transactions ≥ 35% of total asset value: None incurred.

▷ Regular and ongoing contracts/transactions < 35% of total asset value (based on the most recent financial statements): A total of 4,955 contracts/transactions were signed, amounting to VND 3,779 billion. These transactions were disclosed in the Company's semi-annual corporate governance reports.

3. ASSESSMENT OF THE PERFORMANCE OF THE BOD AND EACH BOARD MEMBER

1. GENERAL ASSESSMENT OF THE BOD'S PERFORMANCE

In 2024, the BoD operated proactively and exercised close oversight of the Executive Board in organizing and implementing the set goals and plans. Beyond its compliance duties, the BoD focused on research, strategic direction, and guiding the Corporation in carrying out a number of key activities:

- Approved the 2024 business and investment plans.
- Initiated the development of the 2026–2030 strategic plan.
- Optimized the organizational structure.
- Explored business opportunities under Go Global strategy.
- Enhanced effectiveness of monitoring, management, and support for business units.
- Studied capital increase options of funding for production and business activities in 2024 and beyond.
- Executed the 2023 cash dividend payment, ensuring compliance with regulations and adherence to the rate approved by the GMS.
- Appointed, dismissed, and reassigned key managerial positions, including Deputy General Directors, Chief Accountant, and Directors of Centers under the Corporation.
- Implemented resolutions of the General Meeting of Shareholders and the BoD in accordance with the Board's scope of authority and duties as defined by relevant regulations.

3.2. ASSESSMENT OF EACH MEMBER'S PERFORMANCE

Members of the Board fully participated in all BoD meetings and written consultations with a high sense of responsibility, acting in the best interests of shareholders and the sustainable development of VCC.

In addition to fulfilling their collective responsibilities, each BoD member successfully carried out their assigned duties, specifically:

- The Chairman of the BoD fulfilled all responsibilities in accordance with the Law on Enterprises and the Company Charter, including convening and organizing the annual work programs, delegating tasks among members, chairing meetings, and collecting written opinions to issue resolutions in full compliance with legal regulations. The Chairman personally conducted site visits to gain insights and guide strategic adjustments for the Corporation. He also led the process of formulating criteria for planning the Corporation's senior personnel. In addition to strategic planning and human resources, the Chairman placed strong emphasis on corporate governance orientation and business operations aligned with ESG principles.
- The other BoD members effectively fulfilled their assigned duties, offering timely and innovative contributions to the Board's oversight and management activities, playing a crucial role in the successful achievement of the VCC's 2024 business plan.

4. ASSESSMENT OF BOD INDEPENDENT MEMBERS ON PERFORMANCE OF THE CORPORATION

Despite the negative global socio-economic impacts of the ongoing conflicts in Ukraine and the Gaza Strip, as well as climate change-related challenges - notably Typhoon Yagi, which caused severe damage to people, property, telecommunications infrastructure, and power networks - the Executive Board and the entire team at VCC made remarkable efforts to successfully fulfill the tasks set for 2024. The Executive Board swiftly seized emerging business opportunities amidst Vietnam's domestic economic recovery, enabling the company to accelerate its progress and successfully advance toward completing the 2021-2025 business strategy, maintaining its position as the No.1 TowerCo in Vietnam, and fully meeting 100% of the key KPIs committed to the investor.

The BoD, acting in full compliance with resolutions from the GMS, remained highly proactive in approving strategy, planning, investment activities, and closely monitoring the Executive Board's performance. It also provided timely guidance in corporate governance and risk management, leveraging the power of technology. The BoD continued conducting field visits to assess market conditions, gather feedback from frontline operations, and, in collaboration with the Executive Board, address challenges, develop new business strategies, and explore capital-raising options to build a solid foundation for future business growth.

5. BODS' ASSESSMENT OF ENVIRONMENTAL AND SOCIAL RESPONSIBILITY

From a Good Company to a Sustainable One, VCC is building a growth strategy rooted in social responsibility, guided by the 3P Model: People -Planet - Profit.

FOR SOCIETY/COMMUNITY:

- We are committed to making the greatest possible contributions to society, actively participating in programs focused on poverty alleviation, educational support, and aid for individuals in difficult circumstances.

FOR THE ENVIRONMENT:

- VCC pledges full compliance with all legal requirements related to environmental protection.
- We actively promote the use of renewable and reusable energy, enhance energy efficiency, and reduce greenhouse gas emissions.

FOR EMPLOYEES:

- VCC is a shared home -a place for learning and career advancement.
- We believe that every individual contribution adds value to the success of the company. Regardless of gender, age, ethnicity, or social vulnerability, VCC fosters a dynamic, transparent, and equitable working environment for all.

FOR CUSTOMERS:

- VCC actively listens to customer feedback through satisfaction surveys and evaluations, conducted via various user-friendly methods (online surveys, telephone interviews, etc.).
- We strictly comply with laws and standards related to branding, products, services, and marketing communications.
- VCC is committed to the protection and confidentiality of customer information, fully aligned with legal requirements and our promise to safeguard customer rights.

FOR SHAREHOLDERS

- VCC ensures that all shareholders are treated fairly and their interests are protected to the highest degree. We remain committed to delivering long-term value and returns for our shareholders.

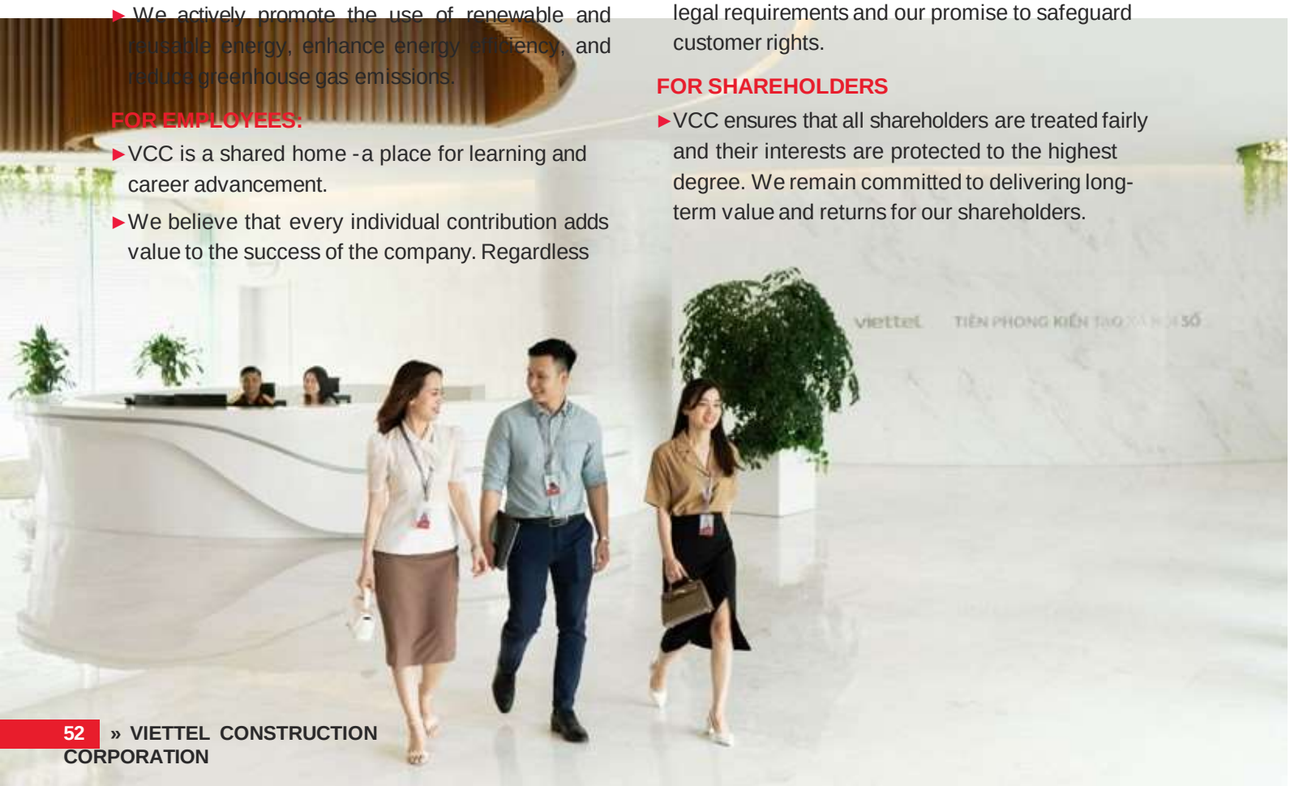

II. ASSESSMENT OF THE EXECUTIVE BOARD'S PERFORMANCE

1. MONITORING ACTIVITIES

In accordance with the Charter, Corporate Governance Regulations, internal management rules, and current legal provisions, the BoD carried out the following supervisory activities:

- Oversaw the implementation of Resolutions/Decisions issued by the GMS and the BoD.
- Monitored and directed the information disclosure process, ensuring transparency and timeliness in compliance with legal requirements.
- Supervised the management and operations of the Executive Board, with the aim of enhancing business and investment performance and ensuring the achievement of set targets and plans.

2. BOD'S ASSESSMENT OF THE EXECUTIVE BOARD

- The Executive Board made strong efforts in managing business operations, fulfilling the annual plan, and effectively carrying out the tasks assigned by the BoD.
- The Executive Board maintained regular reporting to the BoD on business performance, the progress of GMS and BoD resolutions, and sought the BoD's guidance on matters within its authority.
- The Executive Board took decisive actions in managing receivables and inventory, aiming to improve operational efficiency and capital turnover across the Corporation.
- The Board proactively implemented strategies to enhance customer and employee experience, and developed career advancement pathways within the Corporation.

III. PLAN AND ORIENTATION OF THE BOD IN 2025

1. ORIENTATION - KEY TASKS IN 2025

- 2025 Motto: Overcoming Challenges - Accelerating Investment - Advancing Sustainable Development.
- Develop the Corporate Strategy through 2030, encompassing business strategy, HR strategy, risk management strategy, and ESG strategy
- Propose and submit capital-raising plans to competent authorities to secure funding for the next phase of business operations.
- Expand business beyond the Viettel Group, with a target of generating over 45% of total revenue from non-Group clients.
- GoGlobal: Sign and execute 2-3 contracts with international partners.
- Synchronize infrastructure and lease out 2,000 new BTS stations..
- Formulate a comprehensive GoGlobal strategy.

2. KEY BUSINESS AND PRODUCTION TARGETS IN 2025 (CONSOLIDATED DATA)

▷ TOTAL REVENUE
13,968 billion VND, up10.3% compared to 2024.

▷ PAT
562.7 billion VND, up 4.6% compared to 2024.

▷ EXPECTED DIVIDEND PAY- MENT RATE
10%-20%.

In which: Total revenue of the parent company: 12,361 billion VND and profit after tax of the parent company: 526.6 billion VND; ROE reached 24.8%.

☆☆☆PART V: CORPORATE GOVERNANCE

I. BOD AND SUBCOMMITTEES

MEMBERS AND STRUCTURE OF THE BOARD OF DIRECTORS

The BoD consists of 5 members: Do Manh Hung - Chairman of the Board; Pham Dinh Truong; Vu Thi Mai; Nguyen Tat Truong and Nguyen Quang Khai (Independent members of the Board). *Specifically*

MEMBER	TITLE	AGE	QUALIFICATIONS/ SPECIALIZATIONS	TIME IN BOD	NUMBER OF SHARES/ PERCENTAGE OF SHARES OWNERSHIP	HOLDING OTHER SECURITIES ISSUED BY THE COMPANY	MANAGEMENT TITLE AT OTHER UNITS
DO MANH HUNG	Chairman	51	MBA; Telecommunications Engineering	22/04/2022	13.547 shares ~ 0,012%.	N/A	N/A
PHAM DINH TRUONG	Member and General Director	45	MBA; Telecommunications Engineering	26/01/2019	20.332 shares ~ 0,018%		N/A
VU THI MAI	Member	45	Master of HR Management; Business Administration	18/04/2023	924 shares ~ 0,001%.	N/A	N/A
NGUYEN TAT TRUONG	Member	46	MBA; Bachelor of Information Technology	19/06/2018	8.316 shares ~ 0,007%.	N/A	N/A
NGUYEN QUANG KHAI	Independent member	51	Telecommunications Engineering	22/04/2022	0 ~ 0%.	N/A	Member of the BoD of another unit: DMSpro Joint Stock Company; Technology Director of NGS Digital Company.

EXPERIENCE AND PROFILE

MR. DO MANH HUNG

- 28 years of experience in the field of electronics and telecommunications..
- He has held many important positions at companies: Deputy General Director of Viettel Network Corporation; General Director and Member of the Board of Directors of Viettel International Investment Corporation (VTG); Chairman of Viettel Trading and Import-Export Company Limited.

MR. PHAM DINH TRUONG

- 22 years of experience in the field of telecommunications electronics.
- He has held many important positions at companies: General Director of Viettel Network Corporation; Deputy General Director of Viettel Telecommunications Corporation.

MS. VU THI MAI

- 22 years of experience in business administration and human resource management
- She has held many positions: Lecturer at the Academy of Finance; Head of BIDV International Cooperation Department; Deputy Director of Viettel Academy; currently holding the position of Head of Human Resources Organization Department - Viettel Group.

MR. NGUYEN TAT TRUONG

- 23 years of experience in the field of electronics; engineering
- He has held many positions at Viettel Network Corporation such as: Head of Technical Department; Head of Internal Control Department.

MR. NGUYEN QUANG KHAI

- 28 years of experience in the IT field.
- He has held many important positions at companies: Solution Consulting Director - Oracle Vietnam; Chief Architect - SAP Vietnam; Deputy General Director of Technology - Adayroi - Vingroup; CEO and member of the Board of Directors - DMS pro.

2. SUB-COMMITTEES OF THE BOARD OF DIRECTORS

BOARD OF DIRECTORS' SUB-COMMITTEES: Secretariat

The Secretariat supports the BoD in organizing BoD meetings and the AGMS. It ensures that activities such as information disclosure are conducted in strict compliance with legal regulations, the Company Charter, and internal governance policies. The Secretariat also ensures that all information provided is appropriate, complete, accurate, and timely.

In addition, the Secretariat Sub-Committee is responsible for managing the IR function of the Corporation. The IR department of VCC is headed by Mr. Phạm Hồng Quân, Chief of the Secretariat .

IR DEPARTMENT CONTACT INFORMATION::

- **Tel 0862081111**
- **Email: ir.viettelconstruction@viettel.com.vn hoặc quanph7@viettel.com.vn**

3. ACTIVITIES OF THE BOARD OF DIRECTORS

In 2024, the Board of Directors of Viettel Construction Joint Stock Corporation held 11 meetings (including 4 meetings with in-session voting and 7 sessions through written consultation), resulting in the issuance of 24 Resolutions/Decisions on matters within the Board's authority.

The specific matters addressed include the following:

SESSION	FORM/ PARTICIPANTS	NUMBER OF THE RESOLUTION / DECISION	CONTENT	PASSAGE RATE
Session 01: From 27/12/2023 -03/01/2024	Written consultation	02/QĐ-VCC	Adjusting functions, tasks and renaming functional centers under the Corporation	100%
		03/NQ-VCC	Approval of the policy to appoint the position of Center Director	100%
		04/QĐ-VCC	Approval of investment policy for project "Investment in underground cable lines along the highway from Da Nang to the South"	100%
		05/NQ-VCC	Payment of remaining dividends in 2022 in cash	100%
Session 02: 24/01/2024	In-person meeting: 5/5	07/NQ-VCC	pproval of 2023 business results, 2024 business plan orientation and 2024 Annual General Meeting of Shareholders Organization Plan	100%
Session 03: From 01/02/2024 -05/02/2024	Written consultation	09/QĐ-VCC	Approval of investment policy for project "Investment in construction of BTS station infrastructure for rent in 2024"	100%
Session 04: Ngày 02/04/2024	In-person meeting: 5/5	11/NQ-VCC	Approval of the time, venue and documents for the 2024 Annual General Meeting of Shareholders	100%
		11A/NQ-VCC	Approval of salary fund settlement for implementation in 2023	100%
		11B/NQ-VCC	Approval of business targets; labor and salary plans for 2024	100%
		11C/NQ-VCC	Approval of investment plan for 2024	100%
Session 05: From 07/5/2024 -15/5/2024	Written consultation	15/QĐ-VCC	Dismissal of Chief Accountant Mr. Bui Duy Bao	100%
		16/QĐ-VCC	Appointment of Chief Accountant for Mr. Pham Tuan	100%
Session 06: From 03/6/2024 -07/6/2024	Written consultation	18/NQ-VCC	Approval of a mortgage contract	100%
		19/NQ-VCC	Approval of the selection of the 2024 financial statement audit unit	100%
		20/QĐ-VCC	Issuance of regulations on management and use of assets in VCC	100%
Session 07: From 08/7/2024 – 12/7/2024	Written consultation	22/NQ-VCC	Approving the policy of transferring/ appointing staff of departments/centers (DLR, CS&TS)	100%
Session 08: 31/7/2024	In-person meeting: 5/5	24/NQ-VCC	Thông qua kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2024	100%
Session 09: From 11/9/2024 – 17/9/2024	Written consultation	26/NQ-VCC	Approval of the policy of appointing Head of DLR	100%
		27/NQ-VCC	Payment of remaining dividends in 2023 in cash	100%
Session 10: 07/11/2024	In-person meeting/ 5/5	29/NQ-VCC	Approval of PB Results for Q4/2024	100%
		30/NQ-VCC	Approval to increase credit approval limit for General Director	100%
Session 11: From 13/12/2024 – 17/12/2024	Written consultation	32/QĐ-VCC	Appointment of Deputy General Director to Mr. Dang Van Chung	100%
		33/QĐ-VCC	Appointment of Deputy General Director to Mr. Tran Thuc Linh	100%
		34/QĐ-VCC	Dismissal of Deputy General Director Mr. Nguyen Thai Hung	100%

ASSESSMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS DURING THE YEAR

General Assessment of the BODs' Activities

In 2024, the BoD operated proactively and closely supervised the Executive Board in organizing and executing the set objectives and business plans. Beyond its compliance duties, the BoD focused on research, strategic orientation, and providing guidance for the Corporation to implement several key initiatives:

- Approved the 2024 business and investment plans.
- Launched the development of the 2026–2030 strategic plan.
- Optimized the organizational structure.
- Explored new business opportunities in line with the Go Global strategy.
- Enhanced the effectiveness of oversight, management, and support for business units.
- Studied capital increase options to ensure sufficient funding for production and business activities in 2024 and beyond.
- Executed the 2023 cash dividend payout, in full compliance with the approved rate and legal regulations.
- Appointed/dismissed/reassigned key managerial personnel, including Deputy General Directors, Chief Accountant, and Directors of Centers under VCC.
- Implemented resolutions of the GMS and the BoD in accordance with the scope of authority and responsibilities stipulated in relevant legal and corporate documents.

Assessment of BOD Members' Performance

All members of the BoD actively participated in the BoD's in-person meetings and written consultations with a high sense of responsibility, always prioritizing the interests of shareholders and the sustainable development of VCC

In addition to fulfilling their collective duties, each member successfully carried out their assigned responsibilities, as follows:

- The Chairman of the BoD fulfilled all obligations in accordance with the Enterprise Law and the Charter, including convening and organizing the annual work agenda, assigning tasks among members, conducting meetings, and collecting written opinions to issue resolutions in compliance with legal requirements. The Chairman also conducted direct field visits to guide and adjust the Corporation's strategic direction. He led the development of criteria for senior personnel planning and selection. Beyond strategy and human resources, the Chairman placed strong emphasis on corporate governance and aligning business activities with ESG principles.
- The other BoD members completed their assigned tasks effectively and contributed timely and innovative insights to the Board's management and oversight efforts, thereby playing an important role in the successful execution of the Corporation's 2024 business plan.

4. ACTIVITIES OF THE INDEPENDENT MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS

In 2024, the independent Board member, Mr. Nguyen Quang Khai, attended 100% of the Board meetings and provided valuable input in shaping the multi-channel sales platform as well as contributing insights on new business models for the Corporation.

ASSESSMENT OF INDEPENDENT MEMBERS ON THE PERFORMANCE OF THE CORPORATION

- Overcoming negative impacts of global and domestic socio-economic challenges - stemming from ongoing wars in Ukraine and Gaza, as well as the effects of climate change, notably Typhoon Yagi, which caused severe destruction to lives, property, telecommunications infrastructure, and power networks - the Executive Board and the entire VCC workforce made tremendous efforts and successfully fulfilled their 2024 mission. The Executive Board seized timely business opportunities amidst the domestic economic recovery, allowing VCC to accelerate progress toward the successful completion of its 2021 - 2025 business strategy, maintain its leading position in the TowerCo market in Vietnam, and ensure 100% fulfillment of key KPIs committed to investors.
- The BoD, in strict compliance with resolutions passed by the GMS, proactively approved strategies, plans, and investment decisions, while closely supervising the Executive Board's implementation. The BoD also provided timely guidance on corporate governance and risk management, leveraging technological advancements. It continued to conduct field visits to gain market insights and hear feedback directly from operational units, thereby coordinating with the Executive Board to resolve bottlenecks, develop new business strategies, and - most notably - pursue capital-raising initiatives to build a strong foundation for business development in the years to come.

5. LIST OF BOARD MEMBERS HOLDING CORPORATE GOVERNANCE TRAINING CERTIFICATES

3/5 members of the BoD of the Corporation hold corporate governance training certificates issued by VIOD, including Mr. Đỗ Mạnh Hùng, Mr. Pham Dinh Truong, and Mr. Nguyễn Tất Trường. Similarly, 3/5 members of the Executive Board also hold corporate governance training certificates: Mr. Pham Dinh Truong, Ms. Đào Thu Hiền, and Mr. Nguyễn Huy Dũng.

In addition, in 2024, the BoD, Executive Board, Supervisory Board, and the Secretariat actively participated in training programs, seminars, and roundtable discussions to enhance their understanding of legal frameworks and best practices in corporate governance. Details are as follows:

NO	TIME	CONTENT	ORGANIZING UNIT
1	12-13/01/2024	Intensive Program in Corporate Secretary Integrated Environmental and Social Governance	VIOD
2	17/01/2024	Workshop on Improving the Quality of Sustainable Development Information Disclosure	Deloitte
3	01/03/2024	Workshop "For an innovative and effective GMS"	UBCKNN/SSC VIOD
4	22/03/2024	Kick-off Workshop of "Listed Enterprise Selection 2024" and Training on Annual Report, Corporate Governance, Sustainable Development Report	HOSE
5	13-14/06/2024	Course "Corporate Management"	SRTC
6	03/07/2024	Conference "Enhancing Corporate Governance Capacity for Listed Enterprises"	SSC VIOD
7	14-21/07/2024	Intensive training program for Board Members in Zurich, Switzerland	VIOD
8	12/08/2024	Conference of Securities Registration Organizations at VSDC in 2024	VSDC
9	10/09/2024	VCSF Forum with the theme "Net Zero 2050: Building Trust – Creating Transformation"	VCCI
10	18/09/2024	Open discussion workshop on Australian corporate governance regulations, good governance and experiences applicable to members in the stock market	SSC
11	19-21/2024	Board Member Certification Program	VIOD
12	02/10/2024	Workshop on introduction and guidance on using ESG Information Implementation and Disclosure Handbook	SSC
13	05/10/2024	Training for Capital Representatives and Board Members at companies with capital contributions from Viettel	Viettel Group
14	17-18/10/2024	Intensive Program on Corporate Secretary	VIOD

II. SUPERVISORY BOARD

1. MEMBERS AND STRUCTURE

MEMBER	TITLE	PROFILE	NUMBER OF SHARES/ PERCENTAGE SHARE OWNERSHIP	HOLDING OTHER SECURITIES ISSUED BY THE COMPANY
NGO QUANG TUE	Head of Supervisory Board	On 19/6/2018, the GMS elected him to the Supervisory Board (term 2015-2020); on 6/6/2020, he was re-elected by the GMS for the term 2020-2025.	5.034 shares ~ 0,004%	N/A
PHAM HONG QUAN	Member	On 19/6/2018, the GMS elected him to the Supervisory Board (term 2015-2020); on 6/6/2020, he was re-elected by the GMS for the term 2020-2025.	0 shares ~ 0,0%	N/A
MAI THI ANH	Member	On 19/6/2018, the GMS elected her to the Supervisory Board (term 2015-2020); on 6/6/2020, she was re-elected by the GMS for the term 2020-2025.	1.562 shares ~ 0,001%	N/A

SUPERVISORY BOARD

NGO QUANG TUE
Head

MAI THI ANH
Member

PHAM HONG QUAN
Member

2. ACTIVITIES OF THE SUPERVISORY BOARD

The Supervisory Board held 6 meetings in 2024, specifically:

SESSION	PARTICIPANT	CONTENT	VOTING RATE
Session 1: 03/01/2023	03/03	► Evaluated the supervisory performance of the Supervisory Board in Q4/2023 and the full year 2023. ► Developed the 2024 supervisory work plan along with implementation solutions. ► Reviewed and validated Separate and Consolidated Financial Statements for Q4/2023 and fiscal year 2023. ► Prepared working plan with AASC Auditing Firm based on recommendations from 2023 audited financial statements. ► Drafted the 2024 Annual General Meeting (AGM) Report. ► Monitored information disclosure related to transactions involving related parties and contracts with related	100%
Session 2: 08/04/2024	03/03	► Assessed results and developed the Q1/2024 activity plan for the Supervisory Board, approved the 2023 annual supervisory performance report. ► Reviewed and validated the 2023 Separate and Consolidated Financial Statements, both before and after the independent audit, as well as the Q1/2024 financial statements. ► Held meetings to report on supervisory outcomes and activity plans, to be presented at the 2024 AGMS. ► Implemented the Q1/2024 supervisory plan for monitoring the Corporation's operations. ► Developed plan for one thematic supervision assignment and field inspections at 3-6 business units, based on recommendations from previous supervisory activities.	100%
Session 3: 25/06/2024	03/03	► Developed a draft supervisory procedure ► Formulated a regulation on information sharing ► Established a set of criteria for evaluating the quality of independent audits. ► Assessed performance for the first half of the year and formulated the activity plan for the second half of 2024.	100%
Session 4: 03/07/2024	03/03	► Assessed the Supervisory Board's performance during the first half of 2024. ► Reviewed the semi-annual 2024 financial statements following the independent audit. ► Approved the working plan with the independent audit firm and the Finance & Accounting Department regarding the results of the 2024 semi-annual independent audit. ► Reported on supervisory activities over six months related to BoDs' meetings and the Parent Company. ► Approved the financial and business monitoring plan for the first half of 2024. ► Approved the thematic supervision plan focusing on debt management, inventory, and construction in progress	100%
Session 5: 05/10/2024	03/03	► Assessed the Supervisory Board's performance in Q3/2024. ► Developed the activity plan for Q4/2024.. ► Drafted internal procedures to support Supervisory Board operations. ► Approved a thematic supervision plan covering cash flow management across business pillars, inventory management, and subsidiary performance monitoring. ► Addressed outstanding issues.	100%
Session 6: 07/12/2024	03/03	► Assessed the performance in Q4/2024. ► Reported on 2024 performance and developed the 2025 supervision plan. ► Approved the 2024 thematic supervision plan on asset management. ► Prepared the performance report for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders ► Submitted the 2024 Public Company Corporate Governance Report.	100%

SUPERVISION OF IMPLEMENTATION OF RESOLUTIONS OF THE GMS

In 2024, the global economic and political landscape remained highly volatile: the wars between Russia and Ukraine, and Hamas and Israel, showed no signs of de-escalation; global economic recovery was sluggish; and climate change continued to exert significant socio-economic impacts, with Vietnam identified as a hotspot for extreme weather events.

In September 2024, Typhoon Yagi (Storm No. 3) affected eight countries, causing severe human and material losses in Vietnam, where power and telecommunications systems were completely disrupted. Nevertheless, under decisive leadership, the Corporation promptly mobilized human and material resources to respond to the disaster and fully restore the telecommunications network immediately after the storm.

Domestically, the economic outlook was positive, with both macroeconomic and microeconomic indicators showing stability (GDP growth reached 7.09%, and the average CPI increased by 3.63%).

In light of these developments, the Board of Directors and Executive Board acted proactively, implementing timely measures to successfully achieve all business and financial targets assigned by the GMS. All business activities were conducted safely, in compliance with legal regulations, and with a strong focus on capital development and sustainability.

BOARD OF DIRECTORS SUPERVISION

- OrganizingBoard of Directors meetings:

  RegularBoDmeetings were held in compliance with legal regulations (one meeting per quarter).

  Totalmeetingsin 2024: 11, including 04 in-person voting meetings and 07 written consultations.

  Meetingagendaswere topic-specific and clearly defined, with all related documents sent to BoD and Supervisory Board members in advance, as required.

  Allmembersactively contributed through discussions and solution proposals.

- AGMS2024was organized in full compliance with legal requirements.
- Approvalofstrategies, plans, and investments within the authority of the BoD:

  Approvedinfrastructureinvestments for leasing purposes, including 5,000 BTS stations, underground cable lines, etc.

  Approved the 2024 business plan.

  Incoordinationwith the Executive Board, studied capital increase options to finance business operations for 2024 and beyond.

  Approvedthe2023 salary fund settlement and the 2024 salary fund plan.

- CompliancewithGMS Resolutions: All BoD directives and resolutions were aligned with the 2024 AGM resolutions, ensuring full adherence..
- Supervisionofinformation disclosure and oversight of contracts and transactions involving related parties, in accordance with legal provisions.
- Corporategovernanceand risk management orientation: Proactively proposed governance solutions and management software tools for analysis and assessment in line with modern technological trends.

  Ensured a robust legal framework for all operations.

  Approvedstrategiesand internal regulations within the authority.

  Approvedtherestructuring (separation/merger) of business centers into a complete business ecosystem to strengthen market competitiveness.

  Ensuredtimelydisclosure of information in compliance with legal regulations.

- Organizationalstructurecompliance: The Board of Directors is composed of 5/5 members, including 1 independent member, in accordance with legal

BOARD OF DIRECTORS SUPERVISION

- Execution and Compliance with Resolutions: Strictly complied with the Resolutions of the 2024 AGMS and successfully delivered results that exceeded the assigned business targets.
- Fulfillment of 2024 Key Objectives:

  Successfully achieved early completion of the business strategy for the 2021-2025 period.

  Ensured alignment with strategic transitions, focusing on revenue and profit growth, while maintaining the No.1 position in TowerCo investment in Vietnam for three consecutive years, with ownership of 10,000 BTS stations and entry into the Top 10 TowerCos in ASEAN. Operated professionally in international markets and developed smart energy sources to support telecommunications services.

  Fully met 7/7 key KPIs as required by the investor.

  Expanded business beyond the Viettel Group, generating multi-trillion VND revenue.

  Successfully installed nearly 4,000 5G base stations across 55 provinces and cities.

  Completed construction at all 9 key national positions under the 500kV Circuit 3 Transmission Project, from Quang Trach (Quang Binh) to Pho Noi (Hung Yen).

  Launched the Go Global strategy, targeting the Australian market for the 2025-2030 period.

  Operated under a fully integrated business ecosystem from Consulting - Design - Deployment - Operation - Optimization.

  Improved digital maturity level in accordance with the TM Forum DMM framework..

TASKS AND DIRECTIONS FOR 2025

- Completed the 2025 business plan for the entire Corporation, driven by high aspirations and the goal of maintaining double-digit growth.
- Accelerated revenue generation outside the Viettel Group, targeting VND 6.6 trillion, an 18% increase compared to 2024.
- Advanced the Go Global strategy, aiming to sign 2–3 international partnership agreements.
- Ensured 100% KPI fulfillment in line with SLA requirements and expanded O&M operations beyond the Group.
- Aimed to be among the Top 3 construction companies and Top 3 M&E (mechanical & electrical) firms listed on the stock market in terms of revenue scale.
- Developed and revised internal mechanisms, focusing on resolving operational bottlenecks.
- Built and expanded brand presence, aiming to gain market share in targeted regions.
- Developed an omnichannel system for unified multi-channel retail interaction.

Applied advanced technologies and digital tools, including Super App AIO, BIM, IOC, and BI/iBOC. Implemented technical and quality standards ISO 22301, ISO 26000, ISO 14000, and SA8000. Fully digitalized internal processes, training, and 100% employee assessments.

Shifted business sector focus by restructuring the organizational system, promoting research and adoption of technical standards, and registering trademarks in accordance with regulations.

Legal compliance:

Issued management procedures, regulations, and norms for effective control.

Established a risk management structure based on three lines of defense, with 82 Risk Management Coordinators (aligned with 82 focal points), all trained and evaluated by vertical function. Cultivated a risk management culture through thematic training, handbooks, case studies, and finalized unit-level risk management procedures. Achieved risk management maturity level 4/4 and completed the KPI framework for risk governance.

Directed that all business activities comply with and uphold the rule of law.

Finalized the management accounting model down to each business unit.

SHAREHOLDER SUPERVISION

- Supervised the interests of major shareholders and related parties through transaction contracts and auctions.
- Supervised transaction contracts with related parties according to regulations.

COORDINATION BETWEEN THE SUPERVISORY BOARD AND THE BOARD OF DIRECTORS, THE EXECUTIVE BOARD AND OTHER MANAGEMENT STAFF

Coordination with the Board of Directors

- All activities were carried out independently, objectively, and in full compliance with regulations and resolutions.
- Close coordination was maintained, ensuring a transparent flow of information.
- Governance activities were prioritized through regular performance evaluation reports.
- The Supervisory Board participated in BoD meetings, was granted access to relevant documents and information, and was able to express opinions and make recommendations.

Coordination with the Executive Board

- A timely, objective, and transparent database and reporting system was maintained.
- Risks were proactively identified and recommendations made in a timely manner to prevent potential issues.
- Close collaboration was ensured throughout the execution of professional and operational tasks.
- The Executive Board consistently provided favorable conditions and promptly responded to information requests.

Coordination with Other Management Personnel

- Timely provision of data was ensured through in-depth supervisory activities.
- Compliance with internal procedures and regulations was monitored, with prompt recommendations made when necessary.

OTHER ACTIVITIES OF THE SUPERVISORY BOARD

- Supervision of Related Party Transactions: A total of 4,955 contracts/transactions were executed in 2024..

  Below 35% of total assets as per the most recent financial statements: All 4,955 transactions fell under this threshold, primarily involving network operations, infrastructure reinforcement, construction, and BTS station installation.

  Above 35% of total assets: No contracts/transactions were recorded.

- Legal knowledge and professional development: The Supervisory Board members engaged in legal research and participated in advanced training courses to enhance their expertise, skills, and analytical and governance capabilities.
- On-site inspections and supervision: Field visits were conducted to inspect and monitor Viettel Construction centers and branches across provinces and cities, aiming to identify operational limitations and issue timely warnings or recommendations.

3. TRANSACTIONS AND REMUNERATIONS

1. TRANSACTIONS, REMUNERATIONS AND BENEFITS OF THE BOARD OF DIRECTORS, DIRECTORATES, AND SUPERVISORY BOARD

Remunerations and benefits of the Board of Directors, Directorates, and Superisory Board are detailed in the audited financial statements for 2024::

NO	NAME	TITLE	SALARY/ REMUNERATIONS	BONUSES AND OTHER INCOMES	TOTAL
1	**Đỗ Mạnh Hùng**	Chairman of BOD	3.797.652.279	559.288.152	**4.356.940.431**
2	**Nguyễn Tất Trường**	Member	1.106.023.720	242.262.442	**1.348.286.162**
3	**Vũ Thị Mai**	Member	84.000.000	80.000.000	**164.000.000**
4	**Nguyễn Quang Khải**	Independent Member	264.000.000	90.000.000	**354.000.000**
5	**Ngô Quang Tuệ**	Head of Supervisory Bỏadd	1.091.589.653	134.804.152	**1.226.393.805**
6	**Phạm Hồng Quân**	Supervisor	671.270.719	91.743.811	**763.014.530**
7	**Mai Thị Anh**	Supervisor	366.951.208	94.002.152	**460.953.360**
8	**Pham Dinh Truong**	BOD Member, General Director	5.174.752.982	557.988.442	**5.732.741.424**
9	**Nguyễn Thái Hưng**	Deputy General Director	2.811.578.847	312.139.748	**3.123.718.595**
10	**Nguyễn Huy Dũng**	Deputy General Director	3.223.232.967	320.746.442	**3.543.979.409**
11	**Đào Thu Hiền**	Deputy General Director	3.223.232.967	320.746.442	**3.543.979.409**
12	**Đặng Văn Chung**	Deputy General Director	155.807.818	2.323.752	**158.131.570**
13	**Trần Thúc Linh**	Deputy General Director	177.768.368	2.323.752	**180.092.120**
14	**Phạm Tuấn**	Chief Accountant	932.193.171	47.087.714	**979.280.885**

3.2. TRADING IN SHARES BY INSIDERS AND RELATED PERSONS

NO	TRANSACTION PERSON	INSIDER RELATION	NUMBER OF SHARES OWNED AT THE BEGINNING OF PERIOD (ACCORDING TO THE LIST OF SHAREHOLDERS AS OF19/01/2024)		NUMBER OF SHARES OWNED AT THE END OF THE PERIOD (ACCORDING TO THE LATEST LIST OF SHAREHOLDERS AS OF 30/09/2024)		REASONS FOR INCREASE, DECREASE (BUY, SELL, CONVERT, BONUS...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ Lfi	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ Lfi	
1	Vũ Thị Mai	Member of BOD	1.924	0,002%	924	0,001%	Sell 1.000 Sh
2	Phạm Hồng Quân	Member of Supervisory Board	3.027	0,003%	0	0,000%	Sell 3.027 Sh
3	Đặng Thị Minh Phương	Wife of Deputy General Director Nguyen Huy Dung	7.635	0,007%	6.035	0,005%	Sell 1.600 Sh

3.3. CONTRACTS OR TRANSACTIONS WITH INSIDERS

According to the attached appendix.

3.4. ASSESSMENT OF IMPLEMENTATION OF CORPORATE GOVERNANCE REGULATIONS

The Corporation fully complies with the regulations on corporate governance and complies with the law for public companies.

☆☆☆PART VI: AUDITED FINANCIAL STATEMENT 2024

For the fiscal year ending on December 31, 2024

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 48
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH NN MTV Công trình Viettel sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) thành Công ty Cổ phần. Tổng Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Công trình Viettel thành Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 19/06/2018, hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 09/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 24/06/2024.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty đặt tại số 6 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đỗ Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Quang Khải	Thành viên
Ông	Nguyễn Tất Trường	Thành viên
Ông	Phạm Đình Trường	Thành viên
Bà	Vũ Thị Mai	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Phạm Đình Trường	Tổng Giám đốc	
Ông	Nguyễn Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà	Đào Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Đặng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2024)
Ông	Trần Thúc Linh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2024)
Ông	Nguyễn Thái Hưng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2024)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông	Ngô Quang Tuệ	Trưởng ban
Ông	Phạm Hồng Quân	Thành viên
Bà	Mai Thị Anh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Phạm Đình Trường – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Phạm Đình Trường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

aasc

Số: 110325.007/BCTC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel được lập ngày 20 tháng 02 năm 2025, từ trang 5 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường	**Nguyễn Anh Ngọc**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1	kiểm toán số: 1437-2023-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**5.421.441.349.658**	**5.688.993.457.871**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**886.977.987.638**	**818.525.481.502**
111	1. Tiền		786.977.987.638	518.525.481.502
112	2. Các khoản tương đương tiền		100.000.000.000	300.000.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**853.500.000.000**	**1.000.000.000.000**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	853.500.000.000	1.000.000.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**2.936.966.727.722**	**2.999.387.821.429**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.919.969.744.514	2.052.515.681.897
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	247.072.981.434	245.478.200.650
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	860.686.478.796	803.900.182.277
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(90.762.477.022)	(102.506.243.395)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**9**	**610.480.085.129**	**789.970.134.518**
141	1. Hàng tồn kho		629.054.145.471	808.823.531.292
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(18.574.060.342)	(18.853.396.774)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**133.516.549.169**	**81.110.020.422**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	133.516.549.169	81.110.020.422
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.684.816.514.010**	**1.302.012.628.638**
220	**I. Tài sản cố định**		**190.737.253.954**	**284.556.699.923**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	173.607.215.775	261.538.671.066
222	*- Nguyên giá*		*734.989.608.232*	*740.194.216.248*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(561.382.392.457)*	*(478.655.545.182)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	17.130.038.179	23.018.028.857
228	*- Nguyên giá*		*53.507.223.798*	*53.507.223.798*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(36.377.185.619)*	*(30.489.194.941)*
230	**II. Bất động sản đầu tư**	**13**	**1.222.723.198.930**	**829.293.428.954**
231	- Nguyên giá		1.763.395.441.689	1.164.214.426.790
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(540.672.242.759)	(334.920.997.836)
240	**III. Tài sản dở dang dài hạn**		**251.630.121.242**	**152.511.648.595**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	251.630.121.242	152.511.648.595
260	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**19.725.939.884**	**35.650.851.166**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	17.530.588.741	34.957.349.509
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33	2.195.351.143	693.501.657
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**7.106.257.863.668**	**6.991.006.086.509**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**5.241.194.601.349**	**4.994.311.781.267**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**4.652.946.611.620**	**4.601.942.093.102**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	607.596.781.619	581.155.900.848
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	412.903.727.151	660.847.773.848
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	192.087.985.670	176.774.863.066
314	4. Phải trả người lao động		829.622.766.790	804.481.906.278
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	962.750.985.492	755.034.892.893
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	355.600.556.934	163.071.860.105
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	202.665.530.981	234.607.257.944
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	1.052.105.942.834	1.195.895.559.062
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	9.671.854.970	9.085.539.741
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		27.940.479.179	20.986.539.317
330	**II. Nợ dài hạn**		**588.247.989.729**	**392.369.688.165**
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	15.330.600.000	14.664.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	572.917.389.729	377.705.688.165
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.865.063.262.319**	**1.996.694.305.242**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**23**	**1.865.063.262.319**	**1.996.694.305.242**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.143.858.790.000	1.143.858.790.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.143.858.790.000*	*1.143.858.790.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(15.000.000)	(15.000.000)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		20.375.694.710	31.117.966.390
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		100.000.000.000	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		600.843.777.609	821.732.548.852
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*62.622.599.351*	*297.135.153.647*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*538.221.178.258*	*524.597.395.205*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**7.106.257.863.668**	**6.991.006.086.509**

Dương Văn Khiết	**Phạm Tuấn**	**Phạm Đình Trường**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	25	**12.609.519.560.081**	**11.370.408.272.724**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**12.609.519.560.081**	**11.370.408.272.724**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	26	**11.725.297.850.560**	**10.468.527.869.775**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**884.221.709.521**	**901.880.402.949**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	49.062.943.375	97.125.701.649
22	7. Chi phí tài chính	28	90.149.396.469	93.271.291.919
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*60.826.401.868*	*84.837.242.075*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	168.599.256.242	247.881.386.173
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**674.536.000.185**	**657.853.426.506**
31	12. Thu nhập khác	30	3.981.915.908	2.821.202.051
32	13. Chi phí khác	31	6.502.088.527	4.962.920.976
40	**14. Lợi nhuận khác**		**(2.520.172.619)**	**(2.141.718.925)**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**672.015.827.566**	**655.711.707.581**
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	135.296.498.794	131.807.814.033
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33	(1.501.849.486)	(693.501.657)
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**538.221.178.258**	**524.597.395.205**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ**		**538.221.178.258**	**524.597.395.205**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		-	-
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	34	**4.705**	**4.586**

Dương Văn Khiết	Phạm Tuấn	Phạm Đình Trường
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***672.015.827.566***	***655.711.707.581***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		318.978.601.646	258.401.642.671
03	- Các khoản dự phòng		(11.436.787.576)	74.943.834.363
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.666.478.604)	(694.282.670)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(47.228.921.456)	(96.307.794.199)
06	- Chi phí lãi vay		60.826.401.868	84.837.242.075
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***991.488.643.444***	***976.892.349.821***
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		63.416.375.888	(598.694.966.649)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		180.043.510.168	15.799.429.064
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		256.562.928.303	402.816.179.496
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(34.979.767.979)	(14.821.345.530)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(76.669.964.072)	(85.731.858.827)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(115.949.066.027)	(57.677.862.332)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(123.373.540.874)	(65.469.627.902)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***1.140.539.118.851***	***573.112.297.141***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(800.839.914.157)	(483.442.221.964)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.108.288.728	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.650.500.000.000)	(2.222.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.797.000.000.000	2.444.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		53.466.678.340	102.106.621.595
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(599.764.947.089)***	***(159.335.600.369)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.397.670.540.341	2.455.208.243.463
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.346.248.455.005)	(2.347.122.939.482)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(525.372.401.882)	(117.393.347.350)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(473.950.316.546)***	***(9.308.043.369)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**66.823.855.216**	**404.468.653.403**

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**818.525.481.502**	**413.861.121.979**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.628.650.920	195.706.120
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**886.977.987.638**	**818.525.481.502**

Dương Văn Khiết	Phạm Tuấn	Phạm Đình Trường
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH NN MTV Công trình Viettel sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) thành Công ty Cổ phần. Tổng Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Công trình Viettel thành Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 19/06/2018, hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 09/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 24/06/2024.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty đặt tại số 6 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn góp của chủ sở hữu Tổng Công ty là 1.143.858.790.000 VND; tương đương 114.385.879 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là: 10.459 người và 1.981 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 10.977 người và 1.788 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, vận hành khai thác mạng viễn thông, kinh doanh hạ tầng cho thuê và kinh doanh hàng hóa thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà các loại, công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích và công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông;
- Lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị truyền thông;
- Hoạt động kinh doanh Hạ tầng cho thuê: Trạm BTS, DAS, Ngầm hóa; Kinh doanh năng lượng điện mặt trời;
- Hoạt động viễn thông có dây, viễn thông không dây;
- Kinh doanh xây lắp, bảo dưỡng vận hành mạng lưới.

Cấu trúc tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Viettel Construction Cambodia	Thủ đô Phnôm - Pênh, Campuchia	100,00%	100,00%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông
2. Viettel Construction Myanmar	Thủ đô Pyinmana, Myanmar	100,00%	100,00%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính
Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính
Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo nguyên tắc sau:
- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm;
- Vốn góp chủ sở hữu được quy ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi nhuận, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:
- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí của các công trình, hợp đồng đang thực hiện dở dang hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán, được tập hợp theo từng hợp đồng ký với chủ đầu tư. Đối với các công việc Tổng Công ty tự thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là tập hợp chi phí, khối lượng đã thực hiện tại các trung tâm, chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Đối với các công việc thuê ngoài thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận khi hạng mục công trình đã được nghiệm thu và khối lượng thực hiện đã được chấp nhận thanh toán.

Hàng gửi bán được sử dụng để theo dõi hàng bán đã chuyển đi cho đối tác nhưng chưa hoàn thành thủ tục bàn giao nghiệm thu và chưa được chấp nhận thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.
Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.
Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.
Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Hệ thống trạm BTS	04 - 07 năm
- Các tuyến ngầm hóa	10 năm
- Bất động sản đầu tư khác	03 - 10 năm

2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.15 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí trả trước khác bao gồm tiền thuê văn phòng, thuê địa điểm đặt trạm và thuê vị trí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 12 tháng.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa và các khoản phải trả khác như chi phí xây lắp, chi phí vận hành khai thác, chi phí lãi vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 . Nguyên tắc xác định quỹ lương

Quỹ tiền lương được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24/08/2016 của Chính phủ về việc thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01/07/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 121/2016/NĐ-CP, Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06/09/2021 của Chính phủ kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 121/2016/NĐ-CP và Nghị định 74/2020/NĐ-CP.

2.22 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các loại dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm:
- Dự phòng bảo hành dịch vụ kỹ thuật bao gồm dịch vụ sửa chữa, thay thế vật tư thiết bị và vận hành bảo dưỡng thiết bị điện dân dụng, vận hành hệ thống pin mặt trời (solar care) và các dịch vụ liên quan khác được trích lập theo tỷ lệ 1,0% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hành từ 72 giờ đối với dịch vụ bảo dưỡng vật tư, thiết bị và tối đa 06 tháng đối với dịch vụ lắp đặt mới, thay thế vật tư, thiết bị;
- Dự phòng bảo hành công trình được trích lập theo tỷ lệ từ 0,5% đến 1,0% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và chi phí bảo hành thực tế. Thời hạn bảo hành cho từng hạng mục công trình tối đa 12 tháng;
- Dự phòng bảo hành hàng hóa thương mại và giải pháp tích hợp được trích lập theo tỷ lệ 0,5% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hành tối đa 12 tháng;
- Dự phòng bảo hành khác được trích lập theo tỷ lệ từ 0,5% đến 5,0% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hành tối đa 12 tháng.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.23 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê hạ tầng, vị trí đặt trạm.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.24 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.25 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu hoạt động tài chính
Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.26 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.27 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Chính sách Ưu đãi thuế

Tổng Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

Văn bản	Tóm tắt các ưu đãi thuế	Thời hạn hiệu lực
Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài Chính	Tổng Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án điện mặt trời thuộc ngành nghề "Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch" theo mức thuế suất 10%/năm.	Trong vòng 15 năm tính từ năm 2020

d. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Ngoài hoạt động được hưởng ưu đãi thuế nêu trên, chi phí thuế TNDN hiện hành của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất như sau:

Tên đơn vị	Thuế suất
- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	20%
- Viettel Construction Cambodia	20%
- Viettel Construction Myanmar	25%

2.29 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.30 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:
- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.168.330.442	1.152.907.017
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	782.208.552.310	513.725.492.678
Tiền đang chuyển	3.601.104.886	3.647.081.807
Các khoản tương đương tiền (*)	100.000.000.000	300.000.000.000
	886.977.987.638	**818.525.481.502**

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại ngân hàng thương mại với lãi suất 3,4%/năm.

4 . ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,4%/năm đến 6,4%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	**747.493.688.030**	-	**976.423.815.125**	-
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	139.655.975.095	-	403.709.598.861	-
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	306.886.141.330	-	186.690.474.914	-
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	43.418.053.829	-	39.989.807.112	-
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	22.151.862.317	-	153.214.695.401	-
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	16.550.644.665	-	34.489.876.811	-
- Viettel (Cambodia) Pte., Ltd	104.835.745.383	-	49.006.758.774	-
- Công ty Movitel, SA	12.048.728.386	-	11.003.496.185	-
- Các Chi nhánh Viettel tỉnh	96.343.861.830	-	90.306.715.965	-
- Các đối tượng khác	5.602.675.195	-	8.012.391.102	-

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

	31/12/2024		01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các khách hàng ngoài Tập đoàn	**1.172.476.056.484**	**(90.761.088.734)**	**1.076.091.866.772**	**(102.504.855.107)**
- Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	20.664.108.829	(20.664.108.829)	46.399.570.095	(46.399.570.095)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tổng hợp Thái Hà	10.403.192.528	(10.403.192.528)	10.403.192.528	(10.403.192.528)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đô thị Hoàng Mai	329.645.895.094	-	335.628.861.755	-
- Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	32.802.000.000	-	32.802.000.000	-
- Công ty TNHH Delta – Valley Bình Thuận	32.422.041.661	(22.695.429.163)	32.422.041.661	(16.211.020.830)
- Công ty Cổ phần Vinhomes - Chi nhánh Hưng Yên	37.929.061.875	-	45.895.093.106	-
- Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	16.858.310.422	(11.800.817.295)	20.881.310.422	(10.440.655.211)
- Công ty Cổ phần Tổng công ty MBLand	54.456.955.975	-	58.906.299.167	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Hà An	29.894.153.556	-	18.693.668.740	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tài Phát	25.822.374.020	-	18.657.769.639	-
- Các khách hàng khác	581.577.962.524	(25.197.540.919)	455.402.059.659	(19.050.416.443)
	1.919.969.744.514	**(90.761.088.734)**	**2.052.515.681.897**	**(102.504.855.107)**

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Tập đoàn CCD Việt Nam (1)	3.212.410.484	-	3.212.410.484	-
- Công ty TNHH Hạ tầng Xây dựng Đại Nam (2)	9.452.700.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Bảo Minh (3)	9.500.000.000	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác (4)	224.907.870.950	(1.388.288)	242.265.790.166	(1.388.288)
	247.072.981.434	**(1.388.288)**	**245.478.200.650**	**(1.388.288)**

(1) Khoản ứng trước tiền về việc cung cấp nhân công thi công Xây dựng Khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ - Hoàng Mai - Hà Nội.

(2) Khoản ứng trước theo hợp đồng thi công san nền (bao gồm đắp bờ bao phục vụ bơm cát và dọn cây) thuộc dự án "Khu nhà ở sinh thái An Điền" tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(3) Khoản ứng trước theo hợp đồng thi công hạng mục "An toàn giao thông, sơn vạch kẻ đường, thoát nước mưa, thoát nước thải" thuộc dự án "Khu nhà ở sinh thái An Điền" tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(4) Chủ yếu là khoản ứng trước tiền cho Nhà thầu thực hiện thi công công trình và mua thiết bị, vật tư, hàng hóa cho các dự án của Tổng Công ty và các công ty con.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng (*)	763.099.288.250	-	707.018.537.383	-
- Ký cược, ký quỹ	9.316.698.886	-	9.929.011.608	-
Phải thu khác	88.270.491.660	-	86.952.633.286	-
+ Bảo hiểm xã hội quận Ba Đình	*23.016.053.058*	-	*21.688.981.536*	-
+ Lãi tiền gửi	*6.313.641.097*	-	*13.456.512.330*	-
+ Doanh thu trích trước hạ tầng cho thuê	*39.963.116.877*	-	*24.483.004.018*	-
+ Phải thu khác	*18.977.680.628*	-	*27.324.135.402*	-
	860.686.478.796	**-**	**803.900.182.277**	**-**

(*) Bao gồm tạm ứng tiền và vật tư tại các Chi nhánh và Trung tâm kỹ thuật để thực hiện các dự án, công trình xây dựng và các khoản tạm ứng phục hoạt động kinh doanh của các Công ty con.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**108.098.515.720**	**17.337.426.986**	**130.209.774.553**	**27.704.919.446**
- Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	20.664.108.829	-	46.399.570.095	-
- Công ty Cổ phần Siêu Chung Kỳ	5.073.917.227	-	5.103.917.227	-
- Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	32.422.041.661	9.726.612.498	32.422.041.661	16.211.020.831
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại tổng hợp Thái Hà	10.403.192.528	-	10.403.192.528	-
- Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	16.858.310.422	5.057.493.127	20.881.310.422	10.440.655.211
- Công ty Cổ phần IDC Đông Dương	6.235.952.975	-	6.435.952.975	-
- Các khách hàng khác	16.440.992.078	2.553.321.361	8.563.789.645	1.053.243.404
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**1.388.288**	**-**	**1.388.288**	**-**
- Các nhà cung cấp khác	1.388.288	-	1.388.288	-
	108.099.904.008	**17.337.426.986**	**130.211.162.841**	**27.704.919.446**

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	3.399.947.647	-	6.548.618.075	-
- Nguyên liệu, vật liệu	314.098.276.451	(18.574.060.342)	211.556.166.245	(18.853.396.774)
+ Hoạt động xây dựng dân dụng và xây lắp viễn thông	*302.214.446.268*	*(18.574.060.342)*	*198.815.488.908*	*(18.853.396.774)*
+ Hoạt động cố định băng rộng	*10.809.818.456*	-	*11.483.194.061*	-
+ Vật tư dịch vụ Homecare	*1.074.011.727*	-	*1.257.483.276*	-
- Công cụ, dụng cụ	6.817.739.659	-	3.551.772.597	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	233.099.804.488	-	483.164.343.163	-
+ Công trình Nhà ở liền kề - KĐT mới Hoàng Văn Thụ (1)	*13.651.184.176*	-	*65.663.282.308*	-
+ Công trình Khu Đô thị mới Thành phố lễ hội - Thành phố Châu Đốc (2)	*9.943.031.040*	-	*16.452.427.647*	-
+ Các công trình khác	*209.505.589.272*	-	*401.048.633.208*	-
- Hàng hóa	71.035.860.373	-	104.002.631.212	-
- Hàng gửi đi bán	602.516.853	-	-	-
	629.054.145.471	**(18.574.060.342)**	**808.823.531.292**	**(18.853.396.774)**

(1) Gói thầu thi công phần thân thô và hoàn thiện mặt ngoài nhà ở thấp tầng (không bao gồm cọc, bể nước, bể phốt, cửa cuốn, cửa nhựa lõi thép, cửa gỗ) - 266 căn nhà ở liền kề (giai đoạn 1) và 286 căn nhà ở liền kề (giai đoạn 2), thuộc Công trình Nhà ở liền kề của Dự án Khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Hoàng Mai và Tổng Công ty. Công trình được thực hiện tại phường Hoàng Văn Thụ, phường Thịnh Liệt, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện dự kiến đến hết quý 1/2025. Tại ngày 31/12/2024, công trình đã nghiệm thu 96,70% giá trị hợp đồng và đang trong giai đoạn sửa chữa các căn theo yêu cầu từ chủ đầu tư.

(2) Gói thầu thi công trọn gói phần thô, hoàn thiện bên ngoài 198 căn nhà phố thuộc công trình Khu Đô thị mới Thành phố lễ hội - Thành phố Châu Đốc ký giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trần Anh Châu Đốc và Tổng Công ty. Công trình được thực hiện tại phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Thời gian thực hiện dự kiến đến hết quý 1/2025. Tại ngày 31/12/2024, công trình đã nghiệm thu 91,07% giá trị hợp đồng với chủ đầu tư.

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
Mua sắm tài sản cố định		7.156.129.572	4.238.244.934
Xây dựng cơ bản		244.473.991.670	148.273.403.661
- Dự án đầu tư mới hệ thống DAS tòa nhà năm 2019		*-*	*7.263.962.476*
- Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2022		*-*	*95.302.457.532*
- Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023	*(1)*	*64.568.576.026*	*44.908.616.043*
- Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024	*(2)*	*158.504.418.770*	*-*
- Dự án khác		*21.400.996.874*	*798.367.610*
		251.630.121.242	**152.511.648.595**

(1), (2): Thông tin chi tiết liên quan đến dự án xem chi tiết Phụ lục 01.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 02.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	24.336.888.039	29.170.335.759	53.507.223.798
Số dư cuối năm	**24.336.888.039**	**29.170.335.759**	**53.507.223.798**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.025.031.775	20.464.163.166	30.489.194.941
- Khấu hao trong năm	*224.560.380*	*5.663.430.298*	*5.887.990.678*
Số dư cuối năm	**10.249.592.155**	**26.127.593.464**	**36.377.185.619**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.311.856.264	8.706.172.593	23.018.028.857
Tại ngày cuối năm	**14.087.295.884**	**3.042.742.295**	**17.130.038.179**

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.628.173.900 VND.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất bao gồm các lô đất sau:

- Thửa đất số 908 tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh để làm kho cho Chi nhánh Công trình Viettel Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất trong 50 năm với nguyên giá là 18.057.588.039 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2024 là 10.249.592.155 VND, trong đó số khấu hao trong năm là 224.560.380 VND;
- Thửa đất số 300 thuộc lô A2-9, khu dân cư Bắc Hòa Thọ, xã Hòa Đông, huyện Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng để làm văn phòng và kho cho Chi nhánh Công trình Viettel Đà Nẵng; quyền sử dụng đất không xác định thời hạn với nguyên giá là 6.279.300.000 VND.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Hệ thống trạm BTS	Tuyến ngầm hóa cáp quang	Bất động sản đầu tư khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.066.463.706.655	35.937.595.932	61.813.124.203	1.164.214.426.790
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	*590.459.111.947*	-	*9.373.685.662*	*599.832.797.609*
- Thanh lý	*(651.782.710)*	-	-	*(651.782.710)*
Số dư cuối năm	**1.656.271.035.892**	**35.937.595.932**	**71.186.809.865**	**1.763.395.441.689**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	255.407.894.494	29.024.273.908	50.488.829.434	334.920.997.836
- Khấu hao trong năm	*199.456.723.054*	*871.216.080*	*5.597.789.773*	*205.925.728.907*
- Thanh lý	*(174.483.984)*	-	-	*(174.483.984)*
Số dư cuối năm	**454.690.133.564**	**29.895.489.988**	**56.086.619.207**	**540.672.242.759**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	811.055.812.161	6.913.322.024	11.324.294.769	829.293.428.954
Tại ngày cuối năm	**1.201.580.902.328**	**6.042.105.944**	**15.100.190.658**	**1.222.723.198.930**

- Giá trị còn lại cuối năm của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 1.126.622.994.205 VND (Thuyết minh 15 - Phụ lục 03);
- Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê: 78.314.208.873 VND.

Bất động sản đầu tư tăng trong năm được Tổng Công ty ghi nhận theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành hoặc theo các quyết định tạm tăng tài sản của Tổng Giám đốc, bao gồm:
- Hệ thống trạm BTS phục vụ hoạt động cho thuê lại tại các tỉnh thành trên cả nước;
- Hệ thống DAS cho các tòa nhà tại tỉnh Bình Thuận.

Trong năm 2024, doanh thu từ bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là doanh thu hoạt động kinh doanh hạ tầng cho thuê (Thuyết minh số 25).

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí thuê văn phòng và thuê địa điểm trạm	89.879.017.161	41.968.704.980
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	43.637.532.008	39.141.315.442
	133.516.549.169	**81.110.020.422**
Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.530.588.741	34.957.349.509
	17.530.588.741	**34.957.349.509**

15 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 03.

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	**36.264.234.416**	**36.264.234.416**	**82.154.219.438**	**82.154.219.438**
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	57.618.000	57.618.000	8.786.613.000	8.786.613.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	26.873.614.805	26.873.614.805	42.177.391.858	42.177.391.858
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	40.000.000	40.000.000	25.631.586.498	25.631.586.498
- Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	5.386.352.182	5.386.352.182	4.473.621.346	4.473.621.346
- Công ty TNHH Viettel - CHT	3.683.905.431	3.683.905.431	336.222.000	336.222.000
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	-	-	423.142.500	423.142.500
- Các nhà cung cấp khác	222.743.998	222.743.998	325.642.236	325.642.236
Bên khác	**571.332.547.203**	**571.332.547.203**	**499.001.681.410**	**499.001.681.410**
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	24.609.133.802	24.609.133.802	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Tùng Phương	23.620.195.831	23.620.195.831	1.423.331.202	1.423.331.202
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại IN2TEK	15.820.902.221	15.820.902.221	3.818.496.990	3.818.496.990
- Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng	9.096.743.110	9.096.743.110	14.097.299.760	14.097.299.760
- Công ty TNHH Thương mại Xuân Khương	10.750.096.293	10.750.096.293	9.480.475.667	9.480.475.667
- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Phương Ngọc	21.061.019.895	21.061.019.895	15.461.903.397	15.461.903.397
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật	46.170.689.291	46.170.689.291	15.972.336.332	15.972.336.332
- Công ty TNHH Zhejiang Jinko Solar	9.191.623.680	9.191.623.680	4.753.111.084	4.753.111.084
- Các nhà cung cấp khác	411.012.143.080	411.012.143.080	433.994.726.978	433.994.726.978
	607.596.781.619	**607.596.781.619**	**581.155.900.848**	**581.155.900.848**

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
Bên liên quan		**44.827.488.205**	**373.687.964.265**
- Telecom International Myanmar Company Limited	(1)	44.398.654.732	373.350.617.146
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel		44.396.252	78.956.252
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel		82.772.461	-
- Các chi nhánh Viettel tỉnh		301.664.760	258.390.867
Bên khác		**368.076.238.946**	**287.159.809.583**
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Phú Hải	(2)	5.151.653.008	12.246.426.669
- Công ty Cổ phần Thái Sơn Long An	(3)	5.074.227.636	12.296.691.781
- Công ty Cổ phần Xây dựng VNC	(4)	13.189.543.497	10.389.717.068
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Eco Pearl City	(5)	37.561.112.529	-
- Công ty TNHH Aqua City Hoà Bình	(6)	28.382.599.564	-
- Công ty TNHH Thương Mại Central Park	(7)	19.465.646.960	-
- Công ty TNHH Phát triển Đô thị Quang Tiến	(8)	10.000.000.000	-
- Các khách hàng khác	(9)	249.251.455.752	252.226.974.065
		412.903.727.151	**660.847.773.848**

(1) Khoản trả trước của Telecom International Myanmar Co.,Ltd ("Mytel") cho Tổng Công ty theo hợp đồng dịch vụ khai thác và ứng cứu thông tin cho Mytel tại thị trường Myanmar.

(2) Khoản khách hàng ứng trước tiền liên quan đến gói thầu: Thi công cung cấp, lắp đặt hệ thống cơ điện trong nhà biệt thự ZONE 3, 4, 7, 8, và Thi công hoàn thiện trong nhà và bể bơi thuộc dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng tại phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

(3) Khoản khách hàng ứng trước tiền thi công kết cấu, hoàn thiện, MEP thuộc dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp T&T Millennia City Long An.

(4) Khoản tạm ứng về việc thi công phần thô và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật của các căn villa thuộc Dự án Grand Mercure Quảng Nam.

(5) Tạm ứng thi công san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải Khu nhà ở sinh thái An Điền tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(6) Tạm ứng thi công hạ tầng kỹ thuật (bao gồm san nền, đường giao thông, nút giao Quốc lộ 6, kè hồ, kè chắn phân lô, kè chắn ranh giới dự án, thoát nước mưa, thoát nước thải) dự án Khu đô thị mới Trung Minh B tại phường Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(7) Tạm ứng thi công xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt ngoài 107 căn nhà ở thấp tầng (không bao gồm phần cọc) Khu đô thị Trung Minh A tại phường Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(8) Khoản tạm ứng về việc thi công hạng mục san nền, kè suối, cống ngang và đường giao thông trục chính (Tuyến D1) thuộc Dự án Khu nhà ở và dịch vụ cộng đồng tại xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(9) Các khoản ứng trước của khách hàng phục vụ cho việc thi công các công trình.

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 04.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

		31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
- Trích trước chi phí xây lắp công trình viễn thông	(i)	232.135.535.877	245.575.494.433
- Trích trước chi phí vận hành khai thác	(ii)	207.943.319.710	182.595.240.636
- Trích trước chi phí hạ tầng cho thuê	(iii)	520.282.536.156	322.958.224.115
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả		2.389.593.749	3.905.933.709
		962.750.985.492	**755.034.892.893**

(i) Là khoản trích trước chi phí thi công, bảo dưỡng cho các công trình đã hoàn thành nghiệm thu quyết toán với chủ đầu tư nhưng chưa tập hợp đủ chứng từ ghi nhận chi phí.

(ii) Là khoản trích trước chi phí nhân công và các chi phí thuê ngoài khác được xác định theo khối lượng dịch vụ đã cung cấp của hoạt động cung cấp dịch vụ vận hành khai thác mạng lưới viễn thông tại 63 Chi nhánh Viettel tỉnh.

(iii) Là khoản trích trước chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông cho thuê đã nghiệm thu nhưng chưa tập hợp đủ chứng từ thanh toán.

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

		31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
Ngắn hạn			
- Kinh phí công đoàn		33.142.917.787	39.915.182.938
- Phải trả Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (về KPCĐ, BHXH, BHYT)		46.145.626.982	66.630.096.474
- Phải trả cổ tức cho cổ đông		8.205.221.148	2.941.530.349
- Phải trả về chi phí sản xuất kinh doanh các trụ	(i)	85.594.116.143	89.588.094.151
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel		1.492.201.162	9.117.020.903
- Đảng phí, đoàn phí giữ lại tại Tổng Công ty		17.113.103.485	12.363.592.639
- Phải trả tiền ủng hộ các quỹ		2.858.713.500	2.120.813.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		8.113.630.774	11.930.926.990
		202.665.530.981	**234.607.257.944**
Dài hạn			
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		15.330.600.000	14.664.000.000
		15.330.600.000	**14.664.000.000**
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan			
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel		1.492.201.162	9.117.020.903
- Các chi nhánh Viettel tỉnh		629.538.933	1.318.026.520
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội		46.145.626.982	68.136.319.270
		48.267.367.077	**78.571.366.693**

(i) Khoản phải trả cán bộ nhân viên về chi phí thực hiện sản xuất kinh doanh bao gồm: dịch vụ vận hành khai thác, dịch vụ kỹ thuật, xây lắp dân dụng.

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là doanh thu của các hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng trạm viễn thông, đã phát hành hóa đơn theo số tiền khách hàng thanh toán trước cho kỳ từ 06 tháng đến 12 tháng.

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Dự phòng bảo hành dịch vụ kỹ thuật	2.419.770.999	2.249.933.304
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	4.959.492.321	3.893.684.179
- Dự phòng bảo hành hàng hóa thương mại và giải pháp tích hợp	2.292.591.650	2.941.922.258
	9.671.854.970	**9.085.539.741**

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 05.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	751.077.450.000	65,66	751.077.450.000	65,66
- Công đoàn Tổng Công ty	10.126.360.000	0,89	10.126.360.000	0,89
- Các cổ đông khác	382.654.980.000	33,45	382.654.980.000	33,45
	1.143.858.790.000	**100,00**	**1.143.858.790.000**	**100,00**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*1.143.858.790.000*	*1.143.858.790.000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	-	-
- *Vốn góp cuối năm*	*1.143.858.790.000*	*1.143.858.790.000*
Cổ tức, lợi nhuận		
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm*	2.941.530.349	5.948.998.699
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm*	530.636.092.681	114.385.879.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia bằng tiền	530.636.092.681	114.385.879.000
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	*(525.372.401.882)*	*(117.393.347.350)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(525.372.401.882)	(117.393.347.350)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	**8.205.221.148**	**2.941.530.349**

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	114.385.879	114.385.879
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	114.385.879	114.385.879
- *Cổ phiếu phổ thông*	*114.385.879*	*114.385.879*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	114.385.879	114.385.879
- *Cổ phiếu phổ thông*	*114.385.879*	*114.385.879*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản cho thuê ngoài

Tổng Công ty hiện đang sử dụng Bất động sản đầu tư bao gồm tuyến cống ngầm hóa cáp quang, tuyến cáp quang sợi và hệ thống trạm BTS vào mục đích cho thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Từ 1 năm trở xuống	744.132.168.672	533.230.317.504

Tài sản thuê ngoài

Tổng Công ty thuê tài sản làm trụ sở văn phòng làm việc Tổng Công ty tại Hà Nội, văn phòng các chi nhánh và vị trí trạm theo hợp đồng thuê hoạt động trên địa bàn 64 tỉnh thành. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Từ 1 năm trở xuống	341.270.302.044	161.921.038.668

Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ	USD	2.581.537,34	3.148.620,85
- Kyats Myanmar	MMK	4.167.613.769,00	5.504.564.459,00

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.207.812.423	1.207.812.423

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
Doanh thu xây dựng công trình	4.075.342.768.942	3.609.110.326.273
Doanh thu dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin	6.248.846.160.589	5.531.853.537.495
Doanh thu các hợp đồng thương mại và giải pháp tích hợp	1.455.448.583.017	1.462.331.597.323
Doanh thu kinh doanh hạ tầng cho thuê	630.583.626.183	435.447.901.045
Doanh thu dịch vụ kỹ thuật	199.298.421.350	331.664.910.588
	12.609.519.560.081	**11.370.408.272.724**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	**7.983.996.406.990**	**6.842.279.864.654**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)		

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng công trình	3.816.683.529.800	3.299.800.474.627
Giá vốn dịch vụ khai thác và ứng cứu thông tin	5.922.103.770.337	5.227.206.810.858
Giá vốn các hợp đồng thương mại và giải pháp tích hợp	1.375.986.721.137	1.375.867.274.501
Chi phí kinh doanh hạ tầng cho thuê	445.725.140.459	301.318.412.660
Giá vốn dịch vụ kỹ thuật	165.078.025.259	266.381.147.099
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(279.336.432)	(2.046.249.970)
	11.725.297.850.560	**10.468.527.869.775**
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	**238.249.501.461**	**317.736.861.361**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)		
Tổng giá trị mua vào:	238.249.501.461	317.736.861.361
Trong đó:		
- Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán	*238.249.501.461*	*317.736.861.361*
- Còn tồn kho	-	-

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.323.807.107	96.307.794.199
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.072.657.664	123.624.780
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	1.666.478.604	694.282.670
	49.062.943.375	**97.125.701.649**

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	60.826.401.868	84.837.242.075
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	29.322.994.601	8.434.049.844
	90.149.396.469	**93.271.291.919**

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.279.408.904	859.469.125
Chi phí nhân công	107.115.385.833	105.404.481.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.327.977.683	12.167.460.870
Thuế, phí, và lệ phí	77.875.221	84.232.068
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(11.743.766.373)	75.550.105.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.941.615.868	48.805.306.882
Chi phí khác bằng tiền	10.600.759.106	5.010.330.277
	168.599.256.242	**247.881.386.173**

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	905.114.349	-
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	965.318.177	-
Tiền phạt từ mất công cụ, dụng cụ chi nhánh	460.648.916	200.980.956
Tiền phạt hợp đồng	1.298.374.174	1.876.534.310
Thu nhập khác	352.460.292	743.686.785
	3.981.915.908	**2.821.202.051**

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản bị phạt	362.839.000	695.881.115
Chi phí không hình thành TSCĐ	5.714.710.182	4.041.491.747
Chi phí khác	424.539.345	225.548.114
	6.502.088.527	**4.962.920.976**

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại Việt Nam	128.271.122.206	124.263.096.965
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại nước ngoài	7.025.376.588	7.544.717.068
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	**135.296.498.794**	**131.807.814.033**
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	107.760.934.390	33.651.379.075
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(115.949.066.027)	(57.677.862.332)
Trong đó:		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại Việt Nam	*(107.421.122.513)*	*(51.983.758.983)*
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại nước ngoài	*(8.527.943.514)*	*(5.694.103.349)*
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá quy đổi hợp nhất BCTC	(85.171.872)	(20.396.386)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**127.023.195.285**	**107.760.934.390**

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a. Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.195.351.143	693.501.657
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**2.195.351.143**	**693.501.657**

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI (tiếp theo)

b. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(693.501.657)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(1.501.849.486)	-
	(1.501.849.486)	**(693.501.657)**

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	538.221.178.258	524.597.395.205
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	538.221.178.258	524.597.395.205
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	114.385.879	114.385.879
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**4.705**	**4.586**

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.474.596.001.464	2.843.440.489.395
Chi phí nhân công	4.713.503.798.403	4.317.786.151.247
Chi phí khấu hao TSCĐ	318.978.601.646	258.401.642.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.089.016.912.624	909.050.094.240
Chi phí khác bằng tiền	1.078.967.472.756	1.050.393.315.678
	10.675.062.786.893	**9.379.071.693.231**

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro về lãi suất:
Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng
Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND
Tại ngày 31/12/2024	
Tiền và các khoản tương đương tiền	885.809.657.196
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.689.895.134.576
Các khoản cho vay	853.500.000.000
	4.429.204.791.772
Tại ngày 01/01/2024	
Tiền và các khoản tương đương tiền	817.372.574.485
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.753.911.009.067
Các khoản cho vay	1.000.000.000.000
	4.571.283.583.552

Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.
Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024			
Vay và nợ	1.052.105.942.834	572.917.389.729	1.625.023.332.563
Phải trả người bán, phải trả khác	810.262.312.600	15.330.600.000	825.592.912.600
Chi phí phải trả	962.750.985.492	-	962.750.985.492
	2.825.119.240.926	**588.247.989.729**	**3.413.367.230.655**
Tại ngày 01/01/2024			
Vay và nợ	1.195.895.559.062	377.705.688.165	1.573.601.247.227
Phải trả người bán, phải trả khác	815.763.158.792	14.664.000.000	830.427.158.792
Chi phí phải trả	755.034.892.893	-	755.034.892.893
	2.766.693.610.747	**392.369.688.165**	**3.159.063.298.912**

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.397.670.540.341	2.455.208.243.463
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	2.346.248.455.005	2.347.122.939.482

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Xem chi tiết tại Phụ lục 06.

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Tổng Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội	Công ty mẹ
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Công ty Quản lý tài sản Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Viện hàng không vũ trụ	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Công ty An ninh mạng Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Các chi nhánh Viettel tỉnh	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Mygo (Campuchia)	Công ty con của Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty con của Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Viettel Timor Leste Unipessoal Lda	Công ty con của Công ty mẹ
Viettel (Cambodia) Pte., Ltd	Công ty con của Công ty mẹ
Viettel Peru S.A.C	Công ty con của Công ty mẹ
Movitel, SA	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một Thành viên Logistics Viettel	Công ty con của Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Star Telecom	Công ty liên kết gián tiếp của Công ty mẹ
Telecom International Myanmar Co.,Ltd	Công ty liên kết gián tiếp của Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**7.983.996.406.990**	**6.842.279.864.654**
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	264.351.640.228	1.797.762.081.651
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	8.258.112.491	5.352.751.545
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	10.338.194.011	254.232.444.579
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	21.081.038	41.642.801
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	45.434.890	1.371.202.975
- Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	4.318.325.564.806	2.684.350.385.491
- Công ty Star Telecom	4.110.429.990	1.006.803.410
- Telecom International Myanmar Co.,Ltd	1.927.891.876.501	991.933.815.195
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	62.836.364	62.836.364
- Các chi nhánh Viettel tỉnh	811.950.595.655	545.908.335.365
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	17.901.694.246	13.782.621.068
- Công ty TNHH Một Thành viên Logistics Viettel	1.446.643.509	-
- Viettel (Cambodia) Pte., Ltd	574.966.347.917	519.725.261.954
- Viettel Peru S.A.C	4.438.262.296	2.142.556.138
- Công ty Movitel, SA	32.729.746.467	22.033.512.468
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội	6.879.229.581	2.095.363.650
- Công ty An Ninh Mạng Viettel	-	305.800.000
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	187.200.000	172.450.000
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	91.517.000	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	**238.249.501.461**	**317.736.861.361**
- Tập đoàn Công nghiệp Viễn Thông Quân đội	32.827.466.396	35.510.708.361
- Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	171.092.185.513	221.514.176.964
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	590.292.480	-
- Học viện Viettel	21.395.000	-
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	434.746.000	-
- Công ty TNHH Viettel - CHT	4.723.024.572	3.317.428.960
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	3.999.356.712	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	10.549.714.687	50.572.625.172
- Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	118.478.348	-
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh Nghiệp Viettel	8.242.075.146	6.821.921.904
- Viettel (Cambodia) Pte., Ltd	4.479.260.955	-
- Công ty TNHH Mygo (Campuchia)	140.780.652	-
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	1.030.725.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		**24.433.736.885**	**23.173.145.787**
- Ông Đỗ Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	4.175.438.552	3.852.829.279
- Ông Nguyễn Quang Khải	Thành viên HĐQT	354.000.000	264.000.000
- Ông Nguyễn Tất Trường	Thành viên HĐQT	1.316.188.794	1.145.612.720
- Bà Vũ Thị Mai	Thành viên HĐQT	136.000.000	56.000.000
- Bà Nghiêm Phương Nhi (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)	Thành viên HĐQT	-	28.000.000

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau: (tiếp theo)

		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt (tiếp theo)			
- Ông Phạm Đình Trường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	5.559.991.133	5.229.256.481
- Ông Nguyễn Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc	3.433.402.691	3.270.764.967
- Bà Đào Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	3.407.585.810	3.270.764.967
- Ông Đặng Văn Chung (Bổ nhiệm ngày 18/12/2024)	Phó Tổng Giám đốc	140.182.574	-
- Ông Trần Thúc Linh (Bổ nhiệm ngày 18/12/2024)	Phó Tổng Giám đốc	201.042.658	-
- Ông Nguyễn Thái Hưng (Miễn nhiệm ngày 18/12/2024)	Phó Tổng Giám đốc	3.349.657.673	3.270.764.967
- Ông Lê Hữu Hiền (Miễn nhiệm ngày 01/03/2023)	Phó Tổng Giám đốc	-	553.488.828
- Ông Ngô Quang Tuệ	Trưởng Ban KS	1.178.724.265	1.133.121.653
- Ông Phạm Hồng Quân	Thành viên Ban KS	734.227.535	701.430.719
- Bà Mai Thị Anh	Thành viên Ban KS	447.295.200	397.111.207

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 căn cứ theo Biên bản Thanh tra số 05/BBTTr-VCC ngày 17/09/2024 của Thanh tra Bộ Tài chính. Theo đó một số chỉ tiêu được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.978.364.543.283	2.052.515.681.897	74.151.138.614
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(103.552.387.501)	(102.506.243.395)	1.046.144.106
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	168.741.450.765	176.774.863.066	8.033.412.301
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	693.430.648.630	755.034.892.893	61.604.244.263
- Phải trả ngắn hạn khác	319	237.767.256.489	234.607.257.944	(3.159.998.545)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	515.877.770.504	524.597.395.205	8.719.624.701

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	11.298.950.641.691	11.370.408.272.724	71.457.631.033
- Giá vốn hàng bán	11	10.406.923.625.512	10.468.527.869.775	61.604.244.263
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	248.927.530.279	247.881.386.173	(1.046.144.106)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	129.627.907.858	131.807.814.033	2.179.906.175
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	515.877.770.504	524.597.395.205	8.719.624.701
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.510	4.586	76
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
- Lợi nhuận trước thuế	01	644.812.176.705	655.711.707.581	10.899.530.876
- Các khoản dự phòng	03	75.989.978.489	74.943.834.363	(1.046.144.106)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(524.543.828.035)	(598.694.966.649)	(74.151.138.614)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	338.518.427.652	402.816.179.496	64.297.751.844

Dương Văn Khiết	Phạm Tuấn	Phạm Đình Trường
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Phụ lục 01 : CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục đích xây dựng	Nguồn vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Tình trạng dự án	Tổng mức đầu tư	Khối lượng đã thực hiện
							VND	VND
(1)	Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023 (i)	63 tỉnh/thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (2.000 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 2/2023 đến hết năm 2025	Đang triển khai	536.274.641.558	440.317.527.834
(2)	Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024 (ii)	63 tỉnh/thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (5.000 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 1/2024 đến hết năm 2026	Đang triển khai	1.460.021.924.762	468.220.634.750
							1.996.296.566.320	**908.538.162.584**

(i) Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án này đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch (Thuyết minh 15, Phụ lục 03, Stt 5);

(ii) Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án này đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (Thuyết minh 15, Phụ lục 03, Stt 8);

Phụ lục 02 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.571.724.948	274.018.357.379	445.082.385.330	9.521.748.591	740.194.216.248
- Mua trong năm	-	*14.425.399.323*	*1.272.928.818*	*3.459.724.000*	*19.158.052.141*
- Tăng do CLTG chuyển đổi BCTC	-	*78.382.650*	*16.058.000*	-	*94.440.650*
- Thanh lý, nhượng bán	-	*(16.904.718.369)*	*(6.694.355.964)*	*(858.026.474)*	*(24.457.100.807)*
Số dư cuối năm	**11.571.724.948**	**271.617.420.983**	**439.677.016.184**	**12.123.446.117**	**734.989.608.232**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.607.303.097	140.689.003.361	324.770.387.546	6.588.851.178	478.655.545.182
- Khấu hao trong năm	*411.876.312*	*35.307.018.791*	*69.257.541.841*	*2.188.445.117*	*107.164.882.061*
- Tăng do CLTG chuyển đổi BCTC	-	*3.008.021*	*16.058.000*	-	*19.066.021*
- Thanh lý, nhượng bán	-	*(16.904.718.369)*	*(6.694.355.964)*	*(858.026.474)*	*(24.457.100.807)*
Số dư cuối năm	**7.019.179.409**	**159.094.311.804**	**387.349.631.423**	**7.919.269.821**	**561.382.392.457**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.964.421.851	133.329.354.018	120.311.997.784	2.932.897.413	261.538.671.066
Tại ngày cuối năm	**4.552.545.539**	**112.523.109.179**	**52.327.384.761**	**4.204.176.296**	**173.607.215.775**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 79.916.813.509 VND (Thuyết minh 15 - Phụ lục 03);
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 109.660.659.055 VND.

Phụ lục 03 : VAY

		01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn		***1.060.569.974.376***	***1.060.569.974.376***	***1.969.753.741.625***	***2.180.329.175.959***	***849.994.540.042***	***849.994.540.042***
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	(1)	369.520.320.324	369.520.320.324	545.132.302.388	551.970.371.887	362.682.250.825	362.682.250.825
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình		241.159.261.327	241.159.261.327	70.866.000.000	312.025.261.327	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	(2)	449.890.392.725	449.890.392.725	494.094.264.506	858.012.797.688	85.971.859.543	85.971.859.543
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	(3)	-	-	616.394.376.268	458.320.745.057	158.073.631.211	158.073.631.211
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Hội sở	(4)	-	-	243.266.798.463	-	243.266.798.463	243.266.798.463
Vay dài hạn đến hạn trả		***135.325.584.686***	***135.325.584.686***	***202.111.402.792***	***135.325.584.686***	***202.111.402.792***	***202.111.402.792***
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	(5)	5.309.331.178	5.309.331.178	45.690.892.988	5.309.331.178	45.690.892.988	45.690.892.988
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	(6)	52.230.316.176	52.230.316.176	46.811.478.164	52.230.316.176	46.811.478.164	46.811.478.164
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	(7)	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332	77.785.937.332
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	(8)	-	-	31.536.097.544	-	31.536.097.544	31.536.097.544
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội	(9)	-	-	286.996.764	-	286.996.764	286.996.764
		1.195.895.559.062	**1.195.895.559.062**	**2.171.865.144.417**	**2.315.654.760.645**	**1.052.105.942.834**	**1.052.105.942.834**

Phụ lục 03 : VAY (tiếp theo)

		01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn							
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	(5)	63.711.974.138	63.711.974.138	188.683.991.005	22.845.446.494	229.550.518.649	229.550.518.649
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	(6)	157.931.819.573	157.931.819.573	-	65.287.895.220	92.643.924.353	92.643.924.353
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	(7)	291.387.479.140	291.387.479.140	-	77.785.937.332	213.601.541.808	213.601.541.808
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	(8)	-	-	236.793.335.220	-	236.793.335.220	236.793.335.220
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội	(9)	-	-	2.439.472.491	-	2.439.472.491	2.439.472.491
		513.031.272.851	**513.031.272.851**	**427.916.798.716**	**165.919.279.046**	**775.028.792.521**	**775.028.792.521**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		(135.325.584.686)	(135.325.584.686)	(202.111.402.792)	(135.325.584.686)	(202.111.402.792)	(202.111.402.792)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		**377.705.688.165**	**377.705.688.165**			**572.917.389.729**	**572.917.389.729**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Stt	Bên cho vay	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo
(1)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	Tối đa 10 tháng đối với hoạt động xây lắp Tối đa 3 tháng đối với hoạt động vận hành Tối đa 5 tháng đối với hoạt động khác	5,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Quyền đòi nợ luân chuyển (được hạch toán trong sổ sách kế toán của Tổng Công ty dưới hình thức các khoản phải thu) của Tổng Công ty đối với bên thứ ba có nghĩa vụ thanh toán với Tổng Công ty phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, bao gồm cả quyền đòi nợ hình thành trong tương lai mà không cần có sự đồng ý của Bên có nghĩa vụ thanh toán, giá trị tối thiểu 650 tỷ đồng

Phụ lục 03 : VAY (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay: (tiếp theo)

Stt	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
(2)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	5,5 - 6 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên từng Giấy nhận nợ	2,4% - 6,48%/năm	Tài trợ nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	6 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên từng Giấy nhận nợ	3,0% - 3,4%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh	Tín chấp
(4)	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Hội sở	6 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên từng Giấy nhận nợ	Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh	Tín chấp
(5)	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	Các cam kết bảo lãnh có thời hạn từ 12 - 60 tháng	Lãi suất thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh lãi suất, điều chỉnh theo từng thời kỳ	Tài trợ chi phí thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023"	Tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10 - Phụ lục 01 và Thuyết minh 13
(6)	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Từ 5 đến 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	5,525% - 6,4%/năm	Tài trợ chi phí thực hiện các dự án "Đầu tư hệ thống pin mặt trời áp mái năm 2020" và dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 - Giai đoạn 2 (quy mô 1320 nhà trạm và hệ thống nguồn tại 63 tỉnh/thành phố)"	Tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 11 - Phụ lục 02 và Thuyết minh 13)
(7)	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	Từ 5 đến 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	6,0% - 6,8%/năm	Tài trợ chi phí thực hiện các dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 - Dự án 1" và dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2022"	Toàn bộ tài sản bao gồm nhưng không giới hạn hệ thống hạ tầng cột thu phát sóng, hạ tầng nhà trạm, trang thiết bị, vật tư,... hình thành trong tương lai thuộc dự án của Tổng Công ty (Thuyết minh 13)

Phụ lục 03 : VAY (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay: (tiếp theo)

Stt	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
(8)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày đầu tiên mỗi kỳ	Tài trợ các chi phí hợp lý, hợp lệ để thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024"	Toàn bộ tài sản bao gồm hình thành trong tương lai thuộc dự án của Tổng Công ty (Thuyết minh 10 - Phụ lục 01 và Thuyết minh 13)
(9)	Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội	60 tháng kể từ và bao gồm ngày rút vốn lần đầu của khoản vay	Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân	Tài trợ cho dự án "Đầu tư tuyến cáp ngầm dọc cao tốc Đà Nẵng trở vào phía Nam"	Tín chấp

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Phụ lục 04 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	Trong năm			31/12/2024
	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	41.447.764.400	417.637.187.252	424.784.216.144	187.549.743	34.488.285.251
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	245.864.923	245.864.923	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	107.760.934.390	135.296.498.794	115.949.066.027	(85.171.872)	127.023.195.285
- Thuế Thu nhập cá nhân	23.116.613.676	202.893.187.618	198.598.462.144	73.882.829	27.485.221.979
- Các loại thuế khác	1.128.463.277	60.345.079.876	60.413.207.332	(84.372.942)	975.962.879
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.321.087.323	18.114.206.585	19.505.810.497	185.836.865	2.115.320.276
	176.774.863.066	**834.532.025.048**	**819.496.627.067**	**277.724.623**	**192.087.985.670**

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 05 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối (Đã điều chỉnh)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**1.143.858.790.000**	**(15.000.000)**	**4.444.473.473**	**-**	**488.751.824.367**	**50.901.895**	**1.637.090.989.735**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	524.597.395.205	-	524.597.395.205
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(181.143.879.000)	-	(181.143.879.000)
Thuế cổ tức Công ty con phân phối lợi nhuận cho Công ty mẹ	-	-	-	-	(1.017.060.425)	-	(1.017.060.425)
Tăng/giảm do thanh lý Công ty con	-	-	952.767.006	-	-	(50.901.895)	901.865.111
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	9.455.731.295	-	(9.455.731.295)	-	-
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	16.264.994.616	-	-	-	16.264.994.616
Số dư cuối năm trước	**1.143.858.790.000**	**(15.000.000)**	**31.117.966.390**	**-**	**821.732.548.852**	**-**	**1.996.694.305.242**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	538.221.178.258	-	538.221.178.258
Phân phối lợi nhuận năm 2022 (*)	-	-	-	-	(219.506.501.801)	-	(219.506.501.801)
Phân phối lợi nhuận năm 2023 (**)	-	-	1.250.494.930	100.000.000.000	(538.629.590.880)	-	(437.379.095.950)
Thuế cổ tức Công ty con phân phối lợi nhuận cho Công ty mẹ	-	-	-	-	(2.641.881.211)	-	(2.641.881.211)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	(11.992.766.610)	-	1.853.623.916	-	(10.139.142.694)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(185.599.525)	-	(185.599.525)
Số dư cuối năm nay	**1.143.858.790.000**	**(15.000.000)**	**20.375.694.710**	**100.000.000.000**	**600.843.777.609**	**-**	**1.865.063.262.319**

Phụ lục 05 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Tổng Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt lần 2 năm 2022 tương ứng 19,19% theo Thông báo số 03/TB-VCC ngày 04/01/2024.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 13/NQ-VCC ngày 24/04/2024, Tổng Công ty công bố phương án phân phối lợi nhuận như sau:

	Số phân phối theo Nghị quyết	Số thực tế phân phối	Chênh lệch
	VND	VND	VND
Tổng Lợi nhuận sau thuế và Quỹ đầu tư phát triển dùng để phân phối	538.629.590.880	538.629.590.880	-
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	*100.000.000.000*	*100.000.000.000*	-
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	*125.000.000.000*	*125.000.000.000*	-
+ Trích Quỹ thưởng cho người quản lý	*2.500.000.000*	*2.500.000.000*	-
+ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt từ Lợi nhuận sau thuế	*311.129.590.880*	*311.129.590.880*	-
	538.629.590.880	**538.629.590.880**	**-**

Phụ lục 06 : BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động vận hành khai thác và ứng cứu thông tin	Hoạt động thương mại và giải pháp tích hợp	Hoạt động kinh doanh hạ tầng cho thuê	Hoạt động dịch vụ kỹ thuật	**Tổng cộng toàn doanh nghiệp**
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.075.342.768.942	6.248.846.160.589	1.455.448.583.017	630.583.626.183	199.298.421.350	12.609.519.560.081
Giá vốn hàng bán	3.816.404.193.368	5.922.103.770.337	1.375.986.721.137	445.725.140.459	165.078.025.259	11.725.297.850.560
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**258.938.575.574**	**326.742.390.252**	**79.461.861.880**	**184.858.485.724**	**34.220.396.091**	**884.221.709.521**
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư của các bộ phận	-	15.698.328.141	-	698.951.270.256	-	714.649.598.397
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư không phân bổ						3.459.724.000
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư	**-**	**15.698.328.141**	**-**	**698.951.270.256**	**-**	**718.109.322.397**
Tài sản bộ phận	1.691.127.594.029	1.510.446.476.265	192.568.138.891	1.653.155.493.686	18.170.966.678	5.065.468.669.549
Tài sản không phân bổ						2.040.789.194.119
Tổng tài sản	**1.691.127.594.029**	**1.510.446.476.265**	**192.568.138.891**	**1.653.155.493.686**	**18.170.966.678**	**7.106.257.863.668**
Nợ phải trả của các bộ phận	412.843.324.573	606.721.173.292	11.484.215.330	1.566.790.934.046	2.419.770.999	2.600.259.418.240
Nợ phải trả không phân bổ						2.640.935.183.109
Tổng nợ phải trả	**412.843.324.573**	**606.721.173.292**	**11.484.215.330**	**1.566.790.934.046**	**2.419.770.999**	**5.241.194.601.349**

Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Ngoài nước	**Tổng cộng**
	VND	VND	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.038.715.090.522	2.570.804.469.559	12.609.519.560.081
Tổng tài sản	6.680.362.402.184	425.895.461.484	7.106.257.863.668
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư	718.109.322.397	-	718.109.322.397

VIETTEL CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

ADDRESS: No. 6 Pham Van Bach Street, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi

TEL: 024.6266.1225

E-MAIL: congtrinhviettel@viettel.com.vn

WEBSITE: www.viettelconstruction.com

ENTERPRISE CODE: 0104753865 issued by Hanoi Department of Planning and Investment 1st times on June 9, 2010

CONFIRMATION OF THE LEGAL REPRESENTATIVE OF VCC

GENERAL DIRECTOR

Pham Dinh Truong

viettel construction

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Cùng hoạt động hướng tới tương lai

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
Viettel Construction/ VCC	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
TCT	Tổng Công ty
HĐQT	Hội đồng quản trị
BTGĐ	Ban Tổng Giám đốc
BGĐ	Ban Giám đốc
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTKD	Trung tâm kinh doanh
VHKT	Vận hành khai thác
GPTH	Giải pháp tích hợp
TTHT	Trung tâm hạ tầng
DVKT	Dịch vụ kỹ thuật
CNTT	Công nghệ thông tin
XDDD	Xây dựng dân dụng
CSKH	Chăm sóc khách hàng
B2B	Khách hàng doanh nghiệp
B2C	Khách hàng cá nhân
PTBV	Phát triển bền vững
BĐKH	Biến đổi khí hậu
PCCC	Phòng cháy chữa cháy

TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
MPĐ	Máy phát điện
QTRR	Quản trị rủi ro
VHDN	Văn hóa doanh nghiệp
CBNV	Cán bộ nhân viên
NLĐ	Người lao động
SQ	Sỹ quan
QNCN	Quân nhân chuyên nghiệp
CNVQP	Công nhân viên quốc phòng
NVKT	Nhân viên kỹ thuật
TNLĐ	Tai nạn lao động
BNN	Bệnh nghề nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
OEM	Nhà sản xuất thiết bị gốc
SKYT	Sáng kiến ý tưởng
DAS	Hệ thống phủ sóng di động tòa nhà
NLMT	Năng lượng mặt trời
ROA	Tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản
ROE	Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

NỘI DUNG BÁO CÁO

PHẦN I: THÔNG ĐIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, TỔNG QUAN VỀ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL	**04**
1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	6
2. Thông điệp của Tổng Giám đốc	7
3. Tổng quan báo cáo phát triển bền vững	8
4. Giới thiệu về Tổng Công ty	9
PHẦN II: CHIẾN LƯỢC VÀ QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	**20**
1. Chiến lược Phát triển bền vững	21
2. Quản trị Phát triển bền vững	24
3. Quản trị rủi ro	24
4. Tuân thủ pháp luật	29
5. Đạo đức và chính trực	30
6. Gắn kết các bên liên quan	30
7. Các chủ đề trọng yếu gắn liền với 17 mục tiêu PTBV	31
PHẦN III: HIỆU QUẢ TRÊN CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU	**32**
1. Khía cạnh hiệu quả kinh tế	33
2. Sự hiện diện của thị trường	36
3. Tác động kinh tế gián tiếp	37
4. Thông lệ mua sắm	38
5. Năng lượng	38
6. Tuân thủ về môi trường	40
7. Việc làm	42
8. Mối quan hệ lao động/quản lý	45
9. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	45
10. Giáo dục và đào tạo	46
11. Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng	47
12. Lao động trẻ em	47
13. Chính sách công	48
14. Sức khỏe và an toàn của khách hàng	50
15. Tiếp thị và nhãn hiệu	51
16. Quyền bảo mật thông tin khách hàng	51
17. Tuân thủ về kinh tế, xã hội	51

PHẦN I

THÔNG ĐIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, TỔNG QUAN VỀ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

1. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và Quý vị,

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, nhanh và khó lường với nhiều rủi ro, bất ổn. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

Trong bối cảnh đó, Viettel Construction đã thích ứng linh hoạt với thị trường, chủ động quản trị những rủi ro để hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh. Cụ thể năm 2024, Viettel Construction đã hoàn thành mục tiêu kinh doanh với tổng doanh thu đạt 12.663 tỷ đồng, tăng trưởng 10,4%, lợi nhuận trước thuế đạt 672 tỷ, tăng trưởng 2,5% so với năm 2023.

Trên hành trình đưa Viettel Construction từ một doanh nghiệp tốt đến phát triển bền vững, chúng tôi xây dựng chiến lược tăng trưởng từ 10-15% mỗi năm. Gắn hoạt động kinh doanh với trách nhiệm xã hội theo mô hình 3P: People (Con người) – Planet (Hành tinh) – Profit (Lợi nhuận).

Mỗi sản phẩm, dịch vụ cung cấp ra thị trường của Viettel Construction đều dựa trên chính nhu cầu của xã hội, giúp người dân có chất lượng cuộc sống tốt hơn, an nhiên và hạnh phúc. Bên cạnh đó, việc ứng dụng các giải pháp "Xanh – Thông minh" vào hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ của Tổng Công ty còn góp phần bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, phù hợp với xu thế mới của thế giới và Việt Nam.

Hiện nay chúng tôi đang hoạt động kinh doanh dựa trên 5 lĩnh vực chính: Đầu tư hạ tầng cho thuê; Xây dựng (bao gồm xây dựng hạ tầng viễn thông, xây dựng dân dụng B2B và B2C); Công nghệ thông tin; Giải pháp & Dịch vụ Kỹ thuật; Vận hành khai thác.

Với sứ mệnh thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 đến các doanh nghiệp, hộ gia đình theo tiêu chí "Chuyên nghiệp – Chất lượng – Chi phí cạnh tranh", Viettel Construction định hướng tầm nhìn trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh hiệu quả cao nhất.

Chúng tôi cam kết đồng hành và đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cổ đông, nhân viên và đối tác trên hành trình trở thành Công ty có doanh thu tỷ đô vào năm 2030.

CHỦ TỊCH

Đỗ Mạnh Hùng

2. THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và Quý vị,

Với việc ban hành hàng loạt các văn bản pháp luật liên quan đến khuyến khích phát triển năng lượng mặt trời trong năm 2024, Chính phủ và Nhà nước đã có định hướng chiến lược về việc phát triển "kinh tế xanh", đây là xu thế tất yếu và phát triển bền vững cho doanh nghiệp, đặc biệt đối với các Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Bám sát chiến lược của Chính phủ và Nhà nước, Viettel Construction hiện tại đang đi đúng hướng và có nhiều cơ hội để bứt phá trong những năm tiếp theo.

Viettel Construction tiếp tục phát huy thế mạnh kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật kết hợp ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng sống người dân thông qua từng sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Chúng tôi đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên quy mô toàn Tổng Công ty nhằm đạt mức trưởng thành số cao nhất, đồng thời xây dựng các giải pháp số tư vấn cho doanh nghiệp cải tiến, thích nghi dễ dàng hơn trong bối cảnh thị trường kinh tế suy yếu.

Trong năm 2024, nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn đến từ suy thoái kinh tế và đặc biệt là thiên tai bão lũ gây thiệt hại quy mô lớn. Tuy nhiên trong khó khăn Viettel Construction đã tìm ra cơ hội để thích nghi, hoạt động kinh doanh của Công ty bứt phá trong những năm vừa qua.

Điển hình trong năm 2024, Viettel Construction đã vượt qua khó khăn hoàn thành 100% chỉ tiêu doanh thu đạt mức 12.663 tỷ đồng, tăng trưởng 10,4% so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt 672 tỷ đồng, tăng trưởng 2,5% so với năm 2023, hoàn thành 100% kế hoạch lợi nhuận.

Trong giai đoạn 5 năm (2020 – 2024), tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trước thuế kép đạt lần lượt 18,7% và 8%.

Chúng tôi nỗ lực hàng ngày trong việc đảm bảo công việc và thu nhập dành cho hơn 11.000 cán bộ nhân viên. Liên tục tuyển mới các nhân sự có trình độ cao gia nhập ngôi nhà chung Viettel Construction. Chúng tôi coi nguồn lực nhân sự là yếu tố cốt lõi để đưa Viettel Construction phát triển bền vững, hướng đến mục tiêu doanh thu đạt 13.968 tỷ đồng vào năm 2025 và đạt 1 tỷ USD vào năm 2030.

Việc đưa chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất đến gần hơn với người dân trên mọi miền Tổ quốc và các Quốc gia trên thế giới là trách nhiệm của Viettel Construction trong giai đoạn mới, kế hoạch này đồng thời giúp cho Viettel Construction trở thành Công ty có đóng góp bền vững cho sự phát triển của xã hội.

Trước bối cảnh thị trường vẫn tồn tại nhiều biến động khó lường, Viettel Construction xác định ngoài việc tập trung phát huy có hiệu quả các động lực tăng trưởng truyền thống để đảm bảo hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024, Tổng Công ty còn chú trọng đầu tư nguồn lực để nghiên cứu, chuẩn bị những kịch bản thay đổi nội tại để đối phó với những rủi ro có thể xảy ra trong ngắn hạn, cũng như sẵn sàng các điều kiện đảm bảo để đón đầu xu thế và phát triển bền vững trong dài hạn.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Trường

3. TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo PTBV của Viettel Construction được xây dựng dựa trên bộ tiêu chuẩn của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative). Đây là chuẩn mực báo cáo mới nhất và được công nhận rộng rãi cho báo cáo PTBV, nhằm tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Ngoài ra, các hoạt động của Viettel Construction trong báo cáo này cũng gắn với 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc.

Năm 2023 là năm đầu tiên Viettel Construction lập báo cáo PTBV riêng biệt với báo cáo thường niên, Năm 2024 là năm thứ 2 Viettel Construction lập báo cáo của Viettel Construction trong năm tài chính 2024 (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024).

Nội dung trong báo cáo được xây dựng từ thông tin và dữ liệu của các hoạt động kinh doanh chính của Viettel Construction, Chúng tôi cam kết nỗ lực mở rộng phạm vi và giới hạn báo cáo nhằm đáp ứng những nhu cầu luôn thay đổi của các Bên liên quan trong tương lai.

4. GIỚI THIỆU VỀ VCC

4.1. THÔNG TIN CHUNG

- **Tên đầy đủ:** Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
- **Tên viết tắt:** Viettel Construction
- **Trụ sở chính:** Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- **Địa chỉ liên hệ:** Số 6 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
- **Điện thoại:** (04)62451783
- **Website:** https://viettelconstruction.com.vn/
- **Mã cổ phiếu:** CTR. Niêm yết trên sàn HOSE từ ngày 23/02/2022
- **Ngành nghề kinh doanh chính:** Mã ngành 4390 (xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông)

4.2. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH

Viettel Construction được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 1995, là đơn vị hạch toán độc lập, một phần quan trọng trong hệ sinh thái của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. Viettel Construction tự hào đã xây dựng hệ thống hạ tầng lưới viễn lớn nhất Việt Nam với hơn 50.000 trạm phát sóng, 320.000 km cáp quang (tương đương 8 vòng trái đất), phủ khắp 100% lãnh thổ Việt Nam bao gồm vùng biển hải đảo và vùng sâu vùng xa. Đồng thời còn là đơn vị tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông tại 10 quốc gia thuộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ.

Từ một đơn vị xây lắp thuần túy, trải qua 29 năm, chúng tôi đã phát triển một hệ thống chi nhánh rộng khắp với 63 Chi nhánh, gần 400 Trung tâm Cụm/Huyện trên cả nước, 02 Công ty thị trường nước ngoài, đội ngũ nhân sự trình độ cao lên đến 11.000 người. Bộ máy quản lý tinh gọn, điều hành xuyên suốt với 04 giải pháp chiến lược phát triển: Con người - Quy trình - Công nghệ - Quản trị.

- **SỞ HỮU NGUỒN LỰC LÊN ĐẾN 11.000 NHÂN SỰ TRÌNH ĐỘ CAO**, Viettel Construction là đơn vị cung cấp đa dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật hàng đầu Việt Nam thông qua 5 lĩnh vực kinh doanh chiến lược gồm:
  1. **Vận hành khai thác**
  2. **Đầu tư hạ tầng cho thuê**
  3. **Xây dựng (bao gồm xây dựng hạ tầng viễn thông, xây dựng dân dụng B2B và B2C)**
  4. **Công nghệ thông tin**
  5. **Giải pháp Tích hợp & Dịch vụ Kỹ thuật**
- **TẦM NHÌN:** Trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.
- **SỨ MỆNH:** Thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 đến các doanh nghiệp, hộ gia đình. Cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật theo tiêu chí: chuyên nghiệp, chất lượng, chi phí cạnh tranh.

4.3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1995 – 2003

- Thành lập Xí nghiệp khảo sát thiết kế và Xí nghiệp Xây lắp Công trình (tiền thân của Tổng Công ty CP Công trình Viettel) trực thuộc Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội.
- Xí nghiệp thi công móng cột và lắp dựng các cột anten trong nước, quốc tế có chất lượng cao như: cột anten 120m Đài truyền hình Tuyên Quang, Cột anten 140 m Đài truyền hình Trung ương Lào, các cột anten cho Công ty Lào Telecom tại Viên Chăn.

2004 – 2009

- Xí nghiệp xây lắp Công trình đổi tên thành Công ty Công trình Viettel.
- Năm 2006, Quyết định chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập với tên giao dịch mới: Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Công trình Viettel.
- Tháng 12/2007, thực hiện triển khai thi công mạng lưới tại Vương quốc Campuchia.

2010 – 2017

- Năm 2010, Viettel Construction tập trung mạnh vào xây dựng hạ tầng mạng lưới 3G. Hạ tầng mạng 2G và 3G của Tập đoàn Viettel là mạng lớn nhất Việt Nam.
- Ngày 15/01/2010, Bộ trưởng Bộ quốc phòng quyết định về việc chuyển đổi Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Công trình Viettel thành Công ty cổ phần Công trình Viettel.
- Trong năm 2011, Công trình Viettel tổ chức lực lượng triển khai thi công tại Haiti.
- Năm 2014, Thành lập 03 Công ty tại thị trường nước ngoài là Cameroon, Burundi và Tanzania.
- Năm 2015, Hoàn thiện thủ tục với Bộ Kế hoạch và đầu tư về cấp phép hoạt động tại 2 thị trường Lào và Myanmar.

2018 – 2020

- Trở thành nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật trên nền tảng số hàng đầu Việt Nam.
- Chính thức hoạt động trên 5 trụ kinh doanh chính: Đầu tư hạ tầng cho thuê, Xây dựng dân dụng, Công nghệ thông tin, Giải pháp Tích hợp và Vận hành Khai thác.
- Doanh thu năm 2020 đạt mốc 6.381 tỷ ~ 106% kế hoạch; Lợi nhuận đạt 274 tỷ ~ 136% kế hoạch.

2021 – 2025

- Trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.
- Năm 2024: Viettel Construction ghi nhận doanh thu 12.663 tỷ đồng. Giữ vững vị thế TowerCo số 1 Việt Nam.
- Mục tiêu doanh thu đến năm 2025 đạt 13.968 tỷ đồng và đạt 25.000 tỷ vào năm 2030.
- Trưởng thành số đạt mức 5/5 theo tiêu chuẩn TMForum vào năm 2025.

4.4. CHUỖI CUNG ỨNG

Tổng Công ty vận dụng mô hình **SCOR (Supply Chain Operation reference)** là mô hình tham chiếu hoạt động chuỗi cung ứng. Mô hình tham chiếu này liên kết các quy trình nghiệp vụ, các chỉ số hiệu suất và các kỹ năng con người thành một cấu trúc thống nhất xoay quanh quy trình quản lý tài chính của Lập kế hoạch – Tìm nguồn cung ứng – Sản xuất – Phân phối – Trả hàng – Hỗ trợ. Giúp Tổng Công ty lập kế hoạch và quản lý chuỗi cung ứng theo hướng giảm bớt chi phí, gia tăng lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

4.5. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2024-2025

- Đảm bảo cam kết KPIs Vận hành khai thác theo hợp đồng SLA; Mở rộng không gian VHKT ngoài TĐ Xúc tiến, mở rộng VHKT thành công tối thiểu từ 3 đến 5 doanh nghiệp ngoài Tập đoàn.
- Duy trì vị trí số 1 Towerco với tỷ lệ dùng chung đạt 1.04.
- Đạt top 3 các doanh nghiệp xây dựng niêm yết trên TTCK về quy mô doanh thu; Hoàn thành mục tiêu xây dựng 5 căn nhà/tỉnh/tháng. Phát triển hệ sinh thái XDDD VCC gắn liền với thiết kế "smart", nội thất và thiết bị gia dụng.
- Chiếm lĩnh thị trường năng lượng tại 63 tỉnh mục tiêu phủ quận/huyện công trình năng lượng mặt trời; Đạt top 3 các doanh nghiệp cơ điện niêm yết trên TTCK về quy mô doanh thu.

4.6. CÁC CON SỐ ẤN TƯỢNG, NỔI BẬT NĂM 2024

Tổng tài sản
7.106 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu
1.865 tỷ đồng

Doanh thu
12.663 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế
538 tỷ đồng

ROA
7,64%

ROE
27,9%

CÁC THÔNG TIN NỔI BẬT KHÁC

KINH DOANH

- Vận hành khai thác ~ 58.420 trạm BTS, 7,7 triệu thuê bao CĐBR.
- Giữ vững vị trí Towerco số 1 Việt Nam (hết năm 2024, lũy kế sở hữu ~ 10.000 trạm BTS, 2,45 triệu m2 DAS, 2.716 km truyền dẫn, 16,87 Mw năng lượng mặt trời).
- Triển khai dự án trọng điểm Quốc gia và Tập đoàn: TCT đã hoàn thành thi công 100% ~ 9/9 vị trí thuộc DA 500KV Mạch 3 từ Quảng Trạch (Quảng Bình) đến Phố Nối (Hưng Yên); Lắp đặt, thi công và hoàn thành phát sóng ~ 3.958 trạm 5G tại 55 Tỉnh/TP đạt tiến độ, chất lượng phục vụ sự kiện Viettel khai trương mạng 5G đầu tiên tại Việt Nam.
- Tổ chức kinh doanh theo hệ sinh thái khép kín từ Tư vấn - Thiết kế - Triển khai - Vận hành - Tối ưu (hoạt động của các trụ kinh doanh đều đảm bảo năng lực đi cùng và tương hỗ nhau để hoàn thiện đồng bộ 100% hạng mục của một công trình, dự án có quy mô lớn). Trong năm 2024 đã thi công 1.268 căn nhà trọn gói cho khách hàng có hợp đồng turnkey, số lượng nhà ở cá nhân đã phủ 99% quận/huyện và phủ 31% xã/phường, VCC có độ phủ lớn nhất thị trường xây dựng tại Việt Nam.
- Đẩy mạnh kinh doanh NLMT hướng vào mục tiêu trọng tâm phát triển nền "kinh tế xanh" của Chính phủ và định hướng của Tập đoàn: Sản lượng 43 MWp, cung cấp cho ~ 1.500 khách hàng doanh nghiệp và HGĐ; Doanh thu 443 tỷ, tăng trưởng 339%.
- Cổ phiếu CTR đạt giải thưởng Mid Cap có hoạt động IR được nhà đầu tư yêu thích nhất năm 2024. Giá trị cổ phiếu CTR trung bình năm 2024 đạt ~ 130.000/CP, tăng 84% so với giá bình quân năm 2023 (70.600/CP), đặc biệt lập đỉnh ngày 21/06/2024 với mức giá 160.200/CP.

CON NGƯỜI

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: tỷ lệ nhân sự CNTT sở hữu các chứng chỉ ngành đạt 80% ~ 66/82 nhân sự; số lượng nhân sự chất lượng cao có chứng chỉ hành nghề/chứng chỉ quốc tế (682 chứng chỉ tăng 18,6% so với 2023.
- Triển khai xây dựng trải nghiệm nhân viên xuất sắc tại TCT với tầm nhìn "Dựng xây cuộc sống mới".Tại VCC, mỗi CBNV đều được tôn trọng, được trao cho những cơ hội phát triển, tạo ra giá trị và nhận lại được sự đủ đầy cả về vật chất lẫn tinh thần; Triển khai ứng dụng khung năng lực và lộ trình thăng tiến cho 100% vị trí chức danh; đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo quản trị hiện đại cho 100 đ/c GĐ TTKD, TP Khối CQ, GĐ CNCT.

QUY TRÌNH

Cải tiến liên tục để thích ứng linh hoạt với nhu cầu của hệ thống và từng giai đoạn phát triển của TCT; Tiến đến level 5 - level tự tiến hóa, từng bước trong quy trình tự động điều chỉnh thông qua công cụ AI, BI, Cloud.

- Mức độ trưởng thành hệ thống khung quy trình và quy trình của TCT đạt 4.5/5.
- Tỷ lệ số hóa quy trình năm 2024 đạt 98%, tăng 7% so với năm 2023 (Top 1 Tập đoàn); tỷ lệ tự động hóa đạt 54% các quy trình trọng yếu (Top 2 Tập đoàn); 83% ~140/168 hoạt động đã được xây dựng quy trình theo khung quy trình; bổ sung ma trận rủi ro vào 100% quy trình hiện có.

CÔNG NGHỆ

Cải thiện đáng kể hàm lượng công nghệ trong hoạt động SXKD.

- Mức độ trưởng thành CĐS của VCC đạt 3.92, Top 3 Tập đoàn, tăng trưởng 6.8% so với năm 2023.
- Hoàn thành nghiên cứu 4 sản phẩm công nghệ mới (giải pháp phủ sóng 5G cho các tòa nhà, nhà máy; Đánh giá tình trạng sử dụng và hiệu quả đầu tư ắc quy Lithium-ion 50Ah trên mạng lưới trạm BTS HTCT; giải pháp công nghệ pin nhiên liệu Methanol; Ứng dụng truyền tải điện không dây vào SmartHome); Thực hiện thử nghiệm 2 sản phẩm (hệ thống chuyển đổi NLMT cho trạm BTS HTCT; giải pháp lọc tổng cho vùng nước cứng đặc thù); Đã có sản phẩm công nghệ đưa vào kinh doanh (lõi lọc nước AIO).

QUẢN TRỊ

- **Phát triển bền vững:** Tổng công ty áp dụng mô hình quản trị theo chuẩn quốc tế, kết hợp định hướng thị trường và chiến lược phát triển tổng thể của Tổng công ty. Hệ thống quản trị nhân sự và quản trị doanh nghiệp được xây dựng đồng bộ đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch và bền vững trong mọi hoạt động.
- **Tuân thủ pháp luật:** Ban hành khung tuân thủ các quy định pháp luật, đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý hiện hành. Hệ thống QTRR được tích hợp vào tất cả các cấp, vận hành theo nguyên tắc chủ động và tích cực. Mức độ trưởng thành của hệ thống QTRR đạt mức 5/5, với khả năng tự động cảnh báo rủi ro và được tích hợp trên các nền tảng phần mềm giúp tối ưu hóa quá trình ra quyết định.
- **Kế toán quản trị:** Triển khai theo mô hình hạch toán 3 cấp, đảm bảo dữ liệu tài chính và quản trị được kết nối xuyên suốt từ TCT đến trung tâm kinh doanh và CNCT. Hệ thống dữ liệu minh bạch, chính xác, kịp thời nhằm hỗ trợ công tác phân tích và ra quyết định hiệu quả.
- **Cơ chế lương thưởng:** Chính sách thu nhập được xây dựng theo nguyên tắc gắn liền với kết quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động, đảm bảo công bằng và minh bạch. Cơ chế đánh giá hiệu quả làm việc chi tiết đến từng vị trí, tạo động lực nâng cao năng suất lao động và khuyến khích đổi mới sáng tạo trong toàn TCT.

4.7. CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

NĂM	DANH HIỆU	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM CỦA QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA; CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH	GHI CHÚ
2024	Cuộc bình chọn doanh nghiệp Niêm Yết 2024	Top 10 Doanh nghiệp Quản trị Công ty tốt nhất	Trong nước (Mới)
2024	Chương trình CSI 2024	Top 100 Doanh nghiệp bền vững hoạt động trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ	Trong nước (Mới)
2024	Giải Thương hiệu Quốc gia 2024 - 2026: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời VIETTEL	Quyết định số 253/2003/QĐ-TTG ngày 25 tháng 11 năm 2003, Ban Thư ký Chương trình THQG - Cục Xúc tiến thương mại (XTTM), Bộ Công Thương	Trong nước
2024	Giải Chuyển đổi số Việt Nam 2024, Hệ thống IOC – Giải pháp điều hành kinh doanh toàn trình xây dựng dân dụng (Intelligent Operation Center)	Giải Chuyển đổi số Việt Nam 2024	Trong nước
2024	TOP5 Nhà thầu uy tín, chất lượng hàng đầu Việt Nam 2024 - vietnam Construction Awards 2024	Vietnam Construction Awards 2024	Trong nước (Mới 2024)
2024	• Đứng thứ 1 trong ngành Xây dựng/ Kiến trúc khối Doanh nghiệp lớn • Đứng thứ 76 trong Top 100 Nơi Làm Việc Tốt Nhất Việt Nam 2024 khối Doanh nghiệp lớn.	Nơi Làm Việc Tốt Nhất Việt Nam 2024 - Anphabe	Trong nước
2024	Top 500 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2024 (Value500) và Top 10 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2024	Viet Research	Trong nước
2024	Mid Cap có hoạt động IR được nhà đầu tư yêu thích nhất 2024" và "Mid Cap có hoạt động IR được định chế tài chính đánh giá cao nhất 2024"	IR Awards 2024	Trong nước
2024	Construction Company of the year - Bronze	IBA Awards - Stevie Awards	Quốc tế
2024	Top 500 Công ty lớn nhất khu vực Đông Nam Á (Fortune)	Fortune	Quốc tế (Mới 2024)
2024	Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2024	Vietnam Report	Tăng 37 bậc (224/500)
2024	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng "xuất sắc" nhất Việt Nam	Vietnam Report	
2024	Quán quân nhà phát triển hạ tầng và xây lắp điện	Báo đầu tư	Trong nước (Mới 2024)
2024	Quán quân Top 10 Nhà thầu xây dựng Việt Nam, hạng mục Hạ tầng - Công nghiệp	Vietnam Report	

NĂM	DANH HIỆU	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM CỦA QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA; CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH	GHI CHÚ
2023	Global CSR & ESG Summit and Awards 2023: Best Corporate Communications & Investors Relations Team	Pinnacle Group	Quốc tế (Mới năm 2023)
2023	Báo Đầu tư: TOP 50 DOANH NGHIỆP SÁNG TẠO VÀ KINH DOANH HIỆU QUẢ VIỆT NAM 2023	Báo Đầu tư (Phối hợp cùng Viet Research)	Trong nước (Mới năm 2023)
2023	Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (31/500)	Báo Đầu tư (Phối hợp cùng Viet Research)	Trong nước (Mới năm 2023)
2023	Giải thưởng thành phố thông minh Việt Nam 2023	Hiệp hội phần mềm và dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA)	Trong nước (Mới năm 2023)
2023	Top 3 Mid Cap Investor Relations (IR) Awards 2023	Vietstock	Trong nước (Mới năm 2023)
2023	Careerbuilder: xếp hạng vị trí thứ 7/100 Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất năm 2022	Careerbuilder (Công ty kết nối nhân sự và các Doanh nghiệp Top đầu Việt Nam)	Trong nước (Tăng 04 bậc)
2023	Fast500: Top500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam	Vietnam Report	Trong nước (224/500)
2023	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng "xuất sắc nhất" Việt Nam	Vietnam Report	Trong nước
2023	International Business Awards 2023 Company of the Year - Materials & Construction - Large	Stevie Awards	Quốc tế
2023	Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất năm 2023.	Forbes Việt Nam	Trong nước
2023	TOP Doanh nghiệp công nghiệp 4.0 năm 2023	Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chủ trì (phối hợp với Hội tự động hóa Việt Nam, Viện Sáng tạo và Chuyển đổi số tổ chức)	Trong nước
2023	IT World Awards năm 2023 • Hạng mục Đổi mới dịch vụ khách hàng của năm • Hạng mục Giải pháp CNTT dành cho doanh nghiệp lớn.	Globee	Quốc tế (Tăng gấp đôi hạng mục đạt giải)
2023	Giải Chuyển đổi số Việt Nam	Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) và bảo trợ của Bộ thông tin và Truyền thông	Trong nước
2023	Profit500: Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2023.	Vietnam Report	Trong nước (206/500, tăng 28 bậc)

NĂM	DANH HIỆU	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM CỦA QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA; CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH	GHI CHÚ
2023	Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam 2023 (Vietnam Best Profitable)	Vietnam Report	Trong nước
2023	Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam (Anphabe) • Vị trí thứ 1 – Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, lĩnh vực Xây dựng/Kiến trúc khối các doanh nghiệp lớn • Đứng thứ 72 trong Top 100 Nơi Làm Việc Tốt Nhất Việt Nam	Anphabe	
2022	Globee: Customer Service Team of the Year (Dịch vụ VCC Services)	Globee	Quốc tế
2022	Vietnam Value: Thương hiệu sản phẩm dịch vụ quốc gia (Thiết kế, cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời)	Vietnam Value	Trong nước
2022	Giải Chuyển đổi số: Doanh nghiệp chuyển đổi số hệ sinh thái xuất sắc	Hội Truyền thông số Việt Nam	Trong nước
2022	Giải thương hiệu Mạnh: Top10 Thương hiệu Mạnh - Ngành Xây dựng, vật liệu xây dựng	Tạp chí Kinh tế Việt Nam (vneconomy)	Trong nước
2022	Forbes: Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam	Forbes Việt Nam	Trong nước
2022	Top công nghiệp 4.0: Doanh nghiệp sở hữu sản phẩm số thông minh 4.0	Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chủ trì (phối hợp với Hội tự động hóa Việt Nam, Viện Sáng tạo và Chuyển đổi số tổ chức)	Trong nước
2022	Sao khuê: Doanh nghiệp sở hữu sản phẩm số xuất sắc ngành phần mềm, công nghệ thông tin Việt Nam	Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam (Vinasa)	Trong nước
2022	Top 50 Vietnam Best Profitable: Top 50 Doanh nghiệp có lợi nhuận xuất sắc Việt Nam	Vietnam Report	Trong nước
2022	PROFIT500: Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam - thứ hạng 234/500	Vietnam Report	Trong nước (Thứ hạng năm 2021: 236)
2022	Top 50 Vietnam Best Growth: Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam	Vietnam Report	Trong nước
2022	FAST500: Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam - thứ hạng 153/500	Vietnam Report	Trong nước (Thứ hạng năm cũ: 65)
2022	Viettel Construction được Anphabe đánh giá là nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2022: đứng thứ 3 ngành xây dựng/ kiến trúc, đứng thứ 64 top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam.	Anphabe	Trong nước

NĂM	DANH HIỆU	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM CỦA QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA; CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH	GHI CHÚ
2022	Careerbuilder: Top100 nhà tuyển dụng được yêu thích nhất (công bố hồi tháng 2 năm 2022, thứ 11/100).	Careerbuilder (Công ty kết nối nhân sự và các Doanh nghiệp Top đầu Việt Nam)	Trong nước
2021	IT WORLD AWARDS: GIẢI VÀNG HẠNG MỤC "INTEGRATED REVENUE AND CUSTOMER MANAGEMENT" NĂM 2021	Globee	Quốc tế
2021	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (thứ hạng 192/500)	Vietnam Report	Trong nước
2021	Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (thứ hạng 65/500)	Vietnam Report	Trong nước
2021	Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất (thứ hạng 236/500)	Vietnam Report	Trong nước
2021	Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam (thứ hạng 50/50)	Vietnam Report	Trong nước
2020	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (thứ hạng 243/500)	Vietnam Report	Trong nước
2020	Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (thứ hạng 103/500)	Vietnam Report	Trong nước
2020	Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất (thứ hạng 344/500)	Vietnam Report	Trong nước
2020	Giải Vàng International Business Awards, công ty xây dựng của năm 2020.	Stevie Awards	Quốc tế
2020	Công ty được công chúng bình chọn yêu thích nhất People's Choice Stevie Awards (năm 2020).	Stevie Awards	Quốc tế

PHẦN II

CHIẾN LƯỢC VÀ QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Từ một đơn vị xây lắp thuần túy, VCC đã chuyển mình trở thành Tổng công ty cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật và công nghệ, với quy mô gần 11.000 nhân sự, VCC mang trong mình sứ mệnh "Dựng xây cuộc sống mới", đồng hành cùng doanh nghiệp trong nước và quốc tế để kiến tạo những giá trị bền vững. Tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được với ưu tiên hàng đầu đảm bảo an toàn tuyệt đối trong mọi hoạt động SXKD. Hướng đến năm 2025, TCT đặt mục tiêu doanh thu 15.000 tỷ đồng, tiến tới 1 tỷ USD vào năm 2030, mỗi trung tâm kinh doanh của TCT đến năm 2025 phải đạt doanh thu tối thiểu 1.500 tỷ đồng.

Tổng công ty định hướng phát triển theo mô hình mạng lưới xanh – công trình xanh – năng lượng xanh, đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường. Tất cả các mục tiêu phát triển đều gắn với 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc, cam kết đóng góp vào sự thịnh vượng chung của xã hội và cộng đồng.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GẮN VỚI 17 MỤC TIÊU TRỌNG TÂM CỦA LIÊN HIỆP QUỐC

1 XÓA NGHÈO

- Việc làm ổn định cho 10.500 người
- 1,408 tỷ đồng hỗ trợ đoàn viên công đoàn tuyến đầu mùa nắng nóng
- 8 tỷ đồng hỗ trợ chương trình xây ngôi nhà đoàn kết lũy kế từ năm 2020 - nay: 89 công đoàn viên
- 500 triệu đồng tỷ đồng hỗ trợ gia đình chính sách, có công với cách mạng ~ 625 người
- 2.5 tỷ đồng đóng góp Quỹ "Vì người nghèo"
- 3 tỷ đồng đóng góp Quỹ "Vì đền ơn đáp nghĩa"
- 1 tỷ đồng tài trợ xây dựng trường học cho trẻ em vùng cao

2 XÓA ĐÓI

- 5.1 tỷ đồng thăm hỏi, trợ cấp khó khăn khi gặp tai nạn, thiên tai, hỏa hoạn cho 1.560 người
- 42.3 tỷ đồng tặng quà, thăm hỏi dịp Tết nguyên đán cho 11.563 CBNV
- Ủng hộ quỹ "Mái ấm công đoàn, nghĩa tình đồng đội" 250 triệu đồng
- 100 triệu đồng đóng góp Quỹ "Bảo trợ trẻ em"

3 SỨC KHỎE TỐT VÀ CUỘC SỐNG HẠNH PHÚC

- Khám bệnh hàng năm: ~11.000 lượt người lao động
- Trợ cấp khó khăn hỗ trợ chữa bệnh hiểm nghèo: 1 tỷ đồng
- Ủng hộ 0.56 tỷ đồng "Quỹ bảo trợ trẻ em"; 09 tỷ đồng "Quỹ đền ơn đáp nghĩa"

4 GIÁO DỤC CHẤT LƯỢNG

- 5.133 khóa đào tạo ~ 739.645 giờ đào tạo cho CBNV

5 BÌNH ĐẲNG GIỚI

- Không phân biệt đối xử
- 5.1 % lao động nữ năm 2024 ~ 541 người giảm 2.3 % so với năm 2023

6 NƯỚC SẠCH VÀ ĐIỀU KIỆN VỆ SINH

- Áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường
- 100% nước sử dụng đạt chuẩn

7 NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ GIÁ HỢP LÝ

- Sản xuất và cung cấp lên lưới điện 16.8 Mwb năng lượng mặt trời cho hệ thống điện quốc gia
- Bảo dưỡng, vận hành 182 MWB điện năng lượng mặt trời cho các quỹ đầu tư

8 VIỆC LÀM BỀN VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

- Tạo việc làm thu nhập cao cho 10.500 lao động
- Nộp ngân sách nhà nước 665,6 tỷ đồng, Doanh thu tăng trưởng 10%
- Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất cuộc bình chọn doanh nghiệp Niêm Yết 2024
- Top 100 doanh nghiệp bền vững hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ - Chương trình CSI 2024
- Giải Thương hiệu Quốc gia 2024 - 2026: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời VIETTEL
- Đứng thứ 1 trong ngành Xây dựng/ Kiến trúc khối Doanh nghiệp lớn; Đứng thứ 76 trong Top 100 Nơi Làm Việc Tốt Nhất Việt Nam 2024 khối Doanh nghiệp lớn (Anphabe)

9 CÔNG NGHIỆP, ĐỔI MỚI VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

- Sở hữu 10.000 trạm BTS; 2,45 triệu m^2 DAS; 2.716 Km truyền dẫn treo; 24,4 Km ngầm hóa và 16,87Mwb năng lượng mặt trời

10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG

- Không có khiếu nại về bất bình đẳng
- Không có khiếu nại về phân biệt đối xử
- Không có lao động cưỡng bức, không lao động trẻ em

11 CÁC THÀNH PHỐ VÀ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG

- Không có khiếu nại của cộng đồng xung quanh về môi trường

12 TIÊU DÙNG VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM

- Hệ thống ISO đang áp dụng tại TCT:
  - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng
  - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường
  - ISO 20000-1:2018 - Hệ thống quản lý dịch vụ
  - ISO 22301:2019 - Hệ thống quản lý kinh doanh liên tục
  - ISO 27001: 2013 - Hệ thống quản lý an toàn thông tin
  - ISO 45001:2018 - Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- Minh bạch thông tin tới các bên liên quan

13 ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

- Ứng dụng năng lượng xanh (Solar) trong phát triển kinh tế
- Hành động vì môi trường xanh: hơn 60.000 văn bản điện tử; ký 8.350 hợp đồng điện tử
- Áp dụng ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường trong sản xuất kinh doanh tại TCT

14 ĐỜI SỐNG DƯỚI NƯỚC

- Hoạt động xả thải tuân thủ theo đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước

15 ĐỜI SỐNG TRÊN CẠN

- Không săn bắt động vật hoang dã
- Kinh doanh sản phẩm thân thiện với môi trường: Doanh thu Đèn năng lượng mặt trời 100 tỷ đồng

16 HÒA BÌNH, CÔNG LÝ VÀ THỂ CHẾ HIỆU QUẢ

- Đóng góp 74 văn bản luật, nghị định, thông tư
- Hỗ trợ và đồng hành cùng Chính phủ hướng đến 17 mục tiêu phát triển bền vững

17 HỢP TÁC ĐẠT MỤC TIÊU

- Góp vốn tại 02 Công ty GIS (Cambodia) và VCM (Myanma)
- Là thành viên trực thuộc VIETTEL GROUP

2. QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với phương pháp tiếp cận nhất quán, hài hòa lợi ích phát triển kinh tế với thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, VCC xây dựng hệ thống quản trị theo các tiêu chuẩn thông lệ quốc tế, tích hợp vào tất cả các hoạt động kinh doanh. Khung quản lý, chính sách và quy trình đối với các lĩnh vực PTBV trọng yếu, được từng bước xây dựng và triển khai thực hiện giúp các cấp quản lý có thể đánh giá hiệu quả hoạt động và liên tục cải thiện.

Cơ cấu quản trị Phát triển bền vững tại VCC:

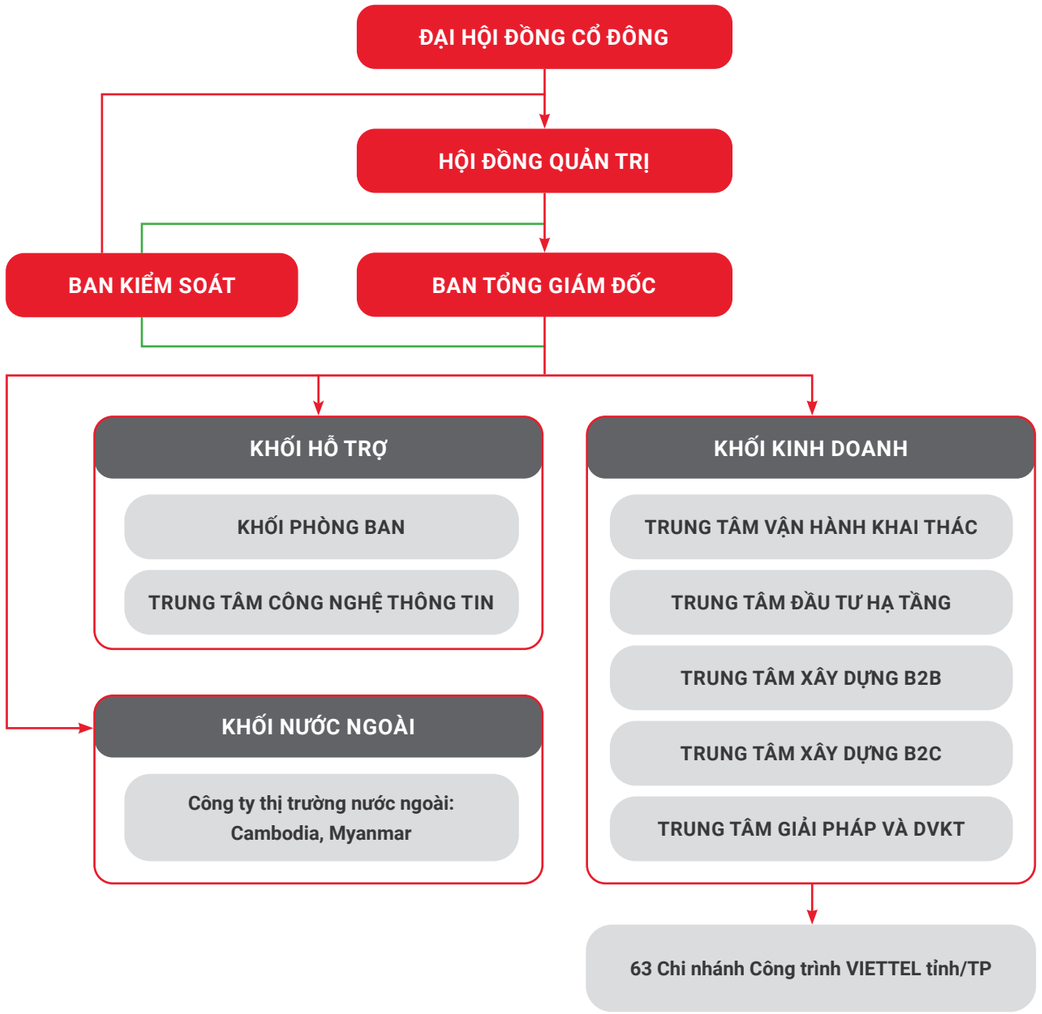

3. QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong năm 2024, các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tổng Công ty (TCT) đã có những ứng phó kịp thời nhằm đạt mục tiêu là duy trì hoạt động kinh doanh an toàn, đảm bảo phát triển bền vững. Để thực hiện điều đó, hệ thống Quản trị rủi ro (QTRR) tiếp tục được hoàn thiện, giúp TCT định hướng, ước lượng, đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Hệ thống QTRR đã đạt được mức độ trưởng thành 4 trong năm 2024.

3.1. CƠ CẤU QTRR TẠI TỔNG CÔNG TY

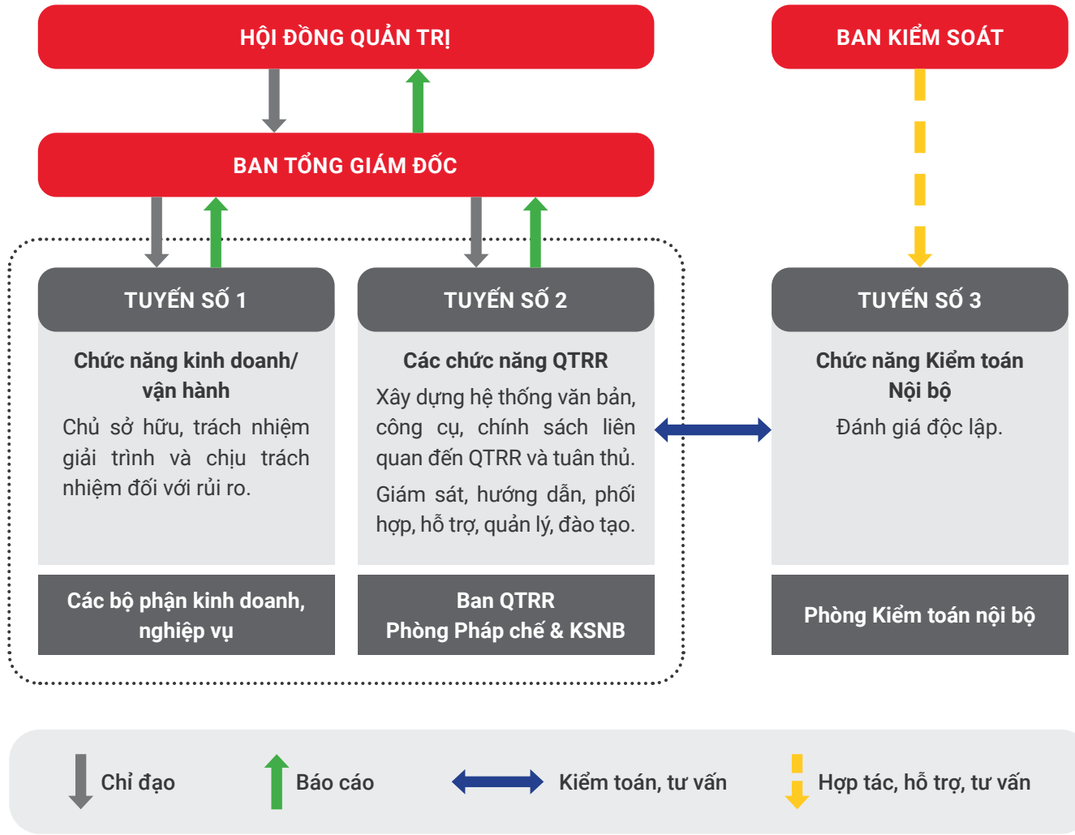

Hệ thống quản trị rủi ro tại VCC được xây dựng theo mô hình ba tuyến, đảm bảo tính chủ động và hiệu quả trong kiểm soát rủi ro. ***Trong đó***:

- **Tuyến số 1:** chủ sở hữu rủi ro là các đơn vị trực thuộc VCC, bao gồm bộ phận kinh doanh, vận hành và hỗ trợ kinh doanh. Đây là những đơn vị tiếp nhận rủi ro trực tiếp từ hoạt động sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm quản lý rủi ro trong phạm vi chức năng của mình. Các đơn vị này có nhiệm vụ nhận diện, đánh giá, kiểm soát rủi ro thông qua việc áp dụng các biện pháp kiểm soát ngay trong các quy trình nghiệp vụ, nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được vận hành một cách an toàn, hiệu quả.
- **Tuyến số 2:** hỗ trợ và giám sát rủi ro. Chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống văn bản, chính sách, công cụ QTRR, đồng thời hướng dẫn và phối hợp với tuyến số 1 trong công tác kiểm soát rủi ro. Ngoài ra, tuyến số 2 cũng thực hiện chức năng giám sát và phản biện để đảm bảo rằng các rủi ro được nhận diện và kiểm soát kịp thời. Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện chức năng này tại VCC.
- **Tuyến số 3:** Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng đánh giá độc lập về mức độ hiệu quả của hệ thống quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ. Phòng kiểm toán nội bộ - trực thuộc Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra mức độ tuân thủ, đánh giá hiệu quả các biện pháp kiểm soát rủi ro và đề xuất các giải pháp cải thiện nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro của toàn TCT.

Việc triển khai mô hình 3 tuyến tại VCC giúp nâng cao tính chủ động trong quản trị rủi ro, tăng cường khả năng giám sát, kiểm soát rủi ro ở mọi cấp độ, đồng thời đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Tổng công ty.

3.2. CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ RỦI RO

Chính sách QTRR tại VCC quy định các vấn đề cơ bản trong Quản trị rủi ro tại TCT. Chính sách QTRR là cơ sở pháp lý để Tổng Giám đốc và các đơn vị trực thuộc TCT thực hiện QTRR, được áp dụng thống nhất và gắn liền với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược của TCT.

Chính sách QTRR được đánh giá và cập nhật định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có sự thay đổi về môi trường kinh doanh, pháp lý, chiến lược kinh doanh hoặc các tác động khác có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của VCC.

3.3. BÁO CÁO RỦI RO

Báo cáo QTRR được thực hiện hàng tháng nhằm tổng hợp, theo dõi và đánh giá tình hình quản trị rủi ro tại các đơn vị. Báo cáo này bao gồm việc ghi nhận các sự kiện tổn thất, phân tích các rủi ro trọng yếu hiện hữu cũng như nhận diện các rủi ro mới phát sinh trong toàn TCT. Để từ đó đưa ra những giải pháp ứng phó phù hợp, đồng thời xây dựng kế hoạch và phương án kiểm soát rủi ro hiệu quả cho kỳ tiếp theo. Báo cáo QTRR không chỉ giúp nâng cao năng lực QTRR của TCT mà còn góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra an toàn, bền vững và phù hợp với mục tiêu, chiến lược của TCT.

3.4. RỦI RO TRỌNG YẾU

A. RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính: là một trong những rủi ro mà TCT đối mặt, đặc biệt trong việc quản trị và thu hồi công nợ phải thu. Nguyên nhân là các chủ đầu tư mất cân đối về dòng tiền hoặc gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng. Để kiểm soát rủi ro này, VCC chủ động áp dụng quy trình đánh giá năng lực tài chính của khách hàng trước khi ký hợp đồng, rà soát kỹ các điều khoản thanh toán, quy định lãi suất phạt chậm trả, yêu cầu bảo lãnh ngân hàng và áp dụng cơ chế tạm ứng hợp lý. Trách nhiệm thu hồi công nợ được giao trực tiếp đến cá nhân trong đơn vị kết hợp với việc sử dụng phần mềm để theo dõi và phân tích công nợ tự động đảm bảo hiệu quả trong quản lý tài chính.

B. RỦI RO TUÂN THỦ

Rủi ro tuân thủ: là rủi ro hoạt động phát sinh từ các yếu tố liên quan đến con người, quy trình và hệ thống, có thể dẫn đến tổn thất tài chính cũng như ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ của TCT. Điều này có thể gây ra sự không hài lòng về phía khách hàng cũng như ảnh hưởng đến uy tín về mặt thương hiệu của TCT. Nhằm kiểm soát rủi ro tuân thủ, VCC đã xây dựng khung tuân thủ toàn diện, liên tục cập nhật theo sự thay đổi của pháp luật và các yêu cầu quản trị hiện đại. TCT cũng đẩy mạnh công tác đào tạo nhân sự về pháp lý và quy trình nội bộ, đồng thời thực hiện việc kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện sớm các hành vi vi phạm quy định để kịp thời xử lý.

C. RỦI RO DANH TIẾNG

Rủi ro danh tiếng: có thể xuất phát từ các phản hồi tiêu cực của khách hàng, báo chí hoặc các thông tin trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh và uy tín của VCC trên thị trường. Để chủ động kiểm soát rủi ro này, VCC đã nâng cấp hệ thống chăm sóc khách hàng, chuyển từ mô hình phản ứng bị động sang chủ động bằng cách ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI). Hệ thống này giúp tự động đo lường, phân tích dữ liệu khách hàng, dự báo xu hướng hành vi và tiếp cận phản hồi nhanh chóng nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, VCC tích cực triển khai các hoạt động truyền thông, tổ chức hội thảo và công bố thông tin kịp thời cho khách hàng, đối tác, cổ đông và các cơ quan quản lý, củng cố niềm tin vào thương hiệu của TCT.

D. RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Rủi ro nguồn nhân lực: một thách thức lớn đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận hành khai thác và xây dựng với quy mô lớn trên toàn quốc. Việc tuyển dụng và giữ chân đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển bền vững của TCT. Nhằm giảm thiểu rủi ro thiếu hụt nhân sự, TCT đã triển khai kế hoạch "Trải nghiệm nhân viên xuất sắc", tập trung vào việc xây dựng môi trường chuyên nghiệp, tạo động lực phát triển cho đội ngũ cán bộ công nhân viên. TCT thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao trình độ và có lộ trình quy hoạch nhân sự kế cận, tạo điều kiện cho đội ngũ trẻ có cơ hội phát triển và đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng trong tương lai.

E. RỦI RO VỀ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Rủi ro về tiến độ triển khai dự án: là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả kinh doanh của TCT, đặc biệt trong các dự án đầu tư hạ tầng trạm viễn thông BTS, hệ thống năng lượng mặt trời, tiến độ thi công các công trình xây dựng B2C và B2B. Các vấn đề liên quan đến mặt bằng thi công, đấu thầu, tổ chức thi công và công tác nghiệm thu có thể phát sinh gây chậm trễ tiến độ. Nhận thức rõ những rủi ro tiềm tàng này, TCT đã thực hiện chuẩn hóa toàn bộ quy trình triển khai, tích hợp công nghệ số vào công tác kiểm soát tiến độ và chất lượng công trình. Ngoài ra, TCT duy trì quy trình sàng lọc, đánh giá và quy hoạch các đối tác tư vấn, thi công, cung cấp thiết bị theo tiêu chuẩn đánh giá nghiêm ngặt, đảm bảo lựa chọn được các nhà thầu và đơn vị cung cấp uy tín, có năng lực đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng dự án.

3.5. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2024

A. VỀ CON NGƯỜI

Văn hoá quản trị rủi ro là một trong sáu văn hoá của Tổng công ty. Tổng công ty đã định nghĩa rõ ràng vai trò và trách nhiệm của từng bộ phận, từng cá nhân trong việc kiểm soát rủi ro. Ban lãnh đạo đóng vai trò tiên phong trong việc xây dựng và duy trì văn hóa quản trị rủi ro. Quản trị rủi ro được đưa vào báo cáo chiến lược kinh doanh, chính sách Tổng công ty và các cuộc họp giao ban tháng, quý, năm. Các bộ phận lập báo cáo rủi ro định kỳ và khi có sự cố bất thường.

Hàng quý, các Trung tâm kinh doanh đã lồng ghép nội dung đào tạo QTRR vào các bài giảng nghiệp vụ cho nhân sự trực tiếp SXKD, bảo đảm quản trị rủi ro trở thành trách nhiệm và ý thức tự giác, thường nhật của mọi người, trở thành văn hoá ứng xử của Tổng Công ty.

Tổng công ty cũng đã xây dựng các kênh báo cáo khuyến khích nhân viên báo cáo rủi ro, xây dựng các kịch bản ứng phó rủi ro và tổ chức diễn tập thực tế. Trong năm 2024, Cộng đồng QTRR đã tổ chức sinh hoạt 65 hội thảo sinh hoạt cộng đồng tại 3 cấp, cho phép nhân viên đề xuất giải pháp kiểm soát rủi ro, khen thưởng các sáng kiến về quản trị rủi ro được áp dụng vào thực tế.

B. VỀ QUY TRÌNH

QTRR đã tích hợp vào mọi hoạt động SXKD, từ xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, phương án kinh doanh, dự án đầu tư đến các thay đổi mang tính trọng yếu trong tổ chức như thay đổi mô hình tổ chức, mô hình kinh doanh, xây dựng và cải tiến quy trình kinh doanh. TCT đã lan tỏa Văn hóa QTRR đến 202 đối tác tại 63 chi nhánh công trình và TTKD. 82 bộ hồ sơ rủi ro của Tổng công ty được rà soát định kỳ, cập nhật theo các thay đổi trong môi trường kinh doanh, pháp lý, công nghệ và thị trường. 81 đơn vị đã được đánh giá mức độ trưởng thành quản trị rủi ro hàng tháng dựa trên Khung quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn COSO. Gắn đánh giá hiệu quả QTRR với cơ chế lương thưởng.

C. VỀ CÔNG CỤ

Trong năm 2024, TCT đã ứng dụng các công cụ AI, Machine Learning phục vụ công tác phân tích phục vụ công tác QTRR hiệu quả, xây dựng báo cáo BI biểu diễn và phân tích xu hướng, cảnh báo rủi ro đến từng lĩnh vực kinh doanh cho 63 CNCT, xây dựng thư viện rủi ro cho từng lĩnh vực, phát triển tính năng công cụ cảnh báo sớm và đưa vào ứng dụng thư viện các lỗi thường gặp trên Vsmart để hỗ trợ CBNV tra cứu phục vụ công việc.

D. VỀ QUẢN TRỊ

Công tác KSNB theo định hướng rủi ro: KSNB đã kiểm tra, giám sát 34 chuyên đề tập trung vào các rủi ro xếp hạng cao, bám sát hoạt động SXKD của TCT (dự án trọng điểm SPDV chiến lược, Quản trị dữ liệu khách hàng, Tài sản, Kho, Quản lý dòng tiền hợp đồng, Công nợ...), nhận diện vấn đề và đưa ra khắc phục.

Cơ chế khen thưởng gắn với trách nhiệm QTRR giúp nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi CBNV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, duy trì nề nếp, kỷ luật và tăng cường hiệu suất lao động tại TCT. 99 CBNV đã được khen thưởng vì có những sáng kiến QTRR, đóng vai trò tích cực trong lan tỏa văn hóa QTRR.

4. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Việc tuân thủ pháp luật là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững, trong quá trình vận hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, VCC luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, đồng thời đã thực hiện thủ tục công bố thông tin một cách công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

VỀ CON NGƯỜI

VCC đã tiến hành nâng cao chất lượng tuyển dụng và chuyên môn hóa nhân sự phụ trách các mảng pháp lý, tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự thông qua các khóa đào tạo nội bộ, các chương trình hội thảo, từ đó đảm bảo hiệu quả trong quá trình tư vấn các vướng mắc pháp lý liên quan đến các dự án, hoạt động SXKD đang triển khai tại TCT.

VỀ QUY TRÌNH

Đã tiến hành thực hiện triển khai xây dựng khung tuân thủ pháp luật để nhận diện các yêu cầu cần tuân thủ, qua đó kịp thời nhận diện rủi ro và có các hành động ứng phó, phòng ngừa kịp thời.

Chủ động nắm bắt các thay đổi và cập nhật mới về các quy định Pháp luật từ đó rà soát các văn bản, quy chế quản trị nội bộ và xây dựng quy trình phù hợp nhằm củng cố tính tuân thủ trong TCT.

Góp ý xây dựng dự thảo các Luật quan trọng gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT trong các lĩnh vực như (9/9 VBPL trong năm 2024): Doanh nghiệp, Viễn thông, An ninh mạng, Dữ liệu, Quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, Xây dựng.

VỀ CÔNG CỤ

Hoạt động tuân thủ pháp luật còn thể hiện qua việc VCC đã thực hiện chuyển đổi số, xây dựng các công cụ, phần mềm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, làm cơ sở đảm bảo thông suốt cho hoạt động, vận hành của TCT.

VỀ QUẢN TRỊ

Thực hiện hậu kiểm công tác pháp lý định kỳ nhằm đánh giá hiệu quả và yêu cầu khắc phục những vấn đề tồn tại của đơn vị.

5. ĐẠO ĐỨC VÀ CHÍNH TRỰC

Bộ quy tắc ứng xử của TCT khi đi vào áp dụng thực tiễn sẽ là nền tảng giúp phát huy tối đa năng lực cá nhân, thúc đẩy hiệu quả công việc, đồng thời xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp, thái độ ứng xử văn minh và chuẩn mực theo văn hóa doanh nghiệp.

TCT mong muốn Bộ quy tắc ứng xử không chỉ là quy định mà còn trở thành kim chỉ nam đồng hành cùng mỗi CBNV, được thấu hiểu và áp dụng một cách tự nhiên trong công việc và giao tiếp hàng ngày. Việc tuân thủ các chuẩn mực đạo đức này không chỉ giúp củng cố tinh thần đoàn kết nội bộ mà còn góp phần tạo dựng hình ảnh chuyên nghiệp, nâng cao uy tín của VCC trong mắt khách hàng, đối tác và cộng đồng.

6. GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Hợp tác kinh doanh chéo các đối tác hiện hữu của VCC; Hợp tác với các tổ chức công đoàn, các ngân hàng mở rộng kênh bán và hợp tác đôi bên cùng có lợi trong việc tăng cường việc làm, mở rộng kinh doanh.

Hợp tác cùng các đơn vị tín dụng như VP Bank, OnePay để triển khai các chương trình mua sản phẩm dịch vụ của Tổng Công ty bằng phương thức trả góp, giảm thiểu gánh nặng tài chính vào một thời điểm cho khách hàng.

7. CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU GẮN LIỀN VỚI 17 MỤC TIÊU PTBV

Tổng Công ty CP Công trình Viettel đánh giá trọng yếu các chủ đề, lĩnh vực có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và sự phát triển của TCT. Các vấn đề PTBV trong chuỗi giá trị Tổng Công ty mang tính đặc thù ngành và các thông lệ quốc tế về quản trị bền vững cũng được rà soát, phân tích trong bước xem xét ưu tiên. Theo đó, TCT tái khẳng định chiến lược phát triển theo định hướng bền vững, góp phần thúc đẩy và kiến tạo một cộng đồng vững mạnh, xã hội công bằng.

Báo cáo PTBV của VCC xác định ngoài 7 tiêu chí theo tiêu chuẩn GRI 100 công bố thông tin theo tiêu chuẩn, TCT xác định các nội dung trong yếu theo các tiêu chuẩn GRI200,300,400 theo 17 tiêu chí.

GRI 100: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn

1. Chiến lược và phân tích
2. Hồ sơ tổ chức
3. Thông số báo cáo
4. Quản trị
5. Cam kết với các sáng kiến bên ngoài
6. Sự tham gia của các bên liên quan
7. Phương pháp quản lý

GRI 200: Chỉ số hiệu quả kinh tế

1. Khía cạnh hiệu quả kinh tế
2. Sự hiện diện trên thị trường
3. Tác động kinh tế gián tiếp
4. Thông lệ mua sắm

GRI 300: Chỉ số môi trường

1. Năng lượng
2. Tuân thủ về môi trường

GRI 400: Chỉ số xã hội

1. Việc làm
2. Mối quan hệ Lao động Quản lý
3. An toàn và Sức khoẻ nghề nghiệp
4. Giáo dục và Đào tạo
5. Sự đa dạng và Cơ hội bình đẳng
6. Lao động trẻ em
7. Chính sách Công
8. Sức khoẻ và an toàn của khách hàng
9. Tiếp thị và Nhãn hiệu
10. Quyền bảo mật thông tin khách hàng
11. Tuân thủ về Kinh tế - Xã hội

PHẦN III

HIỆU QUẢ TRÊN CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

1. KHÍA CẠNH HIỆU QUẢ KINH TẾ

1.1. GIÁ TRỊ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA: DOANH THU, CHI PHÍ, ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	NĂM 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Tổng doanh thu	7.461	9.495	11.470	12.663
► Doanh thu bán hàng và CCDV	7.447	9.467	11.370	12.610
► Doanh thu tài chính và doanh thu khác	14	28	100	53
2. Tổng chi phí	6.990	8.925	10.815	11.991
3. Lợi nhuận trước thuế	472	570	656	672
4. Giá trị đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác	395	407	483	801

1.2. GIÁ TRỊ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA: DOANH THU, CHI PHÍ, ĐẦU TƯ

Do đặc điểm địa hình hẹp và dài Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng lớn nhất của biến đổi khí hậu (BĐKH). BĐKH khiến tình hình thời tiết nắng nóng diễn ra trên diện rộng, xuất hiện nhiều hơn và gia tăng cường độ trên phạm vi toàn quốc. Cùng với đó là bão, áp thấp nhiệt đới, lũ quét và ngập lụt xuất hiện nhiều hơn và diễn biến rất phức tạp tại các khu vực Bắc và Trung bộ. Ảnh hưởng của BĐKH dẫn đến các rủi ro như mất điện diện rộng do nguồn cung không đủ, đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa, nguyên vật liệu do hệ thống giao thông bị chia cắt... Trước các ảnh hưởng của BĐKH, Tổng Công ty xây dựng các biện pháp bảo vệ mạng lưới, đảm bảo an toàn con người và tài sản cũng như phòng chống thiên tai. Ngoài công tác đào tạo Phòng cháy chữa cháy - phòng chống thiên tai cho nhân sự, thì Tổng Công ty chuẩn bị máy phát điện cơ động để có phương án nhanh, kịp thời ứng cứu trước tình hình mất điện diện rộng, kéo dài và không được báo trước.

Hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh như: Xây dựng dân dụng, đầu tư hạ tầng viễn thông, đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời, cung cấp các thiết bị gia đình, cung cấp dịch vụ vận hành hạ tầng viễn thông, ***Tổng Công ty nhận thấy các rủi ro và có các biện pháp ứng phó với (BĐKH) như sau:***

Rủi ro	Biện pháp ứng phó
Tác động môi trường tự nhiên gây hạn hán, lũ lụt, mất điện diện rộng từ đó tác động đến việc cung cấp năng lượng điện cho hoạt động SXKD và sản phẩm dịch vụ VCC cung cấp	▶ Chuẩn bị MPĐ để ứng cứu với tình huống mất điện diện rộng. ▶ Diễn tập ứng phó sự cố mất điện diện rộng và tai nạn lao động định kỳ hàng năm ▶ Đào tạo về PCCC để xử lý tình huống cháy MPĐ ▶ Kiểm tra, giám sát tuân thủ quy trình/ quy định an toàn định kỳ...
Lũ quét, sạt lở, ngập lụt diện rộng làm đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa, nguyên vật liệu và nhân sự	▶ Chủ động trong công tác quản lý kho, kiểm kê hàng hóa thường xuyên để mua sắm kịp thời. ▶ Lựa chọn nguồn cung ứng từ địa phương, trong nước. ▶ Đảm bảo mỗi loại hàng hóa có ít nhất 3 nhà cung cấp. ▶ Luôn có phương án bổ sung nhân sự, điều phối nhân sự hỗ trợ, triển khai từ các đơn vị trong Tổng Công ty....
Chi phí nguồn nguyên vật liệu, các chi phí đầu vào khác tăng cao do ảnh hưởng của BĐKH làm khan hiếm nguồn hàng	▶ Tổng Công ty luôn Mở rộng mạng lưới nhà cung cấp để có nguồn hàng giá tốt. ▶ Tổ chức các hoạt động đấu thầu để tối ưu chi phí mua sắm...

Nhận diện được các rủi ro từ BĐKH, Tổng Công ty cũng đã thấy được các cơ hội phát triển kinh doanh như:

- Ứng dụng các giải pháp dựa trên thiên nhiên, tận dụng lượng bức xạ mặt trời lớn từ khu vực miền Trung, miền Nam để thiết kế và đầu tư các dự án năng lượng mặt trời, giảm phụ thuộc vào nhiệt điện và thủy điện góp phần bảo vệ môi trường, giảm khí thải carbon.
- Nghiên cứu và mở rộng hợp tác để đầu tư các dự án điện gió, thân thiện với môi trường.
- Xây dựng và phát triển nguồn hàng OEM, chủ động đặt hàng sản xuất từ các đơn vị cung cấp.

1.3. HỖ TRỢ TÀI CHÍNH NHẬN ĐƯỢC TỪ CHÍNH PHỦ (THUẾ, TRỢ CẤP, BHXH...):

- Hỗ trợ giảm thuế GTGT giai đoạn năm 6 tháng cuối năm 2022 và 06 tháng cuối năm 2023 giảm từ 10% xuống 8%.
- Năm 2021 dịch bệnh Covid 19 bùng phát tác động tiêu cực đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là kinh tế; làm tình trạng thất nghiệp của người lao động, nhiều doanh nghiệp phải giải thể, VCC vẫn đảm bảo thu nhập và phúc lợi cho NLĐ, không giảm lương, giảm giờ làm; động viên, khuyến khích NLĐ trong công việc; giữ vững đời sống kinh tế và tinh thần của nhân viên trong giai đoạn đầy khó khăn và thử thách của dịch bệnh Covid-19.
- Trước những khó khăn do dịch bệnh Covid -19, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 116/NQ-CP ngày 24/9/2021, NQ 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 về hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ TNLĐ BNN.
- Hỗ trợ bằng tiền cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp: 9720 người VCC được hỗ trợ ~ 23 tỷ.
- Giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19: tổng tiền VCC được miễn đóng vào quỹ BHTN 12 tháng từ 01/10/2021 đến hết 30/9/2022 7.365.857.809 đồng.
- Giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm TNLĐ BNN cho người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19: tổng tiền VCC được miễn đóng vào quỹ TNLĐ BNN 12 tháng từ 01/7/2021 đến hết 30/6/2022 3.573.899.298 đồng.
- Ngày 28/3/2022 Chính Phủ ra Quyết định 08/2022/QĐ-TTg thực hiện hỗ trợ tiền thuê nhà cho NLĐ: 226 người VCC được hỗ trợ 238.000.000 đồng.
- Chính phủ đã ban hành Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 hỗ trợ giảm 20% thuế GTGT trong năm 2024.

2. SỰ HIỆN DIỆN CỦA THỊ TRƯỜNG

2.1. TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG

Nhân sự là một trong những yếu tố quan trọng nhất để quyết định sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Tại Viettel Construction, để người lao động tận tâm cống hiến và phát huy tối đa được năng lực, sáng tạo, nhiệt huyết của bản thân, Tổng Công ty luôn quan tâm đến các chính sách lương thưởng, đãi ngộ,...đến từng cán bộ nhân viên. Từ đó, người lao động luôn cảm nhận được sự ghi nhận xứng đáng để cuộc sống của mỗi cá nhân, mỗi gia đình đầy đủ, hạnh phúc hơn:

- Mức lương khởi điểm trả cho người lao động mới được tuyển dụng tại Viettel Construction không phân biệt giới tính trên cả nước luôn cao hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định Nhà nước.
- Hằng năm, căn cứ trên kết quả công việc thực tế của từng cá nhân, Viettel Construction thực hiện xét nâng lương thường niên để tạo động lực cho cán bộ nhân viên gắn bó và nâng cao năng suất lao động, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD của Tổng Công ty.
- Khi có sự điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng của Nhà nước, Viettel Construction luôn đảm bảo tuân thủ để điều chỉnh kịp thời mức lương cũng như các khoản lương thưởng khác để tăng thu nhập cho người lao động.
- Thu nhập bình quân của người lao động tại Viettel Construction luôn có sự tăng trưởng qua hàng năm. Cụ thể, thu nhập bình quân năm 2023 dự kiến đạt 26,1 triệu đồng/người/tháng, tăng 0,6% so với năm 2022 (25,9 triệu đồng/người/tháng) và tăng 1,4% so với năm 2021 (25,7 triệu đồng/người/tháng). Qua đó, thu nhập bình quân của lao động mới tuyển dụng năm 2023 dự kiến đạt 22,1 triệu đồng/người/tháng, cao hơn 4,7 lần so với mức lương tối thiểu vùng 1 đang áp dụng hiện tại (4.680.000 đồng).

2.2. TỶ LỆ THÀNH VIÊN BAN LÃNH ĐẠO ĐƯỢC TUYỂN DỤNG TỪ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Năm 2024, trong bối cảnh thị trường lao động không ngừng biến động, tăng trưởng kinh tế Thế giới đang dần hồi phục nhưng còn chậm, thị trường lao động vẫn duy trì tăng trưởng ở mức trung bình trong thời gian dài và tỷ lệ thất nghiệp gần như không thay đổi, điều này đặt ra nhiều thách thức nhưng cũng mang đến nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp.
- Bình quân 1 tháng có 18,4 nghìn Doanh nghiệp rút khỏi thị trường lao động trong 6 tháng đầu năm là nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp tăng lên trong Quý này. Về chất lượng cung lao động vẫn còn bất cập, hạn chế, chưa đáp ứng cho cầu lao động của một thị trường hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập (khoảng hơn 70% lao động chưa qua đào tạo từ sơ cấp trở lên), phản ánh sự thiếu hụt lao động chất lượng cao trầm trọng, một thách thức lớn phải đối mặt của các Doanh nghiệp Việt Nam.
- Viettel Construction nhìn nhận nhân sự chất lượng cao là yếu tố chiến lược giúp Tổng Công ty đạt được các mục tiêu dài hạn, với phương châm Nguồn nhân lực chất lượng là nền tảng cho sự phát triển bền vững, Tổng Công ty tiếp tục đặt mục tiêu tăng cường tuyển dụng đội ngũ quản lý và CBNV chất lượng cao, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng cao, làm chủ được các công nghệ tiên tiến trên thế giới, có tâm thế tốt => nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng dịch vụ, tạo lợi thế cạnh tranh khi đấu thầu cũng như triển khai hoạt động kinh doanh bên ngoài.
- Trong giai đoạn 2023 - 2024, Tổng Công ty CP Công trình Viettel đã có nhiều chương trình phát triển cộng đồng, hợp tác và xây dựng năng lực nguồn nhân lực cho cộng đồng địa phương trên toàn quốc:
  - Ký kết thỏa thuận hợp tác tuyển dụng với các Trường Đại học trên Toàn quốc, Tổ chức Hội chợ việc làm tại các Trung tâm dịch vụ việc làm
  - Cử CBNV phỏng vấn và tư vấn việc làm cho Sinh viên năm cuối trường Đại học Công nghệ Đông Á, Trường Trung cấp Du lịch kỹ thuật Cam Ranh....
- Tỷ lệ lao động tuyển mới trong năm 2024 là 1.046 người – chiếm tỷ lệ 9,8%; 4,9% trong đó là cấp quản lý lãnh đạo & Nhân sự key. Lao động trong độ tuổi trẻ (<35 tuổi) tuyển mới vào khoảng 89% góp phần tạo dựng một đội ngũ cán bộ nguồn năng động và giàu tiềm năng phát triển cho khối Phòng ban/Trung tâm và CNCT (BĐG, Trưởng/phó phòng, GĐ/PGĐTT cụm/huyện), đảm bảo nguồn lực chuyển dịch các lĩnh vực mới tại Tổng công ty trong tương lai.

3. TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

3.1. ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĐƯỢC HỖ TRỢ

A. MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÁNG KỂ VÀ DỊCH VỤ ĐƯỢC HỖ TRỢ

- Thông tin về số lượng, khối lượng các loại hạ tầng viễn thông thụ động (vị trí trạm, cống bể, cáp treo, cáp ngầm, DAS...) VCC đầu tư đến thời điểm tháng 11/2024:
  - *BTS: 10.000 trạm*
  - *Truyền dẫn: Cáp treo: 1.838 tuyến ~ 2.651 km; Cáp ngầm: 7 tuyến ~ 64,5 km (chiều dài tuyến)*
  - *DAS: 27 tòa nhà ~ 2,774 triệu m^2*
  - *Cố định băng rộng: 3.468 căn hộ*
- Thông tin về số lượng, khối lượng hạ tầng năng lượng tái tạo mà VCC đầu tư và kinh doanh năm 2022, 2023, 2024:
  - *46 hệ NLMT bán điện cho Điện lực, quy mô 16,634 MWp*
  - *6 hệ NLMT đầu tư trên tòa nhà Viettel bán điện cho Điện lực, quy mô 0,185 MWp*

B. CÁC TÁC ĐỘNG HIỆN TẠI HOẶC DỰ KIẾN ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ NỀN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG, BAO GỒM TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC VÀ TIÊU CỰC TÙY TỪNG HOÀN CẢNH CỤ THỂ

- Tăng nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của người dân, doanh nghiệp.
- Đảm bảo phủ sóng đến tất cả khu dân cư với chất lượng cao, phủ lõm các khu vực nông thôn, miền núi, cung cấp dịch vụ truy nhập internet và truyền hình, tạo điều kiện cho các gia đình vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa tiếp cận và sử dụng dịch vụ truy nhập internet, từ đó tăng nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ viễn thông, đồng thời góp phần nâng cao dân trí.
- Phát triển kinh tế số, xã hội số (mua bán hàng trực tuyến, giao dịch điện tử, hình thành các cộng đồng số,...).
- Thúc đẩy nhu cầu mua điện từ nguồn năng lượng sạch phục vụ cho sản xuất.

3.2. TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP TRỌNG YẾU

Đảm bảo chất lượng mạng lưới viễn thông cho khách hàng được thông suốt: các KPI chính của công tác vận hành khai thác đều đạt và tốt hơn theo hợp đồng SLA của Chủ đầu tư, xu hướng năm sau tốt hơn năm trước; Các nhiệm vụ bảo dưỡng bảo trì hạ tầng nhà trạm được thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ. Hoàn thành tốt nhiệm vụ ƯCTT trước, trong và sau siêu bão Yagi về huy động người, công cụ dụng cụ và ứng trước chi phí để khôi phục dịch vụ 1 cách nhanh nhất.

Trực tiếp đầu tư và làm nhà thầu triển khai cung cấp ~ 199 Mwp công suất năng lượng mặt trời cho 1.664 khách hàng doanh nghiệp và hơn 9.500 khách hàng cá nhân, góp phần giảm phát thải cho môi trường.

Đầu tư hạ tầng viễn thông cho thuê với lũy kế đến hết năm 2024 có 336 trạm có từ 2 nhà mạng trở lên thuê -> Tối ưu nguồn lực đầu tư trên tổng nền kinh tế.

4. THÔNG LỆ MUA SẮM

Với mô hình trải dài khắp cả nước tại 63 tỉnh/TP. Nhằm đáp ứng nhu cầu về hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh. VCC đã tổ chức bộ máy riêng biệt tại các tỉnh/TP có kỹ năng trong công tác mua sắm, lựa chọn nhà thầu. Bằng chứng là việc hàng nghìn hợp đồng được ký kết với hàng nghìn các đối tác trên địa bàn địa phương. Tỷ lệ mua sắm tại địa phương lên đến 50% so với tổng giá trị mua sắm của VCC và phản ánh qua doanh thu của TCT.

5. NĂNG LƯỢNG

Do tính chất đặc thù của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel với hạ tầng khắp 63 tỉnh thành cùng phạm vi hạ tầng rộng lớn khắp 63 tỉnh thành cả nước và phủ sóng cả nước ngoài, quy mô gần 11.000 người, chúng tôi luôn đảm bảo việc sử dụng năng lượng tiết kiệm tối đa và có hiệu quả cao.

5.1. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC

Bên cạnh việc truyền thông tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả trong nội bộ văn phòng, chúng tôi đã đầu tư cơ sở hạ tầng rất lớn các hệ thống năng lượng mặt trời giúp cho năng lượng tiêu thụ trong tổ chức được tiết kiệm đáng kể. Theo số liệu tính toán tính hết 10 tháng đầu năm 2024, tổng điện năng tiêu thụ trong năm 2024 là 2.991 MWh, tổng sản lượng điện năng của hệ thống năng lượng mặt trời đạt khoảng 20.094 MWh. Do đó điện năng tiêu thụ trong tổ chức được tiết kiệm đáng kể và được thể hiện chi tiết dưới biểu đồ như sau:

Biểu đồ: Tổng tiêu thụ năng lượng trong VCC năm 2024

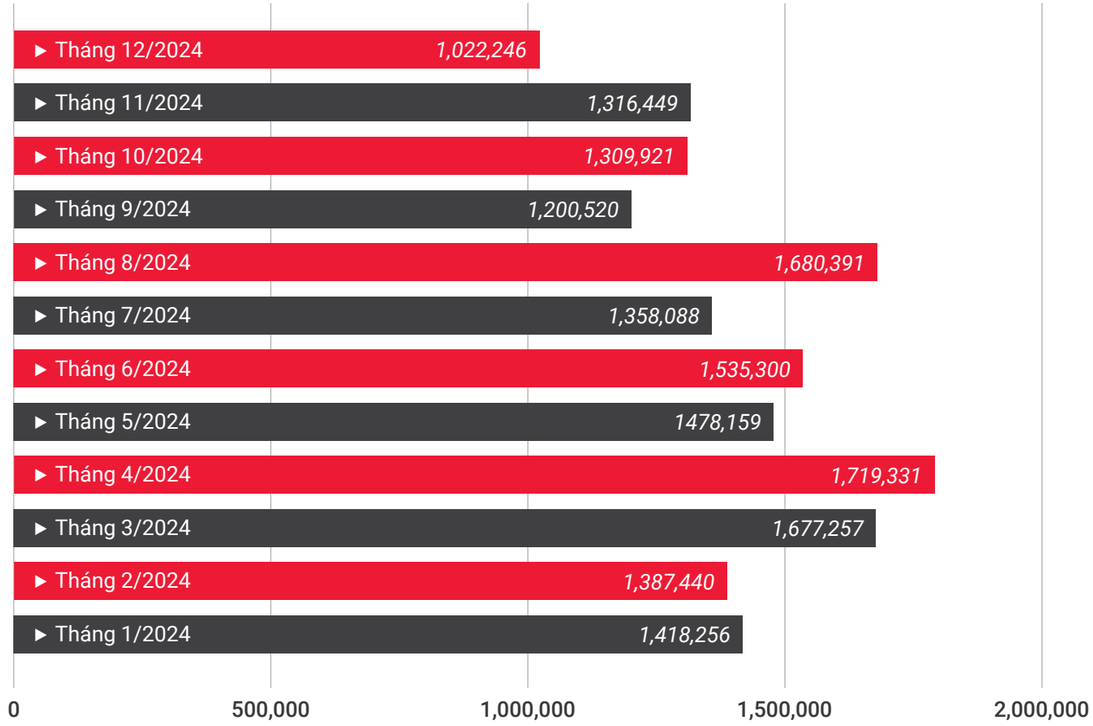

5.2. GIẢM NHU CẦU NĂNG LƯỢNG CỦA CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

Với mục tiêu là đưa các trải nghiệm về sản phẩm và dịch vụ tốt nhất đến cho khách hàng, chúng tôi cũng đưa kèm các giải pháp năng lượng để khách hàng được sử dụng công nghệ sử dụng năng lượng hiệu quả và giảm thiểu được điện năng sử dụng. Có rất nhiều sản phẩm tại VCC được đánh giá là sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm, trong đó có 03 sản phẩm tiết kiệm năng lượng chính chúng tôi đang triển khai kinh doanh được khách hàng đánh giá cao là: Hệ thống điện năng lượng mặt trời, Đèn năng lượng mặt trời và Điều hòa không khí có inverter. Theo tính toán, sản phẩm điều hòa không khí có inverter đã giúp khách hàng của VCC tiết kiệm 20% - 25% so với các dòng điều hòa cũ trên thị trường. Điện năng tiết kiệm được từ hệ thống điện năng lượng mặt trời và Đèn năng lượng mặt trời là 14.564 MWh Số liệu tính toán được thể hiện ở biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ: Cơ cấu điện năng VCC giúp khách hàng tiết kiệm được trong năm 2024

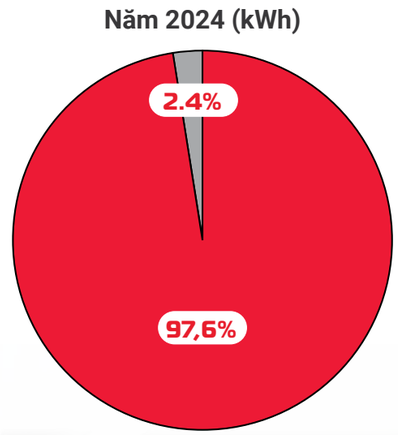

6. TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

6.1. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Bảo vệ môi trường là một trong các yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp phát triển bền vững. VCC áp dụng ISO 14001:2015 và ISO 14064-1:2018 vào việc xác định khía cạnh môi trường có ý nghĩa, giám sát và kiểm kê khí nhà kính.

CÁC HOẠT ĐỘNG TẠI VCC

1. Phân loại rác và thu gom rác thải tại nguồn.
2. Thuê đối tác vận chuyển có đầy đủ năng lực để vận chuyển chất thải.
3. Áp dụng ISO 14001:2015 cho khối văn phòng, nhà kho và dự án xây dựng đảm bảo các khía cạnh môi trường có ý nghĩa được kiểm soát và có phương án ứng phó kịp thời.

CÁC KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG CÓ Ý NGHĨA ĐƯỢC NHẬN DIỆN TẠI VCC

1. Phát thải rác thải thông thường trong quá trình sinh hoạt của CBNV.
2. Phát thải nước sinh hoạt trong quá trình sinh hoạt của CBNV.
3. Rò khí gas và cháy nổ trong quá trình đốt Gas phục vụ nấu ăn.
4. Phát thải khí CO2 do sử dụng điện, xăng dầu
5. Phát sinh bụi, tiếng ồn do hoạt động di chuyển tại công trình/dự án.
6. Phát thải dầu thải do quá trình sử dụng phương tiện thi công .
7. Cháy nổ, điện giật trong quá trình sinh hoạt của CBNV.

ĐỐI VỚI CÁC KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG CÓ Ý NGHĨA ĐÃ ĐƯỢC NHẬN DIỆN, VCC TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG SAU

1. Thu gom rác thải tại nguồn.
2. Lựa chọn đối tác vận chuyển rác thải/chất thải có đầy đủ năng lực.
3. Xây dựng chỉ thị sử dụng tiết kiệm điện, nước.
4. Bảo dưỡng xe theo định kỳ.
5. Xây dựng tiêu chí để thuê thiết bị/máy móc thi công.
6. Đo quan trắc môi trường làm việc làm việc.
7. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị, máy móc có độ ồn cao tại các khu vực đông dân cư.
8. Phun nước giữ ẩm tại công trường.
9. Che chắn khu vực thi công.
10. Áp dụng ISO 45001 trong việc đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp (xây dựng các phương án ứng phó tình huống cháy nổ, điện giật, tràn đổ hóa chất), tổ chức diễn tập hàng năm.

KẾT QUẢ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG TRONG NĂM 2024

1. Không phát sinh sự cố tràn đổ hóa chất tại công trường.
2. 100% phương tiện vận chuyển được bảo dưỡng định kỳ.
3. Không phát sinh các vụ cháy nổ, tai nạn lao động do điện giật, sử dụng gas.
4. Toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động văn phòng và thi công dự án đều được thu gom vào thùng chuyên dụng có nắp đậy và sẽ được tập kết đến kho chứa của tòa nhà hoặc khu chứa của Chủ đầu tư xây dựng.
5. Toàn bộ chất thải nguy hại đều có thùng chứa chất thải nguy hại như bóng đèn, mực in, vỏ can sơn... được thu gom vào thùng chứa riêng biệt có biển báo và nhận dạng trước khi tập kết đến kho chứa của Tòa nhà, chủ đầu tư.
6. Toàn bộ nước thải sinh hoạt tại công trường được đảm bảo nghiêm túc thu gom theo các mương chảy về tập trung tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải của Chủ đầu tư.
7. VCC áp dụng giải pháp tái sử dụng giấy in 1 mặt để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. QUẢN LÝ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Trong nỗ lực để giảm nhẹ phát thải khí, VCC dự kiến sẽ xây dựng hệ thống kiểm soát các nguồn phác thải khí nhà kính và kiểm kê phát thải khí nhà kính theo ISO 14064-1:2018 từ năm 2024. Các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính và bảo vệ môi trường tại VCC:

1. Quản lý hiệu quả nguồn thải và chất thải
2. Đẩy mạnh năng lượng xanh
3. Đầu tư vào công nghệ thân thiện môi trường
4. Tăng cường hoạt động sáng kiến liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
5. Phát động phong trào sử dụng tiết kiệm điện, nước, giấy...

6.2. QUẢN LÝ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

1. Không có vi phạm các yêu cầu của pháp luật liên quan đến môi trường
2. Tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo hoặc tái sử dụng, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, có tối thiểu 01 SK/YT về bảo vệ môi trường được áp dụng vào thực tế.

7. VIỆC LÀM

7.1. SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC

Tỷ lệ lao động tuyển mới trong năm 2024 là 1.047 người – chiếm tỷ lệ 9,9%; 3% trong đó là cấp quản lý lãnh đạo & Nhân sự key. Lao động trong độ tuổi trẻ (<35 tuổi) tuyển mới vào khoảng 88% góp phần tạo dựng một đội ngũ cán bộ nguồn năng động và giàu tiềm năng phát triển cho khối Phòng ban/ Trung tâm và Chi nhánh Công trình Viettel tỉnh/TP (BGĐ, Trưởng/phó phòng, GĐ /PGĐTT cụm/huyện), đảm bảo nguồn lực chuyển dịch các lĩnh vực mới tại Tổng công ty trong tương lai.

Biểu đồ: Nhân sự tăng mới 2024

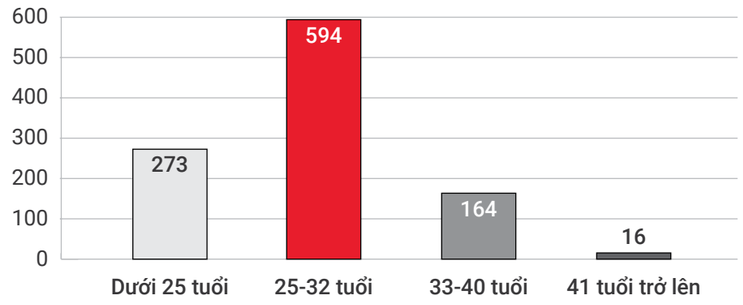

7.2. NGHỈ VIỆC

1. GIỚI TÍNH

Năm	Nam	Nữ	Tổng	Tỷ lệ nữ	Tỷ lệ nam
Năm 2021	1487	73	1560	5%	95%
Năm 2022	2316	103	2419	4%	96%
Năm 2023	1440	84	1524	6%	94%
Năm 2024	1372	100	1472	7%	93%
Tổng:	6615	360	6975	5%	95%

2. ĐỘ TUỔI

Năm	Dưới 30 tuổi	Từ 30-50 tuổi	Trên 50 tuổi	Tổng	Tỷ lệ nam
Năm 2021	520	1035	5	1560	95%
Năm 2022	945	1466	8	2419	96%
Năm 2023	768	747	9	1524	94%
Năm 2024	672	799	1	1472	93%
Tổng	2905	4047	23	6975	95%
Tỷ lệ	41.65%	58.02%	0.33%		

3. KHU VỰC

Năm	Miền Bắc	Miền Nam	Miền Trung	Tổng	Tỷ lệ nam
Năm 2021	838	462	260	1560	95%
Năm 2022	1227	777	415	2419	96%
Năm 2023	821	449	254	1524	94%
Năm 2024	857	400	215	1472	93%
Tổng:	3743	2088	1144	5503	95%

- Nhìn chung tỷ lệ thôi việc hàng năm có giảm cho biết mức độ ổn định và hài lòng của nhân viên về chế độ chính sách, cơ chế làm việc của đơn vị. Tỷ lệ này là dấu hiệu về sự thay đổi cơ bản trong cơ cấu của các hoạt động cốt lõi và sự phát triển ổn định của tổ chức.
- Nghỉ việc theo giới tính hoặc theo độ tuổi: do đặc thù của tổ chức chủ yếu là lao động trực tiếp, nam giới chiếm số lớn (trên 95% quân số), => tỷ lệ thôi việc theo giới tính và độ tuổi không đồng đều.

7.3. PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN KHÔNG DÀNH CHO NHÂN VIÊN TẠM THỜI HOẶC BÁN THỜI GIAN

BHXH là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của NLĐ khi bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, TNLĐ BNN, hết tuổi lao động hoặc chết trên cơ sở đóng góp vào quỹ BHXH. Việc thực hiện tốt chính sách BHXH nhất là chế độ hưu trí sẽ góp phần ổn định cuộc sống NLĐ khi hết tuổi lao động hoặc không còn khả năng lao động. Nhận thức rõ vai trò của BHXH và trách nhiệm phải tham gia theo Luật, Tổng Công ty luôn đảm bảo NLĐ được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và chế độ phúc lợi như: BHXH bắt buộc, nghỉ hằng năm, nghỉ theo chế độ BHXH, tham gia các loại hình bảo hiểm sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ và sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp.

Cùng với các chính sách lương, thưởng, và các chế độ phúc lợi theo quy định Pháp luật (bảo hiểm xã hội/y tế/thất nghiệp...), Tổng Công ty còn xây dựng các chế độ phúc lợi khác biệt với mục đích chăm sóc toàn diện người lao động và người thân:

- Hằng năm đều có chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBNV đã ký hợp đồng lao động chính thức mỗi năm một lần tại các bệnh viện uy tín với chi phí do Tổng Công ty chi trả.
- Người thân của SQ, QNCN, CNVQP cũng được Tổng Công ty tham gia BHYT đầy đủ.
- Đối với CBNV thử việc chưa thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc cũng được Tổng Công ty tham gia bảo hiểm tai nạn 24/24.

Biểu đồ: Tổng BHXH+KPCĐ
Đơn vị: tỷ đồng

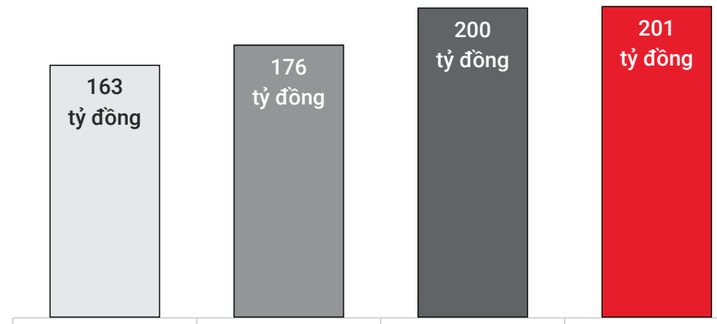

	2021	2022	2023	2024
Tổng BHXH + KPCĐ	163	176	200	201

7.4. NGHỈ THAI SẢN

Chế độ ốm đau, thai sản là một trong năm chế độ của BHXH bắt buộc, là một trong những chính sách an sinh xã hội của nhà nước nhằm đảm bảo, bù đắp một phần thu nhập cho người tham gia BHXH khi họ phải nghỉ việc do bị ốm đau, tai nạn rủi ro, phải nghỉ việc để chăm sóc con dưới 07 tuổi bị ốm đau; người lao động nữ khi mang thai, sinh con và người lao động nam khi có vợ sinh con.

Đối với người lao động: đây là nguồn động viên tinh thần to lớn khi gặp khó khăn ốm đau, tai nạn; đảm bảo thu nhập ổn định ở mức độ cần thiết, giúp cho người lao động có tâm lý yên tâm trong công việc, đảm bảo cuộc sống, có thể điều trị tốt khi bị bệnh và sớm quay lại làm việc.

Đối với người sử dụng lao động: thông qua chính sách BHXH hỗ trợ người sử dụng lao động không phải bỏ ra một khoản chi phí lớn cùng một lúc để giải quyết hậu quả cho người lao động khi bị ốm đau, tai nạn rủi ro, nghỉ thai sản. Đồng thời thể hiện được nghĩa vụ và trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động, làm cho người lao động tin tưởng và yên tâm khi làm việc tại đơn vị.

Trong 4 năm từ năm 2021 đến năm 2024, đơn vị đã giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, DSPHSK cho 2.526 lượt người với tổng chi phí được BHXH chi trả là 9.741.862.690 đồng.

- Năm 2021, tổng số lượt giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, DSPHSK là 502TH, số tiền 1.913.592.901 đồng.
- Năm 2022, tổng số lượt giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, DSPHSK là 699TH, số tiền 1.982.825.224 đồng, tăng so với năm 2021 là 169TH (~16%), trung bình hàng tháng tăng 16TH/ tháng (~16%/ tháng); số tiền được chi trả tăng 1,8%/ tháng.
- Năm 2023, tổng số lượt giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, DSPHSK là 616TH, số tiền 2.791.640.867 đồng, trung bình tháng tăng so với năm 2021 là 09TH/ tháng (~9,7%/ tháng), số tiền được chi trả tăng 18,7%/ tháng. So với năm 2022 giảm 7TH/ tháng (~6,4%/ tháng) tuy nhiên số tiền được chi trả tăng 16,9%/ tháng.
- Năm 2024, tổng số lượt giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, DSPHSK là 709TH, số tiền 3.053.803.698 đồng, trung bình tháng tăng so với năm 2023 là 08TH/ tháng (~7,3%/ tháng), số tiền được chi trả tăng 4,5%/ tháng. So với năm 2022 tăng 01TH/ tháng (~0,9%/ tháng), số tiền được chi trả tăng 21,3%/ tháng. So với năm 2021 tăng 17TH/ tháng (~16,8%/ tháng), số tiền được chi trả tăng 11,7%/ tháng.

8. MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ

Tổng Công ty luôn quan tâm, chăm sóc đến lợi ích người lao động, có mối quan hệ tốt đẹp giữa quản lý và người lao động để cùng hiểu 1 ngôn ngữ, 1 cách làm, phát huy truyền thông người lính cụ Hồ:

- Hàng năm tổ chức hội nghị đối thoại dân chủ cấp Tổng Công ty 1 lần/năm. Cấp đơn vị tổ chức định kỳ 1 quý 1 lần để trao đổi, hỏi đáp giữa quản lý và người lao động, giải đáp, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, trao đổi định hướng phát triển của tổ chức.. để quản lý và người lao động hiểu nhau hơn, thống nhất một mục tiêu xuyên suốt cả TCT.
- Tổ chức bộ máy công đoàn xuyên suốt từ TCT đến công đoàn bộ phận (71 bộ phận công đoàn đơn vị).
- Định kỳ 2 năm 1 lần rà soát bổ sung, sửa đổi thỏa ước lao động tập thể và báo cáo ra cơ quan chức năng theo quy định.
- Nội quy lao động cũng được ban hành, đăng ký với cơ quan nhà nước sau khi thống nhất và trao đổi lấy ý kiến của công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận.

9. AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Tháng 4/2023,VCC đã ký Hợp đồng với Trung tâm sức khỏe nghề nghiệp (thuộc Viện Khoa học an toàn và vệ sinh lao động) thực hiện khảo sát và đánh giá môi trường làm việc của CBNV trong đơn vị để xác định các công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp và danh mục công việc cần khám bệnh nghề nghiệp tại đơn vị. ***Kết quả:***

- 11/11 nhóm chức danh làm việc tại VCC có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp thấp.
- 11/11 nhóm chức danh yêu cầu bắt buộc khám bệnh nghề nghiệp: Không có.
- 08/11 nhóm chức danh có khuyến nghị khám dự phòng để phòng ngừa nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp.
- Giá trị kết quả: sau 03 năm lập kế hoạch thực hiện đo kiểm, đánh giá lại, có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về danh mục khám chữa bệnh. Trường hợp có thay đổi đột xuất về môi trường làm việc, nội dung công việc sẽ thực hiện đo kiểm lại tại thời điểm thay đổi.
- Nội quy lao động cũng được ban hành, đăng ký với cơ quan nhà nước sau khi thống nhất và trao đổi lấy ý kiến của công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận.

10. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Quan điểm của TCT là hình thành "văn hóa tổ chức học tập", phương châm "Học tập chủ động", mỗi cá nhân sẽ xác định lộ trình học tập tương ứng của mình để làm tốt công việc. Trong năm 2024, TCT đã tập trung xây dựng phần mềm học tập chủ động, bài giảng điện tử (lũy kế hết năm ~300 bài giảng điện tử), phù hợp với xu thế đào tạo mới.
- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên: 70.4giờ/năm
- Các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng cho Cán bộ nhân viên năm 2024 tập trung vào 4 nhóm:

1. **Đào tạo giá trị cốt lõi, khung tuân thủ.**
2. **Đào tạo nâng cao kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ**
3. **Đào tạo kỹ năng quản lý, lãnh đạo**
4. **Đào tạo chuyển dịch chiến lược theo kế hoạch và chiến lược kinh doanh**

Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp: Năm 2024 số lượt CBNV đã được đào tạo kỹ năng, nâng cao hiệu quả công việc là 59.822 lượt người, đã mang lại hiệu quả cho cá nhân và tổ chức.

11. SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

- VCC luôn ý thức được rằng mỗi giá trị của từng thành viên tạo ra đều góp phần vào thành công của doanh nghiệp. Không phân biệt giới tính, độ tuổi, nguồn gốc dân tộc, các đối tượng được đánh giá dễ bị tổn thương trong xã hội đều được VCC xây dựng một môi trường làm việc năng động, minh bạch, công bằng.
- Về cơ cấu độ tuổi, tỷ lệ lao động dưới 30 tuổi chiếm 20%, lao động có độ tuổi trung niên từ 30 đến dưới 50 tuổi chiếm 79% và lao động từ 50 tuổi trở lên có thâm niên công tác lâu năm tại Viettel Công trình chiếm 1%. Theo đó, tỉ lệ gen Y và gen Z đang chiếm 93% tổng quân số lao động tại đơn vị, đây là những lực lượng lao động có hiểu biết về công nghệ, có trình độ học vấn cao, có sự linh hoạt và thích ứng với môi trường làm việc, đề cao tinh thần hợp tác… Đây chính là những làn gió mới để Viettel Công trình .
- Về dân tộc, lao động thuộc lao động thuộc dân tộc Kinh chiếm đa số là 9.931 người (tỷ lệ 94%) và lao động dân tộc thiểu số là 663 người (tỷ lệ 6%).
- Về giới tính, là đơn vị kỹ thuật nên tỷ lệ nam giới tại Viettel Công trình chiếm đa số 95% (10.050 nhân sự), tỉ lệ nữ giới chiếm 5% (544 nhân sự). Tuy nhiên, với phương châm: Mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, cống hiến, học tập để thành công và phát triển sự nghiệp tại Viettel Công trình nên nữ giới làm lãnh đạo là 106 nhân sự, họ nắm giữ những vị trí quan trọng như Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh…
- Trong quy định tuyển dụng nhân sự, Viettel Công trình không phân biệt giới tính, tôn giáo, tín ngưỡng trong việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại Tổng Công ty. Người khuyết tật được quyền tham gia ứng tuyển các vị trí công việc phù hợp với sức khỏe theo quy định của pháp luật và quy định của Hội đồng tuyển dụng.

12. LAO ĐỘNG TRẺ EM

KHÔNG SỬ DỤNG

13. CHÍNH SÁCH CÔNG

Tổng Công ty thực hiện tốt công tác Chính sách Dân vận, luôn quan tâm đến các tổ chức xã hội . Một trong những chính sách tiêu biểu và duy nhất chỉ có ở người Công trình là "Ngôi nhà Đoàn kết". Đây là một hoạt động có ý nghĩa sâu sắc, thiết thực, động viên kịp thời CBNV có hoàn cảnh khó khăn an tâm công tác, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Từ năm 2020 đến nay, Tổng Công ty đã đã có 89 ngôi nhà/ 44 chi nhánh công trình tỉnh đã được xây dựng. Bên cạnh đó cũng xét đề nghị Tập đoàn hỗ trợ xây nhà "Mái ấm công đoàn, Nghĩa tình đồng đội" năm 2024 cho 01 trường hợp đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn. Chính sách thứ 2 được nhiều CBNV trong toàn Tổng Công ty hưởng ứng rộng rãi đó là "Tặng 20 triệu đồng cho cặp đôi VCC kết hôn", năm 2024 đã có 07 cặp đôi trong Tổng Công ty nhận quà với tổng số tiền 140 triệu đồng.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty làm tốt công tác chăm lo bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt đối thoại dân chủ theo phân cấp, tổ chức hội nghị người lao động đúng quy định. Đảm bảo chế độ nghỉ mát, nghỉ dưỡng cho 10.858 CBNV với số tiền 64,8 tỷ. Tổ chức chu đáo Tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi trên toàn quốc tổng số 13.751 cháu với số tiền 4,125 tỷ đồng; trao quà cho 4.356 cháu học sinh giỏi năm học 2023-2024 với số tiền 1,135 tỷ đồng; trợ cấp khó khăn cho 101 CBNV với tổng số tiền hơn 550 triệu đồng dịp tháng công nhân năm 2024; Thăm hỏi và tặng quà nhân ngày TBLS 27/7 tổng số 625 thân nhân với số tiền 321 triệu đồng; Hỗ trợ C sủi mùa nắng nóng cho lực lượng tuyến đầu với tổng số tiền 1,408 tỷ đồng; Trao quà chính sách Tết cho 72 cán bộ nghỉ hưu, 15 gia đình liệt sĩ, các gia đình có CBNV và thân nhân chủ yếu từ trần năm 2022, 126 CBNV mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh chữa trị dài ngày, 851 thân nhân CBNV với tổng số tiền gần 6 tỷ đồng.

Các tổ chức quần chúng Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ xung kích tham gia các hoạt động thi đua SXKD, tổ chức tốt các hoạt động nhân dịp kỷ niệm các ngày 26/3, 08/3, 28/6, 20/10. Vận động có hiệu quả CBNV trong TCT tích cực tham gia quyên góp ủng hộ các loại quỹ Quỹ Bảo trợ trẻ em 110 triệu đồng, quỹ Mái ấm công đoàn - Nghĩa tình đồng đội 251 triệu đồng, Quỹ Ngày vì người nghèo 2,652 tỷ đồng. Triển khai kế hoạch hoạt động gắn kết trong toàn Tổng Công ty, trên tinh thần mỗi Công đoàn bộ phận tổ chức ít nhất 1 buổi giao lưu thể thao, VHVN/1 quỹ có quy mô, Công đoàn cơ sở hỗ trợ 100% các đầu mối Công đoàn bộ phận với tổng số tiền gần 500 triệu đồng/1 quỹ.

Thực hiện đúng triết lý kinh doanh "Phát triển hoạt động SXKD gắn liền với trách nhiệm xã hội, cộng đồng". Tổng Công ty duy trì thường xuyên hoạt động chăm sóc, thăm viếng tri ân các anh hùng Liệt sỹ tại Nghĩa trang liệt sĩ phường Mễ Trì - Nam Từ Liêm vào ngày 01 Âm lịch hàng tháng và các nghĩa trang liệt sĩ trên 63 tỉnh thành cả nước; ủng hộ kinh phí xây dựng nhà ở tình nghĩa cho Hội hỗ trợ gia đình Liệt sĩ tỉnh Nghệ An 100 triệu đồng. Trong năm đã tài trợ kinh phí để Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái xây dựng 02 bếp ăn cho điểm trường Mầm non Mỏ Vàng và điểm trường Mầm non Lang Thíp 400 triệu đồng; Xây dựng phòng học cho điểm trường bản Sạ Súng huyện Mường La tỉnh Sơn La 600 triệu đồng; Ủng hộ cho các cháu nạn nhân da cam quà Tết thiếu nhi 01/6 2 triệu đồng; Hỗ trợ mua 140 bộ sách giáo khoa cho học sinh các trường học trên địa bàn xã Mường Pồn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên và 35 bộ bàn ghế cho trường Tiểu học xã Chiềng Nơi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tổng số tiền 92 triệu đồng. Ủng hộ kinh phí hỗ trợ "Quỹ học sinh đạt điểm cao, có hoàn cảnh khó khăn vào học đại học" (Quỹ Khuyến học Đất Hồng Lam) 100 triệu đồng.

14. SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG

14.1. SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

Công trình Viettel luôn lắng nghe đóng góp, ý kiến của khách hàng qua các chương trình đánh giá khảo sát, đo lường sự hài lòng của khách hàng với cách thức thực hiện đa dạng và tiện lợi cho khách hàng (Khảo sát trực tuyến, gọi điện thoại khảo sát,...).

Trong năm 2024, Công trình Viettel ghi nhận 40.941 khách hàng tham gia khảo sát, trong đó 97,8% khách hàng đánh giá hài lòng đối với chất lượng, dịch vụ mà công ty cung cấp. Bên cạnh đó, Công trình Viettel cũng thực hiện khảo sát khách hàng có sẵn sàng giới thiệu sản phẩm, dịch vụ sau khi đã trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ. Theo đó, Công ty ghi nhận 11.354 khách hàng tham gia đánh giá có 89,8% khách hàng sẵn sàng giới thiệu sản phẩm, dịch vụ cho bạn bè, người thân.

Kết quả khảo sát sự hài lòng của khách hàng

Kết quả khảo sát sự sẵn sàng giới thiệu SP/DV của khách hàng

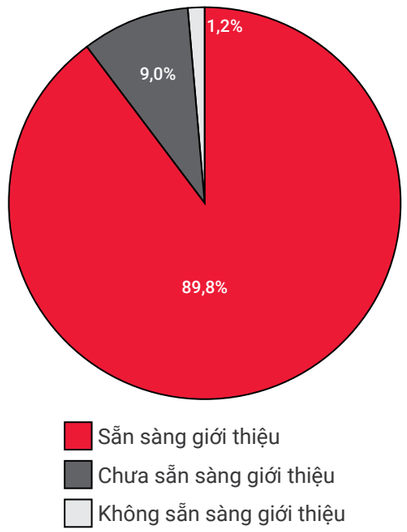

14.2. GIẢI QUYẾT YÊU CẦU/KHIẾU NẠI CỦA KHÁCH HÀNG

Trong năm 2024, để đo lường sự hài lòng của khách hàng, sau mỗi yêu cầu hỗ trợ/khiếu nại của khách hàng đã được phản hồi/xử lý, nhân viên chăm sóc khách hàng tiến hành liên hệ thăm hỏi cũng như khảo sát sự hài lòng của khách hàng đối với công tác hỗ trợ, xử lý khiếu nại của các bộ phận, phòng ban, chi nhánh công trình. Kết quả cho thấy có 72,3% khách hàng đánh giá hài lòng về kết quả phản hồi/xử lý yêu cầu, khiếu nại của khách hàng .

Trong năm 2024, với mong muốn đáp ứng cao nhất mong đợi của khách hàng, bên cạnh các chương trình chăm sóc khách hàng, Công trình Viettel sẽ tiếp tục chuẩn hóa lại "Quy trình xử lý phản ánh của khách hàng" cùng với việc hoàn thiện hệ thống Customer Information Managemant (CIM) để có thể nâng cao tỷ lệ hài lòng của khách hàng sau khi giải quyết yêu cầu/khiếu nại từ khoảng 80% đến 90% so với năm 2024.

Kết quả khảo sát sự hài lòng của khách hàng sau mỗi yêu cầu/khiếu nại

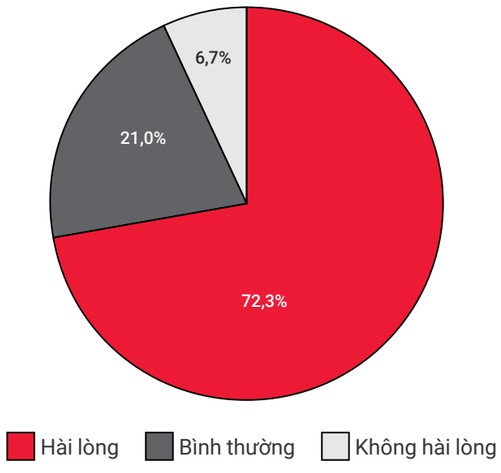

15. TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU

TCT luôn tuân thủ các quy định pháp luật và các tiêu chuẩn về nhãn hiệu, sản phẩm, dịch vụ cũng như hoạt động truyền thông tiếp thị.

Hiện tại, VCC chưa ghi nhận bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến nhãn hiệu sản phẩm, dịch vụ và không có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của các đơn vị khác. TCT đã ban hành các hướng dẫn để triển khai các chương trình khuyến mại, đồng thời thực hiện báo cáo rà soát các chương trình khuyến mại đã triển khai trong năm 2024. Ngoài ra, danh sách nhãn hiệu của VCC cũng đã được đăng ký với Cục sở hữu trí tuệ nhằm bảo vệ quyền lợi thương hiệu một cách chính thức và minh bạch.

16. QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

VCC cam kết luôn đảm bảo bảo vệ và bảo mật thông tin khách hàng theo đúng quy định của pháp luật, cam kết theo đúng quyền lợi của khách hàng. Công trình Viettel đã ban hành Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng thực hiện theo đúng Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 14/04/2023 của Chính phủ. Theo đó, chính sách nêu rõ mục đích sử dụng dữ liệu cá nhân, cách thức xử lý dữ liệu, quyền và nghĩa vụ của khách hàng (Quyết định số 6796/QĐ-VCC về ban hành Quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng tại Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel, Thông báo số 6862/TB-VCC về việc áp dụng Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với khách hàng qua các website, ứng dụng bán hàng, Thông báo số 606/TB-VCC về việc áp dụng số Hotline tại các hợp đồng của VCC...).

Bên cạnh đó, Công trình Viettel đảm bảo đa dạng kênh chăm sóc khách hàng để có thể hỗ trợ và đáp ứng tốt nhất những yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng khi có thắc mắc, yêu cầu xử lý về thông tin khách hàng.

- **Hotline chăm sóc khách hàng: 18009377**
- **Website: https://viettelconstruction.com.vn/**
- **Email: cskhcongtrinhviettel@viettel.com.vn**
- **Facebook: Viettel Construction**

17. TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI

VCC ĐÃ THỰC HIỆN ĐẢM BẢO TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT, KHÔNG CÓ CÁC HÀNH VI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ VÀ XÃ HỘI.

viettel construction

ĐỊA CHỈ: Số 6 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

ĐIỆN THOẠI: 1800 9377

E-MAIL: congtrinhviettel@viettel.com.vn

WEBSITE: www.viettelconstruction.com

MÃ SỐ DOANH NGHIỆP: 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/6/2010

Tái bản lần thứ 3, 2024

viettel construction

REPORT

SUSTAINABLE DEVELOPMENT

Collaborate towards the future

MILITARY INDUSTRY-TELECOMUNICATIONS GROUP

VIETTEL CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

ABBREVIATIONS

TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
Viettel Construction/ VCC	Viettel Construction Joint Stock Corporation
BOD	Board of Directors
EB	Executive Board
Direct.	Directorates
P&B	Production and business
BC	Business center
O&M	Operation and maintenance
IC	Infrastructure center
TSS	Technical Solutions Services
IT	Information technology
CC	Civil construction
CCA	Customer care
B2B	Enterprise customer
B2C	Individual customer
SD	Sustainable development
Cl.c	Climate change
FPC	Fire prevention and control

TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
EG	Electric generator
RM	Risk management
Co.C	Corporate culture
Off.	Officer
NCO	Non-commanding officer
MW	Military worker
Tech	Technician
OC	Labor accident
OD	Occupational disease
SI	Social insurance
MI	Medical insurance
TUE	Trade Union expenditure
OEM	Original equipment manufacture
I&I	Initiatives and ideas
DAS	In-building mobile coverage system
SE	Solar energy
ROA	Return on Assets
ROE	Return on equity

CONTENT

PART I: SUSTAINABLE DEVELOPMENT MESSAGE, ABOUT VIETTEL CONSTRUCTION	**04**
1. Message from the Chairman of the Board	6
2. Message from the General Director	7
3. Report overview	8
4. About VCC	9
PART II: SUSTAINABLE DEVELOPMENT STRATEGY AND MANAGEMENT	**20**
1. Sustainable Development Strategy	21
2. Sustainable Development Management	24
3. Risk management	24
4. Legal compliance	29
5. Ethics and integrity	30
6. Engaging stakeholders	30
7. Key topics linked to the 17 SDGs	31
PART III: PERFORMANCE IN KEY AREAS	**32**
1. Economic efficiency aspect	33
2. Market presence	36
3. Indirect economic impact	37
4. Purchasing practices	38
5. Energy	38
6. Environmental compliance	40
7. Employment	42
8. Employee-Manager Relationship	45
9. Occupational safety and health	45
10. Education and training	46
11. Diversity and equal opportunity	47
12. Child labor	47
13. Public policy	48
14. Customer health and safety	50
15. Marketing and branding	51
16. Customer information confidentiality	51
17. Socio-economic compliance	51

PART I

SUSTAINABLE DEVELOPMENT MESSAGE, ABOUT VIETTEL CONSTRUCTION

1. MESSAGE FRFOM CHAIRMAN OF THE BOARD

Dear Eteemed Shareholders, Customers, Partners, and Valued Stakeholders,

The year 2024 continued to witness complex, rapid, and unpredictable global developments, marked by numerous risks and uncertainties. At the same time, natural disasters and extreme weather events severely impacted people's lives and the socioeconomic development of nations.

In such a challenging context, Viettel Construction proactively adapted to market fluctuations and effectively managed risks to fulfill its business objectives. Specifically, in 2024, Viettel Construction achieved its business targets with total revenue reaching VND 12,663 billion, a growth of 10.4%, and profit before tax hitting VND 672 billion, up 2.5% compared to 2023.

On the journey to elevate Viettel Construction from a good enterprise to a sustainably growing one, we have crafted a strategy targeting annual growth of 10–15%, aligning our business operations with social responsibility under the 3P model: People - Planet - Profit.

Every product and service we deliver is built upon the genuine needs of society, aiming to enhance people's quality of life - bringing peace of mind and happiness. At the same time, by integrating "Green and Smart" solutions into our product and service ecosystem, we contribute to environmental protection, reduce greenhouse gas emissions, and align with global and national sustainability trends.

We currently operate across five core business areas: Infrastructure Investment for Lease, Construction (including telecom infrastructure and both B2B and B2C civil works), Information Technology, Technical Solutions & Services, and Operations & Maintenance.

Driven by our mission to accelerate the Fourth Industrial Revolution for businesses and households under the principle of "Professionalism – Quality – Competitive Cost", Viettel Construction envisions becoming the leading investor, operator, and provider of high-efficiency smart infrastructure.

We remain steadfast in our commitment to accompany and safeguard the interests of our customers, shareholders, employees, and partners on our journey to becoming a billion-dollar company by 2030.

CHAIRMAN

Do Manh Hung

2. MESSAGE FRFOM GENERAL DIRECTOR

Dear Eteemed Shareholders, Customers, Partners, and Valued Stakeholders,

With the issuance of a series of legal documents in 2024 promoting the development of solar energy, the Government and the State have clearly defined a strategic orientation toward building a "green economy"—an inevitable trend and a sustainable growth pathway for businesses, especially for publicly listed companies in Vietnam.

In alignment with this national strategy, Viettel Construction is on the right track and well-positioned to seize breakthrough opportunities in the years to come.

We continue to leverage our strengths in technology-driven business operations by integrating science and technology applications into each product and service to enhance people's quality of life. At the same time, we are accelerating a comprehensive digital transformation across the Corporation to reach the highest level of digital maturity, while also developing tailored digital solutions to help enterprises improve and adapt more effectively amid the current economic downturn.

In 2024, the Vietnamese economy faced significant challenges due to the economic recession, with particularly severe impacts from large-scale natural disasters such as storms and floods. Nevertheless, amid adversity, Viettel Construction identified opportunities to adapt, enabling the company's business operations to make notable breakthroughs in recent years.

Notably, in 2024, Viettel Construction overcame difficulties to fulfill 100% of its revenue target, reaching VND 12,663 billion-an increase of 10.4% compared to 2023. Profit before tax amounted to VND 672 billion, up 2.5% year-on-year, thereby achieving 100% of the company's profit plan.

Over the five-year period from 2020 to 2024, the compound annual growth rates (CAGR) of revenue and profit before tax reached 18.7% and 8%, respectively.

We make continuous efforts each day to ensure stable employment and income for more than 11,000 employees. At the same time, we consistently recruit highly qualified personnel to join the Viettel Construction family. We regard human resources as the core driver of sustainable development, laying the foundation for our goal of reaching VND 13,968 billion in revenue by 2025 and USD 1 billion by 2030.

Bringing the highest quality products and services closer to people across all regions of the country and to international markets is Viettel Construction's responsibility in this new development phase. This strategic direction also positions the company as a sustainable contributor to societal progress.

Amid ongoing market volatility and unpredictability, Viettel Construction has determined that, in addition to effectively leveraging traditional growth drivers to fulfill its 2024 business targets, the Corporation must also prioritize allocating resources to research and prepare internal transformation scenarios. These efforts aim to proactively address potential short-term risks while ensuring the necessary conditions are in place to anticipate future trends and achieve long-term sustainable development.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Trường

3. REPORT OVERVIEW

The Sustainable Development Report of Viettel Construction is built based on the standards of the Global Reporting Initiative [GRI]. This is the latest reporting Standard widely recognized for sustainable development reporting, aiming to enhance transparency and accountability. Furthermore, Viettel Construction's activities in this report are also aligned with the 17 Sustainable Development Goals of the United Nations.

The year 2023 marked the first time Viettel Construction published a standalone Sustainability Report, separate from its Annual Report. 2024 is the second year Viettel Construction issues this report, covering the fiscal year from January 1, 2024 to December 31, 2024.

The content of this report is based on data and information from Viettel Construction's core business activities. We are committed to continuously expanding the scope and boundaries of our reporting to better meet the evolving expectations of our stakeholders in the future.

4. ABOUT VCC

4.1. GENERAL

- **Full name:** Viettel Construction Joint Stock Corporation
- **Abbreviation:** Viettel Construction
- **Headoffice:** No.l Giang Van Minh, Kim Ma Ward, Ba Dinh District, Hanoi
- **Contact address:** No.6 Pham Van Bach, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi
- **Tel:** (04)62451783
- Website: https://viettelconstruction.com.vn/
- **Stock code:** CTR. Listed on HOSE from February 23, 2022
- **Main business:** Industry code 4390 (construction, installation, repair, and maintenance of telecommu nications intrastructure)

4.2. VISION - MISSION

Viettel Construction was established on October 30, 1995, as an independently operated unit and an essential part of the ecosystem of the Military Industry and Telecommunications Group (Viettel Group). Viettel Construction takes pride in having built the largest telecommunications infrastructure network in Vietnam, with over 50,000 base stations and 320,000 kilometers of fiber-optic cable - equivalent to eight times the Earth's circumference - covering 100% of the country's territory, including offshore islands and remote mountainous areas. The company has also contributed to the development of telecom infrastructure in 10 countries across Asia, Africa, and the Americas.

From a purely construction-focused unit, over the past 29 years, we have evolved into a nationwide organization with 63 branches, nearly 400 district-level service centers, 2 international subsidiaries, and a highly skilled workforce of 11,000 employees. Our operations are driven by a lean and unified management system guided by four strategic development pillars: People - Process - Technology - Governance.

- **WITH A WORKFORCE OF OVER 11,000 HIGHLY SKILLED EMPLOYEES**, Viettel Construction is a leading multi-service provider in Vietnam, delivering technical-based solutions across five strategic business areas:
  1. **Operations & Maintenance**
  2. **Infrastructure Investment for Lease**
  3. **Construction (including telecom infrastructure, B2B and B2C civil construction)**
  4. **Information Technology**
  5. **Integrated Solutions & Technical Services**
- **VISION:** To become the leading investor, operator, and provider of high-efficiency smart infrastructure.
- **MISSION:** To drive the Fourth Industrial Revolution into businesses and households by delivering services built on advanced technical platforms, with a commitment to professionalism, quality, and cost competitiveness.

4.3. ESTABLISHMENT AND DEVELOPMENT PROVESS

1995 – 2003

- Established the Survey and Design Enterprise and the Construction Enterprise (predecessors of Viettel Construction) under the Military Telecommunications Electronics Company.
- The enterprise specialized in foundation and antenna tower erection domestically and internationally, with high quality such as: 120m antenna tower for Tuyen Quang Television Station, 140m antenna tower for Lao National Television, antenna towers for Lao Telecom Company in Vientiane.

2004 – 2009

- The Construction Enterprise renamed as Viettel Construction Company.
- In 2006, decided to convert from a dependent accounting company to an independent accounting entity with a new trading name: Viettel Construction Single Member StateOwned Limited Liability Company.
- In December 2007, implemented network construction in the Kingdom of Cambodia.

2010 – 2017

- In 2010, Viettel Construction focused heavily on building 3G network infrastructure. The 2G and 3G networks of Viettel Group were the largest inVietnam.
- On January 15, 2010, the Minister of Defense decided to convert Viettel Construction Single Member State-Owned Limited Liability Company into Viettel Construction Joint Stock Company.
- In 2011, Viettel Construction organized a construction force in Haiti.
- In 2014, three companies were established in foreign markets: Cameroon, Burundi and Tanzania.
- In 2015, completed procedures with the Ministry of Planning and Investment on licensing operations in the two markets of Laos and Myanmar.

2018 – 2020

- Became the leading provider of technical services on digital platforms in Vietnam.
- Officially operated on 5 main business pillars: Rental infrastructure investment, Civil construction, Information technology, Integrated solutions and Operations
- Revenue in 2020 reached milestone 6,381 billion ~ 106% of plan; Profit reached 274 billion ~ 136% of plan.

2021 – 2025

- Became an investor, operator, and supplier of smart, highly efficient projects.
- In 2024, Viettel Construction recorded revenue of VND 12,663 billion, maintaining its position as Vietnam's No.1 TowerCo.
- Revenue targets: VND 13,968 billion by 2025 and VND 25,000 billion by 2030.
- Digital maturity: Targeting Level 5/5 in accordance with TM Forum standards by 2025.

4.4. SUPPLY CHAIN

The corporation applies the SCOR (Supply Chain Operation Reference) model as a reference model for supply chain operations. This reference model links business processes, performance indicators, and human skills into a unified structure revolving around the financial management process of Planning - Sourcing - Manufacturing - Distribution - Return - Support. This helps the corporation plan and manage the supply chain with the aim of reducing costs, increasing profits, and minimizing risks.

4.5. DEVELOPMENT STRATEGY IN 2024-2025 TERM

- Ensure KPI commitments for Operations & Maintenance in accordance with SLA contracts; Expand O&M operations beyond the Group. Successfully promote and expand services to at least 3 to 5 external enterprises outside the Viettel Group.
- Maintain the No.1 position in TowerCo with a colocation ratio of 1.04.
- Rank among the top 3 listed construction companies on the stock market in terms of revenue; Achieve the goal of building 5 houses per province per month. Develop the VCC civil construction ecosystem integrated with smart design, interiors, and home appliances.
- Capture the energy market across all 63 provinces, aiming to cover districts with solar energy projects; Rank among the top 3 listed M&E (Mechanical & Electrical).

4.6. IMPRESSIVE AND OUTSTANDING STATISTICS IN 2024

Total assets 7.106 billion VND	Equity 1.865 billion VND	Revenue 12.663 billion VND
Profit after tax 538 billion VND	ROA 7,64%	ROE 27,9%

OTHER HIGHLIGHTED TARGETS

BUSINESS

- Operations & Maintenance: Managing approximately 58,420 BTS stations and 7.7 million fixed wireless broadband subscribers.
- Maintaining the No.1 TowerCo position in Vietnam. As of the end of 2024, Viettel Construction has cumulatively owned approximately 10,000 BTS stations, 2.45 million m² of DAS, 2,716 km of transmission lines, and 16.87 MW of solar energy capacity.
- Implementing key national and Group-level projects: Successfully completed 100% (9/9) construction sites of the 500kV Circuit 3 transmission line from Quang Trach (Quang Binh) to Pho Noi (Hung Yen). Installing, constructing, and activating approximately 3,958 5G stations in 55 provinces/cities, meeting progress and quality standards to support Viettel's launch of Vietnam's first 5G network.
- Business operations organized as a closedloop ecosystem from Consulting – Design – Implementation – Operation – Optimization (all business pillars ensure capacity alignment and mutual support to deliver 100% of the components of large-scale projects). In 2024, the Corporation constructed 1,268 turnkey houses for customers; individual housing projects have covered 99% of districts and 31% of communes/wards, making VCC the company with the widest coverage in Vietnam's construction market.
- Promoting solar energy business in line with the Government's green economy goals and the Group's development orientation: Reached 43 MWp of capacity, supplying approximately 1,500 business and household customers; Revenue reached VND 443 billion, growing 339%.
- CTR stock received the award for Most Favorite IR Mid-Cap Stock 2024 voted by investors. The average stock price of CTR in 2024 reached approximately VND 130,000/ share, an increase of 84% compared to the 2023 average price (VND 70,600/share), with a record high of VND 160,200/share on June 21, 2024.

PEOPLE

- Enhancing the quality of human resources: The proportion of IT personnel with industry certifications has reached 80% (66 out of 82 staff); the number of highly qualified personnel with professional/international certifications now totals 682, marking an 18.6% increase compared to 2023.
- The Corporation has implemented an outstanding employee experience program under the vision of "Create A New Life." At VCC, every employee is respected and provided with opportunities for growth, enabling them to create value while achieving both material and spiritual fulfillment. A competency framework and career advancement roadmap have been applied to 100% of job positions, and modern leadership and management training has been delivered to all 100 directors of business centers, heads of administrative departments, and branch directors.

PROCESS

Continuously innovating to flexibly adapt to the evolving demands of the system and each developmental phase of VCC; advancing toward level 5 – the self-evolving stage, with gradual, automated

- The maturity level of TCT's process framework and procedures has reached 4.5 out of 5.
- The process digitisation rate for 2024 has achieved 98%, marking a 7% increase compared to 2023 (Top 1 among corporations); the automation rate for key processes stands at 54% (Top 2 among corporations); approximately 83% (or 140 out of 168) of operations have been structured in accordance with the process framework; and a risk matrix has been incorporated into 100% of the existing processes.

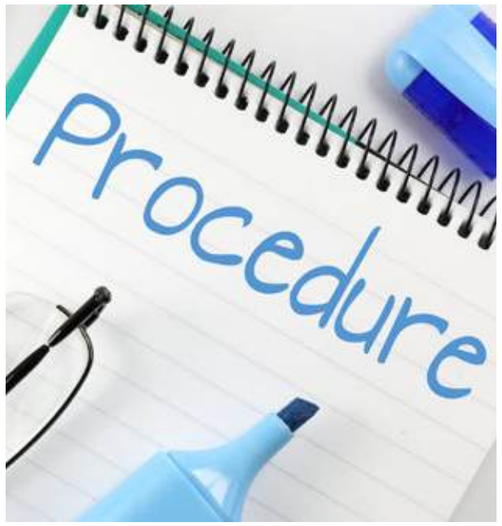

TECHNOLOGY

Significantly enhancing the technological component in business production and operations.

- VCC's Digital Maturity Level has reached 3.92, ranking among the Top 3 corporations, with a growth of 6.8% compared to 2023.
- Completed research on four new technology products (a 5G coverage solution for buildings and factories; an assessment of the utilization and investment efficiency of 50Ah Lithium-ion batteries within the HTCT BTS network; a Methanol fuel cell technology solution; and a wireless power transmission application for SmartHome); conducted trials on two products (a renewable energy conversion system for HTCT BTS stations; and a comprehensive filtration solution for regions with exceptionally hard water); and successfully commercialized one technology product (the AIO water filter core).

MANAGEMENT

- Sustainable development: The corporation adopts an internationally standardized management model that combines market orientation with the overall development strategy of the company. The human resource and corporate governance systems are built in a synchronized manner to ensure efficiency, transparency, and sustainability in all operations.
- Legal compliance: A compliance framework has been established to ensure that all production and business activities fully adhere to current legal regulations. The risk management system is integrated at all levels and operates on a proactive and dynamic basis. Its maturity level has reached 5/5, featuring automated risk alerts and integration with software platforms to optimize decision-making processes.
- Governance accounting: Implemented through a three-tiered accounting model, financial and managerial data are seamlessly connected from the Corporate headquarters to business centers and branch offices. This system ensures data that is transparent, accurate, and timely, thereby supporting effective analysis and decision-making.
- Compensation mechanism: The income policy is designed based on the principle of linking remuneration to business performance and labor productivity, ensuring fairness and transparency. A detailed performance evaluation mechanism is in place for each position, which motivates enhanced productivity and fosters innovation throughout the Corporation.

4.7. CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

YEAR	TITLE	NUMBER AND DATE OF THE DECISION CONFERING THE EMULATION TITLE, ISSUING AUTHORITY	REMARK
2024	2024 Listed Companies Poll	Top 10 Best Corporate Governance Companies in Vietnam	Domestic (New)
2024	CSI Program 2024	Top 100 Sustainable Enterprises Operating in the Trade and Services Sector	Domestic (New)
2024	Vietnam Value Award 2024 – 2026: Designing, Supplying, and Installing VIETTEL's Solar Energy Systems	Decision No.253/2003/QĐ-TTG dated 25 November 2003, by the Secretariat of the National Brand Program – Trade Promotion Department, MoIT	Domestic
2024	Vietnam Digital Transformation Award 2024, IOC System – An End-to-End Business Management Solution for Civil Construction (Intelligent Operation Center)	Vietnam Digital Transformation Award 2024	Domestic
2024	Top 5 Most Reputable and High Caliber Contractors in Vietnam 2024 – Vietnam Construction Awards 2024	Vietnam Construction Awards 2024	Domestic (New 2024)
2024	Ranked first in the Construction/ Architecture category among large enterprises; secured the 76th position in the 2024 Top 100 Best Workplaces in Vietnam for large enterprises.	Vietnam's Best Workplace 2024 – Anphabe	Domestic
2024	Top 500 Value-Creating Enterprises in Vietnam 2024 (Value500) and Top 10 Value-Creating Enterprises in Vietnam 2024	Viet Research	Domestic
2024	"Mid Cap with the Most Investor-Favored IR Activity 2024" and "Mid Cap with the Highest Rated IR Activity by Financial Institutions 2024"	IR Awards 2024	Domestic
2024	Construction Company of the year - Bronze	IBA Awards - Stevie Awards	International
2024	Top 500 Largest Companies in Southeast Asia (Fortune)	Fortune	International (New 2024)
2024	Top 500 Fastest-Growing Enterprises in Vietnam 2024	Vietnam Report	Rose 37 positions (Rank 224/500)
2024	Top 50 Most Outstanding Fast-Growing Enterprises in Vietnam	Vietnam Report	
2024	Champion in Infrastructure Development and Electrical Installation	Dau Tu Newspaper	Domestic (New 2024)
2024	Champion of Top 10 Vietnam Construction Contractors, Infrastructure - Industry	Vietnam Report	

YEAR	TITLE	NUMBER AND DATE OF THE DECISION CONFERING THE EMULATION TITLE, ISSUING AUTHORITY	REMARK
2023	Global CSR & ESG Summit and Awards 2023: Best Corporate Communications & Investors Relations Team	Pinnacle Group	International (New 2023)
2023	Dau Tu Newspaper: Top 50 Innovative and High-Performing Enterprises in Vietnam 2023	Dau Tu Newspaper (in collaboration with Viet Research)	Domestic (New 2023)
2023	Top 500 Leading Employers in Vietnam (Rank 31/500)	Dau Tu Newspaper (in collaboration with Viet Research)	Domestic (New 2023)
2023	Vietnam Smart City Award 2023	The Vietnam Software and IT Services Association (VINASA)	Domestic (New 2023)
2023	Top 3 Mid Cap Investor Relations (IR) Awards 2023	Vietstock	Domestic (New 2023)
2023	Careerbuilder: Ranked 7th among the 100 Most-Liked Employers of 2022	Careerbuilder (A leading firm connecting talent with Vietnam's toptier enterprises)	Domestic (up 4 positions)
2023	Fast500: Top 500 Fastest Growing Enterprises in Vietnam	Vietnam Report	Domestic (224/500)
2023	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng "xuất sắc nhất" Việt Nam	Vietnam Report	Domestic
2023	International Business Awards 2023 Company of the Year - Materials & Construction - Large	Stevie Awards	International
2023	Top 50 Best Listed Companies 2023	Forbes Vietnam	Domestic
2023	TOP Industry 4.0 Enterprises in 2023	Vietnam Union of Science and Technology Associations (collaborating with Vietnam Automation Association and Institute of Innovation and Digital Transformation)	Domestic
2023	IT World Awards 2023 • Customer Service Innovation of the Year • Enterprise IT Solutions	Globee	International (Double the winning categories)
2023	Vietnam Digital Transformation Award	Vietnam Digital Communications Association (VDCA), sponsored by the MoIC	Domestic
2023	Proffit500: Top 500 Most Profitable Enterprises in Vietnam 2023	Vietnam Report	Domestic (206/500, up 28 positions)

YEAR	TITLE	NUMBER AND DATE OF THE DECISION CONFERING THE EMULATION TITLE, ISSUING AUTHORITY	REMARK
2023	Top 50 Vietnam Best Profitable Enterprises 2023 (Vietnam Best Profitable)	Vietnam Report	Domestic
2023	Top 100 Best Places to Work in Vietnam (Anphabe) • 1st Place – Best Places to Work in Vietnam, Construction/Architecture Sector of Large Enterprises • 72nd in Top 100 Best Places to Work in Vietnam	Anphabe	
2022	Globee: Customer Service Team of the Year (VCC Services)	Globee	International
2022	Vietnam Value: National product and service brand (Design, supply, and installation of solar energy systems)	Vietnam Value	Domestic
2022	Digital Transformation Award: Best Ecosystem Digital Transformation Firm	Vietnam Digital Communications Association	Domestic
2022	Strong Brand Award: Top 10 Strong Brands - Construction and building materials industry	Vietnam Economic Magazine (vneconomy)	Domestic
2022	Forbes: Top 50 Best Listed Companies in Vietnam	Forbes Việt Nam	Domestic
2022	Top Industry 4.0: Enterprises owning smart digital products 4.0	Vietnam Union of Science and Technology Associations (collaborating with Vietnam Automation Association and Institute of Innovation and Digital Transformation)	Domestic
2022	Sao Khue Award: Enterprise with outstanding digital products in Vietnam's software and information technology	The Vietnam Software and IT Services Association (VINASA)	Domestic
2022	Top 50 Vietnam Best Profitable: Top 50 Enterprises with Excellent Profit in Vietnam	Vietnam Report	Domestic
2022	PROFIT500: Top 500 Most Profitable Enterprises in Vietnam - Rank 234/500	Vietnam Report	Domestic (2021 Rank: 236)
2022	Top 50 Vietnam Best Growth: Top 50 Best Growth Enterprises in Vietnam	Vietnam Report	Domestic
2022	FAST500: Top 500 Fastest Growing Enterprises in Vietnam - Rank 153/500	Vietnam Report	Domestic (Last year rank: 65)
2022	Viettel Construction is rated by Anphabe as the best workplace in Vietnam in 2022: ranked 3rd in the construction/ architecture industry, ranked 64th in the top 100 best workplaces in Vietnam	Anphabe	Domestic

YEAR	TITLE	NUMBER AND DATE OF THE DECISION CONFERING THE EMULATION TITLE, ISSUING AUTHORITY	REMARK
2022	Careerbuilder: Top 100 Most Popular Employers (announced February 2022, 11/100)	Careerbuilder (A company connecting human resources with Vietnam's leading enterprises)	Domestic
2021	IT World Awards: Gold Winner in the category of "Integrated Revenue and Customer Management" in 2021	Globee	International
2021	Top 500 Largest Enterprises in Vietnam (ranked 192/500)	Vietnam Report	Domestic
2021	Top 500 Fastest Growing Enterprises in Vietnam (ranked 65/500)	Vietnam Report	Domestic
2021	Top 500 Most Profitable Enterprises (ranked 236/500)	Vietnam Report	Domestic
2021	Top 50 Most Profitable Enterprises in Vietnam (ranked 50/50)	Vietnam Report	Domestic
2020	Top 500 Largest Enterprises in Vietnam (ranked 243/500)	Vietnam Report	Domestic
2020	Top 500 Fastest Growing Enterprises in Vietnam (ranked 103/500)	Vietnam Report	Domestic
2020	Top 500 Most Profitable Enterprises (ranked 344/500)	Vietnam Report	Domestic
2020	International Business Awards Gold Award, Construction Company of the Year 2020	Stevie Awards	International
2020	People's Choice Stevie Awards (2020) Most Favorite Company	Stevie Awards	International

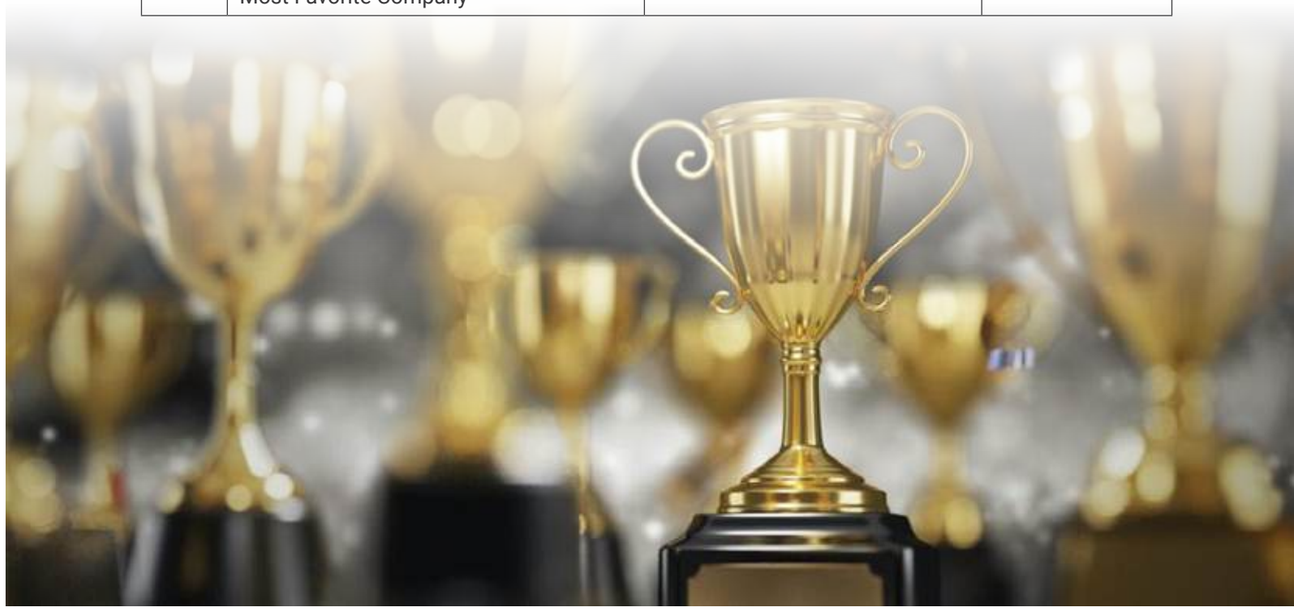

PART II

SUSTAINABLE DEVELOPMENT STRATEGY AND GOVERNANCE

1. SUSTAINABLE DEVELOPMENT STRATEGY

From a traditional construction company, VCC has transformed into a corporation delivering services based on engineering and technological platforms. With a workforce of nearly 11,000 employees, VCC carries the mission of "Create A New Life," partnering with both domestic and international enterprises to create sustainable value. The company continues to build on its achievements, placing the highest priority on absolute safety in all business and production activities.

Looking ahead to 2025, VCC targets a revenue of VND 15,000 billion, aiming to reach USD 1 billion by 2030. By 2025, each of its business centers is expected to generate a minimum revenue of VND 1,500 billion. The corporation is oriented toward a green development model - green networks, green buildings, and green energy - striking a balance between economic growth and environmental protection. All development goals are aligned with the United Nations' 17 Sustainable Development Goals (SDGs), reflecting a strong commitment to contributing to the common prosperity of society and the broader community.

DEVELOPMENT GOALS ARE ALIGNED WITH THE UNITED NATIONS' 17 SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS (SDGS)

1 NO POVERTY

- Stable employment for 10,500 people
- VND 1.408 billion for frontline union members during the summer heat
- VND 8 billion to the "Solidarity Housing" program (Since 2020), for 89 union members
- VND 500 million for families under social policy and those who contributed to the revolution (~625 beneficiaries)
- VND 2.5 billion to the "Fund for the Poor"
- VND 3 billion to the "Gratitude Fund"
- VND 1 billion for building schools for children in mountainous areas

2 ZERO HUNGER

- VND 5.1 billion provided in visits and financial support for 1,560 individuals affected by accidents, natural disasters, or fires
- VND 42.3 billion spent on Tet gifts and holiday visits for 11,563 employees
- VND 250 million contributed to the "Union Shelter and Comradeship Fund"
- VND 100 million donated to the "Children's Protection Fund"

3 GOOD HEALTH AND WELL-BEING

- Annual health check-ups provided for approximately 11,000 workers
- VND 1 billion in financial aid for employees facing severe illnesses
- VND 560 million donated to the "Children's
- Protection Fund"; VND 9 billion contributed to the "Gratitude Fund"

4 QUALITY EDUCATION

- 5,133 training courses ~ 739,645 training hours for employees

5 GENDER EQUALITY

- No discrimination
- 5.1% female workers in 2024 ~ 541, decreased 2.3% compared to 2023

6 CLEAN WATER AND SANITATION

- Applying ISO 14001:2015 - Environmental Management System
- 100% of water used meets standards

7 AFFORDABLE AND CLEAN ENERGY

- Produce and supply 16.8 Mwb of solar energy to the national grid
- Maintain and operate 182 MWB of solar energy for investment funds

8 DECENT WORK AND ECONOMIC GROWTH

- Created high-income jobs for 10,500 workers
- Contributed VND 665.6 billion to the state budget; revenue grew by 10%
- Ranked among the Top 10 Best Corporate Governance Enterprises in the 2024 Listed Companies Voting
- Named in the Top 100 Sustainable Enterprises in the Trade and Services sector – CSI Program 2024
- National Brand Award 2024–2026 for the design, supply, and installation of VIETTEL's solar power systems
- Ranked No. 1 in the Construction/Architecture sector among large enterprises; ranked 76th in the Top 100 Best Places to Work in Vietnam 2024 (Anphabe – large enterprise category)

9 INDUSTRY, INNOVATION AND INFRASTRUCTURE

- Owns 10,000 BTS stations; 2.45 million m² of DAS coverage; 2,716 km of aerial transmission lines; 24.4 km of underground cabling; and 16.87 MWp of solar energy capacity.

10 REDUCED INEQUALITIES

- No complaints of inequality
- No complaints of discrimination
- No forced labor, no child labor

11 SUSTAINABLE CITIES AND COMMUNITIES

- No complaints from surrounding community about environment

12 RESPONSIBLE CONSUMPTION AND PRODUCTION

- ISO system currently applied:
  - ISO 9001:2015 - Quality management system
  - ISO 14001:2015 - Environmental management system
  - ISO 20000-1:2018 - Service management system
  - ISO 22301:2019 - Business continuity management system
  - ISO27001:2013 - Information security management system
  - ISO45001:2018 - Occupational health and safety management system
- Information transparency to stakeholders

13 CLIMATE ACTION

- Utilization of green energy (solar power) in driving economic development
- Green initiatives in action: over 60,000 electronic documents processed, 8,350 e-contracts signed
- Adoption of ISO 14001:2015 – Environmental Management System in the Corporation's business and production activities

14 LIFE BELOW WATER

- Discharge activities comply with the requirements of state agencies

15 TERRESTRIAL LIFE

- No hunting of wild animals
- Environmentally-friendly poduct business: Solar lamp revenue 100 billion VND

16 PEACE, JUSTICE AND EFFECTIVE INSTITUTIONS

- Contribute 74 legal documents, decrees, circulars
- Support and accompany the Government towards

17 PARTNERSHIPS FOR THE GOALS

- Contribute capital to 02 companies GIS (Cambodia) and VCM (Myanma)
- Be a member of VIETTEL GROUP

2. SUSTAINABLE DEVELOPMENT MANAGEMENT

With a consistent approach that harmonizes economic development with corporate social responsibility, VCC has built a governance system aligned with international best practices, integrating sustainability into all aspects of its business operations. Management frameworks, policies, and procedures across key sustainable development areas are being progressively developed and implemented, enabling management at all levels to evaluate performance and drive continuous improvement.

Sustainable development governance structure at VCC:

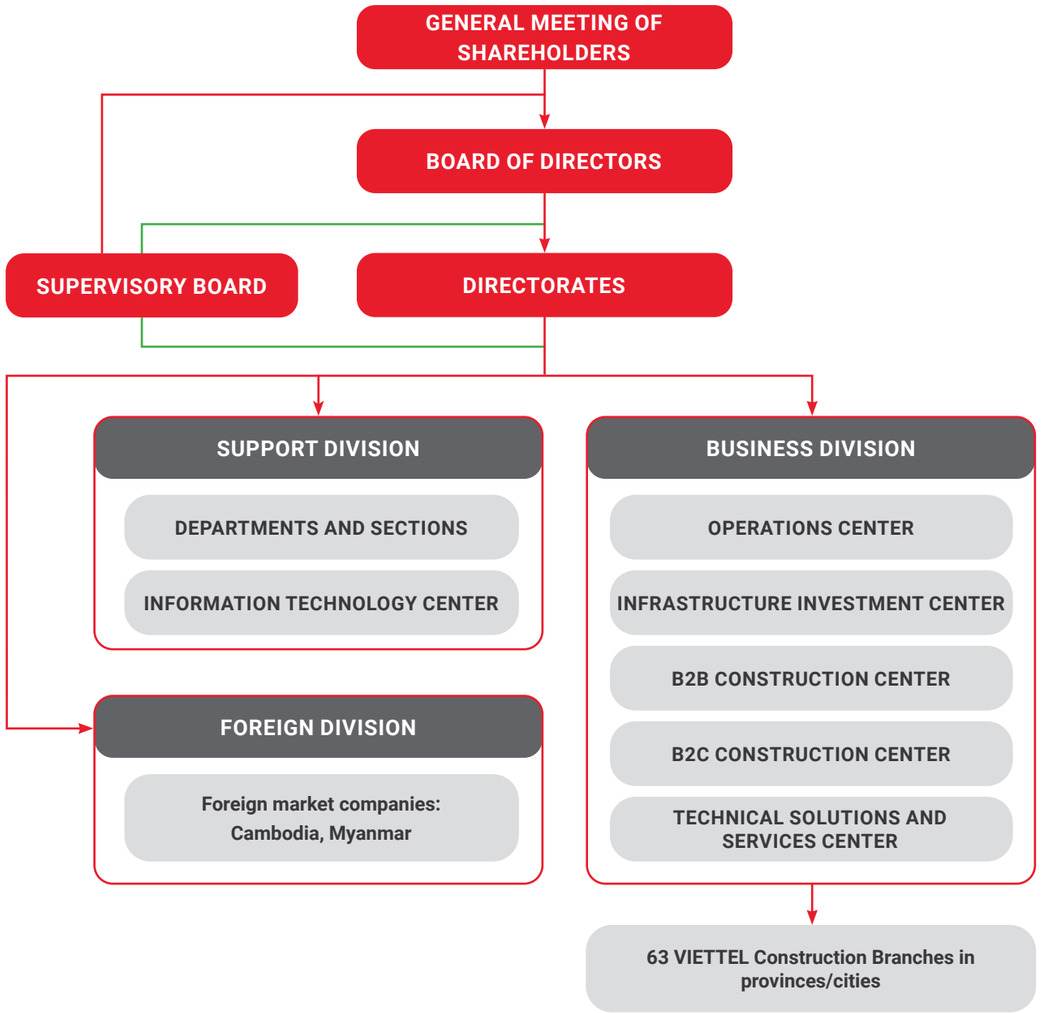

3. RISK MANAGEMENT

In 2024, latent risks stemming from the global economic environment remained present and continued to exert negative impacts on Vietnam's economic recovery outlook. The Corporation (VCC) implemented timely responses with the objective of maintaining safe business operations and ensuring sustainable development.

To achieve this, the Risk Management System (RMS) has been further refined, enabling the Corporation to identify, estimate, assess, control, and mitigate risks that may affect its business activities. In 2024, the RMS reached Maturity Level 4.

3.1. RISK MANAGEMENT STRUCTURE AT VCC

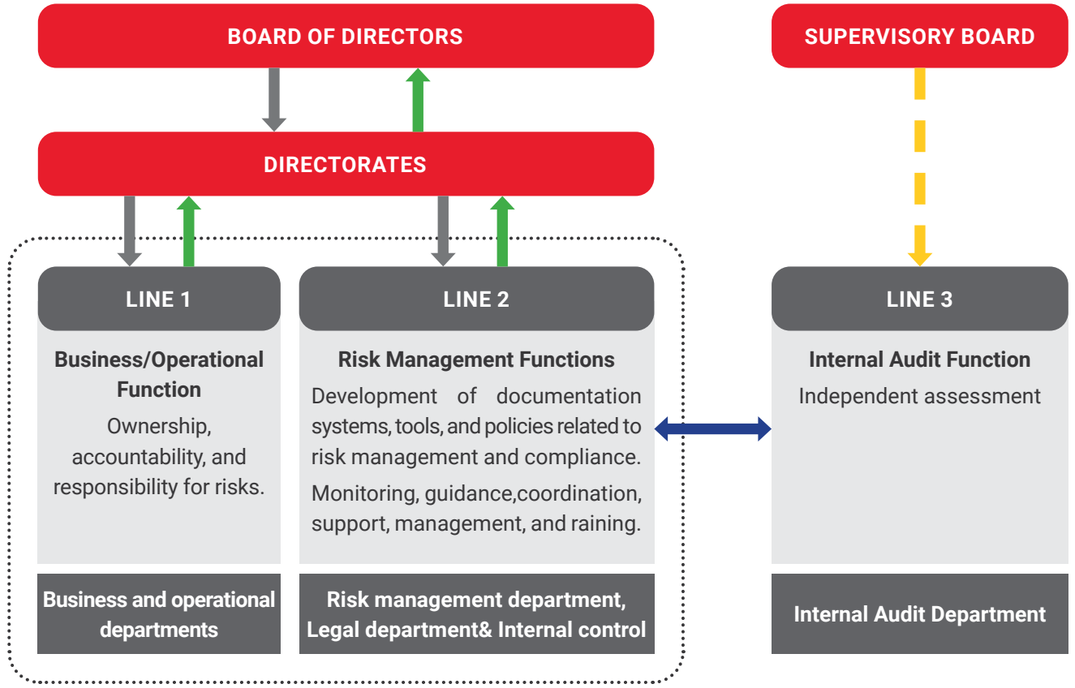

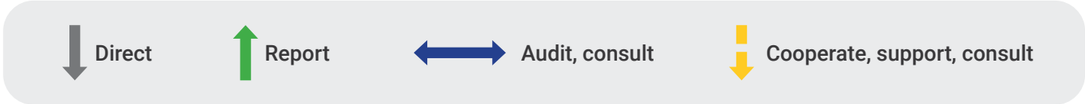

The risk management system at VCC is structured according to the Three Lines Model, ensuring a proactive and effective approach to risk control. Specifically:

- **Line 1:** The risk owners are VCC's affiliated units, including business, operations, and business support departments. These are the frontline units that directly face risks arising from production and business activities and are responsible for managing risks within their respective functional scopes. Their role is to identify, assess, and control risks by integrating risk mitigation measures directly into operational processes, thereby ensuring safe and efficient business operations.
- **Line 2:** This line supports and oversees risk management. It is responsible for developing documentation, policies, and tools related to risk management, while also providing guidance and coordinating with the first line in risk control efforts. Additionally, the second line performs oversight and challenge functions to ensure timely risk identification and control. At VCC, the Risk Management Department plays the central role in executing these responsibilities.
- **Line 3:** Internal Audit performs an independent assessment of the effectiveness of governance, risk management, and internal control systems. The Internal Audit Department, reporting directly to the BOD, is tasked with monitoring compliance, evaluating the efficiency of risk control measures, and proposing improvement initiatives to enhance the Corporation's overall risk management capability.

The implementation of the Three Lines Model at VCC strengthens proactive risk governance, enhances oversight and control capabilities at all organizational levels, and ensures operational safety - ultimately contributing to the Corporation's sustainable development goals.

3.2. RISK MANAGEMENT POLICY

The Risk Management Policy at VCC sets out the fundamental principles governing risk management across the Corporation. It serves as the legal foundation for the General Director and all affiliated units to implement risk management practices consistently, in alignment with the Corporation's mission, vision, core values, and strategic objectives.

The Risk Management Policy is reviewed and updated on an annual basis, or on an ad-hoc basis in response to changes in the business environment, legal and regulatory frameworks, corporate strategy, or other factors that may impact VCC's operations.

3.3. RISK REPORT

The Risk Management Report is prepared on a monthly basis to consolidate, monitor, and assess the state of risk governance across all units within the Corporation. This report documents loss events, analyzes existing key risks, and identifies newly emerging risks throughout VCC. Based on these insights, appropriate response measures are proposed, along with the development of plans and strategies for effective risk control in the upcoming period. The Risk Management Report not only strengthens the Corporation's overall risk management capability but also contributes to ensuring that business operations are conducted safely, sustainably, and in alignment with VCC's strategic goals and objectives.

3.4. KEY RISKS

A. KEY RISKS

Financial risk is one of the key challenges faced by the Corporation, particularly in managing and recovering accounts receivable. This risk primarily arises from investors experiencing cash flow imbalances or facing difficulties in accessing credit sources. To mitigate this risk, VCC proactively implements a financial capability assessment process for clients prior to contract signing, carefully reviews payment terms, includes penalty interest clauses for late payments, requires bank guarantees, and applies reasonable advance payment mechanisms. Responsibility for debt collection is assigned directly to individuals within each unit, supported by software systems that enable automated monitoring and analysis of outstanding debts, there by enhancing the efficiency of financial management.

B. COMPLIANCE RISK

Compliance risk refers to operational risks arising from factors related to personnel, processes, and systems, which may result in financial loss and negatively impact the quality of the Corporation's products and services. Such risks can lead to customer dissatisfaction and damage VCC's brand reputation. To manage compliance risk, VCC has established a comprehensive compliance framework that is continuously updated in accordance with changes in legal regulations and modern governance requirements. The Corporation also places strong emphasis on training personnel in legal matters and internal procedures, while conducting both scheduled and unscheduled inspections to promptly detect and address any violations.

C. REPUTATIONAL RISK

Reputational risk may arise from negative feedback from customers, the media, or information circulated via communication channels and social media, directly affecting VCC's image and credibility in the market. To proactively manage this risk, VCC has upgraded its customer service system, shifting from a reactive to a proactive model through the application of information technology and artificial intelligence (AI). This system enables automated measurement and analysis of customer data, prediction of behavioral trends, and rapid response to feedback - ultimately enhancing the overall customer experience. In parallel, VCC actively engages in communication efforts, organizes seminars, and provides timely information disclosures to customers, partners, shareholders, and regulatory bodies, thereby reinforcing trust in the Corporation's brand.

D. HUMAN RESOURCE RISK

Human resource risk presents a significant challenge for enterprises operating in large-scale construction and infrastructure sectors nationwide. Recruiting and retaining a highly qualified and experienced workforce is a critical factor inmensuring the Corporation's sustainable development. To mitigate the risk of human resource shortages, VCC has launched the "Excellent Employee Experience" initiative, focusing on cultivating a professional work environment and fostering motivation and growth among staff. The Corporation regularly organizes advanced training programs to enhance employee competencies and has developed a succession planning roadmap that provides young talent with opportunities to grow and take on key management roles in the future.

E. PROJECT IMPLEMENTATION SCHEDULE RISK

Project implementation schedule risk is a critical factor impacting VCC's business planning and performance, particularly in infrastructure investment projects such as BTS telecom stations, solar power systems, and construction works for both B2C and B2B segments. Issues related to site clearance, bidding procedures, construction organization, and project acceptance may arise and cause delays.

Fully aware of these potential risks, the Corporation has standardized all implementation processes and integrated digital technology into schedule and quality control activities. In addition, VCC maintains a rigorous screening, evaluation, and planning process for consulting, construction, and equipment supply partners, applying strict assessment criteria to ensure the selection of reputable and capable contractors who can meet project timeline and quality requirements.

3.5. RISK MANAGEMENT IN 2024

A. HUMAN RESOURCES

Risk management culture is one of the six core cultural pillars of the Corporation. VCC has clearly defined the roles and responsibilities of each department and individual in risk control. The leadership team plays a pioneering role in building and sustaining this culture. Risk management is embedded in the Corporation's business strategy reports, corporate policies, and monthly, quarterly, and annual executive meetings. Departments are required to submit regular risk reports as well as ad-hoc reports in the event of unusual incidents. On a quarterly basis, business centers integrate risk management training into their operational training programs for frontline production and business personnel, ensuring that risk management becomes a daily responsibility and a self-aware practice for all employees - ultimately forming part of the Corporation's behavioral culture. The Corporation has also established reporting channels to encourage staff to report risks, developed risk response scenarios, and organized practical simulation drills. In 2024, the Risk Management Community held 65 workshops across three organizational levels, enabling employees to propose risk control solutions and rewarding risk management initiatives that were successfully implemented in practice.

B. PROCESS

Risk management was fully integrated into all business and production activities - from strategic planning, business planning, and commercial proposals to investment projects and key organizational changes, e.g. restructuring organizational and business models or developing and improving operational processes. VCC extended its Risk Management Culture to 202 partners at 63 project branches and business centers. 82 corporate risk profiles were regularly reviewed and updated following changes in business, legal, technological, and market environments. Risk management maturity assessments were conducted monthly for 81 units, based on the COSO-standard Risk Management Framework. The effectiveness of risk management is directly linked to the VCC's compensation and reward mechanisms.

C. INSTRUMENTS

In 2024, the Corporation applied AI and Machine Learning tools to enhance the effectiveness of risk management analysis. Business Intelligence (BI) reports were developed to visualize and analyze trends, providing risk alerts tailored to specific business areas across 63 project branches. Additionally, VCC built a risk library for each business domain, developed early warning tool features, and launched a searchable database of common errors on the Vsmart platform to support employees in their day-to-day work.

D. GOVERNANCE

Risk-Based Internal Control Activities: Internal control was conducted with a risk-oriented approach, focusing on 34 thematic inspections targeting highrisk areas closely aligned with the Corporation's business and production activities. These included strategic service and product projects, customer data governance, asset and inventory management, contract cash flow control, and receivables management. The process enabled the identification of issues and the implementation of corrective actions.

The reward mechanism tied to risk management responsibilities has significantly enhanced each employee's sense of accountability in task execution, reinforcing discipline, order, and operational efficiency across the Corporation. A total of 99 employees were recognized for their risk management initiatives and for playing an active role in promoting a strong risk management culture.

4. LEGAL COMPLIANCE

Legal compliance is the foundation for sustainable business development. Throughout its operations and the execution of business activities, VCC consistently ensures adherence to all applicable regulations. At the same time, the Corporation has carried out information disclosure procedures in a transparent and public manner, in full accordance with legal requirements for publicly listed companies.

HUMAN RESOURCES

VCC has enhanced the quality of its recruitment process and professionalized personnel in charge of legal affairs. The Corporation continues to improve the expertise of its legal team through internal training programs and specialized seminars. These efforts ensure greater effectiveness in providing legal consultation and resolving legal issues related to ongoing projects and business operations across the Corporation.

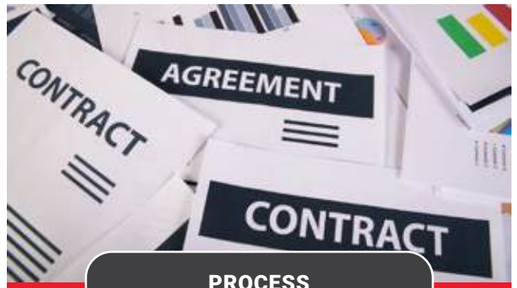

PROCESS

VCC has implemented the development of a legal compliance framework to identify applicable regulatory requirements, thereby enabling timely detection of risks and the execution of appropriate preventive and responsive measures. VCC actively monitors changes and updates in legal regulations, conducts reviews of internal documents and governance policies, and designs suitable procedures to reinforce compliance across the organization. VCC has also contributed feedback on the drafting of key legislative documents closely related to its business operations, including 9 out of 9 legal documents in 2024, covering areas such as Enterprise Law, Telecommunications, Cybersecurity, Data Governance, State Capital Management and Investment in Enterprises, and Construction.

INSTRUMENTS

Legal compliance at VCC is further demonstrated through its digital transformation efforts, including the development of tools and software to enhance management efficiency. These initiatives serve as a foundation for ensuring seamless operations and smooth execution across the Corporation.

GOVERNANCE

Periodic post-audits of legal affairs are conducted to assess effectiveness and identify areas requiring corrective action within each unit.

5. ETHICS AND INTEGRITY

The Corporation's Code of Conduct, once put into practical application, serves as a foundation for maximizing individual potential, enhancing work efficiency, and fostering a professional work ethic, along with respectful and exemplary behavior aligned with corporate culture.

VCC aspires for the Code of Conduct to be more than just a set of rules—it is envisioned as a guiding compass for every employee, to be genuinely understood and naturally integrated into daily work and interpersonal interactions. Adherence to these ethical standards not only strengthens internal solidarity but also contributes to building a professional image and enhancing VCC's reputation in the eyes of clients, partners, and the broader community.

6. ENGAGING STAKEHOLDERS

Cross-business collaboration with VCC's existing partners; partnerships with trade unions and banks to expand sales channels and foster mutually beneficial cooperation aimed at boosting employment and business growth.

Collaboration with credit institutions such as VP Bank and OnePay to implement installment payment programs for the Corporation's products and services, helping to ease the financial burden on customers at the time of purchase.

7. KEY TOPICS LINKED TO THE 17 SDGS

Viettel Construction Joint Stock Corporation evaluates the key topics and areas that affect the business results and development of the Corporation. Sustainable development issues in the Corporation's value chain that are industry-specific and international practices on sustainable management are also reviewed and analyzed in the priority review step. Accordingly, the Corporation reaffirms its sustainable development strategy, contributing to promoting and creating a strong community and a fair society.

VCC's sustainable development report identifies that, in addition to the 7 criteria according to the GRI 100 standardfor standard information disclosure, the Corporation identifies key contents according to the GRI200,300,400 standards according to 17 criteria.

GRI 100: Standard Disclosures

1. Strategy and Analysis
2. Organizational Profile
3. Reporting Metrics
4. Governance
5. Commitment to External Initiatives
6. Stakeholder Engagement
7. Management Approaches

GRI 200: Economic Performance Index

1. Economic Performance Aspects
2. Market Presence
3. Indirect Economic Impact
4. Purchasing Practices

GRI 300: Environmental Index

1. Energy
2. Environmental Compliance

GRI 400: Social Index

1. Employment
2. Employee-Manager Relations
3. Occupational Health and Safety
4. Education and Training
5. Diversity and Equal Opportunity
6. Child Labor
7. Public Policy
8. Customer Health and Safety
9. Marketing and Branding
10. Customer Privacy
11. Socio-Economic Compliance

PART III

ARCHIEVEMENTS IN KEY AREAS

1. ECONOMIC ARCHIEVEMENTS

1.1. DIRECT VALUE CREATED: REVENUE, COSTS, INVESTMENT

Unit: VND billion

FINANCIAL INDICATORS	2021	2022	2023	2024
1. Total revenue	7.461	9.495	11.470	12.663
▶ Sales and service provision revenue	7.447	9.467	11.370	12.610
▶ Financial revenue and others	14	28	100	53
2. Total cost	6.990	8.925	10.815	11.991
3. Profit before tax	472	570	656	672
4. Value of investment in purchase and construction of fixed assets and others	395	407	483	801

1.2. DIRECT VALUE CREATED: REVENUE, EXPENSES, INVESTMENT

Due to its narrow and elongated topography, Vietnam is among the countries most severely affected by climate change. Climate change has led to widespread heatwaves that occur more frequently and with greater intensity nationwide. In addition, storms, tropical depressions, flash floods, and inundations have become increasingly frequent and complex, particularly in the northern and central regions. The impacts of climate change result in various risks, such as large-scale power outages due to insufficient supply, disruptions in supply chains for goods and raw materials caused by severed transportation systems, among others.

In response to these impacts, the Corporation has implemented measures to safeguard its network, ensure the safety of personnel and assets, and strengthen disaster prevention efforts. Besides organizing training programs on fire prevention and disaster response for its staff, the Corporation has also prepared mobile generators to promptly and effectively respond to potential widespread, prolonged, and unanticipated power outages.

Operating in various sectors - civil construction, telecommunications infrastructure investment, solar power system development, household appliance supply, and telecommunications infrastructure operation services - the Corporation acknowledges the risks and has adopted the following measures to cope with climate change:

Rick	Countermeasures
Environmental impacts such as droughts, floods, and widespread power outages directly affect the supply of electricity for production and business operations, thereby influencing the delivery of products and services provided by VCC.	▶ Prepare generators to respond to large-scale power outages. ▶ Conduct annual drills to practice response to widespread power outages and occupational accidents. ▶ Provide fire prevention training to handle incidents of generators. ▶ Regularly inspect and monitor safety procedures and regulations.
Flash floods, landslides, and widespread… inundations disrupt supply chains of goods, raw materials, and human resources.	▶ Proactively manage warehouses and conduct regular inventory checks to ensure timely procurement. ▶ Prioritize sourcing from local and domestic suppliers. ▶ Ensure each type of goods has at least three different suppliers. ▶ Always have contingency plans for staffing, including personnel reinforcement and deployment from other units within VCC.
The costs of raw materials and other input expenses have risen significantly due to climate change, which has led to supply shortages.	▶ Consistently expands its supplier network to secure more competitive pricing. ▶ Organize procurement activities through bidding processes to optimize purchasing costs.

Recognizing the risks posed by climate change, the Corporation has also identified potential business development opportunities, such as:

- Implementing nature-based solutions and capitalizing on the high solar radiation levels in the central and southern regions to design and invest in solar energy projects to reduce dependence on thermal and hydropower, contributing to environmental protection and carbon emission reduction.
- Researching and expanding partnerships to invest in environmentally friendly wind power projects.
- Developing and strengthening OEM supply sources by proactively placing production orders with selected suppliers.

1.3. SUPPORT PROVIDED BY THE GOVERNMENT (TAXES, SUBSIDIES, INSURANCE)

- Support for VAT reduction during the last six months of 2022 and the last six months of 2023, lowering the rate from 10% to 8%.
- In 2021, the outbreak of the COVID-19 pandemic had a profoundly negative impact on all aspects of social life, particularly the economy. It led to rising unemployment and the dissolution of numerous businesses. Despite these challenges, VCC maintained income and benefits for its employees, with no salary cuts or reductions in working hours. The company continued to encourage and motivate its workforce, ensuring both the economic and mental well-being of its staff during this extremely difficult and challenging time of Covid-19.
- In response to the challenges caused by the COVID-19 pandemic, the Government issued Resolution No.116/NQ-CP dated September 24, 2021, and Resolution No.68/NQ-CP dated July 1, 2021, to support employees and employers affected through the Unemployment Insurance Fund and the Occupational Accident and Disease Fund.
- Financial support was provided to employees affected by COVID-19 from the surplus of the Unemployment Insurance Fund: 9,720 VCC employees received assistance totaling approximately 23 billion VND.
- Reduction of unemployment insurance contributions for employers affected by the COVID-19 pandemic: VCC was exempted from contributing to the Unemployment Insurance Fund for 12 months, from October 1, 2021, to September 30, 2022, with a total exemption amount of 7,365,857,809 VND.
- Reduction of contributions to the Occupational Accident and Disease Insurance Fund for employers affected by the COVID-19 pandemic: VCC was exempted from paying into this fund for 12 months, from July 1, 2021, to June 30, 2022, with a total exemption amount of 3,573,899,298 VND.
- On March 28, 2022, the Government issued Decision No.08/2022/QĐ-TTg to provide rental support for employees: 226 VCC employees received a total of 238,000,000 VND in housing support.
- The Government issued Decree No.94/2023/NĐ-CP on December 28, 2023, and Decree No.72/2024/NĐ- CP on June 30, 2024, to support a 20% reduction in VAT throughout 2024.

2. MARKET PRESENCE

2.1. GENDER-BASED STARTING SALARY COMPARED TO REGIONAL MINIMUM SALARY

Human resources are one of the most critical factors determining a company's success and sustainable development. At Viettel Construction, in order to encourage employees to dedicate themselves wholeheartedly and fully realize their capabilities, creativity, and enthusiasm, the Corporation places great emphasis on compensation and benefit policies for every staff member. As a result, employees consistently feel recognized and valued, contributing to a more fulfilling and happier life for each individual and their families:

- The starting salary offered to newly recruited employees at Viettel Construction - regardless of gender and across all regions - is always higher than the regional minimum wage as stipulated by the government.
- Every year, based on each employee's actual work performance, Viettel Construction conducts annual salary reviews to motivate staff, foster long-term commitment, enhance labor productivity, and contribute to the successful fulfillment of the Corporation's business and production goals.
- Whenever the government adjusts the regional minimum wage, Viettel Construction ensures full compliance by promptly updating base salaries and related bonuses to improve employee income.
- The average income of employees at Viettel Construction has shown consistent annual growth. Specifically, the average monthly income in 2023 is projected to reach VND 26.1 million per person, representing an increase of 0.6% compared to 2022 (VND 25.9 million/person/ month) and an increase of 1.4% compared to 2021 (VND 25.7 million/ person/month). Accordingly, the projected average income of newly recruited employees in 2023 is VND 22.1 million/person/ month - 4.7 times higher than the current regional minimum wage for Zone 1 (VND 4,680,000).

2.2. BOARD MEMBERS RECRUITED LOCALLY

- In 2024, amid a constantly shifting labor market and a slowly recovering global economy, the labor market continues to grow at a moderate pace over an extended period, with the unemployment rate remaining largely unchanged. This presents numerous challenges but also creates opportunities for businesses.
- On average, 18.4 thousand enterprises withdrew from the labor market each month during the first half of the year—this has been a primary cause of the rising unemployment rate in this quarter. Labor supply quality remains inadequate and inconsistent, failing to meet the demands of a modern, flexible, sustainable, and integrated labor market. Notably, over 70% of the workforce has yet to undergo formal vocational training, which reflects a severe shortage of high-quality labor - one of the greatest challenges facing Vietnamese enterprises.
- Viettel Construction views high-quality human resources as a strategic pillar to achieving its long-term goals. With the motto "Quality human resources are the foundation for sustainable development, "the Corporation continues to focus on recruiting a highly skilled workforce and management team - professionals with strong expertise, advanced skills, global technological proficiency, and a growthoriented mindset. This approach aims to enhance productivity and service quality, giving the company a competitive edge in both bidding and external business operations.
- During the 2023–2024 period, VCC has launched numerous community development initiatives, focusing on human resource capacity-building and cooperation with local communities nationwide:
  - Signing recruitment partnership agreements with universities across the country and organizing job fairs at employment service centers;
  - Assigning staff to conduct job interviews and career counseling sessions for final-year students at institutions such as East Asia University of Technology and Cam Ranh Vocational School of Tourism and Technology.
- The recruitment rate in 2024 stands at 1,046 new hires - accounting for 9.8% of the workforce, with 4.9% comprising management and key personnel. Approximately 89% of new recruits are under 35 years old, contributing to a dynamic, high-potential talent pool for departments, centers, and technical units (e.g., team leaders, department heads/deputies, regional/county directors and deputy directors). This ensures sufficient human resources to support the Corporation's future expansion into new business.

3. INDIRECT ECONOMIC IMPACTS

3.1. INVESTMENT IN INFRASTRUCTURE AND SUPPORTED SERVICES

A. LEVEL OF DEVELOPMENT OF SIGNIFICANT INFRASTRUCTURE INVESTMENT PROJECTS AND SUPPORTED SERVICES

- Information on the quantity and scale of passive telecommunications infrastructure invested by VCC as of November 2024:
  - BTS: 10.000 stations
  - Transmission: Aerial cable: 1,838 routes ~ 2.651 km; Underground cable: 7 routes ~ 64,5 km
  - DAS: 27 buildings ~ 2.774 million m2
  - Fixed broadband: 3,468 apartments
- Information on the quantity and scale of renewable energy infrastructure invested and operated by VCC in 2022, 2023, and 2024:
  - 46 solar power systems selling electricity to the national grid, with a total capacity of 16.634 MWp
  - 6 rooftop solar power systems installed on Viettel buildings and selling electricity to the national.

B. CURRENT OR ANTICIPATED IMPACTS ON LOCAL COMMUNITIES AND THE ECONOMY, INCLUDING BOTH POSITIVE AND NEGATIVE IMPACTS DEPENDING ON SPECIFIC CONTEXTS

- Increased demand for the application and development of IT among individuals and businesses.
- Ensured high-quality network coverage for all residential areas, including underserved rural and mountainous regions, by providing internet access and television services. This enables households in remote and rural areas to access internet services, thereby boosting demand for telecommunications products and services and contributing to the improvement of overall educational levels.
- Promotion of the digital economy and digital society (e.g., online shopping, electronic transactions, the formation of digital communities).
- Encouragement of clean energy consumption to meet production needs through increased demand for electricity sourced from renewable energy.

3.2. KEY INDIRECT ECONOMIC IMPACTS

Ensuring seamless telecommunications network quality for customers: all KPIs related to network operation and maintenance consistently meet or exceed the SLAs set by investors, with a positive year-on-year trend. Infrastructure maintenance and upkeep tasks at base stations are carried out rigorously and on schedule. The company successfully fulfilled emergency response duties before, during, and after Super Typhoon Yagi by promptly mobilizing personnel, equipment, and advance funding to restore services as quickly as possible.

VCC has directly invested in and acted as the contractor for the deployment of approximately 199 MWp of solar power capacity, serving 1,664 corporate clients and over 9,500 individual customers - contributing significantly to environmental emission reductions. In telecommunications infrastructure leasing, as of the end of 2024, a cumulative total of 336 stations are leased by two or more mobile network operators - an approach that helps optimize investment resources across the broader economy.

4. PURCHASING PRACTICES

With a nationwide operational model spanning all 63 provinces and cities, VCC has established dedicated procurement teams in each locality to meet the demand for goods serving production and business activities. These teams possess specialized skills in procurement and contractor selection. This is evidenced by the thousands of contracts signed with a wide range of local partners. Local procurement accounts for up to 50% of VCC's total purchasing value, a figure that is also reflected in the Corporation's overall revenue.

5. ENERGY

Due to the distinctive nature of VIETTEL CONSTRUCTION - with infrastructure spanning all 63 provinces and cities across Vietnam and extending overseas, and a workforce of nearly 11,000 employees - we consistently ensure the most efficient and effective use of energy resources.

5.1. ENERGY CONSUMPTION WITHIN THE ORGANIZATION

In addition to internal communication campaigns promoting energy conservation and efficient energy use in office operations, we have made substantial investments in solar energy infrastructure, significantly reducing the organization's electricity consumption. According to calculations covering the first 10 months of 2024, the total electricity consumption for the year is estimated at 2,991 MWh, while the total electricity output generated by our solar energy systems reaches approximately 20,094 MWh. As a result, the organization has achieved substantial energy savings, as illustrated in detail by the following chart:

Total energy consumption in VCC in 2024

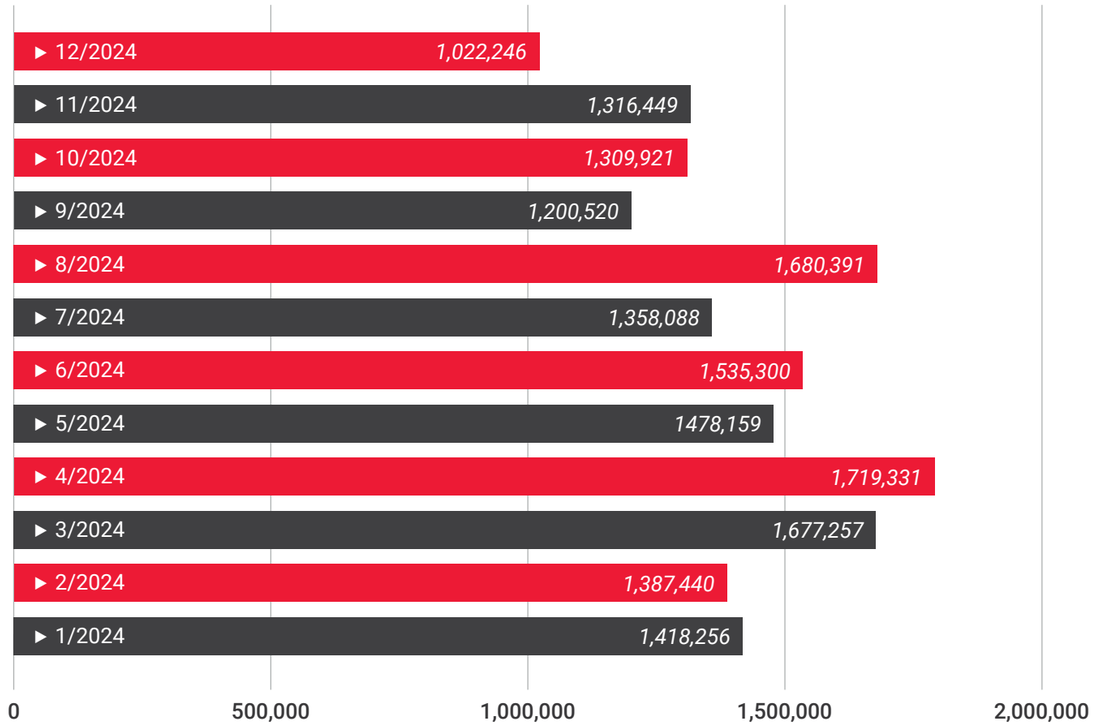

5.2. REDUCING ENERGY DEMAND OF PRODUCTS AND SERVICES

With the objective of delivering the best possible product and service experiences to our customers, we also integrate energy solutions that enable the use of energy-efficient technologies and reduce overall electricity consumption. Many of VCC's products are recognized for their energy-saving and high-efficiency performance. Among them, three key energy-efficient products that we are actively offering and which have received strong positive feedback from customers include: solar power systems, solar-powered lighting, and inverter air conditioners. According to our calculations, VCC's inverter air conditioners help customers save between 20% and 25% in energy consumption compared to older, conventional models on the market. Furthermore, the combined electricity savings from solar power systems and solar-powered lighting amount to 14,564 MWh. These figures are illustrated in the chart below:

VCC's electricity structure helps customers save in 2024

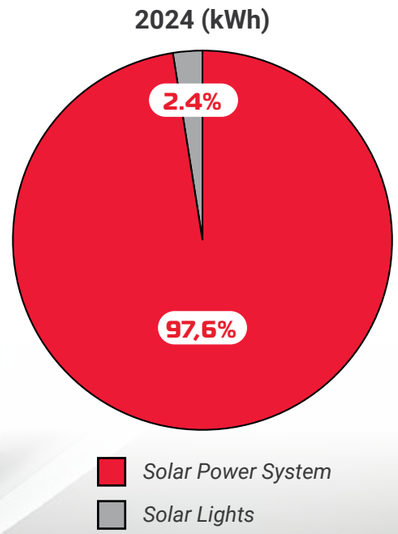

6. ENVIRONMENTAL COMPLIANCE

6.1. GARBAGE MANAGEMENT

Environmental protection is one of the key factors contributing to a company's sustainable development. VCC applies ISO 14001:2015 and ISO 14064-1:2018 standards to identify significant environmental aspects, monitor environmental performance, and inventory greenhouse gas emissions.

ENVIRONMENTAL PRACTICES AT VCC

1. Waste segregation and collection at the source
2. Engaging qualified partners with full capacity and certification for waste transportation.
3. Implementing ISO 14001:2015 across officeunits, warehouses, and construction projects to ensure that significant environmental aspects are effectively controlled and timely response measures are in place.

SIGNIFICANT ENVIRONMENTAL ASPECTS IDENTIFIED AT VCC

1. Generation of general waste from daily employee activities.
2. Discharge of domestic wastewater resulting from employee usage.
3. Gas leakage and fire/explosion risks during gas combustion for cooking purposes.
4. CO2 emissions from the use of electricity and fossil fuels
5. Dust and noise emissions generated by transportation and movement at construction sites/ projects.
6. Waste oil discharge from the operation of construction machinery and equipment.
7. Risks of fire, explosion, and electric shock during routine employee activities.

FOR THE SIGNIFICANT ENVIRONMENTAL ASPECTS IDENTIFIED, VCC HAS IMPLEMENTED THE FOLLOWING ACTIVITIES:

1. Waste collection at the source.
2. Selection of fully qualified partners for waste and hazardous material transportation.
3. Development of directives on electricity and water conservation.
4. Scheduled maintenance of vehicles
5. Establishment of criteria for leasing construction equipment and machinery.
6. Monitoring and measuring working environment.
7. Avoiding the simultaneous use of multiple highnoise machines in densely populated areas.
8. Spraying water to maintain moisture at construction sites.
9. Installing protective covers and barriers around construction areas.
10. Applying ISO 45001 to ensure occupational health and safety, including the development of emergency response plans for fire, electric shock, and chemical spills, as well as conducting annual emergency drills.

ENVIRONMENTAL RESULTS IN 2024

1. No incidents of chemical spills occurred at construction sites.
2. 100% of transportation vehicles underwent scheduled maintenance.
3. No incidents of fire, explosion, or workplace accidents related to electric shock or gas usage were recorded.
4. All domestic waste generated during office operations and project construction was collected in designated lidded bins and transferred to storage areas within the building or to designated zones managed by the project investor.
5. All hazardous waste - such as used light bulbs, ink cartridges, and paint containers - was collected in clearly labeled, dedicated hazardous waste bins before being moved to the storage area of the building or project owner.
6. All domestic wastewater at construction sites was properly collected through drainage channels and directed to the wastewater treatment system's central holding tank managed by the investor.
7. VCC implemented the reuse of single-sided printed paper in the production of its core products and services.

6.2. GREENHOUSE GAS EMISSION MANAGEMENT

As part of its efforts to mitigate emissions, VCC plans to establish a system for monitoring greenhouse gas emission sources and conducting greenhouse gas inventories in accordance with ISO 14064-1:2018, starting in 2024. Key greenhouse gas mitigation and environmental protection activities at VCC include:

1. Effective management of emission sources and waste.
2. Promotion of green energy
3. Investment in environmentally friendly technologies
4. Enhancement of initiatives related to greenhouse gas emission reduction
5. Launching campaigns to promote the efficient use of electricity, water, paper, and other resources

6.2. GREENHOUSE GAS EMISSION MANAGEMENT

1. No violations of environmental laws or regulations have been recorded.
2. Promote the increased use of renewable or reused energy, enhance energy conservation, reduce greenhouse gas emissions, and ensure the implementation of at least one environmental protection initiative or best practice in real-world operations.

7. EMPLOYMENT

7.1. NUMBER OF NEW HIRES AND EMPLOYEE TURNOVER RATE

The new hire rate in 2024 is 1,047 employees, accounting for 9.9% of the total workforce. Of this, 3% are in leadership and key personnel positions. Approximately 88% of new hires are under the age of 35, contributing to the formation of a dynamic and high-potential talent pool for departments, centers, and Viettel Construction's provincial and city branches (including Boards of Directors, department heads/deputies, and cluster/district directors/ deputy directors). This ensures a strong foundation of human resources to support the Corporation's future transition into new areas of business.

New hires in 2024

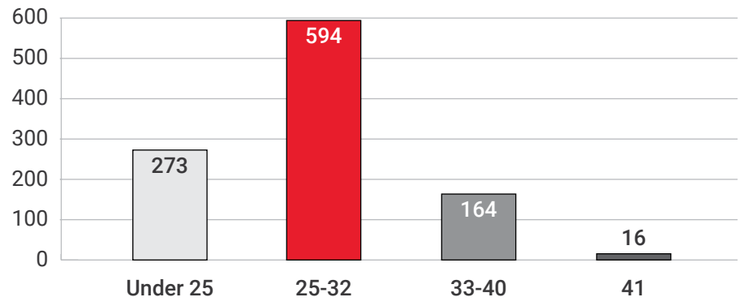

7.2. LEAVE RATE

1. GENDER

Year	Male	Female	Sum	Female rate	Male rate
2021	1487	73	1560	5%	95%
2022	2316	103	2419	4%	96%
2023	1440	84	1524	6%	94%
2024	1372	100	1472	7%	93%
Total:	6615	360	6975	5%	95%

2. ĐỘ TUỔI

Năm	Under 30	30-50	Over 50	Sum	Male rate
2021	520	1035	5	1560	95%
2022	945	1466	8	2419	96%
2023	768	747	9	1524	94%
2024	672	799	1	1472	93%
Tổng	2905	4047	23	6975	95%
Tỷ lệ	41.65%	58.02%	0.33%		

3. KHU VỰC

Year	North	South	Central	Sum	Male rate
2021	838	462	260	1560	95%
2022	1227	777	415	2419	96%
2023	821	449	254	1524	94%
2024	857	400	215	1472	93%
Total:	3743	2088	1144	5503	95%

- Overall, the annual employee turnover rate has shown a decline, indicating a high level of stability and employee satisfaction with the organization's policies, benefits, and working environment. This rate serves as an indicator of fundamental shifts in the structure of core operations and reflects the organization's steady and sustainable development.
- Resignations by gender or age: Due to the nature of the organization, which primarily employs manual labor, with males accounting for over 95% of the workforce, the turnover rate by gender and age is unevenly distributed.

7.3. BENEFITS PROVIDED TO FULL-TIME EMPLOYEES, NOT OFFERED TO TEMPORARY OR PART-TIME EMPLOYEES

Social insurance (SI) serves as a guarantee to partially replace or compensate for employees' income loss in cases of illness, maternity, occupational accidents or diseases, retirement, or death - based on contributions made to the SI fund. Proper implementation of SI policies, especially retirement benefits, plays a crucial role in ensuring stability in employees' lives when they reach retirement age or are no longer able to work. Fully aware of the importance of social insurance and the legal obligation to participate as stipulated by law, the Corporation consistently ensures that employees receive all entitlements provided by the State, along with additional welfare benefits. These include mandatory social insurance, annual leave, leave under SI regimes, participation in various health insurance programs, periodic health check-ups, and engagement in corporate cultural activities.

In addition to salary, bonuses, and statutory benefits in accordance with the law (such as social, health, and unemployment insurance), the Corporation has developed a range of distinctive welfare policies aimed at providing comprehensive care for employees and their families:

- An annual health check-up program is organized for all officially contracted employees at reputable hospitals, with all costs fully covered by the Corporation.
- Family members of officers, non-commissioned officers, and defense civilian employees are also fully enrolled in the national health insurance scheme by the Corporation.
- For employees on probation who are not yet eligible for mandatory social insurance, the Corporation provides 24/7 personal accident insurance coverage.

Total Social Insurance and Trade Union Contributions
Unit: Billion VND

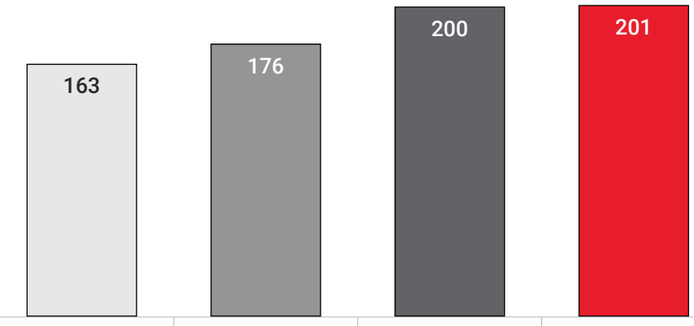

	2021	2022	2023	2024
Total SI + TUC	163	176	200	201

7.4. MATERNITY LEAVE

Sickness and Maternity Benefits are among the five mandatory social insurance (SI) regimes and constitute an essential part of the State's social security policies. These benefits aim to ensure and compensate a portion of income for SI participants who are unable to work due to illness, unforeseen accidents, or the need to care for a sick child under the age of seven; as well as for female employees during pregnancy and childbirth, and male employees whose wives give birth.

For employees, this serves as a vital source of emotional and financial support during times of illness or hardship. It helps ensure a stable income at a necessary level, allowing workers to feel secure in their jobs and personal lives, receive appropriate medical treatment, and return to work more quickly. For employers, the social insurance policy alleviates the financial burden of having to provide large, immediate compensation for employees who face illness, accidents, or maternity leave. It also reflects the employer's legal obligations and social responsibility, fostering trust and confidence among employees in the organization.

From 2021 to 2024, the organization processed sickness, maternity, and health recovery benefits for 2,526 employee cases, with total payments covered by the Social Insurance Fund amounting to 9,741,862,690 VND.

- In 2021, the total number of cases processed for sickness, maternity, and health recovery benefits was 502, with total disbursements amounting to VND 1,913,592,901.
- In 2022, the total number of cases increased to 699, with total payments of VND 1,982,825,224, representing a rise of 169 cases (~16%) compared to 2021 - an average monthly increase of 16 cases (~16% per month). The amount disbursed rose by 1.8% per month.
- In 2023, the total number of cases was 616, with total disbursements reaching VND 2,791,640,867. Compared to 2021, this reflects an average monthly increase of 9 cases (~9.7% per month), and a monthly increase of 18.7% in disbursed funds. However, compared to 2022, the number of cases decreased by 7 per month (~6.4% per month), while the amount disbursed increased by 16.9% per month.
- In 2024, the total number of cases rose to 709, with total disbursements of VND 3,053,803,698. This represents an average monthly increase of 8 cases (~7.3% per month) compared to 2023, with a 4.5% monthly increase in disbursements. Compared to 2022, the increase is 1 case per month (~0.9% per month), with disbursements up by 21.3% per month. Compared to 2021, the monthly increase is 17 cases (~16.8% per month), and the amount disbursed is up by 11.7% per month.

8. EMPLOYEE-MANAGER RELATIONSHIP

The Corporation consistently prioritizes employee welfare and fosters a strong, respectful relationship between management and staff, promoting mutual understanding, a unified working approach, and the enduring spirit of "Uncle Ho's soldiers" in its organizational culture:

- An annual corporate-level democratic dialogue conference is held once per year. At the unit level, quarterly dialogue sessions are organized to facilitate open exchange and Q&A between management and employees - helping to resolve concerns, clarify issues, and discuss the organization's development strategy. These sessions enhance mutual understanding and ensure alignment on a unified, company-wide objective.
- A comprehensive trade union system is in place, extending from the Corporation down to grassroots levels, with 71 unit-level trade union branches.
- Every two years, the collective labor agreement is reviewed, amended, and supplemented as necessary, and reported to the relevant authorities in compliance with legal requirements.
- The internal labor regulations are also issued and registered with the state after consultation and agreement with grassroots and unit-level trade unions.

9. OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH

In April 2023, VCC signed a contract with the Occupational Health Center (under the Institute for Science of Occupational Safety and Health) to conduct a survey and assess the working environment of employees across the organization. The purpose was to identify job positions at risk of occupational diseases and to establish a list of roles requiring occupational health examinations. The results were as follows:

- 11 out of 11 job groups at VCC were assessed as having a low risk of occupational disease.
- None of the 11 job groups were classified as requiring mandatory occupational health examinations.
- 8 out of 11 job groups received recommendations for preventive health checks to mitigate potential occupational health risks.
- Validity of the results: A follow-up assessment, including environmental measurements and evaluations, will be conducted every three years, with input from state regulatory bodies regarding the list of occupational health examinations. In cases of sudden changes in the working environment or job content, reassessments and measurements will be carried out at the time of change.
- The internal labor regulations were also issued and registered with state authorities following consultation and consensus with the grassroots and unit-level trade unions.

10. EDUCATION AND TRAINING

- The Corporation upholds the philosophy of fostering a "learning organization culture," guided by the principle of "proactive learning," in which each individual defines their own learning path to excel in their role. In 2024, the Corporation focused on developing a self-directed learning platform and e-learning modules, with a cumulative total of approximately 300 digital lessons by year-end, in alignment with modern training trends.
- Average annual training hours per employee: 70.4 hours/year
- In 2024, training programs aimed at enhancing employee awareness and skills were structured around four key areas:

1. **Training on core values and compliance frameworks.**
2. **Training to enhance skills, professional expertise, and operational competence**
3. **Management and leadership training**
4. **Training aligned with strategic transformation, business plans, and long-term goals**

Percentage of employees receiving regular performance and career development evaluations: In 2024, a total of 59,822 employee training enrollments were recorded in skill enhancement programs, contributing significantly to both individual performance and organizational effectiveness.

11. DIVERSITY AND EQUAL OPPORTUNITY

- VCC fully recognizes that the value created by each individual contributes directly to the success of the organization. Regardless of gender, age, ethnicity, or social vulnerability, VCC is committed to building a dynamic, transparent, and equitable working environment for all employees.
- In terms of age distribution, employees under 30 account for 20% of the workforce, those aged 30 to under 50 make up 79%, and employees aged 50 and above - long-serving members of Viettel Construction - represent 1%. Notably, Generation Y and Generation Z collectively make up 93% of the workforce. These are tech-savvy, highly educated individuals who are adaptable, collaborative, and responsive to change - bringing fresh energy and innovation to Viettel Construction.
- In terms of ethnicity, Kinh ethnic group employees tform the majority, with 9,931 people (94%), while ethnic minority employees account for 663 people (6%)..
- Regarding gender, as a technical enterprise, male employees represent 95% of the workforce (10,050 people), while female employees account for 5% (544 people). However, guided by the principle that every individual has the opportunity to work, contribute, learn, and grow at Viettel Construction, 106 women currently hold leadership positions - including roles such as Deputy General Director, Department Head, and Branch Director.
- VCC's recruitment policy does not discriminate based on gender, religion, or belief. People with disabilities are also encouraged to apply for positions that are compatible with their health conditions, in accordance with the law and the regulations of the Recruitment Council.

12. CHILD LABOR

DO NOT USE

13. PUBLIC POLICY

The Corporation has demonstrated strong performance in implementing public engagement policies and consistently shows deep concern for social organizations. One of the most meaningful and unique initiatives exclusive to Viettel Construction is the "House of Solidarity" program. This heartfelt initiative provides timely support and encouragement to employees facing difficult circumstances, helping them feel secure in their work and motivated to excel. Since 2020, 89 houses have been built across 44 provincial construction branches.

In addition, VCC submitted a proposal to the Group in 2024 to support the building of a "Trade Union Shelter – Brotherhood Solidarity House" for a trade union member in need. Another highly regarded and widely embraced policy is the "VND 20 Million Wedding Gift for VCC Couples". In 2024 alone, seven couples within the Corporation received this gift, amounting to a total of VND 140 million.

Beyond these initiatives, the Corporation is deeply committed to safeguarding the legitimate rights and interests of its employees. It effectively implements democratic dialogue across all levels, organizes employee conferences in accordance with regulations, and ensures proper access to vacation and wellness benefits. In 2024, 10,858 employees received vacation benefits totaling VND 64.8 billion. The Corporation also organized thoughtful Mid-Autumn Festival celebrations for children nationwide, reaching 13,751 children with a total contribution of VND 4.125 billion. Additionally, VND 1.135 billion was awarded to 4,356 students with outstanding academic achievements in the 2023–2024 school year.

During Workers' Month 2024, hardship allowances were provided to 101 employees, totaling over VND 550 million. On the occasion of Vietnam War Invalids and Martyrs Day (July 27), gifts were given to 625 relatives of fallen or wounded soldiers, amounting to VND 321 million. The Corporation also allocated VND 1.408 billion in summer relief support (effervescent vitamin tablets) for frontline workers. Tet holiday gifts were delivered to 72 retired officials, 15 families of fallen soldiers, families of employees who passed away in 2022, 126 employees with serious or long-term illnesses, and 851 family members of employees, with the total value of support nearing VND 6 billion. Mass organizations including the Trade Union, Youth Union, and Women's Union have played an active and pioneering role in production and business emulation movements, while also successfully organizing a wide range of activities in celebration of key dates such as March 26, March 8, June 28, and October 20. These organizations have effectively mobilized employees across the Corporation to contribute generously to various charitable funds, including: VND 110 million to the Children's Protection Fund, VND 251 million to the "Trade Union Shelter – Brotherhood Solidarity" Fund, and VND 2.652 billion to the "Day for the Poor" Fund. In an effort to foster unity and engagement across the entire Corporation, each trade union branch is encouraged to organize at least one large-scale cultural, sports, or arts exchange activity per fundraising cycle. The grassroots trade union supports 100% of the affiliated branches, with a total funding of nearly VND 500 million per cycle.

In line with the business philosophy of "Developing production and business activities in tandem with social and community responsibility," the Corporation regularly carries out meaningful initiatives to honor and care for fallen heroes. This includes monthly visits on the first day of the lunar calendar to the Martyrs' Cemetery in Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, as well as memorial visits to martyrs' cemeteries in all 63 provinces and cities nationwide. VCC also contributed VND 100 million to support the construction of housing for the Association for Supporting Families of Martyrs in Nghe An Province. In 2024, the Corporation provided funding for several impactful educational and social initiatives, including: VND 400 million for the construction of two kitchen facilities at Mo Vang and Lang Thip preschools in Van Yen District, Yen Bai Province; VND 600 million for the construction of a classroom at Sa Sung village school in Muong La District, Son La Province; VND 2 million in gifts for child victims of Agent Orange on International Children's Day (June 1)' VND 92 million to support the purchase of 140 sets of textbooks for students in Muong Pon Commune (Dien Bien District, Dien Bien Province) and 35 sets of desks and chairs for Chieng Noi Primary School (Mai Son District, Son La Province)' VND 100 million in support of the "Scholarship Fund for High-Achieving Students from Disadvantaged Backgrounds Entering University" (Dat Hong Lam Study Promotion Fund).

14. CUSTOMER HEALTH AND SAFETY

14.1. CUSTOMER SATISFACTION

Viettel Construction consistently listens to customer feedback through various evaluation and satisfaction survey programs, offering customers a wide range of convenient formats such as online surveys and telephone interviews.

In 2024, Viettel Construction recorded 40,941 customers participating in satisfaction surveys, with 97.8% expressing satisfaction with the quality and services provided by the company.

In addition, the company conducted a willingness-torecommend survey to assess whether customers would recommend its products and services after experiencing them. From this survey, 11,354 customers participated, with 89.8% stating they would be willing to recommend Viettel Construction's products and services to friends and family.

Customer satisfaction survey results

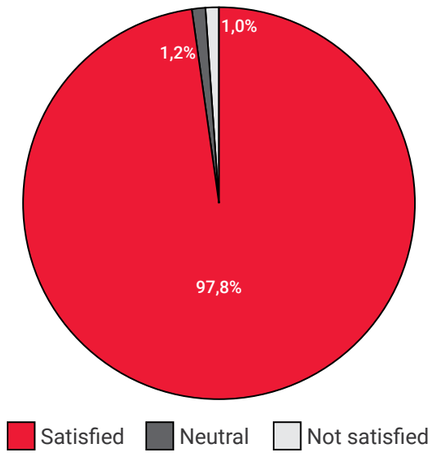

Survey results on customers' willingness to recommend products/services

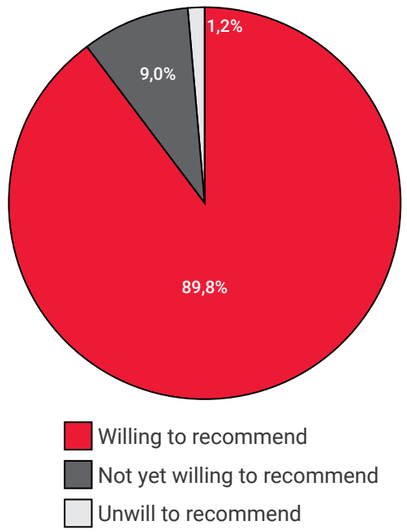

14.2. RESOLVING CUSTOMER REQUESTS/COMPLAINTS

In 2024, to measure customer satisfaction, after each support request or complaint was responded to or resolved, customer care staff followed up with the customer to check in and conduct a satisfaction survey regarding how the issue was handled by relevant departments, divisions, or branch offices. The results showed that 72.3% of customers expressed satisfaction with the responses and resolutions provided. With the aim of exceeding customer expectations, Viettel Construction will, in 2024, not only continue implementing its customer care programs but also work to standardize the "Customer Feedback Handling Process" and enhance the Customer Information Management (CIM) system. These efforts are intended to increase customer satisfaction levels following issue resolution from the current rate of approximately 80% to a target of 90%.

Customer satisfaction survey results after each request/complaint

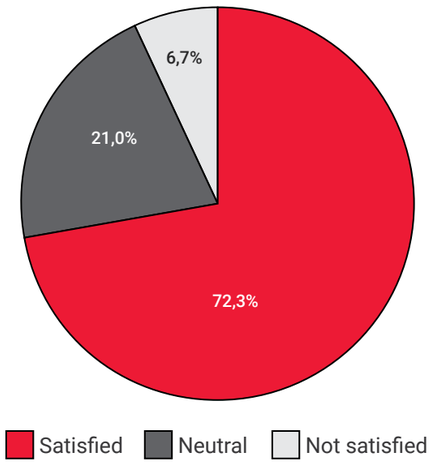

15. MARKETING AND BRANDING

The Corporation strictly complies with all legal regulations and standards related to branding, products, services, as well as marketing and communication activities.

As of now, VCC has not received any complaints related to its product or service trademarks, nor has it been involved in any intellectual property infringement cases involving other entities. The Corporation has issued detailed guidelines for the implementation of promotional programs and conducts regular reviews and reporting on all promotional activities carried out throughout 2024. In addition, VCC's trademark portfolio has been officially registered with the Intellectual Property Office to ensure transparent and legitimate protection of its brand rights.

16. CUSTOMER INFORMATION CONFIDENTIALITY

VCC is fully committed to protecting and safeguarding customer information in strict compliance with legal regulations and in accordance with customers' rights and interests. Viettel Construction has issued a Personal Data Protection Policy for customers in line with Decree No. 13/2023/NĐ-CP dated April 14, 2023, issued by the Government. This policy clearly outlines the purpose of using personal data, methods of data processing, and the rights and obligations of customers. Key documents include: Decision No. 6796/QĐ-VCC on the promulgation of personal data protection regulations for customers at Viettel Construction Corporation; Notice No. 6862/TB-VCC on the implementation of the Personal Data Protection Policy for customers through websites and sales applications; and Notice No. 606/TB-VCC regarding the application of a hotline number in VCC contracts In addition, Viettel Construction ensures a variety of customer service channels are available to provide timely and effective support for any inquiries or requests related to customer information.

- **Hotline: 18009377**
- **Website: https://viettelconstruction.com.vn/**
- **Email: cskhcongtrinhviettel@viettel.com.vn**
- **Facebook: Viettel Construction**

17. SOCIO-ECONOMIC COMPLIANCE

VCC HAS ENSURED COMPLIANCE WITH LEGAL REGULATIONS AND HAS NOT VIOLATED ANY REGULATIONS IN THE SOCIO-ECONOMIC FIELD.

viettel construction

ADDRESS: 6 Pham Van Bach, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi

PHONE: 1800 9377

E-MAIL: congtrinhviettel@viettel.com.vn

WEBSITE: www.viettelconstruction.com

BUSINESS REGISTRATION NUMBER:

0104753865, first issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on June 9, 2010

Third Edition, 2024